BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ HẠNH

BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM THEO LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VIỆT NAM

Chuyên ngành: Luật Dân sự và Tố tụng dân sự

Mã ngành: 9 38 01 03

LUẬN ÁN TIẾN SỸ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS.TS. Ngô Thị Hường**

2. TS. Nguyễn Phương Lan

Hà Nội, 2022

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả, số liệu nêu trong Luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, chính xác do các cơ quan chức năng đã công bố. Những kết luận khoa học của Luận án chưa được công bố trong bất cứ công trình khoa học nào khác.

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Hạnh

LỜI CẢM ƠN

Với lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc, em xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới PGS.TS Ngô Thị Hường và TS. Nguyễn Phương Lan, đã tận tình, tâm huyết hướng dẫn em nghiên cứu và dành thời gian quý báu để khích lệ em hoàn thành Luận án này.

Với tình cảm trân trọng, xin cảm ơn, bạn bè, đồng nghiệp và người thân đã luôn động viên, tạo điều kiện, chia sẻ thời gian, công việc để tôi duy trì nghị lực trong suốt quá trình thực hiện và hoàn thiện luận án.

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Hạnh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU **1**
1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI 1
2. MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU 2
3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU 3
4. PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 3
5. Ý NGHĨA KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN CỦA LUẬN ÁN 4
6. NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN 4
7. KẾT CẤU CỦA LUẬN ÁN 5
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU **6**
1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI CỦA LUẬN ÁN 6
1.1.1. Các công trình nghiên cứu trong nước 6
1.1.1.1. Luận án, luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học 6
1.1.1.2. Sách, bài viết trên các tạp chí 9
1.1.2. Các công trình nghiên cứu ngoài nước 11
1.2. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÁC VẤN ĐỀ THUỘC PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN 14
1.2.1. Về những vấn đề lý luận 14
1.2.1.1. Các khái niệm liên quan đến luận án 14
1.2.1.2. Đặc điểm trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em theo luật hôn nhân và gia đình 15
1.2.2. Nội dung bảo vệ các nhóm quyền của trẻ em theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 16
1.2.2.1. Bảo vệ nhóm quyền được sống, được khai sinh và có quốc tịch, được biết cha mẹ của trẻ em theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 16
1.2.2.2. Bảo vệ nhóm quyền được bảo vệ của trẻ em theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 17
1.2.2.3. Bảo vệ nhóm quyền được phát triển của trẻ em theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 18
1.2.2.4. Bảo vệ nhóm quyền được tham gia của trẻ em theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 18
1.3. CÂU HỎI NGHIÊN CỨU VÀ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA NGHIÊN CỨU SINH ĐỐI VỚI LUẬN ÁN 19
1.3.1. Câu hỏi, giả thuyết và định hướng nghiên cứu liên quan đến những vấn đề lý luận 20
1.3.2. Câu hỏi, giả thuyết và định hướng nghiên cứu liên quan đến những quy định pháp luật về bảo vệ quyền trẻ em theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 23
1.3.3. Câu hỏi, giả thuyết và định hướng nghiên cứu liên quan đến định hướng hoàn thiện pháp luật hôn nhân và gia đình về bảo vệ quyền trẻ em 27
1.3.4. Câu hỏi, giả thuyết và định hướng nghiên cứu liên quan đến giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật hôn nhân và gia đình về bảo vệ quyền trẻ em 28
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1 ..... **29**
CHƯƠNG 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM VÀ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM THEO LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH **30**
2.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM 30
2.1.1. Khái niệm trẻ em 30

2.1.2. Khái niệm và đặc điểm của quyền trẻ em 36
2.1.3. Khái niệm bảo vệ quyền trẻ em, các cấp độ, biện pháp và chủ thể bảo vệ quyền trẻ em 42
2.1.3.1. Khái niệm bảo vệ quyền trẻ em 42
2.1.3.2. Các cấp độ bảo vệ quyền trẻ em 45
2.1.3.3. Các biện pháp bảo vệ quyền trẻ em 47
2.1.3.4. Các chủ thể bảo vệ quyền trẻ em 51
2.2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM THEO LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VIỆT NAM 53
2.2.1. Khái niệm bảo vệ quyền trẻ em theo luật hôn nhân và gia đình 53
2.2.2. Đặc điểm bảo vệ quyền trẻ em theo luật hôn nhân và gia đình 55
2.2.3. Vai trò của luật hôn nhân và gia đình trong việc bảo vệ quyền trẻ em 57
2.3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁP LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH TRONG VIỆC BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM 59
2.3.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về bảo vệ trẻ em trong pháp luật hôn nhân và gia đình 60
2.3.2. Yếu tố văn hóa, phong tục, tập quán ảnh hưởng tới pháp luật hôn nhân và gia đình về bảo vệ quyền trẻ em 61
2.3.2.1. Yếu tố văn hóa 61
2.3.2.2. Yếu tố phong tục, tập quán 62
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2 ..... **64**
CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VỀ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM **65**
3.1. QUY ĐỊNH KẾT HÔN TRONG VIỆC BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN 65
3.1.1. Bảo vệ quyền trẻ em trong quy định về điều kiện kết hôn 65
3.1.2. Bảo vệ quyền trẻ em trong quy định về hậu quả hủy việc kết hôn trái pháp luật và giải quyết nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn 74
3.2. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA VỢ CHỒNG TRONG VIỆC BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN 75
3.2.1. Quyền và nghĩa vụ nhân thân của vợ chồng trong việc bảo vệ quyền trẻ em 75
3.2.2. Quyền và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng trong việc bảo vệ quyền trẻ em 77
3.3. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA CHA MẸ TRONG VIỆC BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN 79
3.3.1. Bảo vệ quyền trẻ em trong các quy định về quyền và nghĩa vụ giữa cha, mẹ và con 79
3.3.1.1. Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền yêu thương, tôn trọng thân thể, nhân phẩm của trẻ em 79
3.3.1.2. Cha mẹ có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và tôn trọng quyền được sống chung với cha mẹ của trẻ em 85
3.3.1.4. Cha mẹ không được phân biệt đối xử đối với trẻ em 91
3.3.1.5. Cha mẹ có nghĩa vụ nuôi dưỡng hoặc cấp dưỡng cho trẻ em 94
3.3.1.6. Cha mẹ có nghĩa vụ đại diện để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em 95
3.3.1.7. Cha, mẹ có nghĩa vụ tôn trọng quyền sở hữu tài sản của trẻ em 96
3.3.2. Bảo vệ quyền trẻ em trong các quy định về xác định cha, mẹ, con 97
3.3.3. Bảo vệ quyền trẻ em trong trường hợp cha, mẹ ly hôn 100

3.3.3.1. Bảo vệ quyền trẻ em trong các quy định về xác định người trực tiếp nuôi con và quyền, nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con 100
3.3.3.2. Bảo vệ quyền trẻ em trong các quy định về quyền, nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con 104
3.4. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA CÁC THÀNH VIÊN KHÁC TRONG GIA ĐÌNH TRONG VIỆC BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN 107
3.4.1. Nghĩa vụ và quyền của anh, chị với em chưa thành niên 107
3.4.2. Nghĩa vụ và quyền của ông bà nội, ông bà ngoại đối với cháu chưa thành niên 108
3.4.3. Nghĩa vụ và quyền của cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu chưa thành niên 109
3.5. XỬ LÝ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VỀ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM 111
3.5.1. Bảo vệ quyền trẻ em trong quy định về căn cứ hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên *111*
3.5.2. Hậu quả của việc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên 114
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3 117
CHƯƠNG 4. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VỀ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM 118
4.1. ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH TRONG VIỆC BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM 118
4.1.1. Hoàn thiện pháp luật hôn nhân và gia đình phải hướng tới mục tiêu phát triển gia đình Việt Nam bền vững, là nền tảng vững chắc cho việc bảo vệ quyền trẻ em 118
4.1.2. Hoàn thiện pháp luật hôn nhân và gia đình phải bảo đảm quyền con người của trẻ em phù hợp với bối cảnh của Việt Nam 121
4.1.3. Hoàn thiện pháp luật hôn nhân và gia đình phải phù hợp với xu hướng hội nhập và giao lưu quốc tế trong việc bảo vệ quyền trẻ em 124
4.1.4. Hoàn thiện pháp luật hôn nhân và gia đình về bảo vệ quyền trẻ em phải đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam 126
4.1.5. Hoàn thiện pháp luật hôn nhân và gia đình về bảo vệ quyền trẻ em phải hướng tới việc xử lý nghiêm minh các hành vi của các thành viên gia đình xâm phạm quyền trẻ em 127
4.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH NĂM 2014 TRONG VIỆC BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM 128
4.2.1. Giải pháp hoàn thiện Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nhóm các quy định về nghĩa vụ và quyền của cha mẹ với con 128
4.2.1.1 Bổ sung Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để làm rõ nghĩa vụ của cha mẹ trong việc tôn trọng quyền được giáo dục không bạo lực đối với con 129
4.2.1.2. Luật Hôn nhân và gia đình cần quy định biện pháp để hạn chế việc cha, mẹ vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em 131
4.2.2. Giải pháp hoàn thiện Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về nhóm các quy định về bảo vệ quyền trẻ em khi cha mẹ ly hôn 133
4.2.2.1. Kiến nghị sửa đổi các quy định về nghĩa vụ và quyền của cha mẹ đối với con khi cha mẹ ly hôn 133
4.2.2.2. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần quy định thống nhất thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng 136
4.2.3. Giải pháp hoàn thiện Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về quyền và nghĩa vụ của các thành viên khác trong gia đình với việc bảo vệ quyền trẻ em và các khái niệm pháp lý 138

4.2.3.1. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần quy định quyền giữ mối liên hệ của người chưa thành niên với các thành viên khác trong gia đình và hạn chế quyền của các thành viên khác trong gia đình đối với người chưa thành niên 138
4.2.3.2. Bổ sung các quy định hướng dẫn chi tiết về nghĩa vụ yêu thương, trông nom, chăm sóc đối với người chưa thành niên 141
4.3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VỀ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM TRONG GIA ĐÌNH 145
4.3.1. Giáo dục đạo đức, ý thức trách nhiệm của cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình để xây dựng môi trường gia đình an toàn, hạnh phúc 145
4.3.2. Bộ Lao động – Thương binh và xã hội chủ trì, tổ chức phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch và các Bộ khác tổ chức tuyên truyền pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em 149
KẾT LUẬN CHƯƠNG 4 151
KẾT LUẬN 152

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TỪ, CỤM TỪ VIẾT TẮT	CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ
BLDS	Bộ luật Dân sự
BLHS	Bộ luật Hình sự
HN&GĐ	Hôn nhân và gia đình
LHQ	Liên Hiệp Quốc
Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP	Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của TAND tối cao, VKSND tối cao và Bộ Tư pháp về Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.
UNICEF (United Nations International Children's Emergency Fund)	Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trẻ em là hạnh phúc, tương lai của mỗi gia đình, là lớp người kế tục sự nghiệp xây dựng và phát triển, quyết định tương lai đất nước. Với vai trò quan trọng như vậy nhưng trẻ em lại là đối tượng còn non nớt về thể chất và trí tuệ, không tự phát triển và trưởng thành bởi vậy cần được bảo vệ và chăm sóc đặc biệt. Sự chở che của cha mẹ, gia đình như một lẽ tự nhiên xuất phát từ tình yêu thương, máu mủ nhưng thiết thực hơn nữa, đó là sự chăm sóc, yêu thương được bảo đảm bằng pháp luật, hay nói cách khác đó là quyền được chăm sóc, yêu thương của trẻ em và nghĩa vụ tương ứng của cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình.

Công ước về Quyền trẻ em (20/11/1989) quy định: "Các quốc gia thành viên cam kết bảo vệ trẻ em chống tất cả các hình thức bóc lột và lạm dụng tình dục. Vì mục đích này các quốc gia thành viên phải đặc biệt thực hiện tất cả các biện pháp quốc gia, song phương và đa phương thích hợp để ngăn ngừa việc xúi giục hay ép buộc trẻ em tham gia bất kỳ hành vi tình dục bất hợp pháp nào"[1]. Ở Việt Nam, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em vốn là truyền thống tốt đẹp, là tư tưởng xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển của đất nước qua các thời kỳ. Ngày 20/02/1990, Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở Châu Á và là quốc gia thứ ba trên thế giới phê chuẩn Công ước quốc tế về Quyền trẻ em và đã thực hiện nhiều biện pháp để bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em bằng pháp luật và các chương trình, chính sách quốc gia.

Để thực hiện tốt cam kết quốc tế trong việc bảo vệ trẻ em, Việt Nam đã ban hành hệ thống chính sách và pháp luật về quyền trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em. Luật Hôn nhân và gia đình (HN&GĐ) năm 1959, Luật HN&GĐ năm 1986, Luật HN&GĐ năm 2000 và Luật HN&GĐ năm 2014 được xây dựng trên nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt là bảo vệ các quan hệ hôn nhân và gia đình, trong đó có bảo vệ trẻ em. Thông qua các quy định về điều kiện kết hôn, ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con ; quyền, nghĩa vụ của ông bà nội, ông bà ngoại với cháu; quyền và nghĩa vụ của anh, chị với em; quyền và nghĩa vụ của cô, dì, chú, cậu, bác ruột với cháu ruột ở mỗi giai đoạn phát triển pháp luật HN&GĐ... đều thể hiện các nguyên tắc bảo vệ trẻ em như: không phân biệt đối xử với con; bảo vệ bà mẹ và trẻ em, tạo điều kiện cho người phụ nữ thực hiện tốt chức năng làm mẹ... Luật HN&GĐ năm 2014 đặc biệt quan tâm đến quyền của người trực tiếp nuôi dưỡng và quyền của người không trực tiếp nuôi dưỡng trẻ em sau ly hôn... đáp ứng những thay đổi của xã hội, gia đình trong tình hình phát triển kinh tế - xã hội mới. Tuy nhiên, đến nay về lý luận đã nảy sinh những vấn đề mới trong thực tiễn pháp luật như bảo vệ quyền trẻ em trong các trường hợp mang thai hộ

[1] Điều 34 Công ước Quốc tế về quyền trẻ em.

vì mục đích nhân đạo cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật có những quy định thiếu tính khả thi đòi hỏi có những nghiên cứu đưa ra giải pháp để bảo vệ các quyền của trẻ em được toàn diện hơn. Là một trong các quốc gia đang phát triển, Việt Nam là nước có mức thu nhập bình quân đầu người thấp, tình trạng đói nghèo vẫn tồn tại ở diện rộng, khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng, miền đang ảnh hưởng trực tiếp tới việc chăm sóc, phát triển của trẻ em. Bên cạnh đó, do những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của nền kinh tế thị trường cũng như quá trình hội nhập kinh tế và những khó khăn do thiên tai, di chứng chiến tranh nặng nề đã khiến cho tỷ lệ trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt tăng cao như: trẻ em lang thang; sử dụng ma tuý, vi phạm pháp luật; trẻ em bị lạm dụng và xâm hại, bạo lực; trẻ em bị tai nạn thương tích, bị bỏ rơi hoặc bỏ mặc... Việc phát triển công nghệ thông tin cùng với việc quản lý, kiểm soát internet chưa có hiệu quả dẫn đến việc tiếp xúc ngày càng rộng rãi những trò chơi online của trẻ em với thế giới ảo đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển thể chất, tâm lý và nhân cách của con trẻ... Hậu quả dễ thấy trong thời gian qua là tỷ lệ trẻ em bị bị xâm hại, bị ảnh hưởng tiêu cực khi cha mẹ ly hôn, trẻ em bị suy dinh dưỡng, bị mua bán, bị bạo hành, bị bỏ rơi, bị bắt cóc... ngày càng gia tăng và hậu quả ngày càng nghiêm trọng đã gióng lên hồi chuông báo động về trách nhiệm của gia đình, xã hội trong việc bảo vệ trẻ em. Phân tích các nguyên nhân dẫn đến những hậu quả trên, không thể không xem xét tính hiệu quả của các quy tắc ứng xử trong quan hệ HN&GĐ, đặc biệt những hạn chế, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Luật HN&GĐ hiện hành. Những kẽ hở pháp luật còn tồn tại như: chưa có chế tài hoặc chế tài chưa đủ nghiêm khắc khi thành viên gia đình vi phạm nghĩa vụ với trẻ em; cha mẹ lạm dụng quyền của mình trong việc thực hiện nghĩa vụ giáo dục con..., dẫn đến pháp luật HN&GĐ chưa thực sự bảo vệ tốt các quyền của trẻ em trong gia đình - chủ thể đặc biệt trong quan hệ HN&GĐ.

Trước tình hình trên, việc nghiên cứu một cách toàn diện bảo vệ quyền trẻ em theo Luật HN&GĐ là một yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa trong việc giải quyết những vướng mắc của pháp luật trong thực tiễn đồng thời thay đổi nhận thức về vai trò, trách nhiệm của các bậc làm cha, làm mẹ nhằm bảo vệ trẻ em một cách tốt nhất với phương châm "dành những điều tốt đẹp nhất cho trẻ em", "trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai". Vì vậy, nghiên cứu đề tài: "*Bảo vệ quyền trẻ em theo Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam*" là có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của đề tài là nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống lý luận quyền trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em trong pháp luật HN&GĐ; phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền trẻ em trong các quan hệ HN&GĐ; đề xuất các giải pháp hoàn thiện Luật HN&GĐ và cơ chế thi hành pháp luật để bảo vệ tốt hơn các quyền trẻ em trong quan hệ HN&GĐ.

Để đạt được mục đích trên, nhiệm vụ nghiên cứu là:

- Phân tích, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về trẻ em, các đặc trưng cơ bản của trẻ em, quyền trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em.

- Phân tích làm rõ những vấn đề lý luận về bảo vệ quyền trẻ em theo pháp luật HN&GĐ; phân tích, lý giảivai trò của luật HN&GĐ đối với việc bảo vệ các quyền của trẻ em cũng như sự phát triển của trẻ em.

- Phân tích, đánh giá các quy định của Luật HN&GĐ hiện hành về bảo vệ quyền trẻ em, chỉ ra các bất cập, hạn chế của pháp luật trong việc bảo vệ quyền trẻ em.

- Nghiên cứu và đánh giá thực tiễn thực hiện Luật HN&GĐ hiện hành trong việc bảo vệ quyền trẻ em, trên cơ sở đó chỉ ra những chuyển biến tích cực, những thuận lợi, hạn chế và nguyên nhân của những vướng mắc trong thực tiễn thực hiện pháp luật HN&GĐ trong việc bảo vệ quyền trẻ em.

- Trên cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật HN&GĐ về bảo vệ quyền trẻ em, tác giả đưa ra các giải pháp, kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật HN&GĐ về bảo vệ quyền trẻ em.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận về bảo vệ quyền trẻ em trong quan hệ HN&GĐ; quy định của Luật HN&GĐ năm 2014 và thực tiễn thi hành về bảo vệ quyền trẻ em trong lĩnh vực HN&GĐ.

- Phạm vi nghiên cứu: Trong đề tài này tác giả tập trung nghiên cứu vấn đề bảo vệ quyền trẻ em theo Luật HN&GĐ năm 2014 có sự liên hệ, so sánh với các văn bản pháp luật khác điều chỉnh việc bảo vệ quyền trẻ em trong các mối quan hệ HN&GĐ.

Về thực tiễn: Luận án nghiên cứu thực tiễn thi hành Luật HN&GĐ năm 2014 về bảo vệ quyền trẻ em từ năm 2015 đến năm 2020 tại Việt Nam.

Luận án không nghiên cứu bảo vệ quyền trẻ em trong các quan hệ HN&GĐ có yếu tố nước ngoài.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu dựa trên phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác- Lênin với phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, gắn với tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng về các vấn đề HN&GĐ nói chung và bảo vệ quyền trẻ em trong quan hệ HN&GĐ nói riêng. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu tại Chương 2 của Luận án để lý giải các vấn đề lý luận về trẻ em, bảo vệ quyền trẻ em.

Các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành như: phương pháp phân tích, hệ thống và logic học, phương pháp tổng hợp, so sánh, chứng minh... được sử dụng để đánh giá các nội dung thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật HN&GĐ tại Chương 3 của

Luận án. Các phương pháp nghiên cứu xã hội học (quan sát, trao đổi, tiếp cận thông tin...) và phương pháp xã hội học pháp luật luật được sử dụng để đánh giá thực tiễn thi hành nội dung Luật HN&GĐ hiện hành về bảo vệ quyền trẻ em trong quan hệ HN&GĐ. Phương pháp tổng hợp, phân tích cũng được sử dụng để xây dựng các giải pháp hoàn thiện Luật HN&GĐ về bảo vệ quyền trẻ em tại Chương 4 của Luận án.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

Ý nghĩa khoa học: Luận án đã làm sáng tỏ cơ sở lý luận về quyền trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em trong quan hệ HN&GĐ dựa trên cơ sở của quyền con người và tính tất yếu của quy luật phát triển xã hội. Luận án đã phân tích một cách toàn diện vấn đề lý luận về bảo vệ quyền trẻ em trong pháp luật HN&GĐ, thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền trẻ em trong các quan hệ HN&GĐ và thực tiễn thực hiện để phát hiện những vướng mắc, bất cập và kiến nghị giải pháp khắc phục. Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung và hoàn thiện những vấn đề lý luận của khoa học pháp lý về bảo vệ quyền trẻ em trong quan hệ HN&GĐ.

Về ý nghĩa thực tiễn: Kết quả nghiên cứu của luận án là nguồn tài liệu tham khảo trong công tác giảng dạy, nghiên cứu, hướng dẫn học tập các môn học liên quan đến bảo vệ quyền trẻ em. Những giải pháp có thể được xem xét điều chỉnh các hành vi của cha mẹ, chính sách của Nhà nước đối với trẻ em hiện còn vướng mắc. Luận án cũng có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và các cơ quan thi hành và áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề có liên quan đến bảo vệ quyền trẻ em.

6. Những đóng góp mới của luận án

Đề tài là công trình nghiên cứu có tính hệ thống, chuyên sâu, toàn diện, đầy đủ về những vấn đề liên quan đến quyền trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em theo Luật HN&GĐ năm 2014 có những điểm mới sau:

- Xây dựng và hoàn thiện khái niệm trẻ em, quyền trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em; làm rõ những vấn đề lý luận về bảo vệ quyền trẻ em theo luật HN&GĐ, đồng thời chỉ ra, phân tích những yếu tố ảnh hưởng tới bảo vệ quyền trẻ em trong tình hình kinh tế - xã hội hiện nay.

- Làm sáng tỏ nội dung bảo vệ quyền trẻ em theo Luật HN&GĐ Việt Nam hiện hành, thông qua việc phân tích đánh giá các quy định của Luật HN&GĐ năm 2014 về bảo vệ quyền trẻ em, có so sánh với các luật HN&GĐ trước đây để làm rõ tính kế thừa, phát triển, đồng thời phát hiện những vướng mắc trong quá trình thực tiễn áp dụng Luật HN&GĐ năm 2014 trong việc bảo vệ quyền trẻ em. Phân tích việc xử lý các vi phạm đến quyền trẻ em trong lĩnh vực HN&GĐ.

- Đề xuất kiến nghị hoàn thiện Luật HN&GĐ hiện hành về bảo vệ quyền trẻ em

và giải pháp mang tính đồng bộ để thực hiện tốt các quy định của Luật HN&GĐ hiện hành để đảm bảo trẻ em được chăm sóc, bảo vệ và giáo dục tốt nhất trong các quan hệ HN&GĐ nói riêng và trong các mối quan hệ xã hội nói chung.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, danh mục tài liệu tham khảo và kết luận, Luận án được kết cấu thành 04 chương gồm:

Chương 1. Tổng quan về tình hình nghiên cứu

Chương 2. Một số vấn đề lý luận về bảo vệ quyền trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em theo luật hôn nhân và gia đình

Chương 3. Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật hôn nhân và gia đình về bảo vệ quyền trẻ em

Chương 4. Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật hôn nhân và gia đình về bảo vệ quyền trẻ em

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Các công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố có liên quan đến đề tài của luận án

1.1.1. Các công trình nghiên cứu trong nước

1.1.1.1. Luận án, luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học

- Phan Thị Lan Phương (2015), "*Quyền trẻ em trong xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam - những đảm bảo pháp lý*", Luận án Tiến sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. Tác giả đã xây dựng khái niệm quyền trẻ em trên cơ sở lý luận quyền con người, từ góc độ này cho thấy, quyền trẻ em là những đặc quyền tự nhiên mà trẻ em được hưởng, được làm, được tôn trọng và thực hiện nhằm đảm bảo sự sống còn, tham gia và phát triển toàn diện. "Quyền trẻ em chính là biện pháp bảo đảm cho trẻ em không chỉ là những người tiếp thu thụ động tình thương hay lòng tốt của bất kỳ ai mà còn chủ thể của quyền"[2]. Tác giả cũng phát hiện những đặc trưng cơ bản của quyền trẻ em như: quyền trẻ em được ưu tiên thực hiện, một số quyền mà trẻ em chưa được thực hiện và cũng có những quyền riêng chỉ trẻ em mới có, các quyền trẻ em chưa được thực hiện bởi chủ thể chính trẻ em mà cần phụ thuộc vào các cơ chế đảm bảo cho việc thực hiện quyền trẻ em. Tác giả cũng đã diễn giải và xây dựng khái niệm bảo đảm pháp lý về quyền trẻ em đó là hệ thống các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của trẻ em; các thiết chế pháp lý và xã hội; hệ thống dịch vụ pháp lý; hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và cơ chế thực thi nhằm đảm bảo trẻ em được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp.

- Tăng Thị Thu Trang (2016), *"Quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam hiện nay*", Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Khoa học xã hội, Hà Nội. Tác giả đã đánh giá và xây dựng các khái niệm về trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trong đó xác định trẻ em phải làm việc xa gia đình kể cả trong trường hợp các công việc được pháp luật công nhận đều thuộc trường hợp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Tác giả đã phân loại quyền trẻ em theo pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam, từ đó, xác định khái niệm quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và xây dựng các đặc thù của quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo pháp luật Việt Nam.

- Nguyễn Thị Huyền (2012), *"Pháp luật quốc tế, pháp luật nước ngoài về bảo vệ quyền trẻ em",* Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. Trong công trình này, tác giả đã sử dụng khái niệm trẻ em theo Công ước Quốc tế và

[2] Phan Thị Lan Phương "Quyền trẻ em trong xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam - những đảm bảo pháp lý", Luận án Tiến sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015, trang 27.

một số nước khác như: Điều 4 Luật Phúc lợi trẻ em năm 1947 của Nhật Bản; Điều 2 Luật Bảo vệ người chưa thành niên của Trung Quốc; Điều 1 Luật liên bang Nga số 124-FZ sửa đổi ngày 21/7/1998... để chứng minh trẻ em là người chưa thành niên có độ tuổi dưới 18. Luận văn đã so sánh pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế và pháp luật một số quốc gia trong việc bảo vệ quyền trẻ em và nhận định rằng: Các quy định pháp luật về bảo vệ quyền trẻ em đều xuất phát từ việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

- Nguyễn Vương Thùy Dương, (2013)"*Trẻ em bị xâm hại tình dục trong gia đình",* Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội. Tác giả xây dựng khái niệm "Quyền trẻ em là quyền tự nhiên, cơ bản của con người, gắn liền với nhu cầu, lợi ích tự nhiên của con người, tồn tại một cách khách quan, được pháp luật ghi nhận, bảo vệ và bảo đảm thực hiện nhằm đảm bảo sự tồn tại và phát triển của trẻ em"[3]. Tác giả cũng khẳng định tại trang 17 của Luận văn về trẻ em bị xâm hại tình dục trong gia đình khi là nạn nhân của các hành vi xâm hại trực tiếp đến quyền được tôn trọng về tự do thân thể, danh dự, nhân phẩm, đặc biệt là quyền được tôn trọng và bất khả xâm phạm về tình dục của trẻ em do những người có quan hệ huyết thống hoặc quan hệ thân thích trong gia đình thực hiện đối với trẻ, gây ra những tổn thương nặng nề về thể chất, tâm lý và làm ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển bình thường về thể chất, nhân cách của trẻ. Tác giả phân tích nguyên nhân và kiến nghị: Cần xử phạt nghiêm khắc hơn nữa đối với các hành vi xâm phạm tình dục ở trẻ em do những người thân trong gia đình thực hiện. Trong luận văn này, tác giả thể hiện tương đối logic và rõ ràng về cách xây dựng khái niệm từ quyền trẻ em, hành vi xâm hại tình dục với trẻ trong gia đình, trẻ em bị xâm hại tình dục trong gia đình.

- Hoàng Thị Thùy Dung (2014), *"Các quyền cơ bản của trẻ em theo pháp luật Việt Nam hiện hành",* Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội. Tác giả trình bày các khái niệm trẻ em, quyền trẻ em và các quyền cơ bản của trẻ em trong Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004. Tại trang 6 của Luận văn "Trẻ em là một nhóm người ở một độ tuổi nhất định, trong giai đoạn đầu của sự phát triển con người, có những đặc điểm về sức khỏe, tâm sinh - lý khác với những nhóm khác trong xã hội và được hưởng những quy chế pháp lý đặc thù"[4]. Đồng thời, theo tác giả, quyền cơ bản của trẻ em là các quyền được Nhà nước quy định có tính chất quan trọng, cần thiết và phù hợp với đặc điểm của trẻ em.

- Nguyễn Thanh Hương (2014), "Bảo vệ quyền trẻ em trong pháp luật Việt Nam về phòng, chống bạo lực gia đình", Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học

---

[3] Nguyễn Vương Thùy Dương, *Trẻ em bị xâm hại tình dục trong gia đình",* Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2013, trang12.

[4] Hoàng Thị Thùy Dung, *"Các quyền cơ bản của trẻ em theo pháp luật Việt Nam hiện hành",* Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2014, trang 6.

Quốc gia Hà Nội. Luận văn đã trình bày khái niệm bảo vệ quyền trẻ em bằng pháp luật là hệ thống các biện pháp, cách thức, cơ chế hoạt động được pháp luật quy định nhằm bảo đảm các quyền cơ bản của trẻ em được thực hiện, đồng thời bảo đảm có hiệu quả việc phòng ngừa, can thiệp, giải quyết tình trạng trẻ em bị rơi vào hoàn cảnh đặc biệt. Tác giả có ý kiến lý giải, bảo vệ trẻ em trước hết là tôn trọng, bảo đảm các quyền trẻ em được thực hiện, tạo điều kiện về cơ chế cách thức để trẻ em được tự mình thực hiện các quyền của mình. Biện pháp hữu hiệu nhất để bảo vệ trẻ em là bằng pháp luật; bảo vệ, chăm sóc trẻ là ngăn ngừa không để trẻ bị rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; bảo vệ trẻ em còn được hiểu là có các biện pháp xử lý các hành vi vi phạm quyền trẻ em.

- Nguyễn Thị Thu Na (2015), "Bạo lực gia đình đối với trẻ em - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn", Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội. Tác giả đã xây dựng khái niệm trẻ em trên cơ sở phân tích các ngành luật tại Việt Nam như Luật Bảo vệ Chăm sóc và Giáo dục trẻ em, Luật Hình sự, Bộ luật Lao động để khẳng định "Trẻ em là công dân Việt Nam dưới 16 tuổi còn non nớt về thể chất lẫn tinh thần có những quyền và nghĩa vụ được pháp luật công nhận và đảm bảo thực hiện trên thực tế"[5]. Tác giả nhận định: Các hành vi bạo lực từ các thành viên trong gia đình với trẻ em bằng sức mạnh gây tổn hại và có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế là hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức xã hội (trang 9). Tác giả cũng đã trình bày các hậu quả với trẻ em khi trở thành nạn nhân của bạo lực gia đình, phân tích nguyên nhân,... từ đó kiến nghị các biện pháp khắc phục mà chủ yếu là nâng cao nhận thức của gia đình và xã hội đối với quyền cơ bản của trẻ em thông qua việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng chống bạo lực gia đình.

- Đề tài Nghiên cứu khoa học cấp Trường (2012), *"Pháp luật về quyền trẻ em và thực tiễn thực hiện tại Việt Nam*", Trường Đại học Luật Hà Nội (do TS. Ngô Thị Hường làm chủ nhiệm đề tài). Đề tài gồm 15 chuyên đề nghiên cứu tổng hợp các vấn đề về trẻ em và thực tiễn thực hiện quyền trẻ em ở Việt Nam được chia làm 02 phần: tổng thuật nghiên cứu và các chuyên đề. Tổng thuật nghiên cứu, đề tài đã tổng hợp lại một cách chung nhất kết quả nghiên cứu về quyền trẻ em và thực tiễn thực hiện ở Việt Nam, các chuyên đề làm rõ thêm về các kết quả nghiên cứu.

Từ Chuyên đề 1 đến Chuyên đề 5, đề tài đã nghiên cứu và làm rõ các vấn đề mang tính lý luận về quyền trẻ em như khái niệm trẻ em, quyền trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em, giới thiệu các ngành luật thuộc hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật Hiến pháp, Luật Quốc tịch, Luật HN&GĐ... đều bảo vệ quyền trẻ em theo những cách thức, đặc thù riêng của mỗi ngành luật. Tại Chuyên đề 3 có nhận định: "Chế định kết hôn, mặc dù không có điều luật nào trực tiếp quy định về quyền trẻ em, nhưng thông qua

[5] Nguyễn Thị Thu Na (2015), *"Bạo lực gia đình đối với trẻ em - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn"*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2015 trang 6,7.

việc quy định các điều kiện kết hôn, có thể khẳng định rằng, khi các bên nam nữ đáp ứng được các điều kiện kết hôn như độ tuổi kết hôn, tự nguyện kết hôn, không vi phạm các trường hợp cấm kết hôn, có đăng ký kết hôn đó chính là cơ sở để xây dựng một gia đình hạnh phúc, là tổ ấm cho trẻ em sau này”[6]. Đây chính là điều kiện để các quyền cơ bản của trẻ em được đảm bảo trên thực tế.

Từ chuyên đề 6 đến chuyên đề 15, đề tài tập trung nghiên cứu các quyền cụ thể, liên quan đến thực trạng công tác bảo vệ quyền trẻ em tại Việt Nam. Các nghiên cứu chỉ ra rằng: Trẻ em phải được đảm bảo quyền được học tập, được bảo vệ nhằm tránh các tai nạn, thương tích, được sống chung với cha mẹ và không phải lao động sớm. Tác giả của các chuyên đề đều có chung quan điểm là sự thiếu hiểu biết từ cha mẹ, môi trường sống thiếu an toàn... là nguyên nhân dẫn đến tình trạng trẻ em bị xâm hại, bị tai nạn, thương tích, phải nghỉ học, phải lao động sớm...Việc nâng cao nhận thức trách nhiệm của gia đình đặc biệt là cha mẹ của trẻ là biện pháp phòng ngừa hữu hiệu để bảo vệ trẻ em, quyền trẻ em. Bên cạnh đó, đề tài cũng đã cung cấp kết quả nghiên cứu về hiện tượng trẻ em vi phạm pháp luật ở Việt Nam. Nhóm trẻ em vi phạm pháp luật thường là các trẻ em sống trong các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt như không hòa thuận, cha mẹ ly hôn, cha mẹ đang thi hành án phạt tù, nhưng cũng xuất hiện trẻ em vi phạm pháp luật cũng xảy ra ở các gia đình khá giả.

1.1.1.2. Sách, bài viết trên các tạp chí

- Nguyễn Trọng An (2014), *“Những điều cần biết về bảo vệ và chăm sóc trẻ em”*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

Cuốn sách này đã đưa ra những kỹ năng, nhận biết cơ bản để bảo vệ và chăm sóc trẻ em trong phòng tránh chống bạo lực, tai nạn thương tích, suy dinh dưỡng… ở trẻ em và đặc biệt là chăm sóc sức khỏe tâm trí cho trẻ. Tác giả đã giải thích “*rối nhiễu tâm trí được dùng để chỉ trạng thái lệch lạc về sức khỏe tâm trí trong một thời gian đủ dài, đã vượt khỏi ngưỡng tự điều chỉnh trở về bình thường của cơ thể, đòi hỏi có sự can thiệp của chuyên môn để tránh vòng xoáy rối nhiễu nặng dần dẫn đến tổn thương tâm thần khó hồi phục*” [7](trang 88). Tại Việt Nam số trẻ mắc chứng bệnh này thường rơi vào độ tuổi lớp 2, lớp 3 và chiếm khoảng 20%. Việc sớm phát hiện, điều trị kịp thời và đúng cách sẽ giúp trẻ em trở lại cuộc sống sinh hoạt bình thường, nếu không sẽ là nguyên nhân của việc trẻ giảm sút lực học, chán học và đặc biệt dẫn đến tình trạng tử tự, tổn thương tâm thần suốt đời ở học sinh.

---

[6] Trường Đại học Luật Hà Nội, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, *Pháp luật về quyền trẻ em và thực tiễn thực hiện tại Việt Nam*, 2015, trang 91.

[7] Nguyễn Trọng An, *Những điều cần biết về bảo vệ và chăm sóc trẻ em*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, 2014, trang 88.

- Mai Huy Bích (2010), "*Quyền trẻ em và yếu tố văn hóa*", Tạp chí nghiên cứu con người số 4 (49) năm 2010. Bài viết đã tiếp cận, tìm hiểu quyền trẻ em dưới góc độ văn hóa. Tác giả cho rằng quan niệm về quyền trẻ em chỉ mang tính tương đối về văn hóa, tức là quan niệm này là sản phẩm của một nền văn hóa nhất định mà ở đây là văn hóa phương Tây hiện đại, thể hiện rõ nhất trong Công ước của Liên Hiệp Quốc về Quyền trẻ em. Quyền trẻ em đã được Công ước đề cập tới dưới góc độ thực thi quyền, thể hiện sự khác biệt với nhiều nền văn hóa khác trên thế giới và được nhiều nước trên thế giới chấp thuận và thông qua trong đó có Việt Nam.

- TS. Nguyễn Thị Lan (2011), "*Việc nuôi con nuôi giữa bố dượng hoặc mẹ kế và con riêng của vợ hoặc chồng theo Luật nuôi con nuôi*", Tạp chí Luật học số 8/2011, trang 44 - 48.

Tác giả đã nghiên cứu và đưa ra những trường hợp ngoại lệ về điều kiện nhận nuôi con nuôi khi xác lập quan hệ nuôi con nuôi giữa cha dượng hoặc mẹ kế với con riêng của vợ hoặc chồng như về độ tuổi, ngoại lệ về chủ thể nhận nuôi con nuôi là bố dượng hoặc mẹ kế không đang trong tình trạng độc thân. Với những trường hợp cụ thể thì pháp luật nuôi con nuôi chưa chặt chẽ dẫn đến việc bảo vệ trẻ em chưa thật đảm bảo.

- Nguyễn Phương Lan (2013), "*Hành vi xâm hại tình dục trẻ em và vấn đề bảo vệ quyền trẻ em*", Tạp chí Luật học 09/2013 trang 23 - 31. Tác giả đã đưa ra 2 mức độ của hành vi xâm hại tình dục ở trẻ em:

(i) Hành vi xâm hại trực tiếp đến quyền tự do về thân thể, nhân phẩm, danh dự của trẻ, quyền được tôn trọng và bất khả xâm phạm về tình dục của trẻ em.

(ii) Hành vi xâm hại tình dục trẻ em còn bao gồm việc bóc lột tình dục trẻ em với mục đích thương mại. Các hành vi sử dụng trẻ em như đối tượng khiêu dâm gồm: dụ dỗ, lừa dối, ép buộc, dẫn dắt, lôi kéo, chứa chấp trẻ em hoạt động mại dâm bao hàm cả việc bắt trẻ em chứng kiến hoạt động mại dâm... ; kích động tình dục, kích động bạo lực với trẻ em; sử dụng văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em.

- Quách Thị Quế (2015), "*Thực hiện quyền tham gia của trẻ em tại Việt Nam*", Tạp chí Lao động và xã hội, số 42/2015 trang 43 - 53. Tác giả đã trình bày về quyền tham gia của trẻ và trách nhiệm bảo đảm quyền tham gia của trẻ em. Gia đình là môi trường tự nhiên cho sự phát triển và hạnh phúc của trẻ em, đồng thời có vai trò quan trọng hình thành những phẩm chất của một công dân tương lai. Gia đình có trách nhiệm tạo điều kiện cho trẻ em thực hiện quyền tham gia, từ đó trẻ em được rèn luyện các kỹ năng, vững vàng trong môi trường hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng của Việt Nam. Chính vậy, Liên Hiệp Quốc luôn khuyến khích việc cha mẹ cùng con giải quyết các vấn đề về quyền của trẻ em "một cách phù hợp với khả năng tư duy của trẻ em" (Điều 5 Công ước Quốc tế).

- Ngô Thị Hường (2020), "*Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên và thực tiễn áp dụng*", Tạp chí Luật học số 6/2020 trang 31- 41. Tác giả đã phân tích quy định hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên trong Luật HN&GĐ năm 2014, thực tiễn áp dụng quy định này trong thực tiễn và đưa ra 05 giải pháp để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trong nội dung này. Tác giả đã khẳng định "hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên thực chất là biện pháp chế tài đối với cha, mẹ vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ đối với con hoặc bản thân có lối sống đồi trụy ảnh hưởng đến việc giáo dục con".

1.1.2. Các công trình nghiên cứu ngoài nước

- S.Pronina (2012), *"Bảo vệ gia đình, bảo vệ trẻ em-giữ gìn tương lai của chúng ta"* được xuất bản dưới sự bảo trợ của quỹ "*Quyền trẻ em"*. Trong công trình này, tác giả công bố rất nhiều nghiên cứu liên quan đến bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và các quyền trẻ em, các nhóm quyền trẻ em thường bị vi phạm và các giải pháp phòng ngừa[8].

- Holmberg Barbro và James Himes (2005), *"Trách nhiệm của cha mẹ trong mối tương quan với nhà nước - Quyền trẻ em biến nguyên tắc thành hành động".*[9] Đây là tài liệu nghiên cứu về trẻ em Thụy Điển. Các tác giả đã nêu lên môi trường gia đình là nơi trẻ em được phát triển toàn diện nhất và cũng là nơi thực hiện các quyền cơ bản của trẻ em. Vai trò của gia đình với việc thực hiện quyền trẻ em không thể tách rời vai trò của nhà nước. Tác giả cũng đã đưa ra mối quan hệ tam giác giữa trẻ em, gia đình và nhà nước để mô tả mối quan hệ giữa quyền của trẻ em, trách nhiệm của cha mẹ và nghĩa vụ pháp lý của nhà nước. Quyền trẻ em chỉ có ý nghĩa trong gia đình với trách nhiệm của cha mẹ đối với trẻ. Như vậy, việc tăng cường các quyền của trẻ và trách nhiệm của cha mẹ góp phần tạo nên một gia đình vững chắc. Khi ấy, việc đảm bảo thỏa mãn các nhu cầu chính đáng của trẻ sẽ được nâng cao và góp phần xây dựng một xã hội ổn định. Nghĩa vụ của nhà nước phải thực thi các quyền trẻ em và tạo ra những nhiệm vụ tương ứng cho cha mẹ của trẻ. Ngoài ra, Nhà nước cũng phải có trách nhiệm bảo vệ trẻ, thậm chí trong khuôn khổ của gia đình nếu như cha mẹ không thực hiện được trách nhiệm nuôi dạy con cái và thiếu quan tâm, chăm sóc đến trẻ em.

- Ziurina A.I và Indeikina T.L (2009), *"Removing brutal treatment of children in the family - Loại bỏ đối xử tàn bạo với trẻ em trong gia đình, 2009"*, nhóm tác giả đã chỉ

---

[8] Phan Thị Lan Phương, *Quyền trẻ em trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam - Những đảm bảo pháp lý*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015, trang 15.

[9] Nguyễn Hữu Minh, Đặng Bích Thủy, Nghiên cứu việc thực hiện quyền trẻ em ở Việt Nam - một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Tạp chí Xã hội học, số 2-2007, trang16-24.

ra các loại bạo lực phổ biến trong gia đình trong đó có hành vi sao nhãng - không đoái hoài đến trẻ được coi là một loại bạo lực[10].

- Feinberg, J. (1980), *"A Child's Right to an Open Future. – Quyền trẻ em để mở rộng tương lai"*[11]

Trong tác phẩm này tác giả đã nhấn mạnh có ba loại quyền, loại thứ nhất chỉ dành cho người lớn, loại thứ hai dành cho cả người lớn và trẻ em, loại thứ ba chỉ dành riêng cho trẻ em. Thêm nữa, tác giả cũng nhấn mạnh, để bảo đảm cho trẻ em phát triển tốt với những điều kiện mang tính đặc thù của trẻ, thì cũng cần bảo đảm hai nhóm quyền sau đây:

(i) Nhóm quyền được nhận những thứ tốt đẹp mà bản thân trẻ em không có khả năng tự mình lựa chọn hoặc những điều mà các em không thể tự làm được mà phải phụ thuộc vào người lớn. Những điều tốt đẹp đó như là thức ăn, chỗ ở...

(ii) Nhóm quyền được bảo vệ khỏi những điều có hại đối với trẻ em. Những điều đó là xâm phạm tính mạng, sức khỏe của trẻ... và bao gồm cả sự lạm dụng và thiếu quan tâm đến trẻ em.

- De Vyler, Steffan (2000), *"Macroeconomic Policies and Child's Right - a books focusingin developing countries – Chính sách kinh tế, Chính trị và Quyền trẻ em – cuốn sách tập trung cho các nước đang phát triển"*, Save the Children, Sweden[12].

Tác giả đã khẳng định không có chính sách kinh tế nào "trung lập", không có chính sách kinh tế - xã hội nào lại không tác động đến trẻ em và hệ thống pháp luật tác động đến trẻ em ở nhiều mức độ khác nhau. Ngay cả những chính sách dường như không liên quan gì đến trẻ em, chẳng hạn như chính sách tiền tệ hoặc chính sách tỷ giá vẫn có xu hướng chống lại các quyền của trẻ. Không quan tâm đến trẻ em trong quá trình ra quyết định có thể dẫn đến chi phí xã hội cao và gây nguy hiểm cho sự phát triển bền vững. Vì vậy, dầu tư cho trẻ em và tạo ra một môi trường kinh tế và môi trường kinh doanh thân thiện với trẻ em và cha mẹ của trẻ là cách tốt nhất để ngăn chặn các loại tội phạm và tăng cường tăng trưởng kinh tế.

- Davil Oswell (2013), *"The Agency of Children, From family to Global Human Right"*, xuất bản tại Đại học Cambridge (Cambridge University Press, New York)[13].

---

[10] Tăng Thị Thu Trang, *Quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2016, trang 14.

[11] Nguyễn Hữu Minh, Đặng Bích Thủy, Nghiên cứu việc thực hiện quyền trẻ em ở Việt Nam - một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Tạp chí Xã hội học, số 2-2007, trang16-24.

[12] Nguyễn Hữu Minh, Đặng Bích Thủy, Nghiên cứu việc thực hiện quyền trẻ em ở Việt Nam - một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Tạp chí Xã hội học, số 2-2007, trang16-24.

[13] https://www.amazon.com/Agency-Children-Family-Global-Rights/dp/0521604702/ ISBN 978-0-521-60470-3.

Mary Jane Kehily, Giáo sư về Giới và Giáo dục, Đại học Mở, Vương quốc Anh đã đánh giá cuốn sách tại đề tựa. "Một sự bổ sung sâu sắc và rất đáng hoan nghênh cho lĩnh vực này, Cơ quan của trẻ em cung cấp một cách tiếp cận mới và đặc biệt cho các nghiên cứu thời thơ ấu. Hài hòa giữa quá khứ và hiện tại với giọng nói rõ ràng của riêng mình, Oswell phát triển một bài bình luận ban đầu phải đọc cho tất cả những ai muốn hiểu trẻ em và tuổi thơ trong thời hiện đại"[14].

Trong cuốn sách này tác giả đưa ra ý tưởng về quyền tự quyết của trẻ em là trọng tâm trong lĩnh vực nghiên cứu quá trình phát triển của trẻ em theo những lập luận về những hiểu biết. Ông theo dõi sự biến đổi của trẻ em và thời thơ ấu trong suốt thế kỷ 19, 20 và đầu thế kỷ 21 và khám phá những thay đổi mạnh mẽ trong những năm gần đây đối với cuộc sống hàng ngày của trẻ em như là hệ quả của các công nghệ di động có mạng mới và các hình thức toàn cầu hóa mới. Tác giả xem xét các lý thuyết hiện có về quyền tự quyết của trẻ em cũng như cung cấp các công cụ lý thuyết để suy nghĩ về quyền tự quản của trẻ em là phức tạp về mặt không gian, thời gian và vật chất. Với suy nghĩ này, ông khảo sát các vấn đề chính trong nghiên cứu thời thơ ấu, với các chương bao gồm gia đình, trường học, tội phạm, sức khỏe, văn hóa tiêu dùng, công việc và quyền con người.

- Edward Teyber (1996), "*Helping Children Cope with Divore*" "Giúp trẻ em đối mặt với ly hôn", Jossey-Bass Pulishers, San Fracisco (Nhà xuất bản Jossey-Bass, San Fracisco). Tác giả là giáo sư tâm lý học tại Đại học của bang California đã viết cuốn sách gồm 4 phần: Phần 1 tác giả đã đặt vấn đề phân tích tâm lý, những lo lắng, vướng bận về những đứa con của họ khi quyết định ly hôn. Cha hoặc mẹ lo lắng khi phải đối mặt với những câu hỏi của con mình khi cha mẹ ly hôn, phải trấn an con thế nào để các con đối phó và thích nghi với gia đình mới khi cha mẹ ly hôn. Phần 2, tác giả đã phân tích các tình huống, suy nghĩ và các mối quan tâm của trẻ khi cha mẹ ly hôn. Diễn biến tâm lý của trẻ bắt đầu từ những lo lắng "Nếu bố bỏ đi, mẹ cũng đi chứ?" đến những dằn vặt của trẻ "nếu tôi thực sự ngoan, bố mẹ có lẽ sẽ quay lại bên nhau" hoặc "nếu tôi thực sự ngoan, chưa chắc bố mẹ đã ly hôn" thấy được, trẻ em có những suy nghĩ rất trách nhiệm về cuộc ly hôn của cha, mẹ chúng. Phần 3, phần 4 tác giả đã giành nhiều nội dung để hướng dẫn các bậc cha mẹ ứng xử cùng nhau, ứng xử với con tránh các xung đột của cha mẹ ảnh hưởng đến con. Tác giả cũng đã xây dựng các "công thức", các cách tiếp cận với con để việc nuôi, dạy con thành công.

- Wolfgang Benedek (2008), "*Tìm hiểu về quyền con người*", Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội. Cuốn sách đã được các chuyên gia hàng đầu của Tổ chức mạng lưới an ninh con người soạn thảo công phu tại Áo, được dịch ra nhiều ngôn ngữ khác nhau.

[14] Nguyên văn: "An insightful and very welcome addition to the fiel The Agency of Children offers a fresh and distinctive approach to childhood studies. Harmonising past and present with his own clear voice, Oswell develops an original commentary that is a must-real for all who seek to understand children anh childhood in contemporary times".

Cuốn sách đã cung cấp những vẫn đề cốt lõi về quyền con người, trong đó có quyền con người của trẻ em, đồng thời nâng cao nhận thức của các nhà chức trách phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền con người - nền tảng của văn minh nhân loại. Cuốn sách đã sử dụng 14 trang để đưa ra những đánh giá, kinh nghiệm của các chính trị gia về quyền con người của trẻ em. Việc bảo vệ quyền con người của trẻ em cần được ghi nhận trong hệ thống pháp luật quốc gia và tránh nâng cao an ninh, bảo vệ thái quá quyền trẻ em khi nhấn mạnh tính dễ bị tổn thương và phụ thuộc của trẻ em mà dẫn tới loại bỏ những khả năng và nguồn lực tự bảo vệ của chính trẻ em. Vì vậy, bảo vệ quyền trẻ em cần xem xét để lồng ghép tốt nhất việc trao quyền trẻ em cho chính các em.

1.2. Đánh giá tình hình nghiên cứu các vấn đề thuộc phạm vi nghiên cứu của luận án

Qua việc nghiên cứu về các công trình khoa học có liên quan đến đề tài luận án, có thể nhận thấy quyền trẻ em là vấn đề được sự quan tâm lớn của các ngành khoa học xã hội nói chung và khoa học pháp lý nói riêng. Các công trình đều hướng tới lý giải và nhận định bảo vệ trẻ em là vấn đề quan trọng bên cạnh đó việc nhận diện các hành vi xâm phạm quyền trẻ em cũng hết sức cần thiết để từ đó có những biện pháp, giải pháp để bảo vệ trẻ em. Tuy nhiên, việc nghiên cứu tác động của gia đình đối với bảo vệ quyền trẻ em chưa thật dầy dặn mặc dù với thực tế trẻ em bị xâm phạm từ chính gia đình của mình đang ngày càng đáng lên án. Do đó, có thể nhận định rằng dù ở góc độ lý luận hay thực tiễn, các công trình nghiên cứu trước vẫn còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết triệt để. Cụ thể như sau:

1.2.1. Về những vấn đề lý luận

1.2.1.1. Các khái niệm liên quan đến luận án

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đều tiếp cận từ các quy định pháp luật cụ thể của pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia, phân tích để rút ra những đặc điểm chung của các khái niệm. Các tác giả khi xây dựng các khái niệm đều hướng tới giải quyết các nội dung của đề tài, chưa xây dựng khái niệm trên cơ sở lý giải mang tính lịch sử tự nhiên và xã hội tất yếu của quá trình phát triển. Các khái niệm liên quan đến trẻ em tại các công trình chưa lý giải được cặn kẽ và đầy đủ mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại giữa của các quy định trong Luật HN&GĐ với vấn đề bảo vệ quyền trẻ em và ngược lại.

Về khái niệm quyền trẻ em: Trong các công trình hầu hết các tác giả đều nghiên cứu và xây dựng khái niệm trẻ em, quyền trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em. Tuy nhiên, ở mỗi công trình các khái niệm này được xây dựng đơn lẻ, riêng rẽ và đương nhiên các khái niệm đó sẽ gắn với các đề tài cụ thể của mỗi công trình. Vì vậy, ba khái niệm liên quan mật thiết là trẻ em, quyền trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em mang tính tổng quát, bao hàm các đặc trưng, đặc thù của trẻ em thì chưa được công trình nào xây dựng đầy

đủ và có hệ thống theo những đặc trưng về thể chất và tinh thần của trẻ em. Khái niệm quyền trẻ em được các tác giả định nghĩa còn khá khác nhau như "Quyền trẻ em là các quy định pháp luật dành cho một nhóm đối tượng được xác định là trẻ em", "Quyền trẻ em là những lợi ích của trẻ em được pháp luật bảo hộ và bảo đảm thực hiện" hay "quyền trẻ em được hiểu là những đặc quyền tự nhiên mà trẻ em được hưởng, được làm, được tôn trọng và thực hiện". Luận án sẽ tiếp tục hoàn thiện khái niệm này trên cơ sở phân tích bản chất và đặc điểm của quyền trẻ em.

Khái niệm bảo vệ quyền trẻ em trong các công trình tương đối tương đồng về thuật ngữ cũng như cách diễn giải. Tác giả Hoàng Thị Thùy Dung đã đưa ra 3 quan điểm lý giải về bảo vệ quyền trẻ em nhưng hạn chế là chưa có cơ sở cho sự lý giải đó về lý luận cũng như thực tiễn ở Việt Nam và quốc tế. Việc tác giả tiếp cận các quyền cơ bản của trẻ theo Luật Chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em năm 2004 là chưa đầy đủ trong hoàn cảnh, thời điểm hiện nay khi đã có Luật Trẻ em năm 2016. Các tác giả khác đã nêu lên khái niệm về bảo vệ quyền trẻ em trên cơ sở pháp luật thực định nhằm giải quyết mục tiêu cụ thể của công trình nghiên cứu mà chưa bao quát được vấn đề bảo vệ quyền trẻ em nói chung. Như vậy, các công trình chưa lý giải về lịch sử hình thành và phát triển của quyền trẻ em đồng thời chưa lý giải quyền trẻ em được tiếp cận là quyền con người của trẻ em. Nội dung này luận án sẽ tiếp tục kế thừa cách tiếp cận của các tác giả, đồng thời làm rõ thêm lịch sử phát triển quyền trẻ em.

Thêm nữa, chưa có công trình nào đề cập đến việc xây dựng khái niệm bảo vệ quyền trẻ em trong quan hệ gia đình. Mối quan hệ giữa các quyền của trẻ em và cơ sở kinh tế - xã hội, ý thức pháp luật, đạo đức, lối sống trong gia đình (nếp nhà) để thực hiện các quyền của trẻ em trong hoàn cảnh đất nước hiện nay đặc biệt là sự thay đổi của gia đình hiện đại.

Như vậy, nghiên cứu sinh sẽ tiếp tục làm rõ khái niệm trẻ em, quyền trẻ em và kế thừa khái niệm bảo vệ quyền trẻ em trong luận án, trên cơ sở lý luận về quyền con người với nhận thức rằng trẻ em đóng góp vào sự tái tạo xã hội về mặt sinh học, cơ cấu xã hội và văn hóa và đặc biệt nhấn mạnh bảo vệ quyền trẻ em chính là bảo đảm việc thực hiện các quyền của trẻ em trên thực tế với đặc thù về điều kiện riêng của từng nhóm, trong từng giai đoạn phát triển.

1.2.1.2. Đặc điểm trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em theo luật hôn nhân và gia đình

Các công trình nghiên cứu chưa đề cập nội dung này bởi các công trình đều tiếp cận để giải quyết nội dung quyền trẻ em cụ thể, hoặc trong môi trường gia đình nên đặc điểm của quyền trẻ em, bảo vệ quyền trẻ em trong quan hệ HN&GĐ hầu như không được nghiên cứu độc lập.

Các công trình chưa khẳng định được tác động của gia đình, pháp luật HN&GĐ tác động đến sự phát triển, định hình tính cách của trẻ em đặc biệt nghĩa vụ của cha mẹ trong việc chăm sóc, giáo dục con trong điều kiện kinh tế xã hội hiện nay.

Trong các công trình chưa đề cập tới những đặc điểm về thể chất, tinh thần và nhận thức của trẻ em là một quá trình tự nhiên mang tính xã hội, là cơ sở lý giải việc tại sao phải bảo vệ trẻ em, đặc biệt là bảo vệ trẻ em trong môi trường gia đình.

Với mục đích nghiên cứu lý luận một cách đầy đủ và hệ thống về bảo vệ quyền trẻ em theo luật HN&GĐ, nghiên cứu sinh sẽ triển khai nội dung này trong luận án đầy đủ và cụ thể. Để chỉ rõ các đặc điểm của trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em trong quan hệ HN&GĐ, nghiên cứu sinh sẽ tiếp tục phân tích mối liên hệ giữa bảo vệ quyền trẻ em theo pháp luật HN&GĐ với bảo vệ quyền trẻ em theo Luật Trẻ em năm 2016 và một số quy định khác trong hệ thống pháp luật của Việt Nam.

1.2.2. Nội dung bảo vệ các nhóm quyền của trẻ em theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

1.2.2.1. Bảo vệ nhóm quyền được sống, được khai sinh và có quốc tịch, được biết cha mẹ của trẻ em theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Quyền được sống là quyền cố hữu, thiêng liêng của bất cứ con người nào. Tuy nhiên, quyền được sống của trẻ em được bảo đảm bởi cha mẹ, những người thân thích khi họ thực hiện nghĩa vụ của mình với trẻ em. Qua nghiên cứu nhận thấy, các công trình nghiên cứu đã trình bày chủ yếu về thực hiện pháp luật HN&GĐ liên quan đến các vướng mắc trong áp dụng pháp luật về bảo vệ các quyền bất khả xâm phạm thân thể, tính mạng qua các sự việc nổi cộm, có sức hút đối với đời sống xã hội. Các công trình ít đề cập tới nội dung các quyền như: quyền được khai sinh, có quốc tịch, được chăm sóc sức khỏe, được sống... Về lý luận, các quyền này được đảm bảo thực hiện thì mới có cơ sở đảm bảo mới có điều kiện sống để trẻ em được bảo vệ các quyền khác. Quyền khai sinh của trẻ em là quyền nhân thân cơ bản nhưng trẻ em không tự mình thực hiện được mà được thực hiện bằng hành vi của người khác theo quy định BLDS, Luật Hộ tịch và các luật khác có liên quan. Nội dung này, nghiên cứu sinh sẽ phân tích, đánh giá thực trạng để làm rõ trách nhiệm của cha, mẹ trong việc thực hiện quyền được khai sinh, có quốc tịch của trẻ em.

Bảo vệ quyền được biết cha mẹ mình, Luật HN&GĐ năm 2014 quy định việc xác định cha, mẹ cho trẻ em trong bất cứ hoàn cảnh nào. Quyền được biết về nguồn gốc của trẻ em thể hiện sự tôn trọng của pháp luật đối với sự phát triển bình thường của trẻ bởi liên quan đến huyết thống của trẻ em. Trên thực tế, quyền này đang bị hạn chế trong trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản nhưng chưa được đề cập trong các công trình nghiên cứu.

Quyền trẻ em được cha mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng đã được nghiên cứu đề cập trong nhiều công trình. Nghĩa vụ của cha mẹ dành thời gian, công sức, tiền bạc và tình yêu thương của mình để chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em, đáp ứng đầy đủ về dinh dưỡng, đời sống tinh thần để trẻ em được phát triển toàn diện cả về thể chất, trí tuệ.

Như vậy, các công trình liên quan đến quyền được sống còn của trẻ em nhưng chưa phân tích được Luật HN&GĐ năm 2014 cần quy định như thế nào để bảo vệ trẻ em trước những hành vi xâm hại. Trách nhiệm trông nom, chăm sóc, quán xuyến, "để mắt" của cha mẹ và những người thân thích với trẻ em như thế nào để tránh những tai nạn đáng tiếc xảy ra cho trẻ em. Các hành vi xâm hại đến trẻ từ phía bên ngoài có những chế tài rõ ràng, vậy nếu các hành vi cố ý xâm hại trẻ em từ cha, mẹ những người thân yêu nhất của trẻ phải bị các chế tài nghiêm khắc hơn không? Câu hỏi này, luận án sẽ luận giải theo hướng áp dụng chế tài nghiêm khắc hơn đối với những người có nghĩa vụ chăm sóc, yêu thương trẻ lại cố ý hành hạ trẻ em gây hậu quả, thương tích nặng nề để tước đi mạng sống của trẻ em.

1.2.2.2. Bảo vệ nhóm quyền được bảo vệ của trẻ em theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Trẻ em cần được bảo vệ, bởi khi bị rơi vào tình huống hoàn cảnh khó khăn trẻ em khó có thể tự mình vượt qua. Bảo vệ để trẻ em không bị xâm hại về thể chất và tinh thần và bao gồm cả việc ngăn ngừa và khắc phục những hoàn cảnh, tình huống gây khó khăn bất lợi cho đời sống của trẻ. Các công trình hướng tới thực hiện việc bảo vệ quyền trẻ em trong các lĩnh vực sau:

Bảo vệ quyền trẻ em trong lĩnh vực kết hôn chưa được thể hiện trong các công trình nghiên cứu. Kết hôn chính là một trong những cơ sở để xây dựng gia đình hạnh phúc, đảm bảo là tổ ấm cho trẻ em sau này đồng thời là điều kiện để các quyền cơ bản của trẻ em được đảm bảo trên thực tế, nghiên cứu sinh sẽ triển khai các nội dung bảo vệ quyền trẻ em trong quy định về điều kiện kết hôn trong luận án đầy đủ hơn.

Bảo vệ quyền trẻ em trong phòng chống tai nạn, thương tích cho trẻ. Trong Đề tài Nghiên cứu khoa học cấp trường "Pháp luật về quyền trẻ em và thực tiễn thực hiện tại Việt Nam" của Trường Đại học Luật Hà Nội đã đề cập tới thực trạng này. Nhóm tác giả đã phân tích các nguyên nhân của tình trạng tai nạn, thương tích của trẻ em tại Việt Nam, trong đó nguyên nhân chủ yếu là thiếu sự quan tâm của cha mẹ và người chăm sóc trẻ em. Luận án sẽ tiếp tục khai thác thực trạng này để làm minh chứng cho việc cha mẹ đã chưa thực hiện tốt nghĩa vụ của mình, là nguyên nhân trực tiếp gây nên hậu quả xấu cho trẻ em.

Nhóm công trình nghiên cứu về bạo lực gia đình của tác giả Nguyễn Thanh Hương, xâm hại tình dục trẻ em của tác giả Nguyễn Vương Thùy Dương... đã nghiên cứu về các hành vi xâm hại về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm của trẻ em. Trong nội

dung nhóm quyền sống còn, các hành vi này được xác định là các hành vi nghiêm trọng dẫn đến tử vong ở trẻ em. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu về trẻ em bị xâm hại, hành hạ, tước đi mạng sống... còn mờ nhạt. Ngoài ra, các công trình nghiên cứu đã phân tích và trình bày về thực trạng các hành vi vi phạm đến quyền được sống, được chăm sóc và phát triển trong môi trường an toàn dẫn đến nhiều trẻ em bị bỏ rơi, lang thang cơ nhỡ, không ai chăm sóc... Luận án sẽ tiếp tục phân tích các yếu tố tác động đến môi trường sống an toàn của trẻ em, từ đó cha, mẹ trẻ em cần làm gì để bảo vệ con mình trong môi trường đó, sự hỗ trợ của các tổ chức, biện pháp của Nhà nước để giúp cho cha mẹ có điều kiện bảo vệ con. Đặc biệt, vấn đề bảo vệ trẻ em khi cha mẹ ly hôn sẽ được thể hiện sâu sắc trong luận án.

Như vậy, nhóm quyền được bảo vệ của trẻ em chưa được phân tích rõ trong các công trình, đặc biệt nội dung chế tài đối với các hành vi xâm phạm đến nhóm quyền này chưa thể hiện một cách hệ thống để từ đó có hướng xây dựng các giải pháp để bảo vệ trẻ em tốt hơn từ chính gia đình của trẻ em.

1.2.2.3. Bảo vệ nhóm quyền được phát triển của trẻ em theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường của Trường Đại học Luật Hà Nội có một chuyên đề về quyền học tập của trẻ em, tuy nhiên công trình chưa phân tích quyền học tập của trẻ em theo hướng phù hợp với nhu cầu, điều kiện về thể chất và khả năng nhận thức, thái độ của trẻ em, đồng thời cũng chưa thể hiện đầy đủ quyền được giáo dục của trẻ em theo Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em. Bởi quyền được giáo dục bao hàm được giáo dục phát triển về nhân cách, tâm lý, xã hội...

Có thể nhận thấy, các công trình nghiên cứu chưa theo hướng tiếp cận quyền được phát triển tự nhiên của trẻ em, cũng như các yếu tố tác động đến sự phát triển của con người dưới cách tiếp cận của các khoa học sinh học, triết học, xã hội học... Luận án sẽ làm rõ: Sự phát triển của trẻ em là một quá trình trong đó những nhu cầu phát triển về thể chất, tinh thần và các kỹ năng xã hội được tích lũy, tạo ra những thay đổi về chất và lượng. Ở những độ tuổi khác nhau, trẻ em có sự phát triển của lứa tuổi về thể chất và suy nghĩ, có khả năng và nhu cầu khác nhau. Vì vậy, ở mỗi giai đoạn, trẻ em có những nhu cầu, đòi hỏi cần được đáp ứng thích hợp với sự phát triển toàn diện của trẻ em. Cha mẹ và người thân thích của trẻ em phải nhận thức được điều đó để bảo vệ các quyền của trẻ em một cách hiệu quả nhất.

1.2.2.4. Bảo vệ nhóm quyền được tham gia của trẻ em theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Tại bài viết *Thực hiện quyền tham gia của trẻ em tại Việt Nam* của tác giả Quách Thị Quế, đã khẳng định Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em không đề cập riêng "quyền được tham gia" trong một điều khoản riêng biệt nào mà được lồng ghép trong

các quyền được bày tỏ ý kiến, quyền được lắng nghe (Điều 12); quyền tìm kiếm thông tin và tự do bày tỏ ý kiến (Điều 13); Quyền riêng tư (Điều 16); Tác giả đã nhận định: Pháp luật Việt Nam đã quy định khá đầy đủ trách nhiệm của cha mẹ trong việc bảo đảm quyền của trẻ em nói chung và quyền tham gia nói riêng. Tuy nhiên, các nhà làm luật Việt Nam đang còn lúng túng trong việc xác định ranh giới giữa việc áp dụng các biện pháp giáo dục của gia đình với các hình thức bị pháp luật cấm. Một thực tế hiện nay cho thấy, việc tham gia của trẻ em trong gia đình và nhà trường vẫn còn bị ảnh hưởng nặng nề của truyền thống văn hoá Á Đông khi coi ý kiến của người lớn tuổi hay "bề trên" là "tối thượng", là luôn luôn đem lại những điều tốt đối với người ít tuổi và đặc biệt là trẻ em, do vậy, trẻ em buộc phải tuân thủ.

Đây là thực tế áp dụng pháp luật tại Việt Nam, luận án sẽ tiếp tục giải quyết nội dung trong quy định quyền hỏi ý kiến của trẻ em và phân tích vai trò của cha mẹ để thực hiện quyền tham gia của trẻ em, cũng như nghĩa vụ lắng nghe của cha mẹ với con. Tuy nhiên, để thực hiện các quyền này đòi hỏi sự chung tay của nhiều tổ chức, xã hội giúp sức cho cha mẹ để tạo điều kiện cho trẻ em thực hiện các quyền tham gia, đặc biệt là trẻ em sinh sống tại các "rốn nghèo", các vùng dân tộc thiểu số của Việt Nam. Đồng thời, luận án sẽ tiếp cận quyền được lấy ý kiến của trẻ em trong các quyết định liên quan đến trẻ em, đặc biệt là các quyết định của cha, mẹ đối với trẻ em để thấy được ý nghĩa của nhóm quyền này trong sự phát triển toàn diện của trẻ em.

Như vậy, nội dung các quyền trẻ em cần được bảo vệ đã được các tác giả trình bày đa dạng dưới nhiều góc tiếp cận. Bảo vệ quyền trẻ em nhiều trường hợp là việc thể chế trong các chế định của Luật HN&GĐ năm 2014 và các luật khác có liên quan khi quy định nghĩa vụ của cha, mẹ với con chưa thành niên. Việc phân định các nhóm quyền trẻ em cần được bảo vệ làm cơ sở đối chiếu với các chế định của Luật HN&GĐ để dễ dàng đánh giá, nhận xét việc thực hiện nghĩa vụ của thành viên gia đình với trẻ em như thế nào, từ đó có những điều chỉnh cho phù hợp.

1.3. Câu hỏi nghiên cứu và định hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh đối với luận án

Qua việc nghiên cứu, đánh giá các công trình khoa học có liên quan đến đề tài luận án, nhận thấy, các tác giả đã thể hiện nhiều quan điểm đánh giá khác nhau về vấn đề nghiên cứu, đặc biệt là đối với pháp luật thực định. Để hoàn thiện luận án, nghiên cứu sinh cần phải tiếp thu những luận điểm, luận cứ khoa học đồng thời tiếp tục hoàn thiện những luận điểm còn nhiều mâu thuẫn giữa các tác giả. Những bất cập trong thực tiễn khi thực thi pháp luật cũng như những phát sinh trong quá trình áp dụng pháp luật. Luận án sẽ tiếp tục làm rõ để đưa ra những luận điểm khoa học mới phù hợp với thực tiễn áp dụng, góp phần hoàn thiện những quy định về bảo vệ quyền trẻ em trong quan hệ HN&GĐ.

1.3.1. Câu hỏi, giả thuyết và định hướng nghiên cứu liên quan đến những vấn đề lý luận

Câu hỏi nghiên cứu 1: Trẻ em là gì? Quyền trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em được hiểu như thế nào?

Giả thuyết nghiên cứu 1:

Khái niệm trẻ em sẽ được xác định như thế nào nếu không căn cứ vào độ tuổi. Các tính chất khác của trẻ em có thể thay thế độ tuổi để định nghĩa trẻ em

Quyền trẻ em là các các nhóm quyền theo quy định của Công ước Quốc tế về quyền trẻ em. Quyền trẻ em được bắt nguồn từ quyền con người. Căn cứ trên lý luận về quyền được bảo vệ của trẻ em, điển hình các quyền cơ bản của trẻ em, Luận án sẽ nghiên cứu theo hướng các quy định đã thể hiện việc bảo vệ quyền trẻ em như thế nào.

Kết quả nghiên cứu 1:

Trẻ em là một nhóm người trong xã hội được phân biệt với người lớn thông qua độ tuổi và các đặc trưng cơ bản của trẻ em mang tính quy luật. Theo Công ước Quốc tế về quyền trẻ em, trẻ em là người dưới 18 tuổi, tuy nhiên tại Việt Nam trẻ em là người dưới 16 tuổi. Mỗi trẻ em là một con người với những đặc điểm về thể chất và tâm lý khác nhau. Với mỗi độ tuổi, trẻ em liên tục phát triển về thể chất, tâm lý nên rất khác người lớn (ổn định hơn thể chất và tâm lý) tạo nên đặc tính chung của trẻ em.

Các quyền trẻ em bắt nguồn từ quyền con người nhưng ở trẻ em có những quyền đặc biệt hơn bởi chủ thể thực hiện quyền của mình lại là người khác. Nghiên cứu quyền trẻ em tương quan với nhu cầu của trẻ em để thấy được quyền trẻ em giống các quyền khác của con người như được phát triển, được bình đẳng... thì quyền trẻ em còn phải bắt nguồn từ những nhu cầu của trẻ em và đặc biệt quyền trẻ em bắt buộc trách nhiệm phải thực hiện của cha mẹ, người thân thích của trẻ em. Quyền trẻ em là những đòi hỏi cơ bản, chính đáng của trẻ em phải có để tồn tại và phát triển, được đáp ứng tốt nhất để trẻ em được phát triển bình thường trong môi trường sống và học tập. Luận án sẽ nghiên cứu dựa trên Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em và các văn bản quốc tế khác mà Việt Nam ký kết và phê chuẩn, đặc biệt xuất phát quyền con người với nhận thức rằng trẻ em đóng góp vào sự tái tạo xã hội về mặt sinh học, tổ chức và văn hóa. Do đó, trẻ em có yêu cầu chính đáng được chia sẻ với người lớn trong tất cả các lĩnh vực của đời sống văn hóa, xã hội.

Bảo vệ quyền trẻ em là bảo vệ quyền con người của trẻ em, là đảm bảo các quyền của trẻ em được thực hiện đầy đủ và phù hợp với từng giai đoạn phát triển của trẻ với nhiều cấp độ khác nhau. Bảo vệ quyền trẻ em vừa là hệ thống các thiết chế để đảm bảo quyền trẻ em được thực hiện, vừa là hệ thống các quy định để quản lý các vấn đề của trẻ em và bảo vệ trẻ em trước các nguy cơ bị xâm hại, làm tổn thương đến trẻ em. Bảo vệ quyền trẻ em là hệ thống các biện pháp, các cơ chế cách thức hoạt động được pháp luật quy định nhằm đảm

bảo có hiệu quả việc phòng ngừa, can thiệp, tình hình trẻ em bị bỏ rơi, xao nhãng, xâm hại, bóc lột hoặc bạo lực nhằm đảm bảo việc thực hiện quyền cơ bản của trẻ em trong thực tế.

Câu hỏi nghiên cứu 2: Bảo vệ quyền trẻ em theo luật HN&GĐ được hiểu như thế nào và có những đặc điểm gì?

Giả thuyết nghiên cứu 2:

Bảo vệ quyền trẻ em theo luật HN&GĐ là việc nghiên cứu các quy định của luật HN&GĐ đã thể hiện việc bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em đến đâu và như thế nào trong các mối quan hệ của trẻ em với các thành viên của gia đình. Từ cơ sở này tính đặc thù của bảo vệ quyền trẻ em theo luật HN&GĐ có những điểm khác biệt so với bảo vệ quyền trẻ em trong các ngành luật khác.

Xuất phát từ việc trẻ em không tự thực hiện các quyền của mình nên luật HN&GĐ sẽ quy định việc thực hiện quyền trẻ em thông qua nghĩa vụ và trách nhiệm của cha mẹ, người thân trong gia đình đối với trẻ em. Ngoài ra, cần đặc biệt nhấn mạnh bảo vệ quyền trẻ em chính là việc bảo đảm thực hiện các quyền của trẻ em phù hợp với điều kiện riêng của từng nhóm trẻ, trong từng giai đoạn phát triển của trẻ em.

Bảo vệ quyền trẻ em theo luật HN&GĐ có những điểm khác so với việc bảo vệ quyền trẻ em trong các quan hệ pháp luật khác đó là trẻ em chính là chủ thể trong các quan hệ xã hội khác còn trong quan hệ HN&GĐ thì vai trò chủ thể của trẻ em được thực hiện thông qua nghĩa vụ của cha mẹ, người thân thích khác của trẻ em. Như vậy, vai trò chủ thể bảo vệ quyền trẻ em trong Luật HN&GĐ khác với việc bảo vệ trẻ em khi trẻ em là chủ thể của các quan hệ pháp luật khác.

Đặt ra giả thuyết về việc khi trẻ em là người thụ hưởng các quyền của mình thông qua cha mẹ, người thân trong gia đình thì lợi ích và quyền của trẻ em có còn được đảm bảo đầy đủ.

Kết quả nghiên cứu 2: Xuất phát từ quyền trẻ em là quyền con người vì vậy quyền trẻ em có đầy đủ đặc điểm về quyền con người như được sống, được phát triển, được bảo vệ...

Ngoài ra, trẻ em có quyền riêng đó là việc thực hiện các quyền của trẻ em luôn được thực hiện đồng bộ, vì khi không thực hiện một quyền dẫn đến không thực hiện được các quyền tiếp theo.

Quyền trẻ em được xây dựng trên cơ sở đối tượng là trẻ em, chủ thể đặc biệt của quyền con người để bảo vệ các nhu cầu của trẻ em được đảm bảo thực hiện. Các quyền trẻ em sẽ theo suốt quá trình phát triển của trẻ vì vậy các quyền có thể phải thực hiện ngay, nhưng cũng có những quyền được thực hiện dần dần theo quá trình phát triển của trẻ. Khi trẻ em là chủ thể của quan hệ pháp luật HN&GĐ sẽ thực hiện thường xuyên, liên tục và rộng khắp, bắt nguồn từ bản chất của mối quan hệ của trẻ trong gia đình mang yếu tố tình cảm, yêu thương chi phối, còn trong các ngành luật khác trẻ em là công dân với cơ quan

nhà nước không mang yếu tố tình cảm. Các yếu tố đó là sự tác động qua lại giữa việc thực hiện quyền trẻ em với nếp văn hóa trong gia đình, làng xã, quan điểm và tư tưởng giáo dục trẻ em. Bảo vệ trẻ em trong gia đình luôn bắt nguồn từ sự yêu thương, tự nguyện với trẻ em. Bởi vậy, bảo vệ quyền trẻ em phải là hành động của các thành viên trong gia đình ở mọi lúc (mang thai, sinh đẻ), mọi nơi (mọi môi trường), từ khi trẻ em sống trong điều kiện bình thường và khi quyền trẻ em có nguy cơ bị xâm phạm hoặc bị xâm phạm trên thực tế, và trẻ em trở thành nạn nhân của các hành vi đó. Trong khi đó, các ngành luật khác chỉ bảo vệ quyền trẻ em khi có sự kiện pháp lý liên quan đến trẻ em hoặc quy định chung về quyền con người.

Câu hỏi nghiên cứu 3: Bảo vệ quyền trẻ em theo luật HN&GĐ cần theo nguyên tắc, hay không?

Giả thuyết nghiên cứu 3: Xây dựng nguyên tắc bảo vệ quyền trẻ em là vô cùng cần thiết, để bảo vệ trẻ em được hữu hiệu. Xuất phát từ đối tượng bảo vệ là trẻ em với thể chất và tâm thần non nớt, không tự thực hiện được các quyền của mình nên các cha mẹ, gia đình và xã hội phải dành những điều tốt đẹp nhất cho trẻ em. Khi thực hiện mọi việc có nguyên tắc sẽ tạo được tính hiệu quả trong việc thực hiện. Xác định nguyên tắc sẽ xác định được trách nhiệm của mỗi chủ thể trong việc bảo vệ quyền trẻ em. Quyền trẻ em chính là quyền con người, là quyền tự nhiên vốn có trên cơ sở nhu cầu và đặc điểm của trẻ em vì vậy nguyên tắc thực hiện quyền trẻ em mang đặc thù riêng. Cần nhìn nhận trẻ em như một con người với những nhu cầu, suy nghĩ tình cảm riêng. Người lớn cần tôn trọng những nhu cầu, tình cảm, suy nghĩ đó của trẻ em.

Kết quả nghiên cứu 3: Bảo vệ quyền trẻ em theo luật HN&GĐ được thực hiện trên những nguyên tắc nào?

Thứ nhất: Trẻ em phải được bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền và bổn phận của trẻ em trong gia đình. Để thực hiện tốt bốn nhóm quyền cơ bản của trẻ em, cần xây dựng hệ thống pháp luật đảm bảo các thành viên gia đình có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với trẻ em. Hệ thống pháp luật này phải đầy đủ từ việc ghi nhận các quyền con người của trẻ em, quyền chỉ riêng có của trẻ em, việc tổ chức thực hiện các quyền đó và có cơ chế giám sát, xử lý, kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm quyền trẻ em trong gia đình, đặc biệt với các chủ thể có hành vi vi phạm là thành viên gia đình với trẻ em.

Thứ hai: Trẻ em được tôn trọng, không bị phân biệt đối xử. Trong gia đình không phân biệt đối xử giữa trẻ em nam dựa trên giới tính, màu da, sắc tộc, hoàn cảnh ra đời, không phân biệt trẻ lành lặn phát triển bình thường hay trẻ khiếm khuyết bẩm sinh, tàn tật. Sự thiên vị, đối xử bất bình đẳng trong gia đình sẽ gây những tổn thương đáng kể cho trẻ em, đẩy trẻ em đến những khiếm khuyết trong phát triển tâm lý và thể chất.

Thứ ba: Bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em trong các quyết định liên quan đến trẻ em

Bảo vệ quyền trẻ em phải được thực hiện trên cơ sở các lợi ích tốt nhất của trẻ em được đảm bảo khi các quyết định của người lớn có liên quan đến trẻ em, phù hợp với nhu cầu khác nhau của trẻ em như: độ tuổi; điều kiện kinh tế-xã hội, điều kiện học tập nơi trẻ em sinh sống.... Bên cạnh đó, mọi người cần tôn trọng ý kiến của trẻ, tôn trọng sự phát triển bình thường của trẻ trong các hoạt động, chính sách, quy hoạch quốc gia liên quan hoặc không liên quan trực tiếp đến trẻ em. Bảo vệ các quyền của trẻ em theo luật HN&GĐ phải đảm bảo tính thống nhất và hệ thống với các quy định về quyền trẻ em trong pháp luật quốc tế mà Việt Nam đã tham gia cũng như Luật Trẻ em năm 2016.

1.3.2. Câu hỏi, giả thuyết và định hướng nghiên cứu liên quan đến những quy định pháp luật về bảo vệ quyền trẻ em theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Câu hỏi nghiên cứu 4: Bảo vệ quyền trẻ em thể hiện trong các quy định về điều kiện kết hôn theo Luật HN&GĐ năm 2014 và thực tiễn thực hiện như thế nào?

Giả thuyết nghiên cứu 4:

- Khi nam, nữ kết hôn tuân thủ các quy định về điều kiện kết hôn như độ tuổi kết hôn, sự tự nguyện, năng lực chủ thể,... là bảo vệ các quyền của trẻ em.

- Trường hợp cha, mẹ trẻ em đã đăng ký kết hôn nhưng vi phạm một trong các điều kiện kết hôn như: chưa đủ tuổi kết hôn; bị cưỡng ép, bị lừa dối; những người có cùng dòng máu về trực hệ hoặc những người khác có họ trong phạm vi ba đời kết hôn với nhau; người bị mất năng lực hành vi dân sự kết hôn... sẽ bị hủy kết hôn trái pháp luật. Tuy nhiên, đối với con chung sẽ được xem xét giải quyết như khi ly hôn. Luận án giải quyết vấn đề theo hướng hậu quả pháp lý và hậu quả trên thực tế khi các quy định về điều kiện kết hôn bị vi phạm để làm rõ cơ sở, ý nghĩa của các quy định pháp luật trong việc bảo vệ quyền trẻ em.

Kết quả nghiên cứu 4:

- Mục đích của quy định các điều kiện kết hôn là các bên nam nữ, sẽ tạo dựng một gia đình hạnh phúc, là tổ ấm đúng nghĩa để bao bọc và bảo đảm để các quyền cơ bản của trẻ em được đảm bảo trên thực tế. Khi nghiên cứu thực tế chúng tôi nhận thấy, tuy các quy định về kết hôn không bảo vệ trực tiếp các quyền trẻ em nhưng khi các bên nam nữ thực hiện tốt các quy định về điều kiện kết hôn thì các quyền của của trẻ em được bảo đảm thực hiện, đặc biệt là các quyền về khai sinh, có quốc tịch... của trẻ em. Luận án sẽ làm sáng tỏ việc thực thi của các quy định về điều kiện kết hôn trong thực tiễn đời sống xã hội nước ta, đặc biệt là vùng dân tộc thiểu số nơi vẫn tồn tại nhiều tập tục lạc hậu liên quan đến hôn nhân như: tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống... ảnh hưởng đến chất lượng nòi giống của các thế hệ sau. Về điều kiện kết hôn là độ tuổi đã bảo vệ trực tiếp quyền được phát triển của trẻ em, bởi với việc quy định tuổi kết hôn đã là ngưỡng đảm bảo cho trẻ em có các cơ hội để thực hiện quyền được phát triển. Trên cơ phân tích của các nhà khoa học, kết quả nghiên cứu về hậu

quả của việc vi phạm các điều kiện kết hôn tới trẻ em để chứng minh thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về độ tuổi kết hôn ở nước ta.

- Việc giải quyết hậu quả là con chung trong trường hợp hủy kết hôn trái pháp luật trên thực tế có nhiều vướng mắc. Việc nhận diện những vướng mắc đó khi áp dụng pháp luật HN&GĐ có ý nghĩa đối với việc bảo vệ quyền trẻ em.

Câu hỏi nghiên cứu 5:

Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình theo Luật HN&GĐ năm 2014 và thực tiễn thực hiện thể hiện việc bảo vệ quyền trẻ em như thế nào?

Giả thuyết nghiên cứu 5:

- Quy định về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong quan hệ hôn nhân có tác động nhất định đến bảo vệ quyền trẻ em. Việc tôn trọng và thực hiện các quyền nhân thân giữa vợ chồng sẽ tạo môi trường sống lành mạnh, văn minh giúp con phát triển. Các quyền về tài sản chung, tài sản riêng của vợ chồng cũng được quy định một mặt để bảo vệ quyền sở hữu tài sản của vợ chồng, mặt khác là đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Để bảo vệ quyền của trẻ em thì một số quyền nhân thân, tài sản của vợ hoặc chồng cũng bị hạn chế trong một số trường hợp.

- Quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con là nhiệm vụ quan trọng của luận án bởi đây là các quy định có tác động trực tiếp đến bảo vệ các quyền của trẻ em trong gia đình. Các nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ và giáo dục trẻ em có là cơ sở để các quyền cơ bản của trẻ em được thực hiện hay không, đặc biệt là quyền được sống của trẻ em. Trong trường hợp cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ với trẻ em sẽ dẫn đến các quyền trẻ em bị xâm hại trong chính gia đình của trẻ em thì cần làm giải quyết thế nào để đảm bảo vừa xử lý hành vi vi phạm vừa đảm bảo quyền của trẻ em. Các hình thức xâm hại đa dạng và gây những hậu quả khác nhau đối với từng đứa trẻ. Các hành vi giống nhau nhưng chưa chắc đã gây những hậu quả giống nhau, nhưng những tổn thương chắc chắn sẽ tồn tại trong mỗi đứa trẻ.

- Để bảo vệ trẻ em, Luật HN&GĐ năm 2014 quy định quyền và nghĩa vụ của thành viên khác trong gia đình gồm: anh, chị với em, ông bà nội ngoại, cô, dì, chú bác với cháu... Nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc của các thành viên khác trong gia đình đối với trẻ em được thực hiện khi trẻ em không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có khả năng để chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Kết quả nghiên cứu 5:

- Quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong các quy định về quyền nhân thân và quyền tài sản là nền tảng tạo môi trường sống tốt đẹp cho trẻ em. Vợ chồng cùng thực hiện các quyền và nghĩa vụ với nhau và cùng có nghĩa vụ chung là nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con

chưa thành niên nên người. Khi vợ chồng cùng thực hiện tốt các nghĩa vụ với nhau sẽ là cơ sở cho việc cùng thực hiện nghĩa vụ chung với con.

- Luật HN&GĐ năm 2014 quy định về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con, quyền và nghĩa vụ vợ chồng trong việc bảo vệ quyền được sinh hoạt, đảm bảo chỗ ở cho gia đình, việc sử dụng nguồn lợi, lợi tức, chỗ ở duy nhất của vợ chồng... không được làm ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường của con. Trong trường hợp ly hôn hoặc các trường hợp khác, người cha hoặc người mẹ không trực tiếp nuôi con chưa thành niên phải có nghĩa vụ đóng góp để nuôi dưỡng con, có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục con theo quy định của pháp luật, quy định cho chế độ thăm con đối với người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con sau ly hôn... Các nghĩa vụ của cha mẹ với trường hợp nuôi con nuôi với mục đích xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của người được nhận làm con nuôi, bảo đảm cho con nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong môi trường gia đình.

Khi trẻ em không còn người nuôi dưỡng, chăm sóc thì các nghĩa vụ này sẽ do thành viên khác của gia đình thực hiện để đảm bảo cho trẻ em không bị bỏ rơi, không người nuôi dưỡng. Ngoài ra những nội dung cụ thể sẽ được nghiên cứu bao gồm:

(i) Nghiên cứu về trách nhiệm đáp ứng điều kiện dinh dưỡng và tình yêu thương của của cha mẹ đối với con trong trường hợp trẻ em sau ly hôn. (ii) Bảo vệ quyền được biết cha mẹ mình theo Luật HN&GĐ năm 2014 quy định căn cứ xác định cha, mẹ cho trẻ em. Quyền được biết về nguồn gốc của trẻ em thể hiện sự tôn trọng của pháp luật đối với sự phát triển bình thường của trẻ cũng như liên quan đến huyết thống của trẻ sau này. Trên thực tế, quyền này đang bị hạn chế trong trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

- Luận án nghiên cứu về các hành vi xâm hại về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm của trẻ em từ cha, mẹ, người thân thích của trẻ. Nhóm hành vi này sẽ được phân tích dưới hai góc độ đó là dưới góc độ nhóm quyền sống còn của trẻ em và nhóm quyền bảo vệ trẻ em. Trong nội dung nhóm quyền sống còn, các hành vi này được xác định là các hành vi nghiêm trọng dẫn đến tử vong ở trẻ em. Khi trẻ em bị xâm hại, hành hạ... tước đi mạng sống của trẻ thì việc xử lý cần nghiêm khắc hơn để tính răn đe của pháp luật được tôn trọng và hạn chế những hành vi bạo lực như vậy với trẻ em. Luận án sẽ làm rõ các nguy cơ từ môi trường sống, yếu tố kinh tế - xã hội, trình độ hiểu biết của cha mẹ, người chăm sóc... đe dọa tước đi mạng sống của trẻ em. Chỉ khi phân tích được các nguy cơ này thì việc xây dựng các biện pháp phòng ngừa tai nạn, phòng ngừa các hành vi gây tổn thương cho trẻ em, từ đó xây dựng các quy định cụ thể để cha mẹ thực hiện, giảm bớt những nỗi đau trong mỗi gia đình và xã hội.

- Trước thực tế trẻ em bị xâm hại ngày càng gia tăng, đặc biệt là việc xâm hại tình dục trẻ em trong gia đình ảnh hưởng xấu đến sức khỏe tinh thần của trẻ em. Bên cạnh đó, những hoàn cảnh khách quan như thiên tai, dịch bệnh, cha mẹ ly hôn... cũng khiến trẻ em bị sốc

tâm lý, gây hoang mang, sợ hãi cho trẻ. Nghĩa vụ của cha mẹ và các thành viên gia đình như thế nào để giúp đỡ trẻ em nhanh chóng thoát khỏi tình trạng như vậy.

- Luận án sẽ tập trung nghiên cứu, phân tích môi trường gia đình thiếu an toàn, sự lơ là và thiếu nhận thức của cha mẹ và người trực tiếp chăm sóc trẻ về nguy cơ tai nạn thương tích có thể xảy ra với trẻ em... Đồng thời, luận án đề cập đến vấn đề rối loạn tâm lý của trẻ em hiện đang gia tăng cả về số lượng và mức độ tổn thương để làm rõ trách nhiệm của cha mẹ đối với việc quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em trước áp lực học hành, bạo lực gia đình, bạo lực học đường...

Câu hỏi nghiên cứu 6: Quy định về ly hôn theo Luật HN&GĐ năm 2014 và thực tiễn áp dụng thể hiện việc bảo vệ quyền trẻ em như thế nào?

Giả thuyết nghiên cứu 6: Khi cha mẹ ly hôn, quyền được chung sống cùng cha mẹ của trẻ em không được đảm bảo thực hiện. Do vậy pháp luật quy định việc giao con chưa thành niên cho một bên trực tiếp nuôi, quyền và nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của bên không trực tiếp nuôi con. Các quy định đó nhằm mục đích giảm thiểu những tác động tiêu cực đối với trẻ em khi cha mẹ ly hôn.

Kết quả nghiên cứu 6:

- Từ Điều 81 đến Điều 84 Luật HN&GĐ năm 2014 thể hiện rõ việc bảo vệ quyền trẻ em khi cha mẹ ly hôn như: Phân tích điều kiện sống đảm bảo cho sự phát triển của trẻ khi quyết định trẻ sống cùng cha hoặc mẹ, hỏi ý kiến trẻ khi đủ 7 tuổi trước khi quyết định trẻ sẽ ở cùng ai, chế độ cấp dưỡng của một bên không trực tiếp nuôi con nhằm đảm bảo con có cuộc sống đầy đủ... Việc phân tích khủng hoảng tâm lý của trẻ em, điển hình là sợ sệt trước những biến cố, luận án sẽ tiếp tục phát triển để làm rõ hơn các khủng hoảng của trẻ em khi gặp những hoàn cảnh dễ gây tổn thương cho trẻ em, qua đó để thấy được trách nhiệm của cha hoặc mẹ trẻ trong việc giúp trẻ em nhanh chóng tìm được sự cân bằng để tiếp tục phát triển.

- Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ sau ly hôn đã được quy định rõ, tuy nhiên trong thực tế còn những vướng mắc liên quan đến vấn đề cấp dưỡng, chăm sóc con hay việc thăm nom con... Luận án nghiên cứu để đưa ra những kiến nghị nhằm khắc phục những tồn tại, vướng mắc cũng như hạn chế những tác động tiêu cực đối với trẻ em khi cha mẹ ly hôn.

Câu hỏi nghiên cứu 7: Bảo vệ quyền trẻ em thể hiện trong các quy định về hạn chế quyền của cha mẹ với con theo Luật HN&GĐ năm 2014 và xử lý các hành vi vi phạm quyền trẻ em như thế nào?

Giả thuyết nghiên cứu 7: Các hành vi vi phạm quyền trẻ em của cha, mẹ, người thân thích phải được xem xét xử lý với các chế tài tương ứng với mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm và hậu quả gây ra đối với trẻ em.

Kết quả nghiên cứu 7:

- Để bảo vệ quyền trẻ em, cha, mẹ có thể bị Tòa án quyết định hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên, xử lý vi phạm hành chính hoặc hình sự tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi xâm phạm quyền trẻ em.

- Hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên được coi là biện pháp chế tài áp dụng đối với người cha, người mẹ khi có hành vi xâm phạm nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con chưa thành niên hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên. Biện pháp này được áp dụng khi các hành vi xâm phạm chưa đến mức xử lý hành chính.

- Khi cha mẹ có những hành vi vi phạm quyền trẻ em đến mức xử lý vi phạm hành chính và pháp luật hình sự sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật xử lý vi phạm hành chính và pháp luật hình sự.

1.3.3. Câu hỏi, giả thuyết và định hướng nghiên cứu liên quan đến định hướng hoàn thiện pháp luật hôn nhân và gia đình về bảo vệ quyền trẻ em

Câu hỏi nghiên cứu 8: Định hướng nghiên cứu đối với các quy định pháp luật HN&GĐ trong việc bảo vệ quyền trẻ em như thế nào?

Giả thuyết nghiên cứu 8:

- Bảo vệ quyền trẻ em theo pháp luật HN&GĐ nói chung và Luật HN&GĐ nói riêng cần tuân theo những định hướng nhất định. Định hướng đó đảm bảo tính thống nhất của pháp luật, tôn trọng quyền con người của trẻ em nhưng phải phù hợp và hài hòa và quyền và nghĩa vụ của các chủ thể khác trong gia đình và xã hội.

- Bảo vệ quyền trẻ em trong quan hệ HN&GĐ bảo đảm phù hợp với xu hướng thời đại và tiến tới các chuẩn mực quốc tế về bảo vệ quyền trẻ em. Là quốc gia đang phát triển, Việt Nam đang phải đối mặt với sự tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường, những thách thức từ việc mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế sẽ kéo theo nhiều vấn đề xã hội có liên quan đến trẻ em và gia đình... nên việc định hướng hoàn thiện pháp luật HN&GĐ trong việc bảo vệ quyền trẻ em là vô cùng cần thiết.

Kết quả nghiên cứu 8:

Bảo vệ quyền trẻ em trên nguyên tắc đảm bảo quyền con người không chỉ là xu hướng phát triển phát luật của riêng bất kỳ một quốc gia nào mà đã trở thành xu thế tất yếu trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật của các nước trên thế giới. Pháp luật Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó.

Trên cơ sở đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta về quyền con người, hệ thống pháp luật Việt Nam, pháp luật HN&GĐ có tránh nhiệm cụ thể hóa đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về quyền con người, quyền trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em

trong các văn bản pháp luật để điều chỉnh và quản lý xã hội nói chung và bảo vệ thế hệ tương lai của đất nước nói riêng.

Việc định hướng hoàn thiện pháp luật HN&GĐ phải kế thừa truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, xác định và hướng tới mục tiêu bảo vệ quyền trẻ em trên cơ sở gia đình tiếp tục là tổ ấm, là "pháo đài" trong việc bảo vệ trẻ em và quyền trẻ em.

1.3.4. Câu hỏi, giả thuyết và định hướng nghiên cứu liên quan đến giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật hôn nhân và gia đình về bảo vệ quyền trẻ em

Câu hỏi nghiên cứu 9: Các giải pháp hoàn thiện Luật HN&GĐ năm 2014 về bảo vệ quyền trẻ em và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền trẻ em theo Luật HN&GĐ?

Giả thuyết nghiên cứu 9:

Trên cơ sở phân tích định hướng hoàn thiện pháp luật HN&GĐ, nghiên cứu sinh đề xuất một số giải pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật HN&GĐ về bảo vệ quyền trẻ em. Trong đó, các kiến nghị tập trung vào việc sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật HN&GĐ năm 2014 về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con.

Các quyền và lợi ích hợp pháp của con không phụ thuộc vào tình trạng hôn nhân của cha mẹ, tuy nhiên có một số trường hợp cha mẹ không phải là vợ chồng, không còn là vợ chồng nên không sống chung với nhau thì việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con có những điểm khác so với trường hợp cha mẹ sống chung với nhau. Vì vậy, cần có quy định mang tính khái quát để bảo vệ trẻ em trong trường hợp cha mẹ không sống chung với nhau.

Kết quả nghiên cứu 9:

- Luật HN&GĐ năm 2014 cần có quy định cụ thể để định hướng hành vi của cha mẹ và người thân thích của trẻ em trong việc yêu thương, chăm sóc, trông nom trẻ em để bảo đảm quyền của trẻ em một cách hiệu quả nhất, đồng thời làm căn cứ đối chiếu, so sánh và xử lý khi cha mẹ có hành vi vi phạm quyền trẻ em.

- Cần thiết đặt ra thứ tự ưu tiên trong việc trông nom, chăm sóc trẻ em để tránh trường hợp cha, mẹ ỷ lại việc trông nom, chăm sóc trẻ em cho ông bà hoặc ngược lại có những người làm cha, mẹ từ chối, ngăn cản việc ông bà trông nom, chăm sóc cháu.

- Quy định về nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con khi cha mẹ không sống chung với nhau nhằm hướng đến mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của con chưa thành niên... tạo điều kiện thuận lợi nhất cho trẻ em có thể phát triển bình thường trong mọi hoàn cảnh, không bị ảnh hưởng bởi quan hệ của cha mẹ.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Tổng quan tình hình nghiên cứu các nội dung về quyền trẻ em rất phong phú, bởi đây là chủ thể đặc biệt để được hưởng và thực hiện các quyền con người. Trên thực tế các công trình nghiên cứu về vấn đề trẻ em rất đa dạng, dưới nhiều hình thức đồng thời đây cũng là chủ đề được nhiều nhà khoa học nghiên cứu, đặc biệt các nhà khoa học xã hội.

Về tình hình nghiên cứu ở nước ngoài, Luận án đã đề cập đến các vấn đề cơ sở lý luận, thực trạng và các giải pháp bảo đảm quyền trẻ em theo pháp luật quốc tế mà tiêu biểu Công ước Quyền trẻ em. Các công trình nghiên cứu khoa học của các trường đại học của Hà Lan, Mỹ, Anh... ; các bài viết được dịch từ nước ngoài của các tổ chức phi chính phủ như Unicef; Tổ chức bảo vệ trẻ em của Thụy Điển quỹ Quyền trẻ em, các tài liệu tập huấn về quyền trẻ em... Hầu hết các tác giả đều luận giải về trẻ em, quyền trẻ em và các biện pháp thúc đẩy thực hiện quyền trẻ em được xem là một trong các hình thức bảo vệ trẻ em.

Về tình hình nghiên cứu ở trong nước, các công trình nghiên cứu là luận án, luận văn, các bài viết chuyên khảo, các bài tạp chí khoa học chuyên ngành, bài tạp chí trong nước... đã cung cấp cơ sở lý luận, thực trạng và các giải pháp về bảo vệ quyền trẻ em trong thực tiễn với những nội dung, nhóm hoặc quyền trẻ em cụ thể cụ thể. Công trình khoa học có giá trị tham khảo cho luận án là Đề tài nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Luật Hà Nội đã tiếp cận việc bảo vệ quyền trẻ em trong môi trường gia đình.

Trên cơ sở đó, luận án đã đánh giá, nhận xét và xác định nội dung nào trong các công trình được kế thừa, nội dung nào luận án tiếp tục phát triển, làm rõ trên cơ sở các nhóm quyền cơ bản của trẻ em phù hợp với đề tài của luận án.

Luận án cũng đã xác định 09 (chín) giả thuyết, câu hỏi nghiên cứu theo từng nội dung để luận án sẽ làm rõ ở các chương cụ thể. Nội dung này luận án trình bày lần lượt gồm câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu và kết quả nghiên cứu để thấy rõ từng bước nghiên cứu của luận án.

Chương 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM VÀ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM THEO LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

2.1. Một số vấn đề lý luận về bảo vệ quyền trẻ em

2.1.1. Khái niệm trẻ em

Trẻ em là thuật ngữ được sử dụng thường xuyên trong đời sống xã hội cũng như trong các ngành khoa học. Tùy từng góc độ tiếp cận khác nhau mà có thể đưa ra những cách hiểu khác nhau về trẻ em.

Dưới góc độ triết học Mác - Lênin về bản chất con người, trẻ em được xem xét là con người trong mối quan hệ biện chứng với sự phát triển của tự nhiên và xã hội. Sự hình thành và phát triển của con người tuân theo các quy luật tự nhiên đồng, thời tác động vào tự nhiên nhằm cải biến tự nhiên theo mục đích của con người. Quá trình này tạo nên "tính xã hội của con người"[15]. Với tính chất là một thực thể sinh học, trẻ em có sự phát triển thống nhất, hài hòa giữa yếu tố sinh học và yếu tố xã hội. Về mặt sinh học, đó là quá trình từ khi hình thành phôi thai, đến khi trẻ được sinh ra và trưởng thành, là quá trình phát triển theo quy luật sinh học tự nhiên của đời sống con người mà không thể thay đổi được. Trong quá trình phát triển tự nhiên theo quy luật sinh học đó, trẻ em luôn chịu tác động, ảnh hưởng của các yếu tố xã hội, chính là môi trường sống của trẻ em. Về mặt xã hội, đó là quá trình phát triển tâm lý, tình cảm, nhận thức, ý thức, thái độ, đạo đức, nhân cách... của trẻ em thông qua các mối quan hệ xã hội phát sinh trong đời sống hằng ngày, qua quá trình giáo dục, học tập, lao động của trẻ em với những người xung quanh, mà trước hết là với cha mẹ, người thân trong gia đình.

Dưới góc độ xã hội, trẻ em là một thành phần của cơ cấu xã hội, theo các tiêu chí như: nhân khẩu, giới tính, người già, người trẻ. Dưới góc độ này, trẻ em là một đối tượng của các hoạt động thống kê xã hội học, là lực lượng lao động quyết định sự phát triển xã hội sau này, là người đang trong quá trình tiếp nhận, học hỏi những chuẩn mực xã hội.

Dưới góc độ sinh học, dựa trên những quy luật, đặc điểm các giai đoạn phát triển của con người về thể chất trẻ em. Theo đó, trẻ em là con người, là thực thể đang phát triển, tự vận động theo quy luật tự nhiên của giai đoạn phát triển đầu trong vòng đời, bắt đầu từ trong bào thai và sinh ra đến trước tuổi trưởng thành. Có nghĩa "trẻ em" là con người từ khi mới sinh ra cho đến khi trưởng thành. Trên cơ sở nghiên cứu nhân chủng học sinh học hay nhân học thể chất đối với lịch sử phát triển của loài người thì

[15] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác - Lê nin*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2006, trang 392.

hầu hết trẻ em đều tuân theo cùng một sơ đồ tăng trưởng và phát triển. Tuy nhiên, tuỳ thuộc vào nhân tố di truyền, bẩm sinh, vào hoàn cảnh sống và giáo dục của gia đình và cộng đồng mà mỗi trẻ em lại tăng trưởng và phát triển một cách riêng. Như vậy, dưới góc độ sinh học, trẻ em là con người chưa phát triển đầy đủ về thể chất và các chức năng trong cơ thể đang tiếp tục được hình thành, thay đổi và phát triển ở từng giai đoạn theo quy luật sinh học tự nhiên.

Dưới góc độ tâm lý học, trẻ em chỉ giai đoạn đầu của sự phát triển tâm lý - nhân cách con người. Các nhà tâm lý học quan tâm nghiên cứu sự phát triển tâm lý của con người nói chung và trẻ em nói riêng trong độ tuổi từ lúc lọt lòng đến hết tuổi dậy thì. Tâm lý học trẻ em dựa trên triết học duy vật biện chứng. Phân tích cơ chế về sự phát triển của trẻ em có thể nhận ra những đặc điểm, những mối quan hệ giữa nền văn hoá với sự phát triển của trẻ em, giữa hoạt động của chính trẻ em với sự phát triển của nó, giữa giáo dục của người lớn với sự phát triển của trẻ em... Những mối quan hệ này mang tính phổ biến và tính tất yếu, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển tâm lý trẻ em. Điều này chứng minh rằng tâm lý, ý thức con người do xã hội quyết định. Một trong các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành nhân cách, các khả năng riêng biệt của mỗi đứa trẻ đó chính là môi trường giáo dục, đặc biệt là giáo dục của gia đình.

Qua nghiên cứu của khoa học tâm lý và khoa học sinh học nhận thấy, mỗi giai đoạn phát triển về thể chất của trẻ em sẽ có sự phát triển tương ứng về tâm lý của trẻ em thông qua những nét tính cách, tâm lý luôn phù hợp với lứa tuổi. Khoa học di truyền đã chứng minh các điều kiện sinh học như các yếu tố cấu tạo cơ thể người, hệ thần kinh, bộ não người mà trẻ em nhận được từ cha mẹ mình... là tiền đề vật chất, là phương tiện để nảy sinh và phát triển tâm lý. Các yếu tố trên có khả năng trở thành các cơ quan hoạt động tâm lý cực kỳ phức tạp mà chỉ con người mới có. Bộ não của con người cùng với các cơ quan của cơ thể là tiền đề vật chất để một cá thể trở thành một con người. Cùng với tiền đề vật chất đó, trẻ em được hòa mình vào các quan hệ với những người khác để hình thành nhận thức, tình cảm, ý chí... Từ khi chỉ đơn giản là tiếng khóc, nụ cười, dần đến tiếp xúc, vận động, biết chơi và bắt chước, cao hơn nữa là biết phân biệt, thể hiện cá tính, hình thành nếp sống, thói quen, những hành vi có ý thức. Với mỗi lứa tuổi của trẻ em, các nhà tâm lý đã khái quát các đặc điểm tâm lý theo sự phát triển tương ứng với từng độ tuổi. Các đặc điểm tâm lý này là sự phát triển khách quan theo quy luật vận động và phát triển... với sự định hướng giáo dục của người lớn tạo nên những đặc điểm tính cách của trẻ. Những đặc điểm này mang tính phổ quát của từng lứa tuổi. Từ 0 đến 1 tuổi trẻ đã cảm nhận được tình cảm của người mẹ, của các thành viên trong gia đình. Từ 01 đến 03 tuổi trẻ phát triển ngôn ngữ, chủ động tiếp xúc với người lớn, hiểu lời nói trước khi biết nói. Từ 03 đến 06 tuổi, trẻ em nhận ra vị trí của mình giữa mọi người. Từ 06 đến 11 tuổi, nhân cách của trẻ em được hình thành với những nếp sống, thói quen, những hành vi có ý thức, tự khép mình vào

quy tắc xã hội hoặc theo những giá trị bản thân đã chấp nhận. Từ quan hệ ruột thịt dần dần chuyển sang quan hệ xã hội, trẻ có sự thay đổi môi trường sống, không phải môi trường quen thuộc như trước đây mà vươn ra quan hệ ngoài xã hội như là quan hệ thầy cô, bạn bè. Từ 11 đến 16 tuổi, trẻ em có sự thay đổi cấu trúc nhân cách, từ trẻ em sang người lớn trưởng thành, các em cần có chỗ dựa tình cảm của người thân để tâm sự và chia sẻ ý kiến, kinh nghiệm[16]. Tuy nhiên, vẫn có những trường hợp ngoại lệ, một số trẻ không tuân theo các quy luật chung bởi các khiếm khuyết hoặc tác động của môi trường bên ngoài, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ.

Dưới góc độ luật học, các văn kiện pháp lý quốc tế và hệ thống pháp luật của các quốc gia đều xác định trẻ em căn cứ vào độ tuổi. Độ tuổi đó là mốc cơ bản phân biệt giữa trẻ em và người trưởng thành trên cơ sở nghiên cứu của các ngành khoa học như: tâm lý học, y học, giáo dục học... Thông qua độ tuổi sẽ xác định được những đặc tính chung tương ứng về các giai đoạn phát triển thể chất, nhận thức và tâm sinh lý của con người trong quá trình phát triển.

Trong các văn kiện pháp lý quốc tế như: Tuyên ngôn của Liên Hiệp Quốc về Quyền trẻ em năm 1959, Tuyên ngôn Thế giới về Quyền con người năm 1948, Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền trẻ em năm 1989 (sau đây gọi là Công ước về Quyền trẻ em), Công ước 138 của Tổ chức Lao động quốc tế về tuổi tối thiểu làm việc năm 1976... thì tuổi trẻ em được xác định tương đối thống nhất. Theo đó, các văn kiện pháp lý quốc tế đều thống nhất quan điểm trẻ em, do chưa trưởng thành về tinh thần và thể lực cần có sự bảo vệ và chăm sóc đặc biệt, bao gồm sự bảo vệ về mặt pháp lý thích hợp, trước cũng như sau khi sinh và xác định trẻ em là người dưới 18 tuổi. Theo Điều 1 Công ước về Quyền trẻ em, văn bản pháp lý được thừa nhận rộng rãi trên toàn thế giới, ghi nhận: "*Trẻ em là bất kỳ người nào dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật có thể được áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn*".

Ở các văn bản khác của các tổ chức quốc tế như: Liên Hiệp Quốc (LHQ), Quỹ Dân số (UNFPA), Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa (UNESCO) đều xác định độ tuổi của trẻ em là người dưới 18 tuổi và xác định độ tuổi tối thiểu để trẻ em có thể tham gia các hoạt động lao động khác.

Trên cơ sở các văn kiện pháp lý quốc tế, so sánh pháp luật của một số quốc gia trên thế giới nhận thấy, đa số quốc gia quy định trẻ em là người dưới 18 tuổi. Điều 2 Luật Bảo vệ người chưa thành niên của Trung Quốc quy định: Trẻ em còn được gọi là trẻ chưa thành niên, là công dân dưới 18 tuổi,... Pháp luật Nhật Bản, tại Điều 4 Luật Phúc lợi trẻ em năm 1947 và pháp luật hiện hành quy định trẻ em là người dưới 18

[16] Đơn vị Tâm lý - Bệnh viện Nhi đồng Thành phố, "*Các giai đoạn phát triển tâm lý của trẻ từ 0 đến 16 tuổi*", ngày 20/8/2020. https://bvndtp.org.vn/cac-giai-doan-phat-trien-tam-ly-cua-tre-tu-0-den-16-tuoi/. Ngày truy cập 29/8/2020.

tuổi. "Theo Luật Liên bang Nga số 124 - FZ ngày 21/7/1998 (sửa đổi), thì trẻ em được hiểu là người ở độ tuổi dưới 18 tuổi"[17]. Theo pháp luật Liên bang của Hoa Kỳ thì "trẻ em là người dưới 18 tuổi". Tại một số quốc gia Bắc Âu như Thụy Điển, Đan Mạch, Hà Lan... là những nước có nền kinh tế phát triển ổn định, chú ý nhiều hơn đến vấn đề an sinh xã hội cho con người thì có quy định lớn hơn về độ tuổi trẻ em. Cụ thể, luật pháp các quốc gia này quy định trẻ em là người dưới hai mươi tuổi [18].

Do điều kiện, chính sách pháp luật của mỗi quốc gia khác nhau và trên cơ sở quy định của Công ước về Quyền trẻ em, một số quốc gia trên thế giới xác định độ tuổi của trẻ em là thấp hơn so với quy định tại Điều 1 Công ước. Với tư cách là thành viên của Liên Hiệp Quốc, Việt Nam là nước đầu tiên ở châu Á và nước thứ hai trên thế giới tham gia Công ước về Quyền trẻ em (vào năm 1990). Theo đó, Việt Nam nội luật hóa các qui định của Công ước trong văn bản pháp luật về trẻ em. Theo Điều 1 Luật Trẻ em năm 2016 thì "trẻ em là những người dưới 16 tuổi". Cùng với khái niệm trẻ em, pháp luật Việt Nam còn có khái niệm "người chưa thành niên". Theo đó, khái niệm "trẻ em" hẹp hơn khái niệm "người chưa thành niên", bởi người chưa thành niên bao gồm cả trẻ em và những người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Quy định này của pháp luật Việt Nam không trái với Công ước về Quyền trẻ em vì việc xác định độ tuổi của trẻ em được căn cứ vào các yếu tố nhân chủng học, các chỉ số phát triển tâm sinh lí, thể lực, trí lực của con người nói chung, cũng như các điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Như vậy, hầu hết các quốc gia đều nhìn nhận trẻ em dựa trên cơ sở độ tuổi và có sự khác nhau ở một số quốc gia. Việc qui định khác nhau như vậy dựa vào điều kiện lịch sử, văn hóa và kinh tế của mỗi đất nước. Do đó, có những quốc gia qui định độ tuổi trẻ em là dưới 18 tuổi, có quốc gia quy định tuổi trẻ em dưới 16 tuổi, có quốc gia lại quy định tuổi trẻ em dưới 20 tuổi.

Theo quan điểm của chúng tôi, xác định trẻ em theo độ tuổi là căn cứ phù hợp với thông lệ quốc tế, trên cơ sở khoa học sự phát triển về thể chất, tâm lý của trẻ em. Trẻ em dù ở độ tuổi nào theo cách xác định của các quốc gia được hưởng mọi quyền con người và quyền tự do đã được nêu ra trong các Công ước Quốc tế về quyền con người mà không bị bất cứ một sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hoặc quan điểm khác, địa vị, nguồn gốc dân tộc và xã hội, tài sản, dòng dõi hoặc mối tương quan khác. Bởi trẻ em là người chưa trưởng thành nên có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ và tham gia mọi vấn đề liên quan đến bản thân mình để bày tỏ quan điểm, chính kiến của mình. Tuy độ tuổi được

---

[17] Tăng Thị Thu Trang, *Quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Khoa học xã hội, 2016, tr.25.

[18] Hoàng Thị Thùy Dung (2014), *Các quyền cơ bản của trẻ em theo pháp luật Việt Nam hiện hành*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr.5.

coi là trẻ em ở mỗi quốc gia có khác nhau nhưng nhìn chung các quốc gia đều thống nhất quan điểm: trẻ em có đặc điểm thể chất và trí tuệ chưa trưởng thành nên cần có sự chăm sóc, giáo dục đặc biệt của gia đình, nhà trường, xã hội cả về mặt đạo đức và pháp lý.

Như vậy, có thể hiểu: *Trẻ em là những người đang ở một độ tuổi nhất định trong giai đoạn đầu phát triển của con người, có những đặc điểm về thể chất và tâm lý chưa hoàn thiện cần được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh bằng quy chế pháp lý đặc biệt.*

Kết quả nghiên cứu của các ngành khoa học xác định trẻ em có những nét riêng biệt mang tính phổ quát chung về thể chất và tâm lý con người cụ thể như sau:

Về thể chất: Trẻ em là một thực thể chưa phát triển đầy đủ về thể chất, sẽ tiếp tục thay đổi, trưởng thành tuân theo quy luật chung về sinh học. tự vận động theo quy luật của bản thân nó. Sự vận động về thể chất mang tính tất yếu của trẻ em do quá trình phát triển bên trong của mỗi người. Mọi trẻ em đều tuân theo những giai đoạn tăng trưởng và phát triển nhất định về cơ thể (xương, răng, chiều cao, cân nặng, năng lực vận động, lẫy, bò, đi, chạy...) và về tâm lí - xã hội (phát triển ngôn ngữ, tư duy, tình cảm, quan hệ bạn bè...). Khoa học về nhân chủng học cũng chứng minh sự phát triển của các hoóc- môn tăng trưởng ở người (HGH- Human Growth Hormone) do tuyến yên tại não tiết ra có nhiệm vụ giúp bảo trì và tái tạo các tế bào sẽ đặc biệt phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn sơ sinh và dậy thì của mỗi đứa trẻ. Các hóc-môn này tiết ra mạnh mẽ nhất khi trẻ em được hoạt động và ngủ đầy đủ. Như vậy, với sinh hoạt bình thường của mỗi đứa trẻ, các hóc-môn tăng trưởng sẽ tăng tiết theo sự phát triển một cách tự nhiên theo từng giai đoạn phát triển và điều kiện sống bình thường. Trẻ em là một cơ thể đang lớn và phát triển vì vậy tăng trưởng là một đặc điểm sinh học cơ bản của trẻ em. Tăng trưởng gồm hai quá trình: lớn và phát triển. Quá trình lớn chỉ sự tăng trưởng khối lượng do sự tăng sinh và phì đại của tế bào. Quá trình phát triển chỉ sự biệt hóa về hình thái và sự trưởng thành về chức năng của các bộ phận và hệ thống trong cơ thể[19]. Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), trẻ em được tính từ 0 đến 18 tuổi và chia thành các giai đoạn sau: Sơ sinh từ 0 -1 tháng tuổi, trẻ bú mẹ từ 1- 23 tháng tuổi, trẻ em tiền học đường từ 2 - 5 tuổi, Trẻ nhi đồng từ 6 - 12 tuổi và trẻ vị thành niên từ 13 - 18 tuổi. Mỗi giai đoạn này đều gắn với những đặc điểm phát triển, hoàn thiện dần của các bộ phận, chức năng của các cơ quan trong cơ thể: Ví dụ: (i) Giai đoạn sơ sinh và nhũ nhi từ 0 đến 2 tuổi: là giai đoạn các cơ quan trong cơ thể đang dần hoàn thiện, hệ miễn dịch còn non yếu. (ii) Giai đoạn tiền học đường từ 2 đến 5 tuổi: Chức năng cơ

[19] Tổng hội y học Việt Nam – Viện Y học ứng dụng Việt Nam, *"Phát triển thể chất cuả trẻ em"*, http://vienyhocungdung.vn/phat-trien-the-chat-cua-tre-em-20160331141007081.htm, 01/4/2016, truy cập ngày 23/8/2020.

bản của các bộ phận dần hoàn thiện, chức năng vận động và hệ cơ phát triển nhanh, trí tuệ trẻ phát triển nhanh, đặc biệt về ngôn ngữ. (iii) Thời kỳ nhi đồng từ 6 đến 12 tuổi: Các cơ quan cũng đã hoàn chỉnh về cấu tạo và chức năng. Vỏ não đã hoàn toàn biệt hóa, các chức năng phát triển mạnh và phức tạp hơn. Trẻ đã biết suy nghĩ, phán đoán và trí thông minh cũng dần phát triển. (iiii) Thời kỳ vị thành niên: Tuổi dậy thì được giới hạn khác nhau tùy theo giới tính, môi trường và hoàn cảnh kinh tế - xã hội. Trẻ em gái thường bắt đầu từ lúc 13 - 14 tuổi, kết thúc vào 17 - 18 tuổi. Trẻ em trai thường bắt đầu từ 15 - 16 tuổi, kết thúc lúc 19 - 20 tuổi. Trong giai đoạn này, chức năng các tuyến sinh dục hoạt động mạnh., tâm sinh lý như cảm xúc giới tính, tính khí, nhân cách cũng thay đổi[20].

Như vậy, sự phát triển về thể chất của trẻ em qua các giai đoạn hoàn toàn tuân theo qui luật tự nhiên, đặc biệt sẽ phát triển tốt hơn khi được đáp ứng các nhu cầu cơ bản, thiết yếu. Những biến động ở các lứa tuổi trong các giai đoạn phát triển thể chất nhất định sẽ kéo theo sự phát triển tâm lý và hình thành tính cách mà khó có thể tác động để kìm hãm hay kéo dài sự phát triển.

Về tâm lý, nhận thức: Mỗi trẻ em là một con người với tâm sinh lý chưa trưởng thành, tiếp tục hình thành và phát triển theo từng độ tuổi phù hợp với quá trình phát triển thể chất, chịu sự tác động lớn của môi trường xã hội. Trong quá trình tăng trưởng và phát triển của trẻ em, cơ thể đạt đến một độ chín nhất định thì năng lực, chức năng tương ứng mới có cơ sở để hình thành. Nguyên lý phát triển thừa nhận mọi sự vật đều vận động không ngừng và chuyển hoá lẫn nhau để luôn tạo ra cái mới. Cái mới chỉ có thể nảy sinh bằng cách phủ định cái trước đó, để rồi tự hình thành và hoàn thiện bản thân trên cơ sở của chính mình. Mỗi con người trưởng thành đều cần trải qua quá trình trẻ em lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử - xã hội được loài người sáng tạo ra và giữ lại trong nền văn hoá, bằng hoạt động của chính trẻ em và luôn luôn được người lớn hướng dẫn - tức là giáo dục. Đây chính là cơ chế về sự phát triển tâm lý của trẻ em. Phân tích cơ chế về sự phát triển của trẻ ta dễ nhận ra những đặc điểm, những mối quan hệ giữa nền văn hoá với sự phát triển tâm lý của trẻ em, giữa hoạt động của trẻ em với sự phát triển của chính nó, giữa giáo dục của người lớn với sự phát triển của trẻ em... Những mối quan hệ này mang tính phổ biến và tính tất yếu ảnh hưởng lớn đến sự phát triển tâm lý trẻ em, đó chính là quy luật.

Cùng với quy luật phát triển của con người, mọi trẻ em đều trải qua những giai đoạn phát triển tâm lý đặc trưng giống nhau theo một trình tự nhất định. Trong giai đoạn sơ sinh (từ 0 đến 1 tuổi), các em chỉ cần được người lớn thỏa mãn những nhu cầu bản năng như ăn, ngủ, đi lại, chơi... Giai đoạn từ 1 tuổi đến 3 tuổi, các em đã đủ hiểu

[20] VIETLIFE CLINIC, *"Các giai đoạn phát triển của trẻ"*, https://vietlifeclinic.com/cac-giai-doan-phat-trien-cua-tre/, 23/8/2018, truy cập ngày 23/8/2020.

và biết để tò mò về thế giới xung quanh, có thể tự tiếp xúc bằng cảm giác và vận động. Cùng với sự phát triển ngôn ngữ, các em có thể chủ động giao tiếp với người lớn thông qua lời nói và hành vi. Giai đoạn từ 3 đến 6 tuổi, các em đã biết tự mình khám phá thế giới xung quanh, , biết yêu cầu khi có mong muốn, hiểu người lớn nói gì, hay đặt câu hỏi tại sao và bắt đầu có ý kiến riêng, cái tôi được hình thành, bắt đầu nhận thức về giới tính. Giai đoạn từ 6 đến 11 tuổi là thời kỳ bắt đầu đi học. Suy nghĩ mở rộng, các hoạt động chuyển đổi qua lại, quan hệ với thầy cô và bạn bè trên tinh thần hợp tác và tự tin cá nhân. Nhân cách được hình thành, thể hiện nếp sống, thói quen, những hành vi có ý thức. Giai đoạn từ 11 đến 16 tuổi, đặc điểm tâm lý của các em rất phức tạp, tâm lý tự lập được phát triển, sự bắt chước đã mang tính chất lựa chọn, tính tự trọng cao, khá nhạy cảm với những đánh giá của mọi người xung quanh, có ý thức mạnh về giới tính của mình[21]... Ở giai đoạn này, các em cần có sự quan tâm, hỗ trợ và hướng dẫn của người lớn, giúp các em từng bước tự chủ trong mọi hoạt động. Cha mẹ và các thành viên khác của gia đình là chỗ dựa tình cảm vững chắc, giúp các em thoải mái và có những suy nghĩ tích cực Những giai đoạn phát triển tâm lý trên đây của trẻ em có thể ví như những bậc thang, tuy nhiên các bậc thang này không giống nhau. Có những thời kỳ chuyển biến về thể chất và tâm lý tương đối chậm, từ từ trong suốt thời gian dài. Có những thời kỳ thay đổi rõ rệt, nhảy vọt về thể chất cũng như những nét tính cách của trẻ. Bên cạnh những khác biệt về nhịp độ và tốc độ phát triển, ở trẻ em còn bộc lộ những khác biệt trong các phẩm chất tâm lý cá nhân như tính cách, năng lực, hứng thú. Ngay cả trong cùng một điều kiện sống và giáo dục, cùng trong một gia đình thì những đứa trẻ cùng giới tính cũng vẫn không giống nhau về sự phát triển thể chất và tâm lý... Như vậy, có thể khẳng định rằng, mỗi trẻ em là cá thể riêng biệt, chưa hoàn thiện về thể chất, tinh thần có quá trình phát triển khác nhau tuân theo những quy luật phát triển nhất định của tự nhiên và xã hội theo hướng ngày càng hoàn thiện năng lực cá nhân.

2.1.2. Khái niệm và đặc điểm của quyền trẻ em

Lịch sử thế giới ghi nhận nhiều nhà tư tưởng quan tâm, đấu tranh cho quyền trẻ em. Thomas Spence (1750-1814), một nhà cách mạng cấp tiến hàng đầu của nước Anh cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19, được coi là người đầu tiên đưa ra khái niệm về quyền con người (rights of man), quyền con người của trẻ sơ sinh (The rights of infants) để phản ánh về hiện thực xã hội lúc đó của những người nghèo, chống lại giới quý tộc. Qua những tác phẩm của ông đã thể hiện quan điểm về sự đấu tranh giành lại các quyền lợi về đất đai, tài sản của những người nông dân, thợ hầm mỏ nghèo và đặc biệt

[21] "Đặc điểm tâm lý của trẻ em ở tuổi nhi đồng và vị thành niên", Vinmec, ngày 9/7/2019, truy cập ngày 22/9/2019.

https://www.vinmec.com/vi/tin-tuc/thong-tin-suc-khoe/dac-diem-tam-ly-cua-tre-em-do-tuoi-nhi-dong-va-vi-thanh-nien/.

là việc không để trẻ sơ sinh sống trong đói nghèo và bị lạm dụng[22]. Đến đầu Thế kỷ thứ 20, thuật ngữ pháp lý "quyền trẻ em" mới được đề cập sau cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918). Cuộc chiến tranh đã khiến rất nhiều trẻ em ở châu Âu bị rơi vào hoàn cảnh đặc biệt khó khăn như mồ côi không nơi nương tựa, đói khát, bệnh tật và thương tích... Tình cảnh đó đã thúc đẩy việc thành lập hai tổ chức cứu trợ trẻ em đầu tiên trên thế giới ở Anh và Thuỵ Điển vào năm 1919. Đến năm 1923, bà Eglantyne Jebb - người sáng lập Quỹ cứu trợ trẻ em của nước Anh đã soạn thảo một bản Tuyên bố gồm 7 điểm, trong đó kêu gọi thừa nhận và bảo vệ các quyền của trẻ em[23].

Lịch sử đã chứng minh, việc đấu tranh về quyền con người, đặc biệt là quyền con người của trẻ em bắt đầu từ hiện thực xã hội có những ứng xử thiếu công bằng đối với trẻ em. Năm 1924, Tuyên ngôn về Quyền trẻ em (Tuyên ngôn Giơ-ne-vơ) của Đại hội đồng quốc liên ra đời. Sự kiện này là mốc đánh dấu thời điểm thuật ngữ "quyền trẻ em" lần đầu tiên được nêu chính thức trong pháp luật quốc tế, tạo bước ngoặt trong nhận thức và hành động bảo vệ trẻ em trên thế giới. Từ đây, quyền trẻ em đã mở rộng cơ sở của các hoạt động bảo vệ trẻ em từ các khía cạnh đạo đức, xã hội sang khía cạnh pháp lý, bác bỏ hoàn toàn quan niệm trước đây coi trẻ em như là những đối tượng hoàn toàn phụ thuộc của các bậc cha mẹ. Điều này là bởi một khi trẻ em được coi là một chủ thể của quyền, các hành động liên quan đến trẻ em sẽ không còn đơn thuần đặt trên nền tảng của tình thương, lòng nhân đạo hay sự che chở nữa, mà còn là nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan, kể cả các bậc cha mẹ. Tuy nhiên, Tuyên ngôn chưa sử dụng cách tiếp cận quyền để định nghĩa "quyền trẻ em" mà chỉ dừng lại ở việc yêu cầu trách nhiệm bảo đảm quyền trẻ em của các chủ thể. Năm 1948, Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (sau đây gọi là Tuyên ngôn về quyền con người) ra đời. Ngay Lời nói đầu đã thể hiện tư tưởng tiến bộ của nhân loại về quyền con người. Theo đó, con người sinh ra đều có quyền bình đẳng về phẩm giá và các quyền dân sự, chính trị, kinh tế xã hội và văn hóa (Điều 1). Hai tuyên bố trên chính là cơ sở cho việc khẳng định quyền con người của trẻ em tại Tuyên ngôn về Quyền trẻ em (năm 1959) được thông qua tại Liên Hiệp Quốc. Tuyên ngôn này đã sử dụng cách tiếp cận quyền để đặt ra các nguyên tắc đối với trẻ em. Khái niệm "Quyền trẻ em" được xác định với nội dung đầy đủ và tiến bộ hơn. Với tính nhân văn và tinh thần nhân đạo, Tuyên ngôn kêu gọi "Hãy giành những gì tốt nhất cho trẻ em mà người lớn có". Tuyên ngôn đã đưa ra yêu cầu không được phân biệt đối xử với trẻ em, cần tạo mọi cơ hội để trẻ em phát triển tự do trong nhân phẩm, được yêu thương và cảm thông, được học hành và vui chơi giải trí... Như vậy, trẻ em được thừa nhận là chủ thể bình đẳng với người lớn trong việc hưởng tất cả các quyền và tự do cơ bản được ghi nhận trong luật nhân quyền quốc tế.

---

[22]https://en.m.wikipedia.org/wiki/Thomas_Spence; https://en.m.wikipedia.org/wiki/Children's_rights.

[23] Nguyễn Đăng Dung – Vũ Công Giao – Lã Khánh Tùng (2011), Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người, Nhà xuất bản Đại học quốc gia, Hà Nội, trang 254

Năm 1989, Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em ra đời là một bước ngoặt đánh dấu sự thay đổi nhận thức về địa vị của trẻ em. Giờ đây, vấn đề trẻ em không chỉ là vấn đề của riêng gia đình mà đã trở thành mối quan tâm chung của xã hội và toàn nhân loại. Trẻ em được khẳng định là chủ thể của quyền chứ không phải là đối tượng của các chính sách xã hội. Mục tiêu cơ bản mà Liên Hiệp Quốc hướng tới là xác lập một khuôn khổ pháp lý quốc tế, để các quốc gia xây dựng pháp luật sao cho tạo điều kiện cho sự bảo vệ và phát triển toàn diện trẻ em. Bên cạnh đó, Công ước còn thể hiện một khát khao lớn lao là những đứa trẻ được chăm sóc nuôi dưỡng bằng tình yêu thương và sự tôn trọng nhân phẩm sẽ là thế hệ con người tương lai xua đi mọi hận thù, bất công và bảo đảm cho hòa bình và an ninh con người trên toàn thế giới.

Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, Công ước Quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa đã ghi nhận quyền con người nhấn mạnh đến một số quyền cơ bản của con người như quyền được sống, quyền tự do và an ninh cá nhân, quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, quyền học tập, quyền được chăm sóc sức khỏe... Công ước Quốc tế về các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội đã khẳng định rằng "Các quốc gia thành viên của Công ước này cam kết bảo đảm rằng các quyền được nêu trong công ước này sẽ được thực thi không có sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hoặc xã hội, tài sản, dòng dõi hay các điều kiện khác" (Điều 2). Quy định này đã có cơ sở để đảm bảo quyền của mọi cá nhân nói chung và quyền của trẻ em nói riêng trong điều kiện xã hội hiện nay khi mà những người (gồm cả trẻ em) ở giới tính thứ ba (những người đồng tính nam, đồng tính nữ, song tính và chuyển giới gọi tắt là nhóm "LGBT") đang tồn tại như một thực tế khách quan, họ cũng cần được bảo vệ, được hưởng thụ những quyền cơ bản của con người nói chung như những người khác.

Như vậy, có thể khẳng định, quyền trẻ em xuất phát từ quyền con người hay nói cách khác là quyền con người của trẻ em theo tiến trình lịch sử. Bắt đầu từ việc coi trẻ em là đối tượng của sự thương hại, yếu thế nên cần bảo vệ (Các cuộc đấu tranh về quyền con người; Tuyên ngôn Giơ-ne-vơ 1924) chuyển sang cách tiếp cận trẻ em là một con người có tư cách chủ thể (Tuyên bố về Quyền trẻ em của Liên Hiệp Quốc năm 1959; Công ước Quyền trẻ em). Cách tiếp cận này cho thấy trẻ em có đầy đủ các quyền của con người và là chủ thể đặc biệt của quyền con người. Vì vậy, trẻ em cần được ghi nhận các quyền đặc thù như được chăm sóc, bảo vệ đồng thời xác lập nghĩa vụ của các chủ thể khác. Cha mẹ yêu thương, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con không đơn thuần là tình cảm tự nhiên mà đó còn là nghĩa vụ đối với con khi con chưa phát triển đầy đủ về thể chất, trí tuệ và tinh thần. Trẻ em chưa thể tự mình thực hiện và bảo vệ các quyền của mình, do đó cần có sự bảo trợ, hướng dẫn, chỉ bảo của người lớn. Mặc dù vậy, cần nhìn nhận rằng trẻ em là một chủ thể độc lập, có quyền tự quyết, chủ động thực hiện quyền của mình, với sự hỗ trợ, giúp đỡ của các chủ thể khác.

Trên cơ sở Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em, Việt Nam quy định các quyền của trẻ em phù hợp với điều kiện của đất nước trong Luật Chăm sóc, Giáo dục và Bảo vệ trẻ em năm 2004 trước đây và Luật Trẻ em năm 2016 hiện hành. Dưới góc độ là các lợi ích mà trẻ em hướng tới, các đặc quyền tự nhiên của trẻ em... được pháp luật ghi nhận, tôn trọng và bảo đảm thực hiện nhằm bảo vệ sự sống còn, quyền được tham gia và phát triển toàn diện của trẻ em tại Luật Trẻ em 2016[24].

Có thể thấy ở mỗi độ tuổi khác nhau thì trẻ em được hưởng quyền và có những nghĩa vụ khác nhau. Việc xem xét quy định và thực hiện quyền trẻ em phải xuất phát từ đặc của trẻ em, vì vậy quyền trẻ em là những đặc lợi mà trẻ em được hưởng theo quy định của pháp luật.

Như vậy, *quyền trẻ em là những quyền con người được áp dụng dành riêng cho trẻ em, là những đặc quyền tự nhiên mà trẻ em được hưởng, được tôn trọng, được công nhận và được bảo đảm thực hiện trên cơ sở pháp luật phù hợp với sự phát triển toàn diện về thể chất, tâm lý xã hội của trẻ em*.

Qua phân tích ở trên, quyền trẻ em có một số đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, quyền trẻ em xuất phát từ quyền con người, mang tính tự nhiên gắn với quá trình phát triển của trẻ em.

Những đặc điểm và tính chất cơ bản của quyền con người được nghiên cứu và ghi nhận trong quá trình phát triển lâu dài của lịch sử. Tiếp cận dưới góc độ quyền con người, quyền trẻ em trước hết phải được ghi nhận từ các quyền cơ bản của con người.

Quyền trẻ em là các quyền tự nhiên gắn liền với quá trình phát triển về thể chất, tâm lý, sinh lý của trẻ em. Đồng thời, các quyền của trẻ em có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Việc thực hiện tốt quyền này sẽ là tiền đề để thực hiện các quyền khác. Ngược lại, khi một quyền nào đó bị xâm phạm thì sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện và thụ hưởng các quyền khác. Chẳng hạn, khi quyền được sống của trẻ em được đảm bảo thì quyền được tham gia, được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục của trẻ em mới được đảm bảo. Mặc dù mọi trẻ em đều được hưởng quyền nhưng mức độ thụ hưởng quyền có sự khác biệt, phụ thuộc vào năng lực cá nhân của mỗi đứa trẻ và pháp luật của mỗi quốc gia. Năng lực cá nhân bao hàm năng lực chủ thể của trẻ em khi tham gia vào mối quan hệ xã hội nhất định theo sự điều chỉnh của pháp luật ở mỗi giai đoạn phát triển của trẻ. Năng lực cá nhân của trẻ em ảnh hưởng rất lớn từ sự chăm sóc, điều kiện sống và hoàn cảnh của mỗi quốc gia, nền giáo dục và gia đình nơi trẻ sinh sống. Bên cạnh đó, chế độ chính trị, văn hóa, gia đình, xã hội... có ảnh hưởng đến quyền của trẻ em. Ở mỗi vùng, mỗi quốc gia khác nhau, quyền trẻ em mang những sắc thái, đặc trưng riêng gắn liền với trình độ phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực đó. Bởi vậy, mỗi quốc gia quy định

[24] Xem từ Điều 12 đến Điều 36 Luật Trẻ em 2016.

về quyền trẻ em có khác nhau, song vẫn phải phù hợp với đặc thù phát triển của trẻ em về thể chất, tâm lý, sinh lý thì các qui định về quyền trẻ em mới đạt được mục đích là bảo vệ quyền trẻ em. Khi các quyền của trẻ em đã được pháp luật ghi nhận thì không thể tùy tiện bị tước bỏ hay hạn chế bởi bất cứ chủ thể nào, kể cả các cơ quan nhà nước. Các quyền này tồn tại một cách tự nhiên như vốn dĩ đã có đối với sự ra đời và phát triển của trẻ em, nhưng cần được pháp luật ghi nhận mới trở thành quyền trẻ em.

Thứ hai, quyền trẻ em mang tính phổ biến và tính đặc thù.

Quyền trẻ em không chỉ là các quyền tự nhiên, vốn có mà còn mang tính phổ biến, tính đặc thù. Tính phổ biến của quyền trẻ em thể hiện ở chỗ: Quyền con người của trẻ em là quyền bẩm sinh, gắn liền với bản chất của con người, được áp dụng chung cho tất cả trẻ em, không phân biệt màu da, dân tộc, giới tính, tôn giáo, độ tuổi, thành phần xuất thân và đặc biệt là không phân biệt quốc gia, lãnh thổ. Trẻ em có quyền được hưởng đầy đủ các quyền con người như một chủ thể trong xã hội. Tuy nhiên, xuất phát từ đặc điểm về thể chất, tinh thần chưa phát triển đầy đủ mà trẻ em còn được hưởng các đặc quyền, đó là quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, quyền được bảo vệ. Vì vậy, dù ở trong những chế độ xã hội riêng biệt, thuộc những nền văn hóa và kinh tế khác nhau, những thể chế chính trị khác nhau, trẻ em vẫn được công nhận là con người, là một chủ thể bình đẳng[25] và được hưởng những quyền và tự do cơ bản của con người.

Là con người nhưng "do chưa trưởng thành về tinh thần và thể lực cần có sự bảo vệ và chăm sóc đặc biệt, bao gồm sự bảo vệ về pháp lý thích hợp, trước cũng như sau khi sinh"[26], nên pháp luật quy định các quyền trẻ em cũng dựa trên đặc điểm của trẻ em. Vì vậy, các quyền trẻ em mang tính đặc thù. Các quyền của trẻ em đều hướng tới mục tiêu là: (1) Trẻ em phải được phát triển một cách bình thường cả về thể chất và tinh thần; (2) Trẻ đói phải được cho ăn, trẻ ốm phải được chữa trị, trẻ lạc hậu phải được giúp đỡ, trẻ phạm tội phải được giáo dục, trẻ mồ côi và lang thang phải có nơi trú ẩn và phải được chăm sóc; (3) Khi xảy ra tai họa, trẻ em là người đầu tiên được cứu trợ; (4) Trong đời sống, trẻ em có quyền được kiếm sống và phải được bảo vệ chống lại mọi hình thức bóc lột; (5) Trẻ em phải được nuôi dưỡng theo nhận thức rằng, tài năng của chúng phải phục vụ cho đồng bào mình[27]. Hầu hết các quyền của trẻ em đều gắn với nghĩa vụ của các chủ thể khác và được bảo đảm thực hiện bởi các chủ thể khác. Tính đặc thù của quyền trẻ em là đặc điểm để phân biệt với các quyền con người của các nhóm người khác trong xã hội. Sự thừa nhận tính đặc thù của quyền trẻ em cho

---

[25] Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người, Khoa Luật, Đại học Quốc gia tr 330.

[26] Lời nói đầu - Tuyên bố của LHQ về quyền trẻ em năm 1959.

[27] Lã Văn Bằng, *"Pháp luật quốc tế về quyền trẻ em và kinh nghiệm thực thi ở một số nước"*, Lý luận chính trị, ngày 02/02/2016. http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/1307-phap-luat-quoc-te-ve-quyen-tre-em-va-kinh-nghiem-thuc-thi-cua-mot-so-nuoc.html. Ngày truy cập 20/12/2019

phép các quốc gia có quyền đưa ra các quy định pháp luật cụ thể, không trái với các chuẩn mực quốc tế về quyền trẻ em. Tính đặc thù của quyền trẻ em được ghi nhận nhưng các quốc gia là thành viên của Công ước quốc tế về Quyền trẻ em sẽ không thể viện lý do về chế độ chính trị, điều kiện kinh tế để tùy tiện nội luật hóa pháp luật trái với nội dung của Công ước quốc tế về Quyền trẻ em, cũng như Công ước quốc tế về Quyền con người.

Thứ ba, quyền trẻ em mang tính pháp lý và được công nhận và đảm bảo bởi các quy phạm pháp luật, được quyết định bởi trình độ phát triển kinh tế, xã hội, truyền thống văn hóa quốc gia, khu vực.

Với đặc điểm chung của khái niệm quyền, (i) đó là phải có sự ghi nhận về mặt pháp lý và được bảo đảm thực hiện bởi các quy định pháp luật; (ii) là phải có sự thừa nhận về mặt xã hội, gắn liền với chủ thể cá nhân, được thể hiện cụ thể trong thực tế đời sống thông qua các quan hệ xã hội của cá nhân trong cộng đồng nhất định[28]. Theo đó, quyền của trẻ em được pháp luật ghi nhận trong các quy định pháp luật là như nhau, bảo đảm bình đẳng và không phân biệt giữa các chủ thể là trẻ em. Tuy nhiên, các điều kiện xã hội này rất đa dạng thể hiện rõ tính giai cấp, chế độ chính trị, môi trường sống tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế, xã hội, truyền thống văn hóa, lịch sử của quốc gia... tạo nên hệ sinh thái đặc trưng của quyền trẻ em trong xã hội loài người.

Thứ tư, quyền trẻ em không chỉ được thực hiện bởi trẻ em mà còn được đảm bảo thực hiện bởi các chủ thể khác.

Để thực hiện các quyền trẻ em một cách hiệu quả, Công ước về Quyền trẻ em quy định mang tính nguyên tắc: Trong mọi hoạt động liên quan tới trẻ em, dù được thực hiện bởi các cơ quan phúc lợi xã hội của nhà nước hay tư nhân, bởi tòa án, các nhà chức trách hành chính hay cơ quan pháp luật, thì lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu[29]. Có thể thấy, quyền trẻ em được ghi nhận và đảm bảo thực hiện thông qua các thiết chế xã hội liên quan đến sự tồn tại và phát triển của trẻ em như: gia đình, nhà trường, các cơ quan nhà nước, các cơ sở dịch vụ xã hội... Trong đó, gia đình có nghĩa vụ trước tiên trong việc thực hiện và bảo đảm quyền của trẻ em bởi gia đình là môi trường xã hội đầu tiên, là nơi phần quan trọng nhất trong việc xã hội hóa cá nhân ngay từ khi cá nhân được sinh ra. Vì vậy, các thành viên trong gia đình phải có trách nhiệm chăm sóc cho các em lớn khôn về thể chất và trí tuệ, đồng thời có trách nhiệm giáo dục các em những điều tốt đẹp, đạo nghĩa, để các em biết quan tâm, chăm sóc cuộc sống của mình và những người khác trong gia đình và cộng đồng xã hội[30].

---

[28] Bộ Tư pháp - Viện Khoa học pháp lý (2006), *"Từ điển Luật học"*, Nxb. Từ điển Bách khoa - Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr 648.

[29] Khoản 1 Điều 3 Công ước quốc tế về Quyền trẻ em.

[30] Xem Luật Trẻ em năm 2016, Chương VI, Điều 96 đến Điều 102.

Việc các quyền của trẻ em được thực hiện không chỉ bởi trẻ em chính là đặc điểm riêng có của bảo vệ quyền trẻ em. Điều này tạo sự phụ thuộc giữa chủ thể hưởng quyền với chủ thể thực hiện nghĩa vụ. Khi chủ thể hưởng quyền là trẻ em có sự phụ thuộc rất lớn vào các chủ thể có nghĩa vụ, nên việc bảo đảm quyền trẻ em ngoài việc quy định rõ ràng, chặt chẽ nghĩa vụ của các chủ thể khác thì còn cần phải có sự giám sát chặt chẽ của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện quyền trẻ em.

Như vậy, với các đặc điểm về quyền trẻ em có thể nhận thấy: Các quyền này là thống nhất không thể tách rời, có mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, việc thực hiện tốt quyền này sẽ là cơ sở đảm bảo các quyền khác cũng được thực hiện tốt, tạo sự bình đẳng đối với trẻ em trên toàn thế giới.

2.1.3. Khái niệm bảo vệ quyền trẻ em, các cấp độ, biện pháp và chủ thể bảo vệ quyền trẻ em

2.1.3.1. Khái niệm bảo vệ quyền trẻ em

Quyền trẻ em đã được thừa nhận và quy định trong pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia. Quyền trẻ em có nguồn gốc tự nhiên nhưng để thực hiện quyền trẻ em thì mỗi quốc gia, dân tộc có những biện pháp nhất định. Một trong các biện pháp đó chính là ghi nhận quyền trẻ em, bảo đảm các quyền đó trên thực tế đồng thời xử lý các hành vi vi phạm các quyền trẻ em đã được ghi nhận. Vì vậy, để trẻ em được hưởng các quyền của mình thì xã hội và Nhà nước luôn cần có những cơ chế để bảo đảm thúc đẩy thực hiện các quyền của trẻ em trên thực tế.

Hiện nay, có một số quan điểm khác nhau về khái niệm bảo vệ quyền trẻ em. Có quan điểm cho rằng, bảo vệ quyền trẻ em là chống lại mọi sự xâm phạm đến trẻ em, xuất phát từ nội hàm của từ "bảo vệ" theo Từ điển Tiếng Việt. Điều này có thể lý giải trong hoàn cảnh bình thường, hành động bảo vệ chỉ phát sinh khi trẻ em gặp những tình huống, hành vi xâm hại đến các quyền bất khả xâm phạm của trẻ em. Cũng có quan điểm cho rằng, bảo vệ quyền trẻ em cần được xem xét ở nghĩa rộng, trong mọi hoàn cảnh đều phải bảo vệ. Việc ghi nhận các quyền của trẻ em và việc bảo đảm thực hiện tốt các quyền của trẻ em cũng được coi là hình thức bảo vệ.

Theo cách tiếp cận khác từ Công ước quốc tế về quyền trẻ em thì khái niệm bảo vệ quyền trẻ em còn có thể hiểu quyền được bảo vệ của trẻ em. Bởi các quyền trẻ em theo Công ước quốc tế về quyền trẻ em có thể nhóm lại theo nhóm các quyền tham gia, nhóm các quyền được bảo vệ và nhóm các quyền về cung cấp tuân theo 3 chữ P (participation; protection; provition)[31]. Nếu đặt ra khái niệm trong ngữ cảnh này thì việc bảo vệ trẻ em bị giới hạn trong một nhóm quyền nhất định, sẽ không truyền tải đầy đủ các nội dung bảo vệ quyền con người của trẻ em. Bởi bảo vệ quyền trẻ em là

[31] Wolfgang Benedek (2008), "*Tìm hiểu về quyền con người*", Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội, trang 242.

một quá trình có thể thay đổi theo các điều kiện kinh tế, xã hội, pháp luật của mỗi quốc gia chứ không đóng khung trong các tính chất gồm các quyền được tham gia, được cung cấp và được bảo vệ.

Mỗi chế độ nhà nước và pháp luật khác nhau sẽ tác động đến việc bảo vệ quyền trẻ em, tuy nhiên không thể phủ nhận vai trò quan trọng hàng đầu trong việc bảo vệ quyền con người nói chung quyền trẻ em nói riêng của pháp luật. Để bảo vệ quyền trẻ em thì phải thể chế hóa quyền trẻ em thành các quy định cụ thể trong hệ thống pháp luật, phải có cơ chế bảo đảm cho các quy định đó được thực hiện trong thực tế, tạo thành đảm bảo pháp lý thực hiện quyền trẻ em. Nói cách khác, đảm bảo pháp lý bảo vệ quyền trẻ em chính là đảm bảo thực hiện quyền trẻ em bằng pháp luật.

Như vậy, để bảo vệ các quyền trẻ em thì việc các quốc gia thành viên của Công ước phải nội luật hóa các các quyền trẻ em trong pháp luật là điều kiện "cần" nhưng chưa "đủ". Muốn "đủ" phải có các biện pháp để bảo vệ các quyền khỏi bị vi phạm và thúc đẩy sự tôn trọng và thực hiện các quyền trên thực tế. Do đó, bảo vệ quyền trẻ em phải bảo đảm việc ghi nhận các quyền trong hệ thống pháp luật quốc gia, tổ chức thực thi pháp luật và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quyền trẻ em thì mới bao trùm được các yếu tố, nội dung của bảo vệ trẻ em.

Trên cơ sở tiếp cận khái niệm bảo vệ quyền trẻ em theo nghĩa rộng nhất của nội hàm cụm từ "bảo vệ" đồng thời bảo vệ trẻ em được xem xét dưới góc độ bảo vệ theo pháp luật vì vậy. Bảo vệ quyền trẻ em phạm vi Luận án thể hiện ở ba khía cạnh sau:

Thứ nhất: Bảo vệ quyền trẻ em bằng việc ghi nhận các quyền cơ bản của trẻ em phù hợp với điều kiện để trẻ em có thể tự thực hiện các quyền của mình đồng thời xác định nghĩa vụ tôn trọng các quyền đó của các chủ thể khác trong xã hội.

Thứ hai: Bảo vệ quyền trẻ em trong việc tổ chức thực thi pháp luật một cách đầy đủ, tạo điều kiện về cơ chế thực hiện, thủ tục hành chính, các biện pháp đảm bảo để trẻ em, người chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em được thực hiện các quyền cho trẻ thuận lợi; có các biện pháp để phòng ngừa không để trẻ em bị xâm hại, bị đối xử bất bình đẳng, bị xâm phạm các quyền đã được pháp luật ghi nhận.

Thứ ba: Bảo vệ quyền trẻ em được thể hiện qua các biện pháp xử lý, các hình phạt, các chế tài thích đáng do pháp luật qui định, đủ tính răn đe, ngăn chặn, phòng ngừa các hành vi xâm phạm quyền trẻ em, hoặc các hành vi do không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của các chủ thể có nghĩa vụ dẫn đến quyền trẻ em bị xâm phạm.

Như vậy, bảo vệ quyền trẻ em là việc Nhà nước ghi nhận các quyền của trẻ em phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước đồng thời quy định các phương thức, biện pháp phù hợp với pháp luật để bảo đảm các quyền của trẻ em được thực

hiện, chống lại mọi sự xâm phạm quyền của trẻ em. Có nghĩa là, việc bảo đảm các quyền của trẻ em được thực hiện trên thực tế cũng là một hình thức bảo vệ trẻ em. Bảo vệ quyền trẻ em cần sử dụng nhiều phương thức, biện pháp trong các lĩnh vực khác nhau, để trẻ em được sống an toàn, được phát triển, đảm bảo không rơi vào các tình huống nguy hiểm trong mọi hoàn cảnh, mọi thời điểm. Các biện pháp này tạo thành một hệ thống toàn diện về kinh tế, chính trị, y tế, giáo dục, đạo đức, pháp luật với nhiều cấp độ để bảo vệ sự phát triển bình thường, toàn diện của trẻ em và trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Trong các biện pháp đó, bảo vệ quyền trẻ em bằng pháp luật là biện pháp hữu hiệu nhất. Vì vậy, các cơ quan Nhà nước, các cấp chính quyền bằng việc xây dựng hệ thống pháp luật và đảm bảo thực thi những quy định pháp luật đó, để trẻ em được hưởng các quyền của mình, đồng thời ngăn chặn, phòng ngừa, xử lý những hành vi xâm hại hoặc có khả năng xâm hại trẻ em, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ em.

Trong khoa học pháp lý, cùng với khái niệm bảo vệ quyền trẻ em, còn có khái niệm bảo vệ trẻ em. "Bảo vệ trẻ em là việc thực hiện các biện pháp phù hợp để đảm bảo trẻ em được sống an toàn, lành mạnh; phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm hại trẻ em; trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt"[32]. Có thể thấy, khái niệm bảo vệ trẻ em và khái niệm bảo vệ quyền trẻ em có những mối giao thoa nhất định, trong nhiều trường hợp có thể đồng nhất hai khái niệm này. Việc sử dụng đồng nhất trên cơ sở trẻ em là con người, có vị trí, địa vị và có các quyền cơ bản của con người vì vậy bảo vệ một con người trước các hành vi xâm phạm cũng là bảo vệ các quyền con người của trẻ, tức là bảo vệ quyền trẻ em.

Để phân biệt có thể hiểu, bảo vệ trẻ em là một khái niệm bao hàm khái niệm bảo vệ quyền trẻ em. Bảo vệ trẻ em là bảo vệ con người, một cá thể cụ thể của trẻ em với tư cách là một con người trước những hành vi xâm phạm, mang tính thông dụng, dân dã. Bảo vệ quyền trẻ em là bảo vệ các quyền của trẻ em được tôn trọng, đươc bảo đảm thực hiện trên thực tế và không bị xâm phạm. Các quyền này là những giá trị gắn liền với trẻ em, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ có tính hữu hình và tồn tại trong những ngành khoa học, lĩnh vực nghiên cứu cụ thể.

Như vậy, khi thực hiện bảo vệ quyền trẻ em thì cũng đồng thời bảo vệ trẻ em và ngược lại, bảo vệ trẻ em trước tiên được thực hiện thông qua bảo vệ các quyền của trẻ em... Bảo vệ trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em luôn gắn bó, tác động qua lại lẫn nhau và đều vì mục đích để đảm bảo cho trẻ em được tồn tại và phát triển là một thực thể trong xã hội loài người.

Từ những lập luận trên có thể hiểu, *bảo vệ quyền trẻ em là bảo đảm sự an toàn và phát triển toàn diện của trẻ em thông qua hệ thống các quy định pháp luật, chính*

[32] Khoản 1 Điều 4 Luật Trẻ em năm 2016.

sách xã hội do Nhà nước ban hành hoặc thể chế hóa, qua đó ghi nhận các quyền của trẻ em, nghĩa vụ tôn trọng, bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em của các chủ thể khác cũng như các biện pháp ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm quyền trẻ em.

2.1.3.2. Các cấp độ bảo vệ quyền trẻ em

Bảo vệ quyền trẻ em được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình tồn tại và phát triển của trẻ em theo từng mức độ thích hợp với những hoàn cảnh nhất định. Cấp độ bảo vệ quyền trẻ em là các mức độ khác nhau của các biện pháp bảo vệ quyền trẻ em. Các cấp độ bảo vệ được xây dựng trên cơ sở tương ứng với ba khía cạnh bảo vệ quyền trẻ em: ghi nhận quyền trẻ em; tổ chức thực thi quyền trẻ em; xử lý hành vi vi phạm quyền trẻ em. Theo quy định của Luật Trẻ em năm 2016, có ba cấp độ bảo vệ trẻ em:

Cấp độ phòng ngừa: Cấp độ phòng ngừa gồm các biện pháp bảo vệ được áp dụng đối với cộng đồng, gia đình và mọi trẻ em nhằm nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức về bảo vệ quyền trẻ em, xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh cho trẻ em, giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị xâm hại hoặc rơi vào hoàn cảnh đặc biệt[33]. Các biện pháp bảo vệ trẻ em cấp độ phòng ngừa bao gồm: tuyên truyền, phổ biến cho cộng đồng, gia đình, trẻ em về mối nguy hiểm và hậu quả của các yếu tố, hành vi gây tổn hại, xâm hại trẻ em; về trách nhiệm phát hiện, thông báo trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi; Cung cấp thông tin, trang bị kiến thức cho cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em, người làm việc trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ quyền trẻ em về trách nhiệm bảo vệ quyền trẻ em, kỹ năng phòng ngừa, phát hiện các yếu tố, hành vi gây tổn hại, xâm hại trẻ em; Trang bị kiến thức, kỹ năng làm cha mẹ để bảo đảm trẻ em được an toàn; Giáo dục, tư vấn kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ em; Xây dựng môi trường sống an toàn và phù hợp với trẻ em. Đây là cấp có mức độ thấp nhất trong ba cấp độ bảo vệ trẻ em nhưng có tác dụng lớn làm thay đổi nhận thức của người lớn đối với việc bảo vệ trẻ em. Các biện pháp ở cấp độ này được các chủ thể trong xã hội thực hiện thường xuyên, liên tục dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm trang bị những kiến thức cơ bản, tối thiểu để việc bảo vệ trẻ em được xuyên suốt.

Cấp độ hỗ trợ: Cấp độ hỗ trợ bao gồm các biện pháp bảo vệ được áp dụng đối với trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi hoặc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nhằm kịp thời phát hiện, giảm thiểu hoặc loại bỏ nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em[34]. Ở cấp độ này các biện pháp bảo vệ đã hướng đến những nhóm trẻ em cụ thể trong xã hội. Với mục đích kịp thời giúp đỡ, hỗ trợ trẻ em trong những hoàn cảnh nhất định bằng các biện pháp cụ thể để trẻ em có cơ hội để phát triển bình thường, tránh nguy cơ trẻ em bị rơi vào hoàn cảnh đặc biệt. Các biện pháp bảo vệ trẻ em ở cấp độ hỗ trợ bao

[33] Khoản 1 Điều 48 Luật Trẻ em năm 2016.

[34] Điều 49 Luật Trẻ em năm 2016.

gồm: Cảnh báo về nguy cơ trẻ em bị xâm hại; tư vấn kiến thức, kỹ năng, biện pháp can thiệp nhằm loại bỏ hoặc giảm thiểu nguy cơ xâm hại trẻ em cho cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em, người làm việc trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em và nhằm tạo lập lại môi trường sống an toàn cho trẻ em có nguy cơ bị xâm hại; Tiếp nhận thông tin, đánh giá mức độ nguy hại, áp dụng các biện pháp cần thiết để hỗ trợ trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi nhằm loại bỏ hoặc giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi; Hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của Luật này; Hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và gia đình của trẻ em được tiếp cận chính sách trợ giúp xã hội và các nguồn trợ giúp khác nhằm cải thiện điều kiện sống cho trẻ em. Tùy từng tình huống mà sử dụng một hoặc nhiều biện pháp ở cấp độ hỗ trợ để bảo vệ quyền trẻ em. Như vậy, với cấp độ bảo vệ này, việc các chủ thể phải sử dụng một hay nhiều biệp pháp được khuyến khích sử dụng với mục đích đảm bảo thực hiện các quyền của trẻ em.

Cấp độ can thiệp: Cấp độ can thiệp bao gồm các biện pháp bảo vệ được áp dụng đối với trẻ em và gia đình trẻ em bị xâm hại nhằm ngăn chặn hành vi xâm hại; hỗ trợ chăm sóc phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt[35]. Đây là các biện pháp bảo vệ mang tính chất giải quyết hậu quả khi có các hành vi xâm hại đến trẻ em, giúp cho trẻ em mau chóng phục hồi lại trạng thái ban đầu để có thể tiếp tục phát triển. Các biện pháp bảo vệ quyền trẻ em cấp độ can thiệp bao gồm: chăm sóc y tế, trị liệu tâm lý, phục hồi thể chất và tinh thần cho trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt cần can thiệp; bố trí nơi tạm trú an toàn, cách ly trẻ em khỏi môi trường, đối tượng đe dọa hoặc đang có hành vi bạo lực, bóc lột trẻ em; Bố trí chăm sóc thay thế tạm thời hoặc lâu dài cho trẻ em không thể sống cùng cha, mẹ vì sự an toàn của trẻ em; cha, mẹ không có khả năng bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em hoặc chính là người xâm hại trẻ em; Đoàn tụ gia đình, hòa nhập trường học, cộng đồng cho trẻ em bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi; tư vấn, cung cấp kiến thức cho cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em, các thành viên gia đình trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt về trách nhiệm và kỹ năng bảo vệ, chăm sóc, giáo dục hòa nhập cho trẻ em thuộc nhóm đối tượng này; tư vấn, cung cấp kiến thức pháp luật, hỗ trợ pháp lý cho cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em.

Các biện pháp hỗ trợ trẻ em bị xâm hại và gia đình của trẻ em về chăm sóc sức khỏe, giáo dục và điều kiện vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật trong trường hợp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số, sinh sống tại các xã biên giới, miền núi, hải đảo; Theo dõi, đánh giá sự an toàn của trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại.

Tóm lại, việc quy định các cấp độ bảo vệ trẻ em có ý nghĩa phân định, hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện, giúp cho trẻ em tránh được những nguy cơ trong quá trình phát triển, đồng thời hỗ trợ giúp đỡ cha, mẹ trẻ em bổ sung các kiến thức trong

[35] Điều 50 Luật Trẻ em năm 2016.

việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các cấp độ bảo vệ được hướng dẫn cụ thể giúp cho cha, mẹ và người thân thích trong gia đình trẻ em ý thức tốt hơn trách nhiệm của mình. Tuy nhiên, với các cấp độ bảo vệ theo quy định thể hiện mức độ bảo vệ trẻ em còn thụ động, hạn chế. Trên cơ sở các quy định đó, đòi hỏi tính chủ động của các chủ thể có nghĩa vụ thực thi pháp luật về bảo vệ quyền trẻ em nêu cao tinh thần "phòng bệnh hơn chữa bệnh" sẽ hạn chế được ít nhất áp dụng cấp độ can thiệp trong việc bảo vệ trẻ em tại mỗi địa phương, địa bàn dân cư.

2.1.3.3. Các biện pháp bảo vệ quyền trẻ em

Các biện pháp bảo vệ quyền trẻ em có thể được hiểu là: các cách thức cụ thể bắt buộc các cá nhân, tổ chức phải thực hiện những nghĩa vụ trách nhiệm nhất định để bảo đảm cho trẻ em được phát triển an toàn, ổn địnhĐể bảo vệ quyền trẻ em có rất nhiều biện pháp được đặt ra. Các biện pháp này có thể là ngắn hạn, có thể là dài hạn. Theo Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em, "các quốc gia thành viên phải thi hành tất cả các biện pháp lập pháp, hành chính và các biện pháp thích hợp khác để thực hiện những quyền được thừa nhận trong Công ước này"[36]. Các biện pháp dưới đây được đánh giá là các biện pháp mang tính phổ biến và có hiệu quả trong công tác bảo vệ trẻ em. Bảo vệ quyền trẻ em trước hết được thể hiện qua việc ghi nhận đầy đủ, toàn diện, hệ thống các quyền của trẻ em trong hệ thống pháp luật. Trong các công cụ để điều chỉnh xã hội, Nhà nước luôn ưu tiên sử dụng công cụ hữu hiệu nhất đó là hệ thống pháp luật. Do đó, trong việc bảo vệ quyền trẻ em, biện pháp hữu hiệu nhất là xây dựng hệ thống pháp luật về trẻ em. Với nền tảng là Tuyên bố của Liên Hiệp Quốc về Quyền trẻ em, Công ước về Quyền trẻ em là văn bản pháp luật quốc tế quan trọng, đánh dấu sự thay đổi nhận thức về địa vị của trẻ em, xác lập các nguyên tắc bảo vệ các quyền của trẻ em. Theo đó, mỗi quốc gia dù có sự khác biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa nhưng khi tham gia Công ước buộc phải ghi nhận và tôn trọng những quyền cơ bản của trẻ em trong hệ thống pháp luật. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật còn quy định nghĩa vụ của các chủ thể liên quan và tạo cơ chế cho việc thực hiện quyền trẻ em. Các nghĩa vụ của các chủ thể khác được xác lập tương ứng với các quyền, các cấp độ bảo vệ trẻ em đã quy định. Bảo vệ quyền trẻ em là vấn đề mang tính liên ngành bởi vậy, việc ghi nhận các quyền trẻ em và các biện pháp, hình thức bảo vệ quyền trẻ em có thể trong nhiều ngành luật của quốc gia.

Bảo vệ quyền trẻ em bằng cơ chế bảo đảm thực hiện:

Trong khoa học pháp lý, "cơ chế điều chỉnh pháp luật" được hiểu là "hệ thống các phương tiện, cách thức pháp lý mà thông qua đó pháp luật thể hiện sự tác động lên hành vi, ý chí của chủ thể pháp luật (Từ điển Luật học, trang 194). Như vậy, có thể hiểu "cơ chế" là "phương thức vận động", là "cách thức sắp xếp tổ chức", là "hình thức và phương pháp điều chỉnh", là "hệ thống các biện pháp tác động".v.v. của sự vật

[36] Điều 4 Công ước Quốc tế về quyền trẻ em

hay hiện tượng. Từ đó có thể hiểu, cơ chế bảo đảm thực hiện quyền trẻ em là tổng thể các yếu tố có quan hệ mật thiết, hỗ trợ lẫn nhau tạo thành những phương thức, cách thức, biện pháp để bảo vệ quyền của trẻ em, nhằm bảo đảm trẻ em được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh và ổn định để phát triển toàn diện. Cơ chế bảo vệ quyền trẻ em bao gồm các yếu tố: Thể chế và phương thức thực hiện, trong đó thể chế là hệ thống các quy định pháp luật, hành lang pháp lý ghi nhận quyền của trẻ em, phương thức là những biện pháp, thực hiện trên thực tế nhằm bảo đảm quyền của trẻ em được thực hiện. Theo đó, cơ chế bảo đảm thực hiện quyền trẻ em bao gồm:

Thứ nhất, bảo đảm việc tổ chức thực hiện các quyền của trẻ em.

Các quyền của trẻ em được ghi nhận bằng hệ thống pháp luật tạo hành lang pháp lý điều chỉnh các hành vi của các chủ thể thực hiện pháp luật. Các văn bản pháp lý này không chỉ là ghi nhận các quyền của trẻ, mà còn đưa ra những biện pháp nhằm đảm bảo thực hiện các quyền của trẻ em trên thực tế. Việc quy định các biện pháp để tạo điều kiện tốt nhất cho trẻ em có thể tự thực hiện các quyền của mình tốt nhất có thể. Ví dụ, quy định về trẻ em có quyền đi học thì các biện pháp đảm bảo quyền đi học của trẻ em như: hệ thống trường học được xây dựng đầy đủ, an toàn, thuận lợi cho trẻ em có thể tới trường, đồng thời các văn bản pháp luật quy định trẻ em trong độ tuổi đi học phải được đến trường...

Để đảm bảo các quyền của trẻ em, pháp luật cần quy định các chủ thể có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ của mình để bảo đảm thực hiện các quyền của trẻ em. Ví dụ: để đảm bảo quyền sống còn của trẻ em thì cha, mẹ có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng; để đảm bảo quyền học tập, phát triển năng khiếu của con thì cha, mẹ, các thành viên khác trong gia đình, phải tạo môi trường, điều kiện về vật chất và tinh thần để trẻ em được học tập, phát triển các năng khiếu cho trẻ em; ...

Trẻ em được sinh ra lớn lên trong môi trường gia đình nhưng có trưởng thành, phát triển toàn diện không cần trải qua các môi trường xã hội. Bởi vậy, các cơ quan có chức năng, tổ chức xã hội thực hiện và bảo vệ các quyền trẻ em trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đặc biệt là sự phối hợp với nhau có trách nhiệm tạo môi trường xã hội để trẻ em có thể học tập, trải nghiệm và trưởng thành từ môi trường đó. Các chủ thể trong xã hội cần tạo điều kiện thực hiện tốt nhất để đảm bảo các quyền của trẻ em được thực thi trong xã hội.

Thứ hai, bảo đảm cơ chế giám sát việc thực hiện pháp luật về trẻ em.

Cơ chế giám sát là sự theo dõi, quan sát mang tính chủ động thường xuyên của cơ quan, tổ chức hoặc nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, gia đình có trách nhiệm thực hiện quyền trẻ em bằng các biện pháp tích cực để buộc và

hướng các hoạt động đó đi đúng quỹ đạo[37]. Để quy định về quyền của trẻ em thực thi có hiệu quả, hoạt động giám sát việc thực hiện pháp luật về trẻ em đóng vai trò quan trọng. Thông qua hoạt động giám sát có thể đánh giá việc thực hiện pháp luật về quyền trẻ em, việc tổ chức thực hiện của các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Trên cơ sở đó, đưa ra những đề xuất, kiến nghị liên quan đến việc bảo vệ quyền trẻ em.

Hoạt động giám sát tối cao cũng là cơ sở quan trọng để Quốc hội xem xét, đánh giá tính hợp lý và khả thi của các chính sách pháp luật về trẻ em, làm cơ sở cho việc sửa đổi, bổ sung pháp luật. Hoạt động giám sát tập trung vào các nội dung cơ bản như: giám sát việc tuân thủ pháp luật về trẻ em và pháp luật có liên quan; đánh giá hiệu quả của việc thực thi pháp luật về trẻ em; xem xét các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành nhằm bảo đảm thực hiện quyền trẻ em.

Ngoài ra, cơ chế giám sát được thực hiện có hiệu quả là sự giám sát của người dân đối với hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ quyền trẻ em. Đây không phải giám sát tầm vĩ mô nhưng có ý nghĩa kịp thời để giải quyết những tình huống cụ thể, tạo được tính trách nhiệm cộng đồng đối với bảo vệ quyền trẻ em ở Việt Nam, đặc biệt trong những trường hợp trẻ em rơi vào cấp độ cần hỗ trợ.

Tùy theo cách thức tổ chức mà mỗi quốc gia có thể giao hoạt động giám sát việc thực hiện pháp luật về quyền trẻ em cho một cơ quan nhất định. Sẽ rất hiệu quả nếu thành lập một cơ quan giám sát độc lập, được Nhà nước phân bổ nguồn lực và chịu trách nhiệm giải trình về cơ chế giám sát quyền trẻ em. Cơ chế này cũng hỗ trợ trẻ em tham gia vào việc đưa ra các quyết định quan trọng, tăng nhận thức về quyền trẻ em.

Thứ ba, bảo đảm bằng các điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội

Quyền và bổn phận của trẻ em ở mỗi quốc gia được bảo đảm thực hiện bằng thể chế chính trị, bằng sự ổn định chính trị, hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị và sự lãnh đạo, điều hành của Nhà nước đó. Điều này là đúng với mọi thể chế chính trị. Ở Việt Nam, dưới sự lãnh đạo Đảng, việc bảo đảm các quyền và bổn phận của trẻ em cần có mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức xã hội, đặc biệt vai trò của cơ quan chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về trẻ em cũng như các tổ chức kinh tế, xã hội để tập trung xây dựng cơ chế và nguồn lực để tổ chức thực hiện quyền trẻ em. Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ là bảo đảm về chính trị trong việc thực hiện các quyền trẻ em. Với cơ chế này, Việt Nam luôn được coi là quốc gia có sự ổn định về chính trị, do vậy, các quyết sách dành cho trẻ em mang tính ổn định và phát triển bền vững.

---

[37] Xem Bộ Tư pháp - Viện Khoa học pháp lý (2006), *"Từ điển Luật học"*, Nxb. Từ điển Bách khoa - Nxb. Tư pháp, Hà Nội, trang 292.

Bảo vệ quyền trẻ em bằng nền tài chính vững vàng và tiềm lực kinh tế. Hiện nay Nhà nước ta đang xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước đã và đang ngày càng dành những điều kiện kinh tế cần thiết để quyền trẻ em được thực hiện thông qua nhiều chính sách liên quan đến thực hiện quyền trẻ em. Với mục tiêu phát triển kinh tế để dân giàu nước mạnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân, trẻ em trong mỗi gia đình đều đã và đang được hưởng thụ từ những chính sách thúc đẩy kinh tế, giảm chi phí cho việc học tập của trẻ em... Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước là đặt con người vào vị trí trung tâm, giải phóng và phát huy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân, tập thể, điều này chính là tiền đề, điều kiện bảo đảm kinh tế phát triển là cơ sở để bảo vệ quyền trẻ em.

Bảo vệ quyền trẻ em bằng việc giữ vững tư tưởng và truyền thống văn hóa. Ở Việt Nam với quan điểm của Chủ nghĩa Mác, Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, đạo đức và truyền thống dân tộc, con người Việt Nam, sự thống nhất của chính trị, tư tưởng và đạo đức, sự phát triển về trình độ văn hóa, xã hội là những bảo đảm về mặt tư tưởng cho việc thực hiện các quyền trẻ em hiện nay. Cùng với giao lưu văn hóa, Việt Nam đã xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, có tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Theo đó, đời sống tinh thần tốt đẹp, phong phú, đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ, hướng tới xây dựng con người phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ, có ý thức cộng đồng, có tấm lòng nhân ái, lối sống có văn hóa và thiết lập được mối quan hệ hài hòa với gia đình, cộng đồng và xã hội. Trẻ em khi được sống trong nền văn hóa đó, được tôn trọng bản sắc của mình, được giao lưu, được học hỏi nền văn hóa văn minh đó thì sẽ sớm hình thành tư chất có văn hóa. Nhà văn Pearl Buck (1892 - 1937), nữ nhà văn Mỹ đầu tiên được giải Nobel về văn chương, đã nói: "Sự văn minh của một xã hội được xác định ở chỗ: Xã hội đó quan tâm thế nào đến các thành viên yếu đuối của mình"[38]. Phát triển kinh tế nhưng gắn liền với việc đảm bảo an sinh xã hội, xóa bỏ, hạn chế khoảng cách giàu nghèo, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau, đặc biệt đối với trẻ em, người yếu thế...

Bảo vệ quyền trẻ em bằng việc xử lý nghiêm minh hành vi vi phạm. Với tính chất của chế tài pháp luật, việc xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm quyền trẻ em là một trong các biện pháp để răn đe đối với chủ thể có hành vi vi phạm, đảm bảo sự công bằng trong xã hội. Việc xây dựng các chế tài để buộc các chủ thể có quyền và có nghĩa vụ thực hiện nghiêm quy định pháp luật là điều kiện quan trọng trong bảo vệ quyền trẻ em. Để bảo vệ quyền trẻ em được thực hiện hiệu quả bên cạnh việc ghi nhận các quyền trẻ em, việc xây dựng các cấp độ bảo vệ quyền nhằm xác định mức độ của của các hành vi vi phạm để xử lý cho phù hợp. Tùy vào các cấp độ bảo vệ, Nhà nước

[38] Dusenko - Mantrekha (2001), *Sự thông minh và sắc sảo của phụ nữ thế giới* (Dịch giả: Hoàng Dương - Hoàng Linh, 2005), Nxb. Văn hóa Sài Gòn, 2005.

buộc các chủ thể lựa chọn các hành vi ứng xử phù hợp theo hoàn cảnh, điều kiện cụ thể để thực hiện việc bảo vệ quyền trẻ em. Bởi vậy, pháp luật được xem là công cụ hữu hiệu, phù hợp nhất trong mỗi quốc gia để bảo vệ quyền trẻ em.

Như vậy, có thể khẳng định việc xây dựng các thiết chế, biện pháp xử lý vi phạm quyền trẻ em chính là sự ghi nhận và tôn trọng và bảo vệ quyền trẻ em, đảm bảo trẻ em được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh.

2.1.3.4. Các chủ thể bảo vệ quyền trẻ em

Quyền trẻ em được bảo vệ bởi chính trẻ em và các chủ thể khác, do trẻ em còn non nớt về thể chất và trí tuệ nên chưa thể có đủ khả năng để tự bảo vệ mình. Trẻ em là một chủ thể độc lập thực hiện và bảo vệ các quyền của mình khi đã đạt đến một độ tuổi và có khả năng nhận thức nhất định, trong những trường hợp cụ thể. Có thể khái quát các chủ thể thực hiện bảo vệ quyền trẻ em như sau:

Trẻ em và thành viên gia đình của trẻ em: Trẻ em là chủ thể đầu tiên có quyền bảo vệ mình. Tuy nhiên, đến một lứa tuổi nhất định, trẻ em mới có khả năng tự thực hiện và bảo vệ các quyền của mình phù hợp với năng lực của trẻ em. Trong trường hợp trẻ em có thể tự thực hiện quyền của mình cũng vẫn cần cha, mẹ, các thành viên khác trong gia đình hỗ trợ để thực hiện bởi tính chất non nớt và quá trình trưởng thành của trẻ em. Thành viên gia đình là cha, mẹ, ông bà, cô, dì, chú, cậu, bác và anh chị em của trẻ em có nghĩa vụ trước tiên trong việc thực hiện các quyền trẻ em, bởi vậy, các thành viên gia đình trở thành những những chủ thể cơ bản, quan trọng trong việc thực hiện quyền trẻ em.

Thành viên gia đình có trách nhiệm chăm sóc cho các em lớn khôn về mặt thể chất và trí tuệ, đồng thời có trách nhiệm giáo dục các em những điều tốt đẹp, đạo nghĩa, bảo ban các em biết quan tâm, chăm sóc cuộc sống của mình và những người khác trong gia đình và tập thể. Cha, mẹ phải không ngừng trau dồi kiến thức, thực hiện các nội dung bảo vệ quyền trẻ em ở cấp độ phòng ngừa theo Luật trẻ em năm 2016 để có kỹ năng giáo dục trẻ em về đạo đức, nhân cách, quyền và bổn phận của trẻ em; tạo môi trường an toàn, phòng ngừa tai nạn thương tích cho trẻ em; phòng ngừa trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, có nguy cơ bị xâm hại hoặc bị xâm hại. Cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em; đại diện cho trẻ em trong các giao dịch dân sự theo quy định của pháp luật; đồng thời phối hợp với giáo viên để có trách nhiệm trong việc quản lý, giáo dục và giúp đỡ để trẻ em hiểu, nhận thức đầy đủ và thực hiện được quyền và bổn phận của trẻ em, về hành vi vi phạm pháp luật, đồng thời hướng cho các em có thái độ, rõ ràng về biểu hiện của các hành vi này, từ đó xây dựng cho trẻ khả năng tự nhận biết và tự vệ, tự bảo vệ mình. Bên cạnh cha, mẹ thì các thành viên khác trong gia đình đồng hành chăm lo, giáo dục đảm bảo trẻ em luôn nhận được những tình yêu thương, sự giáo dục sâu sắc, đầy đủ trong môi trường gia đình. Với tư tưởng giáo dục gắn với nền

văn hóa Á Đông, gia đình sẽ tạo nên một xã hội thu nhỏ, giúp trẻ em định hình những ứng xử trong đời sống xã hội sau này. Gia đình là nơi trẻ cảm nhận được sự an toàn cao nhất vì vậy, các thành viên trong gia đình cần thực hiện tốt nghĩa vụ của mình để có tránh mọi sự xâm hại trẻ em từ chính thành viên gia đình cũng như xã hội.

Các cơ quan, tổ chức, nhà trường: Bảo vệ quyền trẻ em luôn cần sự chung tay của hệ thống các chủ thể trong xã hội. Theo quy định tại Chương VI, Luật Trẻ em năm 2016, các cơ quan tổ chức có trách nhiệm thực hiện quyền bổn phận của trẻ em theo chức năng đã được phân công, phân nhiệm. Có thể nhóm thành hệ thống các cơ quan theo hệ thống chính trị Việt Nam như sau:

Hệ thống các cơ quan lập pháp: Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh, cấp huyện... quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo thẩm quyền để thực hiện quyền trẻ em; giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo quy định của pháp luật. Đây là các cơ quan quyền lực, có trách nhiệm xây dựng lên hệ thống cơ chế, biện pháp, cấp độ… để bảo vệ trẻ em một cách đầy đủ nhất, tạo dựng hành lang pháp lý trên cơ sở hệ thống pháp luật quốc tế cũng như phù hợp với điều kiện từng vùng, miền của Việt Nam.

Hệ thống các cơ quan thực thi pháp luật: Chính phủ có trách nhiệm quản lý nhà nước thống nhất về trẻ em; ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình về trẻ em; bảo đảm cơ chế và biện pháp phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương, và các tổ chức kinh tế, xã hội thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em. Bộ Lao động thương binh xã hội chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về trẻ em, chủ trì điều phối việc thực hiện quyền trẻ em. Các cơ quan thuộc Chính phủ: Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Tư pháp phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;... có chức năng tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình về trẻ em theo lĩnh vực cụ thể liên quan đến thực hiện quyền trẻ em và xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến trẻ em.

Các tổ chức chính trị - xã hội như: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; các tổ chức xã hội, như Hội Nông dân Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ, Hội bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam; tổ chức kinh tế tế như công ty, doanh nghiệp... cũng có trách nhiệm trong việc thực hiện quyền trẻ em. Với vai trò giám sát, phản biện, tham vấn, kiến nghị đối với cơ quan nhà nước trong việc xây dựng, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật, phân bổ nguồn lực đáp ứng quyền của trẻ em; tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách, chương trình, kế hoạch, dịch vụ đáp ứng quyền của trẻ em, phòng ngừa hành vi vi phạm quyền của trẻ em; sản xuất kinh doanh, cung cấp sản phẩm, dịch vụ an toàn, thân thiện với trẻ em, không gây tổn hại cho trẻ em và không vi phạm quyền của trẻ em.

Nhà trường: Môi trường học tập tồn tại song song cùng gia đình trong quá trình trẻ em phát triển và định hình nhân cách. Nhà trường là môi trường giáo dục ngoài xã hội đầu tiên trẻ em được học tập và trưởng thành, có vai trò giáo dục, nắm tâm lý, tình cảm và khả năng, năng khiếu của trẻ em để trẻ em được phát triển toàn diện. Tỷ lệ trẻ em được đến trường chính là những tiêu chí đánh giá trình độ phát triển của đất nước đối với việc bảo vệ các quyền của trẻ em. Nhà trường chính là nơi hỗ trợ các phụ huynh tốt nhất trong quá trình giáo dục nhân cách, định hướng tư tưởng, tương lai của trẻ em, là môi trường dạy dỗ, truyền tải kiến thức, đạo đức... để trẻ em vững vàng khi thực hiện các quyền của công dân của mình.

2.2. Một số vấn đề lý luận về bảo vệ quyền trẻ em theo luật hôn nhân và gia đình Việt Nam

2.2.1. Khái niệm bảo vệ quyền trẻ em theo luật hôn nhân và gia đình

Gia đình với ý nghĩa là tế bào xã hội cơ bản và môi trường tự nhiên cho sự phát triển và hạnh phúc của mọi thành viên, nhất là trẻ em, cần được sự bảo vệ và giúp đỡ cần thiết để đảm đương được đầy đủ trách nhiệm của mình trong cộng đồng. Để phát triển đầy đủ và hài hòa nhân cách của mình, trẻ em cần được lớn lên trong môi trường gia đình, trong bầu không khí hạnh phúc, yêu thương và cảm thông. Gia đình với chức năng của mình thực hiện việc bảo vệ, giáo dục trẻ em trên cơ sở môi trường tự nhiên và các quy định pháp luật để đảm bảo sự ổn định và an toàn trong xã hội.

Luật HN&GĐ ra đời nhằm thiết lập và duy trì chế độ HN&GĐ Việt Nam. Qua thời gian, với sự vận động của xã hội cũng như những thay đổi của gia đình Việt Nam đã có nhiều văn bản, đạo luật HN&GĐ ra đời, thay thế cho phù hợp với các điều kiện kinh tế, xã hội, lề lối và xu hướng của gia đình Việt Nam trong từng giai đoạn phát triển. Mối quan hệ gia đình giữa các thành viên gia đình cũng vì thế thay đổi và được điều chỉnh theo theo hướng ngày càng bình đẳng, tôn trọng, quan tâm đến nhau hơn, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Trong quan hệ cha, mẹ và con ngày càng dân chủ bởi các thế hệ về sau được quan tâm, chăm sóc, học tập nên đã có những hiểu biết và tri thức rộng mở hơn. Sự vận động, tiếp cận những vấn đề mới, giá trị văn hóa, văn minh nhân loại đồng thời cải biến và áp dụng tại gia đình Việt Nam đang diễn ra có tác động nhất định đến việc thực hiện quyền trẻ em trong gia đình Việt Nam.

Từ khái niệm bảo vệ quyền trẻ em, việc ghi nhận các quyền của trẻ em, các biện pháp bảo đảm thực thi các quyền đó bằng các quy định pháp luật HN&GĐ là cần thiết để điều chỉnh mối quan hệ giữa trẻ em với các thành viên trong gia đình. Mức độ ghi nhận các quyền trẻ em, quy định các biện pháp bảo đảm thực hiện các quyền của trẻ em trên cơ sở xác định các nghĩa vụ của các thành viên gia đình, các biện pháp chế tài đối với việc vi phạm các nghĩa vụ đó trong mối quan hệ hôn nhân và gia đình tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến trẻ em.

Lịch sử pháp luật HN&GĐ Việt Nam qua các thời kỳ đều thể hiện việc bảo vệ trẻ em. Pháp luật thời kỳ phong kiến, trẻ em chủ yếu được xem xét với tư cách của thành viên trong gia đình. Theo Quốc triều hình luật, trẻ em với tư cách là con chính thức trong gia đình được bảo vệ quyền được sống, được sống chung với cha mẹ, được cha mẹ chăm sóc và dạy dỗ, còn trường hợp đứa bé bị cha khước từ sẽ mang họ mẹ[39].

Pháp luật thời kỳ Pháp thuộc đã quy định cụ thể về quyền của trẻ em như: quyền được khai sinh; quyền được sống chung với cha mẹ và đảm bảo nơi cư trú; quyền được cha mẹ thừa nhận; quyền được nhận làm con nuôi; quyền thừa kế tài sản của gia đình cha mẹ đẻ và gia đình cha mẹ nuôi; quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng và giáo dục; quyền được giám hộ[40]. Điều 208 Bộ Dân luật Bắc kỳ quy định: "Cấm cha mẹ không được phép đem con cái đi cầm cố hoặc gán để trừ nợ. Phàm khế ước như thế, đối với pháp luật cho là phi luân lý và vô hiệu lực".

Pháp luật từ Cách mạng Tháng Tám đến nay thể hiện rõ quan điểm của Nhà nước ta về bảo vệ quyền trẻ em. Hiến pháp năm 1946 khẳng định: Trẻ con được săn sóc về mặt giáo dưỡng (Điều 14). Trên cơ sở đó, ngay khi ban hành Sắc lệnh đầu tiên về HN&GĐ (Sắc lệnh số 97/SL ngày 22/5/1950), Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã hướng tới mục tiêu xóa bỏ quyền tuyệt đối của cha mẹ với con *"Cha mẹ không có quyền xin giam cầm con cái khi chúng phạm lỗi"*, nhằm xóa bỏ sự phân biệt đối xử giữa con trong giá thú với con ngoài giá thú "*Người con hoang vô thừa nhận được phép truy nhận cha mẹ trước tòa*"[41]. Trong các giai đoạn phát triển tiếp theo của lịch sử, trên cơ sở các bản Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013 khẳng định về bảo vệ trẻ em, các đạo luật về HN&GĐ đã cụ thể hóa quan điểm của Nhà nước ta về bảo vệ trẻ em.

Luật HN&GĐ năm 1959, Luật HN&GĐ năm 1986 và Luật HN&GĐ năm 2000 được xây dựng trên các nguyên tắc cơ bản, một trong các nguyên tắc đó là bảo vệ trẻ em. Với nguyên tắc đó, các chế định của luật HN&GĐ đều thể hiện rõ bảo vệ quyền của trẻ em. Luật HN&GĐ năm 2014 quy định các nguyên tắc cơ bản của chế độ HN&GĐ, trong đó có nguyên tắc: Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em (khoản 4 Điều 2).

Như vậy, hệ thống pháp luật HN&GĐ nước ta đã ghi nhận việc bảo vệ quyền trẻ em trong gia đình. Các quyền của trẻ em được dần thừa nhận và ngày càng mở rộng. Các nguyên tắc xuyên suốt hiện tư tưởng nhất quán trong việc bảo vệ quyền của trẻ em, theo hướng ngày càng đầy đủ và thể hiện rõ tính nhân đạo, nhân văn của Đảng và Nhà

---

[39] Vũ Văn Mẫu (1959), Việt Nam dân luật lược khảo, Quyển 1 – Gia đình, Bộ Quốc gia giáo dục xuất bản.

[40] Điều 25, Điều 26, Điều 53, Điều 29, Điều 182, Điều 218, Điều 225 Bộ Dân luật Bắc kỳ năm 1931.

[41] Điều 8 quy định: "Cha mẹ không có quyền xin giam cầm con cái khi chúng phạm lỗi"; Điều 9 quy định: "Người con hoang vô thừa nhận được phép truy nhận cha mẹ trước tòa".

nước ta trong việc bảo vệ trẻ em - chủ nhân tương lai của đất nước. Các quyền cơ bản của trẻ em được các đạo luật HN&GĐ quy định khác nhau thể hiện mức độ ghi nhận và bảo vệ quyền trẻ em phù hợp với từng thời kỳ phát triển của đất nước và mối quan hệ HN&GĐ. Luật HN&GĐ quy định các nghĩa vụ của các thành viên gia đình tương ứng với quyền được bảo vệ của trẻ em trên cơ sở các quyền, lợi ích của trẻ em được pháp luật HN&GĐ điều chỉnh. Việc quy định giới hạn hay mở rộng các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ HN&GĐ sẽ đánh giá được mức độ bảo vệ các quyền trẻ em trong quan hệ HN&GĐ.

Bảo vệ quyền trẻ em gắn với bảo vệ trẻ em với vai trò là chủ thể đặc biệt trong pháp luật HN&GĐ. Thông qua hành lang pháp lý là các quy tắc ứng xử của cha, mẹ và thành viên khác trong gia đình với trẻ em, luật HN&GĐ đã xác định các quyền và nghĩa vụ về nhân thân và tài sản của cha, mẹ và con chưa thành niên, đảm bảo tính bình đẳng về quyền giữa các chủ thể. Xuất phát từ nguyên tắc bảo vệ quyền lợi của trẻ em, các chế tài trong luật HN&GĐ được xây dựng để đảm bảo việc thực thi pháp luật HN&GĐ trong thực tế khi cha mẹ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với con chưa thành niên.

Như vậy, *Bảo vệ quyền trẻ em theo luật HN&GĐ là tổng thể các quy định* pháp luật *ghi nhận các quyền của trẻ em, nghĩa vụ của thành viên gia đình* và *các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền trẻ em nhằm đảm bảo thực hiện* tốt *các quyền của trẻ em để trẻ em được phát triển toàn diện.*

2.2.2. Đặc điểm bảo vệ quyền trẻ em theo luật hôn nhân và gia đình

Bảo vệ quyền trẻ em theo luật HN&GĐ có những đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất: Bảo vệ quyền trẻ em theo luật HN&GĐ mang tính toàn diện, bao trùm hầu hết các quyền của trẻ em.

Các quyền cơ bản của trẻ em đã được pháp luật ghi nhận gồm các nhóm quyền cơ bản theo Công ước quốc tế như quyền được sống, được bảo vệ, được phát triển... nhằm đảm bảo trẻ em được chăm sóc đặc biệt. Các chế định của luật HN&GĐ đều thể hiện việc bảo vệ một trong các nhóm quyền cơ bản của trẻ em, mà chủ yếu là các quyền nhân thân bởi trẻ em là chủ thể đặc biệt trong quan hệ HN&GĐ. Với đặc điểm là mối quan hệ xã hội trong lĩnh vực HN&GĐ, xuất phát từ đặc trưng của mối quan hệ mang yếu tố tình cảm trên cơ sở huyết thống nên khi cha mẹ có nghĩa vụ và quyền đồng thời là quyền và nghĩa vụ. chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong nhiều trường hợp thực hiện quyền của trẻ em đồng thời cũng là thực hiện quyền của cha mẹ, đơn cử như quyền được yêu thương, chăm sóc. Cha mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng con vừa là nghĩa vụ cũng đồng thời là quyền riêng có của cha, mẹ. Các nghĩa vụ này không thể chuyển giao bởi gắn bó chặt chẽ với quyền của chủ thể đó trên cơ sở quan hệ nhân thân không thể tách rời của chủ thể thực hiện nghĩa vụ và quyền cụ thể đối với trẻ em. Trẻ em vốn là chủ thể vừa hưởng các

quyền đồng thời thực hiện các quyền của mình thông qua việc thành viên gia đình thực hiện các nghĩa vụ đó với trẻ em. Như vậy, về lý luận các quyền trẻ em trong quan hệ HN&GĐ được quy định bởi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ với con nên các quy định này bao phủ đa số các quyền trẻ em.

Thứ hai: Bảo vệ quyền của trẻ em theo luật HN&GĐ chủ yếu thông qua việc quy định nghĩa vụ của các chủ thể là người thân thích của trẻ em.

Trong khoa học pháp lý, để bảo vệ các chủ thể trong các quan hệ pháp luật nói chung đều xác định các quyền, nghĩa vụ và các biện pháp bảo vệ khác nhau. Trông quan hệ HN&GĐ, trẻ em là chủ thể đặc biệt, vốn non nớt, phụ thuộc và cha mẹ và người thân thích nên nhiều quyền của trẻ em không thể tự mình thực hiện. Vì không thể tự thực hiện để bảo vệ mình, pháp luật quy định các thành viên gia đình có nghĩa vụ thực hiện các quyền đó cho trẻ em. Các quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng trong gia đoạn đầu phát triển trẻ em thụ động hưởng các quyền của mình, phụ thuộc hoàn toàn vào việc thực hiện nghĩa vụ của người lớn, tình yêu thương, chăm sóc của ông bà, cha mẹ... Bởi vậy, Công ước quốc tế về quyền trẻ em đã khẳng định gia đình *với "ý nghĩa là tế bào xã hội và môi trường tự nhiên cho sự phát triển và hạnh phúc của mọi thành viên, nhất là trẻ em,*[42]*... ."*.Như vậy, để bảo vệ trẻ em trong quan hệ HN&GĐ, luật HN&GĐ đã quy định các nghĩa vụ của cha, mẹ, ông bà, cô, chú, cậu, dì, bác để bảo vệ các quyền của trẻ em. Trường hợp vi phạm các quyền trẻ em khi thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ của mình, các thành viên gia đình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thứ ba: Bảo vệ quyền trẻ em theo luật HN&GĐ được thể hiện trực tiếp hoặc gián tiếp trong các chế định.

Để bảo vệ các quyền cơ bản của trẻ em pháp luật đã ghi nhận các quyền trong Luật trẻ em 2016, Luật HN&GĐ hiện hành... trực tiếp và cụ thể. Tuy nhiên, trong Luật HN&GĐ năm 2014, nhiều quy định về bảo vệ quyền trẻ em được quy định tác động trực tiếp đến con chưa thành niên trong đó có trẻ em nhưng cũng có nhiều quy định thể hiện gián tiếp bảo vệ quyền trẻ em. Có các quy phạm pháp luật trực tiếp thể hiện việc bảo vệ trẻ em như trẻ em có quyền được nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ, giáo dục,... Có các quy phạm pháp luật gián tiếp thể hiện việc bảo vệ trẻ em như trong chế định kết hôn, quy định về quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng... Các quy định này mặc dù không áp dụng trực tiếp đối với chủ thể là trẻ em nhưng việc thực hiện tốt các quy định đó có tác động đến việc thực thi quyền trẻ em, bảo đảm cho việc thực hiện các quyền của trẻ em.

Thứ tư: Bảo vệ quyền trẻ em theo luật HN&GĐ vừa mang tính pháp lý vừa mang tính đạo lý.

Mối quan hệ giữa trẻ em với các thành viên trong gia đình được xuất phát từ mối quan hệ hôn nhân và gia đình tồn tại những quy tắc xử sự chung. Các quy tắc này được

[42] Liên hợp quốc, Công ước quốc tế về quyền trẻ em, Lời mở đầu.

xác lập ban đầu từ các ứng xử mang tính đạo đức, luân thường, đạo lý giữa các thành viên trong gia đình với trẻ em. Nhiều quy định về quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ với con, ông bà với cháu... được nâng lên từ các quy tắc đạo đức đã tồn tại thời gian dài trong gia đình, trong phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư, bởi vậy các quy định này vừa là nghĩa vụ pháp lý vừa là đạo lý, lẽ sống. Đạo lý có thể hiểu là nguyên lý của đạo đức, là cách thức ứng xử giữa người với người trên cơ sở điều hay, lẽ phải, rõ ràng, phân minh hợp lẽ thường tình. Luật HN&GĐ có các quy định xây dựng trên cơ sở các quy tắc chuẩn mực đạo đức trong quan hệ cha mẹ với con góp phần bảo vệ chuẩn mực đạo đức một cách hữu hiệu.

Thứ năm: Bảo vệ quyền trẻ em theo luật HN&GĐ thể hiện giá trị cốt lõi của gia đình trong việc bảo vệ trẻ em.

Gia đình có vai trò vô cùng quan trọng trong chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo vệ trẻ em. Trong gia đình cha mẹ và con luôn là những người gần gũi nhất, hiểu rõ nhất tâm tư, tình cảm, những thay đổi tâm sinh lý của các em ở những độ tuổi khác nhau. Việc "mang nặng đẻ đau" tạo nên vị trí không thể thay thế của người mẹ tạo nên giá trị cốt lõi trong việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em. Trên cơ sở nguyên tắc cơ bản của chế độ HN&GĐ là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc là góp phần bảo đảm cho trẻ em được sống trong một môi trường gia đình có văn hóa, các giá trị đạo đức được giữ gìn thì các quyền về nhân thân của các em đang được bảo vệ tốt nhất. Khi đó không chỉ có ý nghĩa bảo đảm quyền con người của trẻ em đã được pháp luật ghi nhận và có cơ chế thực thi mà còn có ý nghĩa đặc biệt hơn là bảo vệ những giá trị cốt lõi về văn hóa, chuẩn mực đạo đức, truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam.

Tuy nhiên, với văn hóa của gia đình người Việt, quan trọng đến thứ bậc trong gia đình, vẫn còn tồn tại quan niệm về uy quyền của cha mẹ đối với con đã ảnh hưởng lớn đến nguy cơ quyền của trẻ em bị xâm phạm trong chính gia đình. Luật HN&GĐ ngăn chặn những ảnh hưởng xấu này. Trước thực tế hiện nay còn tồn tại hiện tượng cha, mẹ người thân thích đã sử dụng quyền, vị trí là bề trên của mình để có các hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em vậy, vì vậy bảo vệ trẻ em trong các quan hệ HN&GĐ là cốt lõi của sự thành công trong công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

2.2.3. Vai trò của luật hôn nhân và gia đình trong việc bảo vệ quyền trẻ em

Thứ nhất, Luật HN&GĐ là phương tiện thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về bảo vệ quyền trẻ em.

Chủ trương của Đảng về công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là một trong những ưu tiên của chiến lược phát triển con người xuyên suốt mọi thời kỳ lịch sử và cách mạng Việt Nam. Đại hội lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1991) đã thông qua "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội" với việc khẳng định con người là trung tâm của sự phát triển và chăm lo đến quyền và lợi ích chính đáng của tất cả mọi người là mục tiêu của phát triển. Đại hội lần

thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 2011), "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội" được bổ sung, phát triển và thông qua đã một lần nữa khẳng định những giá trị nền tảng của việc phát triển con người và bổ sung những nội dung mới trong mục tiêu phát triển văn hóa, xây dựng con người, thực hiện chính sách xã hội. Những quan điểm được thể hiện trong các văn kiện của Đảng là cơ sở quan trọng để hình thành các chính sách và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Quan điểm của Đảng là kim chỉ nam trong việc xây dựng hệ thống pháp luật, trong đó có Luật HN&GĐ. Từ khi Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời đến nay đã có bốn đạo luật về hôn nhân và gia đình được ban hành. Đó là: Luật HN&GĐ năm 1959, Luật HN&GĐ năm 1986, Luật HN&GĐ năm 2000 và Luật HN&GĐ năm 2014. Dù ra đời ở các giai đoạn khác nhau của lịch sử nhưng nguyên tắc bảo vệ trẻ em là một trong các nguyên tắc cơ bản của cả bốn đạo luật này. Trong các quy định của Luật HN&GĐ đều thể hiện rõ việc bảo vệ quyền của trẻ em. Đó là: Bảo vệ quyền lợi của các con; không phân biệt đối xử giữa các con; bảo vệ bà mẹ và trẻ em; tạo điều kiện cho người phụ nữ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; xác định cha, mẹ cho con; quyền và nghĩa vụ của của ông bà với cháu, của anh chị với em chưa thành niên; hạn chế một số quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên; bảo vệ quyền lợi của con chưa thành niên khi cha mẹ ly hôn...

Thứ hai, Luật HN&GĐ bảo vệ quyền trẻ em thông qua quy định nghĩa vụ và quyền của các chủ thể thực hiện quyền trẻ em trong gia đình.

Gia đình luôn giữ vị trí hàng đầu, là yếu tố quyết định đối với việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Từ khi được sinh ra đến khi vào các cơ sở giáo dục mầm non, trẻ em được chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trong môi trường gia đình. Vì vậy, luật HN&GĐ quy định quyền và nghĩa vụ giữa các chủ thể với nhau, bao gồm quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con, giữa anh chị em, giữa ông bà và cháu và giữa các thành viên khác của gia đình đều tuân thủ nguyên tắc bảo vệ trẻ em. Trong việc bảo vệ trẻ em, nghĩa vụ trước tiên thuộc về cha mẹ. Điều này xuất phát từ tính tự nhiên của tình "mẫu tử, phụ tử". Cha, mẹ sinh con, yêu thương, chăm sóc, nuôi dưỡng, dành những điều tốt đẹp nhất cho con... là tình cảm và hành động mang tính tự nhiên. Tính tự nhiên đó là yếu tố quan trọng để cha mẹ bảo đảm các quyền của trẻ em được thực thi. Cha mẹ là người trực tiếp thực hiện các nghĩa vụ và quyền để bảo đảm cho trẻ em được hưởng các quyền. Cha mẹ cũng là người tạo mọi điều kiện để trẻ em được tự mình thực hiện các quyền theo quy định của pháp luật. Trong một số trường hợp chỉ có người mẹ mới có thể bảo vệ được con, chẳng hạn như chăm sóc, bảo vệ thai nhi. Như vậy, chủ thể có điều kiện và khả năng thực hiện bảo vệ quyền trẻ em đầu tiên, không ai khác chính là cha, mẹ của trẻ em. Người mẹ thực hiện, quán xuyến gia đình và bao bọc các đứa con của mình cùng người cha tạo nên những thiết chế nhất định để nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong Kinh Tadmud có viết "Vì Thượng đế không thể chăm

lo được cho tất cả mọi người nên Người mới tạo ra những người mẹ”[43]. Trong trường hợp có sự tham gia của các chủ thể khác trong việc bảo vệ quyền trẻ em thì cần phải được sự đồng ý của cha, mẹ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Không chỉ quy định nghĩa vụ của cha mẹ, để bảo vệ trẻ em, pháp luật còn quy định khi cha mẹ có hành vi vi phạm quyền của con chưa thành niên hoặc có lối sống ảnh hưởng xấu đến sự phát triển đạo đức, nhân cách của con thì cha mẹ chịu chế tài của pháp luật.

Để bảo vệ quyền trẻ em, luật HN&GĐ còn quy định quyền và nghĩa vụ của của anh chị đối với em chưa thành niên, của ông bà với cháu chưa thành niên, của cô (dì, chú, cậu, bác) ruột và cháu chưa thành niên. Nghĩa vụ và quyền của các chủ thể này được ví như vòng tròn thứ hai bên ngoài vòng tròn thứ nhất là cha, mẹ mà trẻ em là trung tâm, để bảo vệ quyền trẻ em. Vòng tròn thứ hai như một lớp bảo vệ thứ hai đối với trẻ em, rộng hơn về chủ thể thực hiện nghĩa vụ. Khi trẻ em rơi vào hoàn cảnh không còn cha, mẹ để nuôi dưỡng hoặc tuy còn nhưng cha, mẹ không có khả năng để nuôi dưỡng con thì sẽ được ông, bà, anh, chị, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột, bác ruột... chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cấp dưỡng... Như vậy, pháp luật đã dự liệu các tình huống có thể phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội nhằm bảo đảm để trẻ em được sống và phát triển trong môi trường gia đình gốc.

Thứ ba, Luật HN&GĐ ghi nhận trẻ em là chủ thể đặc biệt trong các quan hệ hôn nhân và gia đình.

Trẻ em là thành viên đặc biệt của gia đình, cần có một quy chế pháp lý đặc biệt nhằm bảo hộ các quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em. Với vai trò là chủ thể đặc biệt, quyền của trẻ em được ghi nhận và yêu cầu các chủ thể khác tôn trọng, có nghĩa vụ thực hiện. Mọi hành vi sử xự của các thành viên gia đình phải xuất phát trên cơ sở bảo đảm lợi ích tốt nhất cho trẻ em. Đồng thời, các thành viên khác trong gia đình khi thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình phải bảo vệ lợi ích chung của gia đình, để gia đình thực sự là nơi đảm đương những chức năng đặc biệt của cộng đồng, xã hội và tự nhiên giao cho mà không thiết chế xã hội nào có thể thay thế được, đó là nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Mỗi thành viên trong gia đình đều phải tự trang bị cho mình những kiến thức, những biện pháp và trên hết là tình yêu thương, thấu hiểu để có thể giáo dục trẻ em được tốt. “Thấu hiểu là tên gọi khác của yêu thương, nếu bạn không thấu hiểu thì chẳng có thể có yêu thương” (Thiền sư Thích Nhất Hạnh)[44]. Tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là nền tảng để trẻ em phát triển thể chất, trí tuệ, nhân cách, đạo đức.

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật hôn nhân và gia đình trong việc bảo vệ quyền trẻ em

[43] Sara Imas, *Vô cùng tàn nhẫn, vô cùng yêu thương 2*, Nxb. Dân trí, 2019 (Trương Thị Hảo dịch).

[44] https://www.formyoursoul.com/thien-su-thich-nhat-hanh-va-bai-hoc-ve-cach-de-yeu-muon-yeu-can-thau-hieu

2.3.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về bảo vệ trẻ em trong pháp luật hôn nhân và gia đình

Để xác lập cơ sở cho việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, Đảng ta đã xác định những tư tưởng và đường lối về nhân quyền. Các quan điểm của Đảng, Nhà nước về bảo vệ quyền trẻ em được thể hiện tập trung trong các văn kiện của Đảng, cơ quan Nhà nước và đặc biệt là tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong bài nói chuyện tại Hội nghị cán bộ thảo luận Dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình, tháng 10-1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: *"Quan tâm đến gia đình là đúng, vì nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt hơn, hạt nhân của xã hội là gia đình. Chính vì vậy, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội là phải chú ý hạt nhân cho tốt*" (Hồ Chí Minh toàn tập, 2011)[45].

Tại Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI khẳng định: "*Gia đình là tế bào của xã hội, có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, con người mới. Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng cần đề ra phương hướng, chính sách và có biện pháp tổ chức thực hiện về xây dựng gia đình văn hóa mới, bảo đảm hạnh phúc gia đình. Nâng cao trình độ tự giác xây dựng những quan hệ tình cảm, đạo đức trong từng gia đình, bảo đảm sinh đẻ có kế hoạch và nuôi dạy con ngoan, tổ chức tốt cuộc sống vật chất, văn hóa của gia đình*" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2005: 773-774). Quan điểm về gia đình xuyên suốt tới Đại hội XI, Đảng ta một lần nữa nhấn mạnh: "*Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội*" (Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bổ sung, phát triển năm 2011). Quan điểm của Đảng cho thấy, muốn có một xã hội phát triển lành mạnh thì trước hết từng "tế bào" phải phát triển bền vững. Gia đình không chỉ là "tế bào" tự nhiên mà còn là một đơn vị kinh tế của xã hội. Không có gia đình tạo ra con người để xây dựng xã hội thì xã hội cũng không thể tồn tại và phát triển được. Gia đình không chỉ giữ vai trò nền tảng, tế bào của xã hội, mà còn là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục đạo đức, lối sống, nơi hình thành nhân cách con người đầu tiên[46]. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tháng 2 năm 2021 cũng đã khẳng định "*Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước*"[47]. Để thể chế hóa các quan điểm đó, hệ thống pháp luật nước ta được đánh giá là đầy đủ và thống nhất quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có tác động rất lớn đến trẻ em và

---

[45] Trần Tuyết Ánh, Quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về vấn đề gia đình và gia đình hạnh phúc từ Đổi mới đến nay, Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới, số 6, 2019, trang 15-25.

[46] Trần Tuyết Ánh, Quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về vấn đề gia đình và gia đình hạnh phúc từ Đổi mới đến nay, Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới, số 6, 2019, trang 15-25.

[47] Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, ngày 01 tháng 2 năm 2021, Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030

việc thực hiện quyền trẻ em. Pháp luật đã đã cụ thể hóa các quyền cơ bản và bổn phận của trẻ em, những hành vi đối với trẻ em bị nghiêm cấm, quy định về nghĩa vụ và quyền giữa cha mẹ và con, giữa ông bà và cháu, giữa anh chị em với nhau... làm cơ sở pháp lý để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, góp phần bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, đồng thời định hướng phát triển nguồn nhân lực cao của tương lai của đất nước.

Như vậy, các quan điểm, chỉ đạo của Đảng sẽ xác lập những chuẩn mực, chính sách nhất định ảnh hưởng đến pháp luật bảo vệ sự phát triển của trẻ em, mức độ ghi nhận các quyền trẻ em trong tương quan với quyền của các chủ thể khác trong xã hội.

2.3.2. Yếu tố văn hóa, phong tục, tập quán ảnh hưởng tới pháp luật hôn nhân và gia đình về bảo vệ quyền trẻ em

2.3.2.1. Yếu tố văn hóa

"Văn hóa là tổng thể các hoạt động và sáng tạo trong quá khứ và trong hiện tại. Qua các thế kỷ, hoạt động sáng tạo ấy đã hình thành nên một hệ thống các giá trị, các truyền thống và thị hiếu - những yếu tố xác định đặc tính riêng của mỗi dân tộc"[48]. Tư tưởng và tình cảm là vấn đề chủ yếu nhất của đời sống tinh thần của xã hội và con người. Vì vậy, văn hóa phải thấm sâu vào tâm lý quốc dân để thực hiện chức năng hàng đầu là bồi dưỡng, nâng cao tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp cho con người, đồng thời loại bỏ những tư tưởng sai lầm, tình cảm thấp hèn. "Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội"[49].

Mối quan hệ giữa người với người bị chi phối bởi yếu tố văn hóa, gồm văn hóa xã hội và văn hóa gia đình. Do vậy, trong việc bảo vệ quyền trẻ em trong gia đình, văn hóa xã hội và văn hóa gia đình (nếp nhà, gia phong) cũng có ảnh hưởng rất lớn. Xét về quá trình phát triển của trẻ em, ngay từ khi ra đời, mỗi đứa trẻ đã được hòa vào môi trường văn hóa đầu tiên đó là gia đình, ảnh hưởng bởi văn hóa gia đình sâu sắc. Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa đã được Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương tiếp tục nhấn mạnh: "Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người Việt Nam hoàn thiện nhân cách". Để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cần được tập trung là "Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh"[50]. Như vậy, từ các quan điểm về văn hóa, lối sống đã được xây dựng thành nguyên tắc, tư tưởng chỉ đạo trong pháp luật HN&GĐ là xây

---

[48] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.78.

[49] Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, phần II Quan điểm.

[50] Ban chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014.

dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Các truyền thống văn hóa như "yêu trẻ, kính già"; "gà cùng một mẹ"…tồn tại lâu đời trong xã hội Việt Nam ảnh hưởng đến các quy định pháp luật HN&GĐ với các quy định về quyền và nghĩa cụ của thành viên gia đình với trẻ em. Vai trò của gia đình trong việc giáo dục đạo đức, lối sống hình thành nhân cách thế hệ mai sau được nhấn mạnh để xây dựng gia đình hạnh phúc, xã hội phồn vinh.

Như vậy, văn hoá gia đình có ảnh hưởng rất lớn đến sự tồn tại và phát triển của trẻ em và pháp luật về bảo vệ quyền trẻ em. Đó là nền văn hoá mà trẻ em được tiếp cận sớm nhất, có tác động đối với quá trình hình thành nhân cách con người của trẻ em. Gia đình chính là điểm tựa văn hóa, làm cơ sở để mỗi người đến với xã hội. Văn hóa gia đình được chi phối bởi văn hóa xã hội đồng thời có tác động qua lại với pháp luật về bảo vệ trẻ em bởi vậy, trước hết cần xây dựng nền văn hóa xã hội tiến bộ, văn minh.

2.3.2.2. Yếu tố phong tục, tập quán

Sự tác động của phong tục tập quán đến thực hiện, bảo vệ quyền trẻ em là rất lớn. Những phong tục, tập quán tiến bộ góp phần tích cực vào việc bảo đảm các quyền cơ bản của các em. Những phong tục, tập quán lạc hậu, lỗi thời chính là yếu tố ảnh hưởng xấu đến trẻ em và việc bảo đảm các quyền của trẻ em. Phong tục ở Việt Nam có truyền thống lâu đời hàng ngàn năm, có những phong tục đã trở thành luật tục, sâu đậm và gắn chặt trong đời sống của người dân, của gia đình và xã hội.

Theo sự thăng trầm của lịch sử dân tộc, phong tục của người Việt Nam cũng không ngừng biến đổi theo trào lưu biến đổi văn hoá xã hội, có sức ảnh hưởng sâu, rộng đến tâm lý, cách nghĩ và cách giáo dục trẻ em. Chẳng hạn, phong tục thăm hỏi nhau trong các ngày lễ, ngày Tết tạo cơ hội để trẻ em được tham gia, học hỏi tích lũy kinh nghiệm sống, gắn bó, trân trọng tình cảm gia đình, đồng thời qua đây trẻ em được thể hiện thái độ, tình cảm cũng như bổn phận của mình đối với cha, mẹ, người thân trong gia đình.

Bên cạnh đó, có những tập quán làm ảnh hưởng đến quyền được phát triển của trẻ em như; tập quán du canh, du cư của một bộ phận dân cư đã dẫn đến tình trạng trẻ em không có nơi sinh sống ổn định, khó khăn trong việc đi học, chăm sóc sức khỏe cũng như thụ hưởng các thành quả phát triển của xã hội. Dân cư ven biển hoặc ven sông thường sống trên thuyền, trên bè nên trẻ em không được đi học vẫn tồn tại. Phong tục lấy vợ, lấy chồng ở tuổi mười ba, mười sáu (phong tục của thời kỳ phong kiến "nữ thập tam, nam thập lục", phong tục kết hôn cận huyết thống...) của các dân tộc thiểu số cũng ảnh hưởng rất lớn đến quyền của trẻ em như: Cơ hội học tập bị mất, phải lao động sớm, gánh vác gia đình, các em gái mang thai, nuôi con nhỏ... ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển về thể chất của trẻ em. Phong tục chữa bệnh bằng việc việc cúng lễ, phong tục người phụ nữ sinh con một mình ở một số dân tộc thiểu số vùng bắc Tây Nguyên đã vi phạm quyền được sống và chăm sóc sức khỏe của trẻ em[51]. Các yếu tố

[51] Phạm Anh, Những tập tục kỳ lạ - kỳ 8 "Muốn vượt cạn phải… vào rừng", 23/7/2013, truy cập ngày 18/3/2019.

này tác động không nhỏ nên pháp luật HN&GĐ, theo đó hiện nay, pháp luật đang vận động xóa bỏ một số tục lệ, tập quán như: Kết hôn trước tuổi quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Việc đăng ký kết hôn không do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện; Cưỡng ép kết hôn do xem "lá số" và do mê tín dị đoan; cản trở hôn nhân do khác dân tộc, tôn giáo; Cấm kết hôn giữa những người có họ trong phạm vi từ bốn đời trở lên; Nếu nhà trai không có tiền cưới và đồ sính lễ thì sau khi kết hôn, người con rể buộc phải ở rể để trả công cho bố, mẹ vợ; Quan hệ gia đình theo chế độ phụ hệ hoặc mẫu hệ, không bảo đảm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng, giữa con trai và con gái. Như vậy, các vấn đề này hiện nay vẫn đang tồn tại trong đời sống xã hội, ảnh hưởng không nhỏ đến việc chăm sóc và bảo vệ trẻ em trong gia đình có thể theo hướng thúc đẩy hoặc kìm hãm việc thực hiện quyền của trẻ em. Việc xác định và tìm hiểu sự tác động của các yếu tố đó như thế nào đến sự phát triển của trẻ em cần được quan tâm đúng mức để chủ động ứng phó, đảm bảo cho trẻ em được phát triển.

https://thanhnien.vn/van-hoa/nhung-tap-tuc-ky-la-ky-8-muon-vuot-can-phai-vao-rung-366425.html

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong Chương 2, Luận án đã nêu nên được những vấn đề lý luận cơ bản về trẻ em, bảo vệ quyền trẻ em, bảo vệ quyền trẻ em theo luật HN&GĐ và các nội dung khác có liên quan đến bảo vệ quyền trẻ em. Luận án đã làm rõ trẻ em là nhóm chủ thể đặc biệt trong xã hội, được phân biệt với các chủ thể khác trong xã hội bằng độ tuổi. Đây là cách phân biệt được thống nhất chung nhất trong nhiều ngành khoa học trong đó có khoa học pháp lý. Việc phân định như vậy dựa trên cơ sở khoa học về sự phát triển tự nhiên của trẻ em trong quá trình phát triển của con người. Trẻ em có những đặc điểm về thể chất và tâm lý, nhận thức đặc trưng khác biệt, còn non nớt về thể chất và trí tuệ không thể tự bảo vệ được mình nên việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là nghĩa vụ buộc người lớn phải thực hiện.

Luận án đã luận giải và xây dựng khái niệm về quyền trẻ em được bắt nguồn từ quyền con người đó là trẻ em sẽ được hưởng một cách bình đẳng nhất quyền con người. Tuy nhiên, với năng lực hành vi của trẻ còn chưa đầy đủ nên nhiều quyền của trẻ chưa được thực hiện hoặc được thực hiện bởi người lớn. Về lý luận và thực tế cuộc sống xã hội thì người lớn có trách nhiệm bảo vệ và chăm sóc, thực hiện các quyền cho trẻ chính là cha, mẹ người có quyền giám hộ, quyền và nghĩa vụ trực tiếp đối với trẻ em.

Luận án đã phân tích bảo vệ quyền trẻ em trên cơ sở bảo vệcác quyền trẻ em theo pháp luật quốc tế được ghi nhận, bảo đảm thực thi và xem xét xử lý khi có hành vi vi phạm các quyền trẻ em.. Bảo vệ quyền trẻ em được xác định là bảo vệ các quyền con người của trẻ emđể xây dựng các yếu tố để đảm bảo thực hiện việc bảo vệ quyền trẻ em trên thực tế. Bằng các cơ chế hữu hiệu, các chủ thể bảo vệ các quyền trẻ em theo nhiều cấp độ, phụ thuộc vào sự phát triển tự nhiên của trẻ em. Khi các quyền trẻ em được thực hiện, tương ứng với nghĩa vụ, trách nhiệm của các chủ thể thực hiện.

Nội dung bảo vệ quyền trẻ em theo luật HN&GĐ đã được xây dựng và phát triển trên cơ sở lý luận về bảo vệ quyền trẻ em trong mối quan hệ HN&GĐ. Các phân tích xoay quanh việc ghi nhận, bảo đảm thực hiện và xử lý vi phạm trên cơ sở bảo vệ quyền trẻ em. Bảo vệ quyền trẻ em theo luật HN&GĐ có những đặc điểm riêng, đặc trưng, phù hợp với mối quan hệ nhân thân của trẻ em với các thành viên gia đình. Gia đình có vai đặc biệt quan trọng đối với việc bảo vệ quyền trẻ em bởi đây là môi trường đầu tiên, quyết định phần lớn quá trình phát triển về thể chất và định hình tính cách của trẻ em.

Giống như nhiều ngành luật khác, pháp luật bảo vệ quyền trẻ em trong gia đình chịu sự ảnh hưởng sâu sắc từ chế độ chính trị, đường lối, quan điểm của Đảng cũng như các yếu tố văn hóa, phong tục tập quán sâu sắc nhất là những tập tục của nhóm người trong cộng đồng dân cư bởi thói quen sinh hoạt của người dân.

Chương 3

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VỀ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM

3.1. Quy định kết hôn trong việc bảo vệ quyền trẻ em và thực tiễn thực hiện

3.1.1. Bảo vệ quyền trẻ em trong quy định về điều kiện kết hôn

Kết hôn là quyền của mỗi người để xác lập quan hệ vợ chồng, được pháp luật ghi nhận và bảo đảm thực hiện. Đây là sự kiện pháp lý làm phát sinh quan hệ hôn nhân, là một trong các cơ sở để hình thành gia đình. Theo quy định của pháp luật, khi kết hôn nam, nữ phải thỏa mãn các điều kiện do pháp luật quy định. Việc quy định điều kiện kết hôn xuất phát từ việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ hôn nhân gia đình, trong đó có trẻ em, lợi ích của gia đình và trật tự công cộng. Bảo vệ trẻ em trong các quy định về điều kiện kết hôn thể hiện ở các nội dung sau:

Về tuổi kết hôn: Theo điểm a khoản 1 Điều 8 Luật HN&GĐ năm 2014 quy định tuổi kết hôn tối thiểu của nam là từ đủ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ đủ mười tám tuổi trở lên. Như vậy, tuổi kết hôn tối thiểu cao hơn tuổi trẻ em. Theo Luật Trẻ em năm 2016 thì "trẻ em là người dưới 16 tuổi" (Điều 1). Với quy định này, nhà làm luật loại trừ việc kết hôn ở độ tuổi trẻ em. Từ góc độ bảo vệ trẻ em với tư cách là người được hưởng quyền, được bảo vệ để phát triển, pháp luật của Việt Nam và của hầu hết các quốc gia trên thế giới đều quy định tuổi kết hôn tối thiểu cao hơn tuổi trẻ em. Quy định như vậy để bảo đảm nam, nữ trưởng thành về thể chất và trí tuệ, có thể thực hiện thiên chức và trách nhiệm của mình trong quan hệ hôn nhân. Khi trở thành cha, mẹ, họ nhận thức và có thể thực hiện được trách nhiệm của mình đối với con.

Một số quốc gia quy định nữ đủ 16 tuổi có thể được kết hôn[52]. Khi xây dựng Dự thảo Luật HN&GĐ năm 2014 cũng có ý kiến cho rằng cần hạ thấp tuổi kết hôn đối với nữ là từ đủ 16 tuổi. Bởi trên thực tế, ở vùng sâu vùng xa, vùng miền núi, có nhiều em gái chỉ 15, 16 tuổi đã làm đám cưới, sinh con theo phong tục địa phương và tham khảo quy định của các quốc gia trên thế giới cho thấy một số quốc gia đã quy định tuổi kết hôn của nữ dưới 18 tuổi. Tuy nhiên ý kiến này không được chấp nhận, bởi vì:

Một là, với tư cách là chủ thể thực hiện quyền, sau khi hết tuổi là trẻ em, các em sẽ tiếp tục bước sang giai đoạn trẻ vị thành niên. Đây là độ tuổi chưa thành niên, còn được hưởng những quy định pháp luật đặc thù cho lứa tuổi này. Độ tuổi từ 16 đến 18 là khoảng thời gian cần thiết để các em tiếp tục học tập, rèn luyện, trưởng thành hơn, bảo đảm khi đủ tuổi kết hôn thì đã phát triển hoàn thiện về tâm sinh lý, có thể thực hiện được các chức năng xã hội của gia đình, để con sinh ra được khỏe mạnh, để khi làm cha mẹ

[52] Điều 731 Bộ luật Dân sự Nhật Bản: về Độ tuổi kết hôn: Nam và nữ khi nam chưa đủ 18 tuổi và nữ chưa đủ 16 tuổi thì không được phép kết hôn.

họ nhận thức được trách nhiệm đối với con. Trên cơ sở khoa học về nhân chủng học và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước ta, sự phát triển sinh lý của con người đến giai đoạn này mới đầy đủ về thể lực, sức khỏe sinh sản của cả nam và nữ để bảo đảm thực hiện chức năng sinh sản với những đứa trẻ trong tương lai khỏe mạnh, trí tuệ. Việc quy định độ tuổi tối thiểu kết hôn còn thể hiện sự đảm bảo về yếu tố tâm lý, sự vững vàng về tài chính của hai bên nam nữ, bởi đến giai đoạn này, sự phát triển tâm lý mới ổn định, có sự trưởng thành, chín chắn, có kinh nghiệm chăm sóc trẻ em và đã có thể lao động để đảm bảo phần nào tài chính nên sự lựa chọn của hai bên nam nữ sẽ tạo điều kiện cho việc xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững là nền tảng cho và mái ấm cho trẻ em.

Hai là, về mặt sinh học thì cơ thể người phụ nữ chưa phát triển hoàn thiện trước tuổi 18, nếu kết hôn và mang thai thì nguy cơ tai biến sản khoa sẽ gia tăng, đứa con còn có nguy cơ bị suy dinh dưỡng và dẫn đến hậu quả xa hơn là làm suy giảm chất lượng giống nòi. Việc quy định như vậy nhằm bảo vệ trực tiếp trẻ em gái. Theo Giáo sư - Tiến sĩ Nguyễn Đức Vy, Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Trung ương khẳng định: Ở tuổi 16, 17, khung xương chậu của thiếu nữ chưa phát triển hoàn thiện, ít nhất phải đến 22 tuổi cơ thể phụ nữ mới phát triển đầy đủ cho việc sinh con, còn những trường hợp 16, 17 tuổi mà sinh con hầu hết phải mổ lấy thai. Tổ chức Y tế Thế giới cũng khuyến cáo độ tuổi thích hợp để có thai lần đầu là 20 đến 22 tuổi[53]. Như vậy, việc hạ độ tuổi kết hôn sẽ trực tiếp xâm phạm đến quyền được phát triển toàn diện của trẻ em, ảnh hưởng đến tương lai của đất nước.

Quy định tuổi kết hôn tối thiểu đối với nam là đủ 20 và đối với nữ là đủ 18 còn nhằm ngăn chặn tình trạng tảo hôn đã và đang tồn tại ở Việt Nam. Tảo hôn sẽ ảnh hưởng tới sức khỏe của trẻ em, đặc biệt là trẻ em gái dưới độ tuổi 15 mà mang thai sẽ có nguy cơ chết do mang thai và sinh đẻ cao. Tảo hôn khiến trẻ em khó có cơ hội đi học. Tảo hôn khiến khả năng kiếm sống hoặc đóng góp về kinh tế cho gia đình thấp, dẫn đến tỷ lệ đói nghèo ngày càng tăng cao. Khi kết hôn sớm trẻ em sẽ không được vui chơi, giải trí, tham gia các sinh hoạt văn hóa và nghệ thuật phù hợp với lứa tuổi. Điều này dẫn đến phần lớn các cặp "vợ chồng" tảo hôn thiếu kiến thức xã hội, thường rơi vào cảnh đói nghèo, chia rẽ, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của trẻ em. Tảo hôn còn dẫn đến những tác hại đối với trẻ sơ sinh bởi khi cơ thể người mẹ chưa hoàn thiện sẽ dẫn đến thai nhi không được phát triển đầy đủ dẫn tới trẻ sinh ra bị suy dinh dưỡng, khó khăn trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, ảnh hưởng đến chất lượng dân số và gây hậu quả xấu tới nguồn nhân lực của đất nước. Người mẹ còn nhỏ tuổi, chưa đủ kiến thức và kinh nghiệm nuôi con, trong nhiều trường hợp còn là mối nguy hiểm cho sự phát triển của trẻ em.

Như vậy, quy định tuổi kết hôn tối thiểu là nhằm bảo vệ nhóm quyền được phát triển, quyền đươc sống còn trẻ em khi người mẹ trong độ tuổi trẻ em.

---

[53] Châu Anh, "*Hạ độ tuổi kết hôn: Không nên dựa vào... cảm tính*", An ninh thủ đô ngày 26/8/2012.

Luật HN&GĐ hiện hành không quy định tuổi kết hôn tối đa. Tuy nhiên, để đảm bảo thực hiện tốt quyền của trẻ em, đặc biệt đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng cho trẻ em, Chính phủ, Bộ Y tế cũng như các nhà khoa học cũng có khuyến cáo với các gia đình và các bà mẹ về độ tuổi sinh nở, thời điểm mang thai để đảm bảo an toàn và tốt nhất cho cả mẹ và con. Theo Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp với các vùng, đối tượng đến năm 2030". Theo đó, khuyến khích nam, nữ kết hôn trước 30 tuổi, không kết hôn muộn và sớm sinh con, phụ nữ sinh con thứ hai trước 35 tuổi... để đảm bảo mức sinh đồng thời bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em. Trên cơ sở quy định pháp luật và các kiến thức y khoa mà mỗi gia đình xác định thời điểm mang thai và sinh em bé phù hợp nhất với điều kiện của mỗi người.

Qua tham khảo pháp luật một số nước cho thấy: Hầu hết các quốc gia quy định tuổi kết hôn lớn hơn tuổi trẻ em. Một số quốc gia quy định tuổi kết hôn ở độ tuổi trẻ em nhưng phải có sự đồng ý của cha, mẹ khi kết hôn[54]. Bên cạnh đó, các nước phát triển lại có khái niệm tuổi được quan hệ tình dục như ở Pháp cho phép người từ đủ 15 tuổi trở lên được quan hệ tình dục, trong khi ở Mỹ là 12 tuổi, Nhật Bản là 13 tuổi, Canada là 16 tuổi và ở Hàn Quốc phải là 20 tuổi[55]. Một số nước vẫn còn tình trạng tảo hôn như: Ấn Độ 47% các cô gái kết hôn khi chưa đủ 18 tuổi, và 18% nam kết hôn khi chưa đủ 15 tuổi[56]. Việc quy định như vậy được đánh giá là phù hợp với văn hóa ở các nước có nền kinh tế phát triển, tuy nhiên chưa phù hợp với điều kiện của Việt Nam bởi quan niệm với tư tưởng Á Đông về hành vi quan hệ tình dục gắn với việc kết hôn.

Có thể nhận định rằng điều kiện về tuổi kết hôn có ý nghĩa trực tiếp đối với nhóm quyền được bảo vệ của trẻ em, đặc biệt ngăn chặn trẻ em bị xâm hại và bóc lột tình dục và nhóm quyền được phát triển của trẻ em.

Thực tiễn thực hiện pháp luật về độ tuổi kết hôn cho thấy việc nam, nữ lấy vợ, lấy chồng khi chưa đến tuổi kết hôn mặc dù những năm gần đây đã giảm nhưng vẫn đang là vấn đề đáng lo ngại trong xã hội Việt Nam. Theo số liệu thống kê của Ủy ban Dân tộc, tỷ lệ tảo hôn của người dân tộc thiểu số là 21,9%, giảm 4,7% so với năm 2014; bình quân mỗi năm giảm 0,94%[57]. Trong đời sống xã hội cũng như nhận thức của đa số người dân đều thừa nhận đây là một tập tục lạc hậu, vi phạm pháp luật và xâm phạm quyền trẻ em. Luật HN&GĐ, Luật Trẻ em và BLHS hiện hành nghiêm cấm

---

[54] http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/TT_TINLAPPHAP/View_Detail.aspx?ItemID=1453

[55] https://luatvietnam.vn/tin-phap-luat/theo-luat-bao-nhieu-tuoi-duoc-quan-he-tinh-duc-230-17588-article.html

[56] Thùy Dung, *Tiết lộ độ tuổi kết hôn của các nước trên thế giới*, Thể thao và Văn hóa, ngày 05/5/2017 tại http://yan.thethaovanhoa.vn/tiet-lo-do-tuoi-ket-hon-cua-cac-quoc-gia-tren-the-gioi-127804.html truy cập ngày 20/3/2020.

[57] Phương Liên, *Nỗ lực chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống*, Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam, https://dangcongsan.vn/xa-hoi/no-luc-chong-tao-hon-hon-nhan-can-huyet-thong-566440.html cập nhật 15h48' ngày 26/10/2020, truy cập ngày 28/12/2020

và có chế tài xử phạt hành vi kết hôn ở độ tuổi trẻ em và tảo hôn nhưng thực tế tình trạng này vẫn xảy ra. Hiện tượng trẻ em "kết hôn"[58] cũng đáng quan tâm khi kết quả thống kê cho thấy có khoảng 02% nam giới và 6.3% nữ giới từ 15 đến 19 tuổi đã kết hôn[59]. Theo số liệu thống kê, năm 2014 tại Việt Nam cứ 100 phụ nữ lại có 1 người lấy chồng trước khi 15 tuổi[60]. Hiện tượng này xảy ra chủ yếu tại các vùng dân tộc thiểu số của các tỉnh như: Hòa Bình, Yên Bái, Điện Biên, Gia Lai... Với tỷ lệ này (0,01%), trẻ em không chỉ phải đối mặt với việc không được đi học, không được tham gia các hoạt động vui chơi mà còn phải chăm lo cho gia đình, phải chăm sóc, nuôi dưỡng con, phải làm kinh tế... Đồng thời, trẻ em gái lấy chồng sớm, mang thai, sinh đẻ khi chưa phát triển hoàn thiện về sinh lý, tâm lý cũng như thiếu hiểu biết và kinh nghiệm sẽ có ảnh hưởng lớn tới sức khỏe bà mẹ và sự phát triển của thai nhi và trẻ sơ sinh.

Việc vi phạm quy định về độ tuổi kết hôn có sự khác biệt cơ bản về giới và địa bàn dân cư. Kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2014 cho thấy 3,9% trẻ em gái ở độ tuổi từ 15 - 17 tuổi đã kết hôn so với tỷ lệ 0,9% trẻ em trai cùng nhóm tuổi[61]. Những khu vực có tỷ lệ nữ giới kết hôn trước 18 tuổi cao nhất là Trung du và miền núi Bắc Bộ (18,8%), Tây Nguyên (15,8%) và Đồng bằng sông Cửu Long (13,8%), thấp nhất là khu vực Đồng bằng sông Hồng (7,9%). Nếu so sánh tỷ lệ kết hôn trẻ em ở khu vực sinh sống thì ở khu vực nông thôn (13,3%) sẽ phổ biến hơn khu vực so với khu vực thành thị (7%)[62].

Hệ lụy phát sinh từ việc trẻ em có nhận thức chưa đúng đắn về tuổi kết hôn, sinh hoạt tình dục ở Việt Nam còn tồn tại tỷ lệ phá thai ở trẻ em chiếm tỷ lệ lớn khoảng 1/3 số ca phá thai ở Việt Nam. Đây là tỷ lệ phá thai ở phụ nữ tuổi chưa thành niên cao nhất tại Đông Nam Á và đứng thứ 5 trên thế giới[63]. Hiện tại, phá thai ở Việt Nam không bị pháp luật cấm, nên khi trẻ em mang thai ngoài ý muốn nếu không được quan tâm và

---

[58] Trong kết quả Tổng điều tra năm 2019 và các cuộc điều tra thống kê về dân số khác, thuật ngữ "kết hôn" bao gồm những người được luật pháp hoặc phong tục, tập quán của địa phương thừa nhận là có vợ hoặc có chồng, hoặc chung sống với người khác giới như vợ chồng. Theo Luật HN&GĐ Việt Nam 2014 kết hôn trước 15 tuổi hoặc trước 18 tuổi sẽ không được pháp luật thừa nhận và được gọi là "tảo hôn". Tuy nhiên, phụ nữ từ 20 đến 24 tuổi kết hôn lần đầu trước 15 tuổi và trước 18 tuổi là một trong những chỉ tiêu V-SDGs (: Vietnam Sustainable Development Goals): Mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam.

[59] Báo cáo số 69/BC-ĐGS ngày 19/5/2020 của Đoàn Giám sát của Quốc hội khóa 14 về kết quả giám sát "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em".

[60] Xem Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ (MICS), 2014.

[61] Unicef Việt Nam, Hiểu rõ thực trạng kết hôn trẻ em ở Việt Nam, Chấm dứt kết hôn trẻ em, trao quyền cho trẻ em gái.

https://www.unicef.org/vietnam/media/2411/file/T%C3%B3m%20t%E1%BA%AFt%20th%E1%BB%B1c%20tr%E1%BA%A1ng%20k%E1%BA%BFt%20h%C3%B4n%20tr%E1%BA%BB%20em.pdf

[62] Báo cáo MICS 2014, trang 228.

[63] Xem Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và UNICEF, *Báo cáo phân tích tình hình trẻ em 2016*, 12/21017, trang 112.

chăm sóc đúng cách dẫn đến phá thai không an toàn là mối nguy hại đối với sức khỏe thể chất, sức khỏe sinh sản và tinh thần của trẻ em gái.

Tình trạng sinh con ở tuổi chưa thành niên vẫn tồn tại ở Việt Nam, chủ yếu tập trung ở các vùng kinh tế - xã hội kém phát triển, tồn tại những tập tục lạc hậu như Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Trên phạm vi toàn quốc, phụ nữ chưa thành niên sinh con chiếm tỷ trọng 3,3‰, trong đó cao nhất ở Trung du và miền núi phía Bắc (9,7‰), cao hơn 8,5 lần so với vùng Đồng bằng sông Hồng (1,1‰). Tây Nguyên là vùng có tỷ lệ phụ nữ từ 10 -17 tuổi sinh con cao thứ hai (6,8‰)[64]. Tỷ lệ phụ nữ sinh con ở độ tuổi chưa thành niên cao hơn hẳn so với các vùng khác một phần là do điều kiện sống khó khăn, công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về sức khỏe bà mẹ trẻ em, sức khỏe sinh sản, ảnh hưởng của kết hôn và sinh con sớm tới sức khỏe bà mẹ trẻ em còn hạn chế; một phần là do phong tục tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số về việc lấy chồng và sinh con sớm. Tỷ lệ phụ nữ từ 10 -17 tuổi sinh con ở khu vực nông thôn là 4,2‰, cao hơn ba lần so với khu vực thành thị (1,3‰). Điều này chứng tỏ nữ chưa thành niên ở khu vực nông thôn có xu hướng sinh con sớm hơn khu vực thành thị.

Như vậy, tồn tại những vi phạm quy định pháp luật HN&GĐ về độ tuổi kết hôn khác nhau ở mỗi độ tuổi và vùng dân cư và giới tính. Đối với trẻ em gái các quyền trẻ em đều bị hạn chế như quyền phát triển, quyền tham gia... Sâu xa hơn, khi một người vẫn đang trong độ tuổi trẻ em làm mẹ thì khó có thể đảm bảo các điều kiện, kinh nghiệm để chăm sóc những đứa trẻ. Hậu quả của những vi phạm này nguy hiểm bởi các hệ lụy đó không thể giải quyết trong ngày một ngày hai mà ảnh hưởng nghiêm trọng đến các thế hệ tương lai. Có thể thấy, trẻ em "kết hôn" là rào cản lớn đối với việc bảo vệ quyền trẻ em. Qua thực tế có thể nhận định rằng tình trạng này có sự tham gia trực tiếp hoặc có sự "tiếp tay" của cha, mẹ, người thân thích của trẻ em.

Về sự tự nguyện khi kết hôn: Theo điểm b khoản 1 Điều 8 Luật HN&GĐ năm 2014 thì khi kết hôn, nam và nữ tự mình quyết định việc kết hôn. Quy định này một mặt thể hiện nguyên tắc tự do hôn nhân, mặt khác mang ý nghĩa đối với việc đảm bảo cho trẻ em được sống trong môi trường gia đình đầm ấm, hòa thuận, hạnh phúc. Nam nữ tự nguyện kết hôn và cùng hướng tới mục đích của hôn nhân cùng nhau xây dựng gia đình, vượt qua những khó khăn, tạo ra môi trường gia đình đầm ấm để trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc, phát triển trong tình yêu thương và đùm bọc của cha mẹ. Sự tự nguyện kết hôn quyết định thái độ, tình cảm, trách nhiệm của hai bên nam, nữ với việc thực hiện các chức năng xã hội cơ bản của gia đình, tạo môi trường cho sự phát triển của con, là cơ sở đảm bảo quyền của trẻ em trong gia đình được thực hiện.

Hiện tượng trẻ em bị cưỡng ép kết hôn chủ yếu xảy ra ở vùng dân tộc thiểu số. Ở Việt Nam hiện nay có một số dân tộc thiểu số còn tồn tại những tục lệ lạc hậu liên quan đến việc cha, mẹ ép kết hôn. Một số tập tục áp đặt đối với trẻ em khiến trẻ em

[64] Báo cáo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, Tổng cục Thống kê, tr. 83.

không có cơ hội để phát triển. Ở địa bàn xã Phình Giàng (Điện Biên) và Suối Giàng (Yên Bái), những trường hợp thanh niên tự tử bằng cách ăn lá ngón vì bị bố mẹ phản đối việc kết hôn không phải hiếm. Ở Tân Lạc, Hòa Bình, trong 10 nữ thanh niên người Mường kết hôn sớm được phỏng vấn, có một em đang đi học, chưa muốn cưới nhưng bố mẹ hai bên giục cưới vì thấy tình yêu của các con đã đủ độ chín. Một em khác lấy chồng năm 15 tuổi, chồng hơn 10 tuổi, bố mẹ chưa muốn gả con vì chưa đủ tuổi nhưng bố mẹ chồng giục nên phải cưới[65]. Việc cha mẹ ép gả con cái khi chưa đến tuổi kết hôn thường xảy ra đối với trẻ em gái bởi theo phong tục của người Mường thì nếu gia đình không có con trai thì một trong những người con rể sẽ phải ở rể tại nhà bố mẹ vợ. Người con rể này sẽ toàn tâm toàn ý lo cho gia đình nhà vợ. Vì vậy, trong nhiều trường hợp khi có được chàng trai sẵn sàng ở rể, cha mẹ thường ép con gái cưới mặc dù tuổi còn nhỏ. Như vậy, việc ép gả trong hôn nhân trong những trường hợp cá biệt còn bị ảnh hưởng bởi các mối quan hệ của bố mẹ trẻ em. Việc cha mẹ ép, gả, gây sức ép con trong hôn nhân đã hạn chế quyền tự quyết định, tự chủ trong tình yêu và hôn nhân của thanh, thiếu niên đồng thời vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Qua nghiên cứu, tìm hiểu trên thực tế, để bảo vệ quyền trẻ em ta sẽ tiếp cận Nhân học để nhìn nhận dưới góc độ xã hội hay nói cách khác tiếp cận khi đặt trọng tâm vào "tiếng nói của người trong cuộc" nhận thấy tình trạng kết hôn của các em tại các vùng dân tộc thiểu số không hoàn toàn do người lớn ép buộc hay xúi giục mà do các em "tự nguyện" đến với nhau vì nhiều nguyên nhân. Thanh niên chủ động tìm hiểu, hẹn hò và quyết định trở thành "vợ chồng". Có nhiều trường hợp con xin ý kiến cha mẹ trước đó, cũng có những trường hợp cha mẹ chỉ biết đến quyết định hôn nhân của con mình khi nhà trai đến thông báo đã đưa cô gái về và xin hỏi cưới. Một phụ huynh nam 47 tuổi, Vân Kiều, Quảng Trị cho biết "Ý định của bố mẹ là thích dâu phải 18 là được, rồi con mình là 20 là được... nhưng mà theo sở thích của con, con nói thế nào thì bố mẹ phải theo thôi, không theo không được"[66]. Tuy nhiên, dù là tự nguyện nhưng việc lấy vợ, lấy chồng ở độ tuổi trẻ em và nữ mang thai ở độ tuổi trẻ em là một trong những nguyên nhân dẫn đến tỷ suất chết mẹ, chết con hoặc trẻ sinh ra nhẹ cân chiếm tỷ lệ lớn[67]. Với cách tiếp cận này, chúng ta nhận thấy cần tiếp tục phổ biến, giáo dục pháp luật HN&GĐ để tránh những hậu quả xấu với nhiều thế hệ trẻ em.

Như vậy, việc vi phạm quy định điều kiện kết hôn theo Luật HN&GĐ vẫn tồn tại do những phong tục, tập quán của một cộng đồng dân cư và hiện tượng thanh niên, nam nữ kết hôn trong độ tuổi trẻ em mà không do ép buộc, họ cũng tìm hiểu và lấy

---

[65] UNFPA và Unicef Việt Nam, *Báo cáo tóm tắt về kết hôn trẻ em, Hiểu rõ thực trạng kết hôn trẻ em tại Việt Nam*, Chấm dứt kết hôn trẻ em trao quyền cho trẻ em gái.

[66] Phạm Quỳnh Phương, Đỗ Quỳnh Anh, Hoàng Ngọc An, Phạm Thanh Trà, Mai Thanh Tú, Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường "Kết hôn trẻ em ở một số cộng đồng tộc người thiểu số ở Việt Nam, Một phân tích từ góc nhìn Nhân học" Nxb. Thanh niên, 2017, trang 48.

[67] https://quangnam.gov.vn/CMSPages/BaiViet/Default.aspx?IDBaiViet=20634 Theo báo Gia Lai cập nhật ngày 28.12.2018

nhau vì những lý do giản đơn đều có thể giới hạn việc thực hiện quyền của trẻ em. Bên cạnh đó có những cặp vợ chồng chung sống không nhằm mục đích xây dựng gia đình mà là để đạt được lợi ích nào đó cho các bên thì họ đã vi phạm nguyên tắc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ sẽ có những tác động gián tiếp đến quá trình phát triển của trẻ em.

Về năng lực hành vi dân sự của người kết hôn: Theo điểm c khoản 1 Điều 8 Luật HN&GĐ năm 2014 thì người kết hôn phải không bị mất năng lực hành vi dân sự. Quy định người kết hôn phải không bị mất năng lực hành vi dân sự có ý nghĩa trong bảo vệ trẻ em thể hiện ở các khía cạnh sau:

Thứ nhất, một số nghiên cứu của các nhà khoa học đã cho biết có sự liên quan tương đối giữa yếu tố di truyền với nguy cơ gây bệnh tâm thần. Bệnh tâm thần là tình trạng rối loạn dẫn đến mất khả năng phân biệt và điều chỉnh suy nghĩ, hành vi, tâm trạng. Bệnh có nhiều dạng khác nhau có thể phân biệt và cụ thể hóa bằng các tên gọi như bệnh trầm cảm, rối loạn lo âu, tâm thần phân liệt, rối loạn ăn uống và hành vi gây nghiện. Thống kê chi tiết cho biết, trong mối quan hệ trực hệ gia đình, tỷ lệ di truyền bệnh tâm thần là khoảng 16,4% nếu có bố hoặc mẹ bị tâm thần, là khoảng 68% nếu có cả bố và mẹ bị tâm thần và là khoảng 14,3% nếu có anh chị em bị tâm thần. Nếu so sánh giữa các đối tượng có người thân trực hệ bị tâm thần với những người không có người thân trong gia đình bị tâm thần thì tỷ lệ mắc bệnh chênh lệch luôn là khoảng 10%[68]. Cụ thể, đối với bệnh tâm thần phân liệt thì tỷ lệ cao hơn rất nhiều "Có tới bốn trong số năm trường hợp mắc bệnh tâm thần phân liệt là do gen di truyền từ cha mẹ của đứa trẻ"[69]. Nhiều nhà khoa học vẫn cho rằng tâm thần phân liệt là bệnh di truyền. Theo đó, "nguy cơ bị tâm thần phân liệt chỉ phát hiện ở khoảng 10% anh chị em ruột, 12% con cái và 6% cha mẹ những người mắc bệnh tâm thần phân liệt; nếu cả cha lẫn mẹ đều bị tâm thần phân liệt thì nguy cơ bị bệnh ở các con cũng chỉ từ 30 - 40%"[70]. Những người bị bệnh tâm thần, không có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi nhưng nếu kết hôn thì việc có con vẫn diễn ra theo quy luật sinh học. Như vậy, những đứa trẻ sinh ra trong gia đình có cha, mẹ hoặc cả cha và mẹ là người tâm thần sẽ dẫn đến nguy cơ mang gen, mầm bệnh tâm thần. Đứa trẻ sẽ khó khăn trong cuộc sống sau này, không có khả năng làm chủ hành vi và ứng xử thông thường. Việc xác định năng lực hành vi dân sự trước khi kết hôn là cần thiết nhằm bảo vệ gia đình và trẻ em.

Thứ hai, tiếp cận quy định pháp luật về điều kiện này dưới góc độ bảo vệ quyền và lợi ích của các con chung và các thành viên trong gia đình, nhận thấy: nếu người

---

[68] Theo trang tin của Bệnh viện An Việt, "Thực hư bệnh tâm thần có di truyền không, làm cách nào để phòng tránh" tại http://khoathankinh.com/thuc-hu-benh-tam-than-co-di-truyen-khong.html, truy cập ngày 06/7/2020

[69] Theo Mike Mcrae ngày 06/10/2017, "*Bệnh tâm thần phân liệt 80% là do di truyền*" tại https://www.sciencealert.com/schizophrenia-is-80-genetic-according-to-this-massive-study-on-twins, (Bác sỹ Nguyễn Hữu Tùng và cộng sự lược dịch), truy cập ngày 07/7/2020

[70] Thầy thuốc ưu tú, Bác sỹ Nguyễn Võ Hinh, "*Tâm thần phân liệt là bệnh loạn thần nặng*", http://bachmai.gov.vn/en/tin-tuc-va-su-kien/bai-viet-chuyen-mon-menuleft-33/2990-tam-th-n-phan-li-t-la-b-nh-lo-n-th-n-n-ng.html, truy cập ngày 07/7/2020

tâm thần, mất năng lực hành vi dân sự kết hôn và có con thì sẽ phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa cha, mẹ và con, trong đó cha mẹ có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và bảo vệ con. Tuy nhiên, những người mất năng lực hành vi dân sự thì không nhận thức và thực hiện được nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, không đủ năng lực để giáo dục, chăm lo cho con. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến quyền được yêu thương, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục của trẻ em. Hơn nữa, nếu một bên, thậm chí là cả hai bên bị mất năng lực hành vi dân sự thì việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sẽ do thành viên khác của gia đình thực hiện. Khi đó, việc bảo vệ trẻ em trở lên khó khăn, sinh mạng của trẻ cũng không được đảm bảo an toàn, nguy cơ cao trẻ em bị rơi vào hoàn cảnh đặc biệt như bị bỏ rơi, bị bỏ mặc, thất học... Ở khía cạnh khác, có thể thấy, khi trẻ em có cha, mẹ bị bệnh tâm thần thì tính mạng và sức khỏe của trẻ em cũng có thể bị nguy hiểm bởi họ sẽ không làm chủ và kiểm soát được hành vi của mình, có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe, tính mạng của trẻ. Rõ ràng, nếu người mất năng lực hành vi dân sự kết hôn sẽ ảnh hưởng tới quyền lợi của con chung, trẻ em có thể bị tước đi quyền được yêu thương, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và các quyền cơ bản khác. Như vậy, Luật HN&GĐ năm 2014 quy định những người mất năng lực hành vi dân sự không được kết hôn góp phần bảo vệ quyền được sống và phát triển toàn diện của trẻ em. Trên thực tế, vẫn có những vướng mắc khi áp dụng việc tuyên bố mất mất năng lực hành vi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 22 BLDS năm 2015 thì một người chỉ bị coi là mất năng lực hành vi dân sự khi có quyết định có hiệu lực của Tòa án tuyên người đó mất năng lực hành vi dân và phải căn cứ vào kết luận giám định pháp y tâm thần. Để thực hiện thủ tục cần từ 30 đến 45 ngày và các bước cụ thể theo quy định tại BLTTDS[71]. Tuy nhiên trong thực tế có nhiều trường hợp người có những dấu hiệu rõ ràng về khả năng nhận thức khi mắc những chứng bệnh di truyền dễ thấy như người mắc hội chứng Down thì cần xem xét thực hiện thủ tục tuyên bố mất NLHV không. Theo quan điểm của chúng tôi, đối với những trường hợp như vậy cần hướng dẫn cụ thể theo hướng hạn chế kết hôn.

Về cấm kết hôn giữa những người có cùng dòng máu về trực hệ và những người khác có họ trong phạm vi ba đời:

Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Luật HN&GĐ năm 2014 thì những người có cùng dòng máu về trực hệ, những người có họ trong phạm vi ba đời bị cấm kết hôn với nhau. Người có cùng dòng máu về trực hệ là người có quan hệ huyết thống, trong đó người này sinh ra người kia kế tiếp nhau[72]. Pháp luật quy định cấm kết hôn giữa những người có quan hệ huyết thống gần là nhằm bảo đảm sự phát triển lành mạnh của thế hệ kế tiếp.

Theo kết quả nghiên cứu của ngành khoa học về huyết học và khảo sát thực tế cho thấy, những người có quan hệ huyết thống gần mà kết hôn với nhau thì con của họ

[71] Điều 366 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[72] Khoản 17 Điều 3 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

sinh ra thường bị bệnh tật và những dị dạng, thậm chí có trường hợp con sẽ bị tử vong ngay sau khi sinh và tỷ lệ tử vong của những trẻ sơ sinh càng cao nếu quan hệ huyết thống của cha mẹ chúng càng gần. Theo thống kê, những đứa trẻ được sinh ra từ cha mẹ có hôn nhân cận huyết thống có nguy cơ mắc các bệnh về máu cao gấp 10 lần so với những trẻ bình thường khác. Điển hình của các bệnh máu này là Thalassemia (tan máu di truyền) và Hemophilia (rối loạn đông máu di truyền). Theo TS. Dương Bá Trực, Trưởng khoa Huyết học di truyền, Bệnh viện nhi Trung ương, những đứa trẻ sinh ra từ các cặp có hôn nhân cận huyết thống dễ có nguy cơ mắc các bệnh di truyền do sự kết hợp của các gen mang bệnh[73]. Những đứa trẻ bị bệnh tan máu bẩm sinh có trẻ có thể bị biến dạng xương mặt, bụng phình to, nguy cơ tử vong rất cao. Thực tế y học đã chứng minh hôn nhân cận huyết thống là cơ sở cho những gen lặn bệnh lý tương đồng ở những ông bố, bà mẹ kết hợp với nhau và kết quả là dù khoẻ mạnh, họ vẫn có thể sinh ra con dị dạng hoặc bệnh di truyền như mù màu (không phân biệt được màu đỏ và màu xanh), bạch tạng, da vảy cá, đặc biệt là bệnh tan máu bẩm sinh (Thalassemia) mở đầu cho cuộc sống tàn phế suốt đời. Những đứa trẻ sinh ra từ các cặp có hôn nhân cận huyết thống thì có tới 25% khả năng bị bệnh và 50% mang gen bệnh bệnh tan máu bẩm sinh di truyền. Hiện tại, chưa có phương pháp điều trị khỏi bệnh tan máu bẩm sinh di truyền, người bệnh cần phải điều trị suốt cả cuộc đời với chi phí rất tốn kém, trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội, để lại những hậu quả rất nặng nề cho thế hệ tương lai. Để giải thích hiện tượng này, di truyền học cho biết, mọi đặc điểm trên cơ thể đều được quy định bởi gene, kể cả trường hợp bệnh lý. Cơ thể mỗi người có khoảng 500 - 600 nghìn gene, trong số đó không tránh khỏi có một số gene lặn bệnh lý, chưa có điều kiện bộc lộ gây tác hại. Gene lặn bệnh lý tồn tại dai dẳng trong dòng họ từ thế hệ này qua thế hệ khác. Nếu cuộc hôn nhân được tiến hành với người khác dòng họ thì nguy cơ bệnh bộc phát thường không cao. Trái lại, hôn nhân cận huyết chính là điều kiện thuận lợi cho những gene lặn bệnh lý tương đồng gặp gỡ nhau, sinh ra những đứa con bệnh tật hoặc dị dạng di truyền[74].

Trên thực tế, tình trạng hôn nhân cận huyết thống chủ yếu là vùng dân tộc thiểu số (DTTS), vùng có kinh tế xã hội khó khăn. Theo kết quả điều tra thực trạng kinh tế-xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2015 cho thấy: Tình trạng hôn nhân cận huyết thống xảy ra chủ yếu ở miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, tỷ lệ hôn nhân cận huyết thống của 53 DTTS là 0,65%. Trong đó các DTTS có tỷ lệ hôn nhân cận huyết thống cao như Lô Lô, Hà Nhì, Phù Lá, Chứt, Ê Đê, Chu Ru, Si La, Pu Péo, Mông, Rơ Măm, Brâu... có tỷ lệ hôn nhân cận huyết thống lên đến 10%, tức là cứ 100 trường hợp kết hôn thì có 10 trường hợp hôn nhân cận huyết thống. Một số DTTS khác có tỷ lệ hôn

[73] Hà Giang, *Hôn nhân cận huyết thống - Nguyên nhân làm suy giảm sức khỏe*, Sức khỏe và Đời sống, 24/3/2010, truy cập ngày 30/3/2020, https://suckhoedoisong.vn/hon-nhan-can-huyet-thong-nguyen-nhan-lam-suy-giam-suc-khoe-n33108.html

[74] BS Hoài Hương, *Vì sao không nên kết hôn cận huyết*? https://khoahoc.tv/vi-sao-khong-nen-ket-hon-can-huyet-6236

nhân cận huyết thống thấp hơn như: Dân tộc Mạ là 4,41%, dân tộc Mảng là 4.36%, dân tộc Mnông là 4,02%, dân tộc Xtiêng là 3,67%... Trong đó, phổ biến là kết hôn giữa con cô, con cậu, con chú, con bác, con dì với nhau[75]. Tình trạng này cho thấy, việc thực thi pháp luật về điều kiện kết hôn chưa thật nghiêm, còn những khó khăn trong việc xử lý các hành vi vi phạm này bởi sự công nhận và bảo vệ của một cộng đồng dân cư viện cớ đó là "lệ làng". Đồng thời, việc vi phạm điều kiện kết hôn về những người trong cùng dòng máu về trực hệ thường đi liền cùng tảo hôn, không báo cáo chính quyền khi cưới, vì vậy rất khó để xử lý các hành vi vi phạm này.

Như vậy, việc kết hôn giữa những người có quan hệ huyết thống gần gây nguy cơ suy giảm sức khỏe, tăng tỷ lệ bệnh tật trực tiếp lên chính trẻ em - người kế tục tương lai của đất nước, bệnh lại di truyền tiếp cho thế hệ sau gây suy thoái chất lượng giống nòi. Những trẻ em được sinh ra từ cha mẹ có quan hệ hôn nhân cận huyết thống mang gen bệnh sẽ không thể có cuộc sống bình thường, các em sẽ không được hưởng trọn vẹn quyền được sống, khỏe mạnh và phát triển toàn diện. Vì vậy, pháp luật cấm những người có quan hệ huyết thống gần kết hôn với nhau để đảm bảo cho con sinh ra được khỏe mạnh, nòi giống phát triển lành mạnh, phù hợp với đạo đức, đảm bảo lợi ích gia đình và xã hội.

3.1.2. Bảo vệ quyền trẻ em trong quy định về hậu quả hủy việc kết hôn trái pháp luật và giải quyết nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn

Kết hôn trái pháp luật là việc nam, nữ đã đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng một bên hoặc cả hai bên vi phạm điều kiện kết hôn. Hủy việc kết hôn trái pháp luật được hiểu là một biệp pháp chế tài của Luật HN&GĐ đối với các cá nhân có hành vi phạm pháp luật về điều kiện kết hôn. Khi Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của con vì vậy, nếu giữa các bên có con chung thì phải giải quyết việc nuôi con. Luật HN&GĐ năm 2014 quy định khi hủy việc kết hôn trái pháp luật, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con được giải quyết như khi vợ chồng ly hôn (khoản 2 Điều 12). Như vậy, khi Tòa án ra quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật mà các bên có con chung chưa thành niên thì việc nuôi con và cấp dưỡng cho con được thực hiện theo các quy định từ Điều 81 đến Điều 84 Luật HN&GĐ năm 2014. Theo đó, việc giao con cho một bên trực tiếp nuôi phải vì lợi ích tốt nhất về mọi mặt của con. Nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Trường hợp con dưới 36 tháng tuổi thì được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo

[75] Ngô Thị Phong Vân, Tảo hôn và hôn nhân cận huyết ở vùng dân tộc thiểu số, 05/01/2019 https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/giao-duc-dan-toc/Pages/tin-tuc.aspx?ItemID=5773

dục con và cấp dưỡng cho con. Với các quy định về giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng cho con có thể nhận thấy quyền của trẻ em được bảo vệ, trẻ em được đảm bảo các điều kiện tốt nhất khi cha mẹ bị hủy việc kết hôn trái pháp luật. Bên cạnh việc giải quyết vấn đề con chung thì khi hủy việc kết hôn trái pháp luật còn giải quyết vấn đề tài sản. Theo quy định tại khoản 3 Điều 12 và khoản 2 Điều 16 Luật HN&GĐ năm 2014 thì việc giải quyết quan hệ tài sản giữa hai bên phải đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của con. Có nghĩa là việc chia tài sản chung giữa các bên ngoài việc áp dụng nguyên tắc căn cứ vào công sức đóng góp của mỗi bên thì còn phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của con. Chẳng hạn, chia tài sản chung là nhà ở thì cần ưu tiên người trực tiếp nuôi con để đảm bảo con chưa thành niên có chỗ ở ổn định, bảo vệ quyền của trẻ em.

Không công nhận quan hệ vợ chồng áp dụng đối với những trường hợp nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 14, 15, 16, Luật HN&GĐ năm 2014, tuy không vi phạm điều cấm của pháp luật, nhưng việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, không được công nhận là hôn nhân hợp pháp, sẽ không phát sinh quan hệ vợ chồng, tuy nhiên quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con phải tuân thủ quy định về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con theo Luật HN&GĐ năm 2014.

Trong thực tế, việc hủy kết hôn trái pháp luật là một loại vụ việc dân sự thuộc quyền giải quyết của Tòa án, tuy nhiên việc lựa chọn TAND nào giải quyết hiện nay còn hiện tượng chồng chéo liên quan đến thẩm quyền giải quyết giữa các Tòa án. Bởi theo quy định của Bộ luật TTDS năm 2015 thì TAND nơi cư trú của một trong hai bên đương sự (điểm b khoản 2 Điều 35 BLTTDS), hoặc TAND nơi đã đăng ký kết hôn trái pháp luật có thẩm quyền (điểm g khoản 2 Điều 39 BLTTDS năm 2015) hoặc đương sự, người yêu cầu có quyền lựa chọn TAND nơi một trong các bên cư trú giải quyết (điểm g khoản 2 Điều 39 BLTTDS năm 2015) sẽ giải quyết vụ việc dân sự này. Sự chồng chéo này có thể ảnh hưởng đến việc bảo vệ quyền của trẻ em khi chưa được xác định thẩm quyền của Tòa án để giải quyết việc hủy kết hôn trái pháp luật của cha mẹ trẻ em.

Như vậy, các quy định pháp luật HN&GĐ trên đã bảo vệ được lợi ích hợp pháp của trẻ em là con chung của các cặp nam nữ kết hôn trái pháp luật hoặc chung sống như vợ chồng không đăng ký kết hôn, đảm bảo thực hiện nguyên tắc dành mọi điều tốt đẹp nhất cho trẻ em, nhưng những vướng mắc về thẩm quyền, thủ tục giải quyết có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền trẻ em.

3.2. Quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong việc bảo vệ quyền trẻ em và thực tiễn thực hiện

3.2.1. Quyền và nghĩa vụ nhân thân của vợ chồng trong việc bảo vệ quyền trẻ em

Quyền và nghĩa vụ nhân thân của vợ chồng được quy định từ Điều 17 đến Điều 23 Luật HN&GĐ năm 2014. Theo đó, vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền và nghĩa

vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình, nhằm duy trì sự tồn tại của gia đình. Các quyền và nghĩa vụ này đều nhằm thực hiện và thực hiện tốt nhất các chức năng của gia đình như: sinh đẻ nhằm tái sản xuất về sinh học, phát triển kinh tế gia đình, giáo dục con.

Vợ chồng có quyền bàn bạc, thống nhất để quyết định số con, lựa chọn thời điểm sinh con, khoảng cách giữa các lần sinh. Sự bàn bạc, thống nhất giữa vợ và chồng về vấn đề này chứng tỏ vợ chồng đã có kế hoạch và sự chuẩn bị tốt nhất để đón những đứa con của mình về điều kiện vật chất cũng như tinh thần. Ngoài ra, vợ chồng phải thống nhất trong việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình và lựa chọn các biện pháp tránh thai. Điều này rất có ý nghĩa trong việc bảo vệ quyền được sống của trẻ em.

Luật HN&GĐ năm 2014 quy định vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện công việc gia đình trong đó có mục đích để cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Quy định này một mặt khẳng định vai trò bình đẳng của vợ chồng trong việc nuôi dạy con, mặt khác nhằm bảo đảm sự phát triển toàn diện trẻ em. Các nhà khoa học của Ủy ban Nghiên cứu các khía cạnh tâm lý xã hội về Sức khỏe Trẻ em của Pháp cho biết, nếu người mẹ mang đến cho trẻ sự thoải mái và ổn định thì người cha lại thường tạo ra nhiều thử thách hơn trong các trò chơi, dẫn dắt định hướng trong các trò chơi khiến trẻ hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn. Điều này giúp trẻ giảm lo âu, tạo cho chúng sự hưng phấn vui vẻ, đồng thời phát triển khả năng sáng tạo[76]. Trong gia đình, tình thương yếu mềm của mẹ được bồi đắp bằng sự nghiêm nghị của cha. Sự lo lắng bồn chồn của mẹ được bồi đắp bằng lời động viên khích lệ của cha. Những kỹ năng thiên bẩm của cha, mẹ tuy rất quan trọng, rất cần thiết trong việc nuôi dạy con trẻ nhưng sẽ vẫn không toàn diện nếu thiếu vắng đi vai trò của một trong hai người[77]. Như vậy, nếu muốn trẻ em phát triển toàn diện, thì trong quá trình phát triển của trẻ không thể thiếu đi bóng dáng của người cha hoặc người mẹ. Người cha đóng vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của trẻ em mà người mẹ nhiều khi không thể thay thế được. Hơn nữa, khi trong gia đình, vợ chồng cùng chăm sóc, giáo dục con và chia sẻ các công việc gia đình thì gia đình đó đã đạt được bình đẳng giới, xóa bỏ phân công lao động theo giới. Bình đẳng giới trong gia đình là tiền đề quan trọng cho sự thành công trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em[78]. Khi bình đẳng giới trong gia đình đã đạt được thì không còn quan niệm công việc nội trợ là của phụ nữ và việc kiếm tiền là của nam giới.

---

[76] Nguyễn Như Phương, Thạc sĩ Tâm lý *"Vai trò của người cha với sự phát triển của trẻ",* Sức khỏe và Đời sống, ngày 26/01/2019 https://suckhoedoisong.vn/vai-tro-cua-nguoi-cha-voi-su-phat-trien-cua-tre-n125370.html

[77] May May,"*Vai trò của cha có thua kém vai trò của mẹ trong nuôi dạy con cái?",* NTD Việt Nam, ngày 22/4/2020 https://www.ntdvn.com/giao-duc/vai-tro-cua-cha-trong-viec-nuoi-day-con-cai-32135.html . Truy cập ngày 20/8/2020.

[78] TS. Ngô Thị Hường, TS. Nguyễn Phương Lan (đồng chủ biên) (2013), *"Tập bài giảng Luật Bình đẳng giới",* NXB. Hồng Đức, tr. 145

Vợ chồng bình đẳng cùng nhau tham gia lao động tạo thu nhập và chia sẻ công việc gia đình chính là nền tảng bảo đảm cho gia đình tồn tại và phát triển, đồng thời là cái nôi ấm áp cho trẻ em nuôi dưỡng tâm hồn và định hình tính cách. Vợ chồng yêu thương, hòa thuận, tôn trọng danh dự, nhân phẩm của nhau sẽ tạo môi trường sống lành mạnh để trẻ em phát triển trí tuệ và nhân cách góp phần quan trọng trong việc bảo vệ quyền được phát triển của trẻ em. Thực tiễn cho thấy, thực hiện quyền bình đẳng của vợ chồng về quyền nhân thân còn gặp nhiều khó khăn liên quan trực tiếp đến thực hiện bình đẳng giới. Tổng hợp số liệu do TAND các cấp thực hiện từ ngày 01/7/2008 đến ngày 31/7/2018, Tòa án nhân dân các cấp đã thụ lý theo thủ tục sơ thẩm 1.422.067 vụ án ly hôn, đã giải quyết 1.384.660 vụ, trong đó có 1.060.767 vụ xuất phát từ nguyên nhân bạo lực gia đình như: bị đánh đập, ngược đãi... (chiếm 76,6% các vụ án ly hôn)[79]. Trong các nguyên nhân đó thì bạo lực giới đã tạo ra sự bất bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ. Do các hệ thống xã hội mang tính "phụ hệ" chiếm ưu thế ở Việt Nam, chưa coi trọng công việc nội trợ,... đã hạ thấp tiếng nói của phụ nữ trong gia đình, nên phụ nữ và trẻ em gái thường là nạn nhân của bạo lực giới. Với những định kiến giới và tư tưởng "trọng nam" vẫn tồn tại khá phổ biến trong gia đình và một bộ phận dân cư xã hội dẫn đến việc người chồng hoặc gia đình chồng gây áp lực với người vợ để có "con nối dõi", "suất đinh"... dẫn đến thiếu bình đẳng trong gia đình và thiếu yêu thương đúng nghĩa với trẻ em gái khi được sinh ra, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình và việc nuôi dạy trẻ em.

Như vậy, mặc dù Luật HN&GĐ đã có các quy định về thực hiện quyền bình đẳng giữa vợ và chồng, tạo nền tảng, cơ sở xây dựng gia đình hạnh phúc, tuy nhiên trong thực tế vẫn tồn tại tỷ lệ không nhỏ các vi phạm pháp luật giữa vợ chồng làm ảnh hưởng xấu đến sự phát triển toàn diện của trẻ em.

3.2.2. Quyền và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng trong việc bảo vệ quyền trẻ em

Trong quan hệ tài sản của vợ chồng, pháp luật quy định nguyên tắc áp dụng chế độ tài sản của vợ chồng. Dù vợ chồng thỏa thuận về chế độ tài sản hay theo chế độ tài sản luật định thì vợ chồng phải tuân thủ nguyên tắc bảo đảm điều kiện để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình[80]. Nhu cầu thiết yếu của gia đình là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình[81]. Nhu cầu thiết yếu của gia đình được bảo đảm bằng tài sản chung của vợ chồng. Trong trường hợp vợ chồng theo chế độ tài sản Luật định thì đương nhiên có tài sản chung[82]. Trong

[79] https://trangtinphapluat.com/blog/bai-viet-hay/hon-nhan-va-gia-dinh/tinh-hinh-bao-luc-gia-dinh-o-viet-nam/

[80] Khoản 2 Điều 29 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[81] Khoản 20 Điều 3 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[82] Điều 33 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

trường hợp vợ chồng thỏa thuận về chế độ tài sản mà giữa họ không có tài sản chung thì trong văn bản thỏa thuận phải có nội dung về tài sản để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Đồng thời, pháp luật quy định vợ chồng bình đẳng trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung là nhằm bảo vệ khối tài sản chung, bảo đảm nguồn sống của các thành viên gia đình trong đó có trẻ em. Pháp luật quy định những giao dịch dân sự để phục vụ nhu cầu thiết yếu hàng ngày của gia đình thì chỉ cần một bên vợ hoặc chồng thực hiện và đương nhiên coi là có sự đồng ý của bên kia. Quy định này có ý nghĩa tạo sự chủ động của vợ hoặc chồng trong việc giải quyết các nhu cầu cơ bản của gia đình. Đối với trẻ em, để đảm bảo các nhu cầu ăn, ở, học tập văn hóa, rèn luyện năng khiếu, kỹ năng mềm, vui chơi, giải trí... hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn tài chính của cha mẹ. Như vậy, để bảo vệ cho trẻ em trong gia đình được chăm sóc đầy đủ các nhu cầu thiết yếu tồn tại và phát triển toàn diện, không bị gián đoạn và bị ảnh hưởng, tác động xấu đến sự phát triển bình thường theo quy luật tự nhiên của trẻ em, thì cha mẹ có nghĩa vụ bảo đảm điều kiện để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Trong trường hợp vợ chồng không có tài sản chung hoặc tài sản chung không đủ để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì vợ, chồng có nghĩa vụ đóng góp tài sản riêng để đáp ứng nhu cầu chung. Trong trường hợp nhà ở thuộc sở hữu riêng của vợ hoặc chồng thì chủ sở hữu có quyền xác lập, thực hiện, chấm dứt giao dịch liên quan đến tài sản đó nhưng phải đảm bảo chỗ ở cho gia đình. Quy định này hoàn toàn phù hợp về mặt lý luận đảm bảo cho nguyên tắc "lợi ích chung của các thành viên gia đình phải được bảo vệ", trong đó quyền, lợi ích hợp pháp của con luôn được đặt lên hàng đầu. Để bảo đảm nhu cầu thiết yếu về chỗ ở, vợ chồng sẽ bị hạn chế nhất định đối với tài sản riêng, có nghĩa quyền cá nhân lúc này sẽ phải không được bảo vệ cao nhất bởi sự bảo vệ này đã được ưu tiên cho điều kiện sống, ăn, ở của thành viên trong gia đình, đặc biệt là tính ổn định cần thiết cho sự phát triển bình thường của trẻ em. Như vậy, nhà làm luật đã dự liệu các tình huống để buộc vợ chồng thực hiện các nghĩa vụ của mình đối với gia đình và con chung chưa thành niên.

Bảo vệ trẻ em trong các quy định về chế độ tài sản của vợ chồng còn thể hiện trong quy định về việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bị vô hiệu. Xuất phát từ thực tế các quan hệ kinh tế, xã hội, vợ chồng có thể thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân[83]. Tuy nhiên, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, pháp luật quy định việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân bị vô hiệu khi việc chia tài sản đó ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên hoặc nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng hoặc cấp dưỡng cho con chưa thành niên[84]. Quy định này nhằm đảm bảo không để các con chưa thành niên có nguy cơ bị rơi vào tình trạng không được đáp

[83] Xem Điều 38 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[84] Điều 42 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

ứng đủ các nhu cầu thiết yếu, ngăn chặn trẻ em bị rơi vào tình trạng thiếu thốn và không đảm bảo điều kiện sống, học tập do việc chia tài sản chung của cha mẹ trong thời kỳ hôn nhân. Điều này có ý nghĩa trong việc ngăn chặn hành vi vô trách nhiệm của cha mẹ nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với con của mình.

Như vậy, pháp luật quy định chế độ tài sản của vợ chồng một mặt tôn trọng quyền sở hữu của vợ chồng, mặt khác là bảo đảm điều kiện để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của các thành viên gia đình, trong đó có các con đang ở độ tuổi trẻ em. Luật HN&GĐ năm 2014 quy định quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong quan hệ tài sản một cách hài hòa, mở rộng các quyền của vợ chồng đối với tài sản nhưng phải đảm bảo tốt nhất quyền được phát triển của trẻ em trong gia đình, đáp ứng cấp độ phòng ngừa trong các cấp độ bảo vệ quyền trẻ em.

3.3. Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ trong việc bảo vệ quyền trẻ em và thực tiễn thực hiện

3.3.1. Bảo vệ quyền trẻ em trong các quy định về quyền và nghĩa vụ giữa cha, mẹ và con

Nội dung bảo vệ quyền trẻ em trong Luật HN&GĐ năm 2014 được thể hiện cụ thể tại Chương V, quy định về nghĩa vụ và quyền của cha, mẹ đối với con. Theo đó, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con được quy định được quy định rõ ràng, từ Điều 68 đến Điều 87. Các quy định này thể hiện việc nội luật hóa nội dung Công ước về Quyền trẻ em mà Việt Nam đã tham gia. Cụ thể, bảo vệ quyền trẻ em thể hiện thông qua các quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con trong quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản.

3.3.1.1. Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền yêu thương, tôn trọng thân thể, nhân phẩm của trẻ em

Xuất phát từ quan hệ huyết thống, nuôi dưỡng, giữa cha, mẹ với con là quan hệ tình cảm thiêng liêng, được hình thành và phát triển tự nhiên, vô điều kiện. Bởi vậy, quy định cha mẹ có nghĩa vụ thương yêu con (khoản 1 Điều 69 Luật HN&GĐ năm 2014) nhằm "luật" hóa mối quan hệ tình cảm này đồng thời nhằm bảo vệ quyền được phát triển của trẻ em. Quá trình phát triển của trẻ em đi kèm các nhu cầu nhất định về thể chất, tinh thần và kỹ năng xã hội. Chỉ có cha mẹ, những người chăm sóc trẻ em hàng ngày mới có khả năng nhận biết rõ nhất về các thời điểm thay đổi của trẻ em. Cùng với việc nuôi dưỡng hàng ngày, cha mẹ còn phải chăm sóc đời sống về tinh thần của trẻ em, bởi trẻ em được nhìn nhận là một con người với những nhu cầu suy nghĩ, tình cảm vậy nên cha mẹ phải đảm bảo điều kiện nghĩa vụ thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con, chia sẻ và giúp đỡ con chưa thành niên (khoản 1 Điều 69 Luật HN&GĐ năm 2014). Nghĩa vụ thương yêu con là xuất phát từ sự gắn bó máu thịt, sự công nhận của pháp luật đối với mối quan hệ cha con, mẹ con. Cha mẹ phải bày tỏ tình yêu thương qua những hành động cụ thể, bằng sự chăm sóc, tạo mọi điều kiện tốt nhất về tài chính, thời gian, để tâm suy nghĩ cho con mình giúp trẻ em trưởng thành và là

người con ngoan, công dân tốt. Trong suốt quá trình trưởng thành, cha mẹ cần luôn yêu thương, chăm lo hiểu và thực hiện đúng nghĩa vụ của cha mẹ.

Như vậy, yêu thương không chỉ dừng lại bằng lời nói mà phải bằng những việc làm cụ thể. Yêu thương cũng không có nghĩa là bao bọc, bảo vệ, hy sinh tất cả cho con mà phải giáo dục, định hướng, tôn trọng cá tính, ý kiến của con trong quá trình nuôi dạy. Yêu thương, chăm sóc con cái là điều kiện tiên quyết để hoàn thành trách nhiệm làm cha mẹ. Chính điều đó sẽ giúp trẻ em được lớn lên và phát triển một cách toàn diện. Vì vậy, cha mẹ yêu thương con một cách thích hợp sẽ tạo được đà hưng phấn, sáng tạo, khơi gợi tiềm năng để trẻ em có thể phát triển toàn diện.

Tuy nhiên, hiện nay quy định yêu thương còn chung chung mà chưa quy định cụ thể yêu thương như thế nào, yêu thương được thể hiện ra sao nên dẫn đến nhiều cách hiểu, cách ứng xử của cha mẹ với con. Có những cách hiểu "yêu thương" là "yêu cho roi cho vọt", yêu con mình, bỏ con người;... thiếu tôn trọng các quyền của trẻ em và vi phạm thô bạo các quyền trẻ em dẫn đến hậu quả nghiêm trọng. Ngược lại, quan điểm cha mẹ yêu thương con theo hướng đáp ứng mọi đòi hỏi của con vô điều kiện, cũng mang lại những hậu quả không tốt cho trẻ em.

Luật HN&GĐ năm 2014 quy định trẻ em có quyền được cha mẹ tôn trọng (khoản 1 Điều 70). Cha mẹ tôn trọng mọi vấn đề thuộc về trẻ em như: thân thể, nhân phẩm, danh dự, bí mật đời sống riêng tư... Cha mẹ không được có hành vi xâm phạm thân thể trẻ em; không được lạm dụng sức lao động của trẻ em.; không được xúi giục, ép buộc trẻ em làm việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội... Mọi hành vi bạo lực đối với trẻ em trong gia đình gồm bạo lực về thể chất, tinh thần, tình dục... đều bị xử lý theo pháp luật. Như vậy, Luật HN&GĐ năm 2014 đã bao quát, tương thích với các quy định các quyền cơ bản của trẻ em được ghi nhận trong Luật Trẻ em năm 2016. Cụ thể, trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bóc lột sức lao động; không phải lao động trước tuổi, không bị bỏ rơi, bỏ mặc... quá thời gian hoặc làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật; không bị bố trí công việc hoặc nơi làm việc có ảnh hưởng xấu đến nhân cách và sự phát triển toàn diện của trẻ em; được bảo vệ bí mật đời sống riêng tư... [85]. Bên cạnh đó, cha mẹ có nghĩa vụ tôn trọng đời sống riêng tư của trẻ em. Đây là một trong những điểm mới, quan trọng để bảo vệ quyền nhân thân của chủ thể trong quan hệ pháp luật. Với tư cách là công dân, một con người, trẻ em cũng được bảo vệ và tôn trọng quyền bí mật đời sống riêng tư trên cơ sở quy định về quyền bí mật đời sống riêng tư tại Hiến pháp năm 2013, BLDS năm 2015, Luật Trẻ em năm 2016 và các văn bản pháp luật khác. Pháp luật quy định việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư của cá nhân phải được bản thân cá nhân đó đồng ý. Bí mật đời sống riêng tư

[85] Điều 21, 26, 27 Luật Trẻ em 2016

của trẻ em đa số gắn với gia đình và cha mẹ nên cần xác định bí mật đời sống riêng tư của trẻ em với bí mật của gia đình, cha mẹ trẻ em. Bảo vệ quyền trẻ em còn là bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín, bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của trẻ em. Nhân phẩm, danh dự của trẻ em cần được tôn trọng bởi đây chính tôn trọng sự phát triển về tinh thần, cần thiết song song với sự phát triển về thể chất của trẻ em.

Thực tiễn thực hiện pháp luật HN&GĐ về nghĩa vụ và quyền của cha mẹ với trẻ em những năm gần đây có nhiều thành tựu. Đáng ghi nhận nhất đó chính là cha, mẹ có những thay đổi tích cực về nhận thức, ý thức pháp luật trong việc thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, bảo vệ, giáo dục và yêu thương trẻ em. Ngày càng nhiều các quyền của trẻ em được cha, mẹ, người thân và xã hội tôn trọng, bảo đảm thực hiện như: quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, quyền được giáo dục, học tập, phát triển năng khiếu, quyền bí mật đời sống riêng tư... Quyền được khai sinh được cha, mẹ người thân thích quan tâm thực hiện. Theo số liệu thống kê công bố năm 2020, trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh đã đạt 98,8%, trong đó có 95,6% số trẻ em được đăng ký trong thời gian 06 tháng đầu đời[86]. Kết quả này đã vượt mục tiêu trong Chương trình hành động quốc gia về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2017- 2024: "*Đến năm 2020, đạt tỷ lệ 97% trẻ em, cư trú trên lãnh thổ Việt Nam được đăng ký khai sinh trước 05 tuổi*"[87]. Việc đăng ký khai sinh đầy đủ là cơ sở pháp lý quan trọng để trẻ em có thể được hưởng các quyền cơ bản khác của trẻ em như: quyền có họ tên, dân tộc, quốc tịch; quyền được xác định cha mẹ; quyền được học tập...

Cha mẹ đã thực hiện tốt nghĩa vụ của mình trong việc tạo điều kiện cho trẻ em được đi học. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học phổ thông nhưng chưa bao giờ đi học hoặc đã thôi học giảm mạnh trong 10 năm qua, từ 16,4% năm 2009 và đến năm 2019 còn 8,3%. Tính đến tháng 4 năm 2019, Việt Nam có 8,3% trẻ em trong độ tuổi đi học phổ thông nhưng không đến trường. Đây là một trong những thành tựu rất đáng ghi nhận trong lĩnh vực giáo dục của Việt Nam trong thập kỷ qua[88].

Cha mẹ đã quan tâm, đảm bảo quyền được chăm sóc, sức khỏe của trẻ em tại gia đình cũng như tạo điều kiện để trẻ em được tiếp cận các dịch vụ y tế công cộng, chăm sóc sức khỏe ban đầu. Trẻ em được tham gia tiêm chủng mở rộng nhiều loại vắc xin. Thành công trong tiêm chủng ở Việt Nam, bảo vệ hàng triệu mạng sống cũng như phòng, tránh cho nhiều trẻ em khỏi bệnh tật và khuyết tật, thanh toán thành công bệnh bại liệt, loại trừ uốn ván trẻ sơ sinh và kiểm soát bệnh sởi... đã chứng minh phần nào trách nhiệm của cha mẹ đối với trẻ em trong việc tạo cơ hội để trẻ em được tiếp cận dịch vụ y tế.

---

[86] Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019, tr. 65.

[87] Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 23/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động quốc gia về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2017-2024.

[88] Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019, trang 119.

Bên cạnh đó, vẫn tồn tại một bộ phận cha mẹ thiếu quan tâm, chăm sóc trẻ em để trẻ em tự bươn chải, kiếm sống, đặc biệt các vụ việc xâm hại, bạo lực với trẻ em vẫn tồn tại và ngày càng tăng mức độ nguy hiểm đối với trẻ em, gây bức xúc trong dư luận. Nguyên nhân chủ yếu do cha mẹ có nhiều áp lực, thiếu hiểu biết về nghĩa vụ làm cha, mẹ của mình... nên đã làm tổn hại đến trẻ em cả về thể chất và tinh thần. Một trong những thực trạng vi phạm nghĩa vụ của cha mẹ với con thể hiện qua tình hình bạo lực với trẻ em đang diễn ra trong các gia đình, đang trở thành vấn đề nhức nhối trong xã hội Việt Nam.

Bạo lực gia đình đối với trẻ em là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần đối với trẻ em. Bạo lực đối với trẻ em không chỉ xảy ra trong các gia đình cha mẹ có trình độ học vấn thấp mà còn xảy ra cả trong gia đình cha mẹ có trình độ học vấn cao. Không chỉ những đứa trẻ "khó bảo" là nạn nhân của bạo lực gia đình mà ngay cả những đứa trẻ chăm ngoan, học giỏi cũng chịu những hành vi bạo lực. Người có hành vi bạo lực gia đình đối với trẻ em có thể là cha, mẹ, cha dượng, mẹ kế, ông, bà, anh, chị, cô, dì, chú, bác, cậu, mợ... Thông thường những người này lợi dụng hoàn cảnh bị lệ thuộc của trẻ em về hoàn cảnh kinh tế cũng như điều kiện sống mà sử dụng hình phạt trong trường hợp trẻ em phạm lỗi hoặc không làm đúng theo yêu cầu, đề nghị của họ. Hành vi bạo lực về thể chất có thể là tát, đấm, đá, véo, giật tóc hoặc bị đánh bằng đồ vật (như gậy, thắt lưng, roi , giầy...); trẻ em bị buộc phải đứng, ngồi, quỳ trong các tư thế khó chịu như đứng vào tổ kiến, quỳ trên vỏ mít,... Thậm chí còn có một số bị các hình phạt tàn bạo như: dí điện, tẩm xăng đốt, treo ngược lên cây,... Bên cạnh bạo lực về thể xác, trẻ em còn bị bạo lực về tinh thần. Phổ biến nhất là mắng nhiếc, đe dọa gây áp lực, bỏ mặc... Nếu bạo lực về thể xác dễ nhận biết khi thương tích trên cơ thể nạn nhân thì bạo lực về tinh thần rất khó nhận biết. Những đứa trẻ bị bị tổn thương về tinh thần rất nghiêm trọng, song người ta chỉ nhận biết được khi sự tổn thương đó dẫn đến nạn nhân có những hành vi như tự tử, bỏ nhà đi lang thang, bị kẻ xấu lợi dụng hoặc vi phạm pháp luật.

Trong nhiều gia đình, việc xử phạt của cha mẹ đối với con được cho là một biện pháp giáo dục, tuy nhiên biện pháp này có thể ảnh hưởng không nhỏ đến thể chất và tinh thần của trẻ em. Theo Báo cáo điều tra, đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ năm 2014 (MICS) tại Việt Nam thì 68,4% trẻ em từ 01 - 14 tuổi phải chịu ít nhất một hình phạt tâm lý hoặc thể xác bởi các thành viên trong gia đình. Trong đó có 2,1% trẻ em bị xử phạt thể xác nặng, 42,7% trẻ em bị xử phạt bằng thể xác, 58,2% trẻ bị xử phạt và áp lực tâm lý. Trẻ em bị xử phạt nặng về thể xác rơi vào trẻ em sống ở vùng thành thị (2,4%) tăng hơn so với các gia đình ở nông thôn (2,0) và chủ yếu là các trẻ em trai. Nhóm trẻ bị xử phạt thể xác nặng trong gia đình có cha mẹ trình độ học vấn thấp (5,5%) so với cha mẹ có trình độ tốt nghiệp THPT (1,4%). Có 16,1% người mẹ

cho rằng nên xử phạt về thể xác và 13,1% người cha đồng ý với quan điểm này[89]. Tỷ lệ trẻ em bị xử phạt tinh thần cũng biến động tương tự, đặc biệt phụ thuộc vào trình độ học vấn của chủ hộ và mức sống của hộ gia đình. Thực tế cho thấy, cuộc sống thành thị với nhiều áp lực đã khiến các bậc làm cha mẹ có những hình phạt nặng không đáng có với con mình, mặc dù trình độ của cha mẹ không thấp.

Theo thống kê của Tổng đài quốc gia về bảo vệ trẻ em 111 (trên cơ sở các cuộc gọi đến), số vụ bạo lực trẻ em do người thân trong gia đình gây ra chiếm tới 65,88% tổng số các vụ bạo lực trẻ em. Đồng thời, còn nhiều trường hợp trẻ em bị bạo lực, xâm hại từ người ngoài, nhưng chưa được phát hiện kịp thời, đầy đủ để xử lý, trong đó có trường hợp cha mẹ biết con bị xâm hại nhưng không tố giác. Đáng lưu ý, ở nhiều địa phương có vụ việc bố đẻ xâm hại con ruột, bố dượng xâm hại con riêng của vợ, ông nội xâm hại cháu gái, có trường hợp xâm hại tình dục dẫn đến trẻ mang thai, sinh con;... có trường hợp trẻ em bị xâm hại dẫn đến tử vong, bị giết hại mang tính chất dã man, mất nhân tính cụ thể: trong 337 trẻ bị tử vong do bị xâm hại (trong đó 191 trẻ bị giết, 146 trẻ bị các hình thức xâm hại khác dẫn đến tử vong). Các địa phương có số trẻ bị tử vong nhiều là Hà Nội (13 trẻ), Bắc Ninh (8 trẻ), Gia Lai (8 trẻ), Lào Cai (8 trẻ), Quảng Ninh (7 trẻ), Thanh Hóa (7 trẻ)[90]. Điển hình là các vụ việc dưới đây:

Năm 2014, tại Giá Rai, Bạc Liêu bà ngoại đánh cháu 2 tuổi gây thương tích nặng do cháu bé làm vỡ chai dầu gió. Kinh khủng hơn bà ta còn dùng dầu gió vung vãi trên đất do bị vỡ, bôi vào hai mắt cháu khiến mắt cháu sưng phù. Ngày 9/12/2014, Công an huyện Giá Rai, Bạc Liêu đã triệu tập bà Thạch Thị S (64 tuổi, ngụ ấp 3, xã Phong Thạnh Đông A, huyện Giá Rai) để làm rõ thông tin bé Khương Nguyễn Minh K (2 tuổi, cháu ngoại bà S) bị đánh gây thương tích nặng. "Bước đầu bà S thừa nhận đã đánh K vì giận cháu làm bể chai dầu gió của bà". Do mẹ cháu K lên Sài Gòn làm thuê, gửi con lại cho mẹ nuôi giúp nên việc chăm sóc cháu cũng khiến bà mệt mỏi, vất vả[91].

Năm 2016, bố đẻ đánh đập dã man con gái ruột tại Quảng Bình. Cháu T (8 tuổi) bị cha đẻ đánh tím hai chân vì trên đường đi học về đến nhà bà ngoại để thăm mẹ (do bố mẹ bé đã ly hôn, cháu ở với bố) nhưng không gặp được mẹ. Sau đó, cháu về nhà thì bị bố ruột dùng roi đánh tới tấp vào người khiến trên cơ thể bé đầy các vết thương[92] .

Năm 2017 vụ bé trai 10 tuổi ở Hà Nội bị cha ruột đánh rạn sọ não cháu Trần Gia K. (10 tuổi) về nhà ông bà nội ở Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba

---

[89] Tổng cục Thống kê và UNICEF, Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2014 (MICS4), Báo cáo cuối cùng, Hà Nội, Việt Nam, 2015.

[90] Báo cáo số 69/BC-ĐGS ngày 19/5/2020 của Đoàn Giám sát của Quốc hội khóa 14 về kết quả giám sát "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em".

[91] Phúc Hưng, Phương Thảo, bé 2 tuổi bị bà ngoại đánh vì chai dầu gió, VN Express ngày 09/12/2014, cập nhật ngày 16/3/2021 https://vnexpress.net/be-2-tuoi-bi-ba-ngoai-danh-vi-chai-dau-gio-3117957.html

[92] Xem M. Tuấn, Công an vào cuộc vụ bá gái 8 tuổi bị cha đánh dã maAn, Báo Người lao động cập nhật 05:26PM ngày 27/9/2016, truy cập ngày 16/3/2021.

Đình để cầu cứu, vì bị bố và mẹ kế bạo hành dã man với nhiều thương tích trên người, xương sườn bị gãy và trên đầu bị rạn sọ não. Vụ ông Trần Hoài N và vợ là Phạm Thị Tú T (đều 35 tuổi, trú tại quận Cầu Giấy, Hà Nội) đã có hành vi đánh đập, hành hạ cháu Trần Nguyên K là con đẻ của N và bị truy cứu trách nhiệm hình sự. N và T thường "đánh đòn để dạy" mỗi khi K không ngoan, không nghe lời. Nhiều lần N đá ngang mạng sườn, dồn cháu K vào góc tường rồi dùng chân đạp liên tiếp vào người, bắt cháu K uống nước mắm, nằm dưới đất khi không vừa ý... Khi cháu K trốn về nhà ông bà nội, kể lại toàn bộ sự việc bị bố và mẹ kế đánh đập cho ông bà nghe, ông nội cháu K đã đưa cháu đến cơ quan công an trình báo. N và T sau đó tới cơ quan điều tra đầu thú. Cáo trạng xác định, tổn hại sức khoẻ của cháu K do chính cha đẻ gây ra là 22%, còn mẹ kế trực tiếp đánh đã khiến cháu tổn hại 3%. N bị Toà án nhân dân quận Cầu Giấy tuyên phạt 6 năm 6 tháng tháng tù. T cũng bị tuyên phạt 5 năm tù[93].

Tại Bản án số 59/2018/HS-ST ngày 14/8/2018. Ông C và bà Nguyễn Thị Xuân Đ kết hôn năm 2006 có con chung là cháu Võ Hiếu N. Năm 2011, C và Đ ly hôn, cháu N được bà Đ nuôi dưỡng. Từ đầu tháng 8/2017 đến giữa tháng 9/2017, chị Đ không cho cháu N đi học vì cho rằng N hiếu động, nghịch phá. Đ đã dùng roi tre dài 66cm, đường kính nơi nhỏ nhất là 0.8cm, nơi lớn nhất là 01cm để đánh cháu N nhiều lần, nhiều nơi trên cơ thể cháu gây ra nhiều vết thương hở, nhiều vết bầm... Sau khi bị tố giác, chị Đ đã bị cơ quan chức năng giải quyết theo pháp luật. Bị cáo Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long và đồng ý với tội danh mà bị cáo bị truy tố. Tòa đã tuyên bố bị cáo Đ phạm "Tội hành hạ con". Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Xuân Đ 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng. Thời hạn thử thách của bị cáo được tính từ ngày tuyên án 14/8/2018[94].

Gần đây, năm 2020, vụ án mẹ đẻ và cha dượng đã bạo hành bé gái 3 tuổi đến tử vong đã dấy lên tình trạng bạo hành trẻ em, mất tính người của các bị cáo. Theo đó, Tòa án đã tuyên phạt bị cáo Nguyễn Minh T (31 tuổi, trú quận Hai Bà Trưng, Hà Nội) tử hình về tội giết người và 30 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, tổng hình phạt là tử hình. Bị cáo Nguyễn Thị Lan A (29 tuổi) bị phạt tù chung thân về tội giết người, 18 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, tổng hợp hình phạt là chung thân. Đây là hình phạt thích đáng cho những kẻ vô nhân tính có những hành vi gây căm phẫn trong toàn xã hội[95].

Cuối tháng 12/2021 nổi lên vụ việc bạo hành với con của nhân tình tại TP.HCM dẫn đến chết của bé gái 8 tuổi của bà Võ Quỳnh Trang (SN 1995). Cơ quan điều tra đã

---

[93] Xem: Bản án số 189/2018/HSST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy hoặc Thái Sơn, *Hà Nội xét xử mẹ kế và bố đẻ về tội hành hạ con,* https://thanhnien.vn/thoi-su/de-nghi-tuyen-phat-bo-de-va-me-ke-hanh-ha-con-tu-112-138-thang-tu-998598.html, truy cập 20/4/2020.

[94] Bản án số 59/2018/HS-ST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-592018hsst-ngay-14082018-ve-toi-hanh-ha-con-68567

[95] Xem Tuyên tử hình cha dượng đánh chết bé gái 3 tuổi, https://tuoitre.vn/tuyen-tu-hinh-cha-duong-danh-chet-be-gai-3-tuoi-20201119161657216.htm truy cập ngày 21/11/2020.

tiến hành điều tra theo đơn tố cáo của mẹ cháu bé là vợ đã ly hôn của cha ruột cháu A là ông Nguyễn Kim Trung Thái (SN 1985). Vụ việc gây bức xúc trong dư luận bởi sự vô tâm của người cha và thiếu quyết liệt của mẹ cháu bé khi cháu bị hành hạ, đánh đập dã man. Vụ việc đang trong quá trình điều tra nhưng cũng đã có những "giá như"… bởi cháu A đã tử vong.

Trên đây là những vụ việc gây chấn động trong dư luận, đã và đang giải quyết. Ngoài ra, còn nhiều hành vi của cha mẹ trong cuộc sống thường ngày nhưng đã để lại những hậu quả sâu sắc, ám ảnh suốt cuộc đời con trẻ. Việc trẻ em phải chứng kiến bạo lực giữa cha và mẹ là vấn đề cần xem xét ở nhiều góc độ. Tuy nhiên, thực trạng hiện nay cha mẹ sử dụng bạo lực với con mình để giải tỏa những vấn đề cha, mẹ gặp phải trong cuộc sống hàng ngày lại đang được xã hội chấp nhận[96]. Đặt vấn đề, nếu cha mẹ bạo lực tinh thần cho con hoặc không quan tâm, chia sẻ giúp đỡ con dẫn đến việc con ức chế tâm lý, bế tắc đi đến tự tử, ai là người phải chịu trách nhiệm? Cha mẹ có vô can không khi trẻ em có những quyết định dại dột như vậy? Thực tế hiện nay, vẫn tồn tại việc cha, mẹ gây áp lực, la mắng, chửi bới, xúc phạm con cái dẫn đến hành vi tự tử của con đang đặt ra những bài toán trách nhiệm của cha mẹ, mặc dù họ không mong muốn con họ làm như vậy.

Như vậy, về mặt luật pháp, các quyền trẻ em đã được pháp luật ghi nhận và bảo vệ tương đối đầy đủ khi xác định nghĩa vụ của cha mẹ đối với trẻ em nhưng vẫn tồn tại bạo lực gia đình và ngày trở nên phổ biến, đáng lo ngại trong đời sống xã hội của nước ta hiện nay. Có thể thấy, trong mọi trường hợp trẻ em là nạn nhân của bạo lực gia đình thì cha, mẹ đều chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của họ. Bởi lẽ, một là hơn ai hết, cha mẹ phải là người có nghĩa vụ "tạo cho con được sống trong môi trường gia đình đầm ấm, hòa thuận" theo quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật HN&GĐ năm 2014. Không những không làm được điều này, cha mẹ chính là người có hành vi bạo lực đối với trẻ em hoặc làm ngơ khi người thân thích có hành vi bạo lực đối với con mình.

3.3.1.2. Cha mẹ có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và tôn trọng quyền được sống chung với cha mẹ của trẻ em

Khoản 3 Điều 70 Luật HN&GĐ năm 2014 quy định, con chưa thành niên có quyền sống chung với cha mẹ, được cha mẹ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc. Quyền được sống chung với cha, mẹ và quyền được cha mẹ trông nom, chăm sóc của trẻ em luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Thực hiện nghĩa vụ trông nom, chăm sóc là quá trình hoạt động có mục đích của cha mẹ với con. Sống chung với con là cha mẹ và con sinh sống cùng nhà, cùng một địa điểm. Trông nom con là để mắt đến con, là giữ gìn để ngăn chặn mọi sự nguy hại đến với con. Chăm sóc con là quan tâm, chăm lo tận tình chu đáo về vật chất và tinh thần cho con hằng ngày. Chỉ khi sống chung với cha

[96] Unicef cùng Chương trình nghiên cứu Những cuộc đời trẻ thơ của Đại học Oxford, Hiểu về những trải nghiệm của trẻ em bị bạo lực, 2016. (Theo bà Vũ Thị Thanh Hương, Nghiên cứu viên cao cấp của Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam)

mẹ thì con mới có thể dễ dàng nhận được sự quan tâm về mọi mặt của cha mẹ và ngược lại nhờ được sống chung với con mà cha mẹ mới có thể chăm lo cho con đầy đủ và thường xuyên. Bởi vậy, pháp luật quy định quyền của con chưa thành niên được sống chung với cha mẹ nhằm bảo đảm quyền được trông nom, chăm sóc, yêu thương của trẻ em. Quy định này của Luật HN&GĐ năm 2014 hoàn toàn tương thích với Luật Trẻ em năm 2016 đó là, trẻ em có quyền được sống chung với cha, mẹ; được cả cha và mẹ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục, trừ trường hợp buộc phải cách ly cha, mẹ theo quy định của pháp luật hoặc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Khi phải cách ly cha, mẹ, trẻ em được trợ giúp để duy trì mối liên hệ và tiếp xúc với cha, mẹ, gia đình, trừ trường hợp không vì lợi ích tốt nhất của trẻ em[97].

Tuy nhiên trên thực tế không phải mọi trẻ em đều được chung sống cùng cha mẹ vì nhiều lý do như: cha hoặc mẹ hoặc cả cha mẹ công tác xa nhà gửi con lại cho người thân chăm sóc, trẻ em có cha mẹ ly hôn,... Theo kết quả phân tích từ Khảo sát quốc gia về lao động trẻ em năm 2018 (Phụ lục XIII kèm theo Báo cáo số 217/BC-CP ngày 14/5/2020 của Chính phủ) thì hiện nay có tới 156.932 trẻ bị bỏ rơi, bỏ mặc; 23.816 trẻ em mồ côi cả cha và mẹ. Khoảng 33.000 trẻ không sống trong môi trường gia đình (gồm trẻ em sống trong các cơ sở trợ giúp xã hội công lập, cơ sở tôn giáo chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em, hệ thống làng trẻ SOS, trường giáo dưỡng). Số trẻ em có cha mẹ ly hôn những năm gần đây đều rất lớn, số lượng này hầu như không thay đổi trong vòng 4 năm từ 2015-2018 cụ thể: năm 2015 có 156.619 trẻ; năm 2016 có 156.016 trẻ; năm 2017 có 156.921 trẻ; năm 2018 có 156.932 trẻ[98]. Con số này cho thấy tỷ lệ trẻ em không được sống chung cùng cha mẹ (không do điều kiện công tác của cha mẹ) chiếm khoảng hơn 10% tổng số trẻ em trên toàn quốc. Đáng lên án hơn đó là tình trạng trẻ em bị bỏ rơi tạo nên những bức xúc trong dư luận và gánh nặng cho xã hội. Qua nghiên cứu, trẻ em bị bỏ rơi hầu hết là trẻ sơ sinh do người mẹ quan hệ tình dục trước hôn nhân, sinh con ngoài ý muốn, nhưng không thực hiện trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con. Các bà mẹ khi lựa chọn việc bỏ rơi con mình thường trong hoàn cảnh giấu diếm người nhà, bạn bè, ở những nơi công cộng, dễ nhận biết. Cá biệt có những trường hợp bỏ rơi trẻ sơ sinh trong những nơi khó phát hiện, gây nguy hiểm tính mạng trẻ em.

Bên cạnh việc trẻ em bị bỏ rơi, tồn tại tình trạng trẻ em bị bỏ mặc. Đây là việc cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em đã không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em. Nhiều trường hợp cha, mẹ đi làm xa nhà, để con ở nhà với bố đẻ, bố dượng, ông bà, người thân... dẫn tới nhiều trường hợp các em bị chính những người thân của mình xâm hại. Bên cạnh đó, nhiều trẻ em sống chung với cha mẹ nhưng lại không nhận được sự chăm sóc từ cha mẹ. Những trẻ em này được cha mẹ thuê người chăm sóc, một số khác thì trẻ tự chăm sóc mình. Tình

---

[97] Điều 22 Luật Trẻ em năm 2016.

[98] Báo cáo số 217/BC-CP ngày 14/5/2020 của Chính phủ về việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em, trang 3.

trạng này khiến trẻ em cảm thấy bị bỏ rơi ngay trong gia đình mình. Xét dưới góc độ tâm lý, hành vi bỏ mặc con có thể gây hậu quả nghiêm trọng đến sự phát triển của trẻ em, đặc biệt khi trẻ em có những bước thay đổi tâm lý, nguy hiểm nhất là đối với trẻ tuổi "teen", các em thường say mê trò chơi game trên vi tính, tiếp cận với internet, ghiền "chat", kết bạn trong thế giới ảo để có bạn tâm sự, sa vào tệ nạn xã hội, cá biệt có không ít trường hợp bị trầm cảm và có xu hướng tự tử.

Theo bác sỹ Nguyễn Trọng An, những dạng bệnh tâm lý như vậy hiện nay xuất hiện ngày càng nhiều, đây là tình trạng rối nhiễu tâm trí ở trẻ đó là "trạng thái lệch lạc về sức khỏe tâm trí trong một thời gian đủ dài đã vượt khỏi ngưỡng tự điều chỉnh trở về bình thường của cơ thể, đòi hỏi có sự can thiệp của chuyên môn"[99]. Đây là một dạng bệnh đứng thứ 5/10 nguyên nhân gây bệnh tật cho con người. Tại Việt Nam số trẻ mắc chứng bệnh này thường rơi vào độ tuổi lớp 2, lớp 3 và chiếm khoảng 20%.

Cuộc sống gia đình Việt Nam hiện nay có nhiều biến đổi lớn dưới tác động của nền kinh tế thị trường, có những gia đình hầu như chỉ liên lạc với nhau bằng điện thoại di động, mặc dù vẫn chung sống dưới một mái nhà. Việc trẻ em tìm kiếm niềm vui trên thế giới ảo, luôn tiền ẩn dễ bị tác động bởi những yếu tố tiêu cực đang lan tràn trong xã hội hiện nay như: bạo lực học đường, mại dâm tuổi thiếu niên, ma túy, thuốc lắc. Hơn thế nữa, không có được một mái ấm gia đình đúng nghĩa thì việc phát triển một nhân cách hoàn thiện nơi trẻ là rất khó"[100].

Như vậy, tình trạng trẻ em không được sống chung cùng cha mẹ hoặc tuy được sống chung với cha mẹ nhưng không nhận được sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương cho thấy, cha, mẹ đã vi phạm nghĩa vụ đối với con. Tình trạng này cần phải được giải quyết và khắc phục để bảo vệ các quyền của trẻ em. Quy định về quyền được sống chung cùng cha mẹ của trẻ em hiện nay đang thiếu vắng những biện pháp và các chế tài khi cha mẹ vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ này với con. Pháp luật cần có những chính sách, quy định cụ thể hơn về việc thực hiện nghĩa vụ của cha mẹ khi không có điều kiện chung sống cùng con do điều kiện làm việc, công tác phù hợp, đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho con.

Trẻ em chung sống cùng cha mẹ, ngoài việc thuận lợi cho việc chăm sóc trẻ em về thể chất, tinh thần còn giúp cha mẹ thực hiện tốt *nghĩa vụ và quyền giáo dục, chăm lo việc học tập của trẻ em.* Theo quy định tại Điều 69 Luật HN&GĐ năm 2014, cha mẹ có nghĩa vụ và quyền giáo dục con, để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Cha mẹ có nghĩa vụ cung cấp, trang bị kiến thức, kỹ năng cũng như rèn luyện đạo đức,

---

[99] Nguyễn Trọng An, *Những điều cần biết về bảo vệ và chăm sóc trẻ em*, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, 2014, trang 88.

[100] Phú Thi,"Trẻ bị bỏ rơi ngay trong tổ ấm của mình", Vnexpress ngày 08/6/2010.

nhân cách và lối sống, nuôi dưỡng về tinh thần và trí tuệ cho con để hòa nhập tốt với cộng đồng.

Giáo dục một con người luôn được bắt đầu từ gia đình, do đó không thể tách rời nghĩa vụ và quyền giáo dục của cha mẹ đối với con. Công ước về Quyền trẻ em và pháp luật Việt Nam đã quy định quyền được hưởng sự giáo dục và quyền học tập của trẻ em đồng thời là nghĩa vụ và trách nhiệm của cha mẹ, nhà trường và toàn xã hội. Việc dạy dỗ gắn liền với việc chăm sóc con, đặc biệt là chăm sóc sự học của các con, chăm sóc sự học này phải có phương pháp thì mới khỏi hại cho trẻ[101]. Với vai trò nền tảng của giáo dục, gia đình là nơi cho trẻ em những tri thức đầu tiên, những tấm gương từ cha, mẹ ông bà để trẻ em học tập. Để có thể giáo dục con có hành xử, lối sống phù hợp, bắt buộc cha mẹ phải làm gương cho con về cách ứng xử của mình đối với các thành viên trong gia đình và các mối quan hệ ngoài xã hội. Đặc biệt, nghiêm cấm cha mẹ có hành vi xúi giục, ép buộc con làm việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội (khoản 4 Điều 69 Luật HN&GĐ năm 2014). Pháp luật cấm cha mẹ có các hành vi này nhằm bảo đảm sự giáo dục của cha mẹ đối với trẻ em theo hướng phù hợp với pháp luật và chuẩn mực đạo đức. Cha mẹ có nghĩa vụ dạy dỗ trẻ em thực hiện tốt bổn phận của con với cha mẹ, với gia đình và xã hội. Bổn phận này không chỉ về tình cảm, sự kính trọng, lễ phép, biết ơn... mà còn thể hiện thông qua việc học tập, ý thức tham gia lao động, sản xuất, giữ gìn bản sắc dân tộc và thuần phong mỹ tục... Như vậy, nghĩa vụ và quyền giáo dục con của cha mẹ nhằm bảo vệ quyền được phát triển toàn diện của trẻ em, hỗ trợ để trẻ em dễ dàng tham gia vào cộng đồng và xã hội. Trường hợp cha mẹ gặp khó khăn không thể tự giải quyết được trong việc giáo dục trẻ em thì có thể đề nghị cơ quan, tổ chức hữu quan giúp đỡ[102]. Quy định này nhằm thể chế Điều 18 Công ước về Quyền trẻ em trong việc "hỗ trợ, giúp đỡ cha, mẹ nuôi con"[103] thông qua hệ thống các cơ quan, tổ chức hỗ trợ cha mẹ theo chức năng. Bởi trong nhiều trường hợp vượt quá khả năng của cha, mẹ thì các cơ quan, tổ chức hỗ trợ để trẻ em có được những điều kiện phát triển tốt hơn, bù đắp những thiếu thốn do cha mẹ không thể đáp ứng được cho trẻ em. Như vậy, cha, mẹ sẽ không đơn độc trong quá trình giáo dục trẻ em, Nhà nước, các tổ chức xã hội sẽ có những hoạt động để hỗ trợ kịp thời khi cha mẹ cần giúp đỡ, nhất là để thực hiện quyền được học tập của trẻ em.

Quyền được học tập là quyền cơ bản của trẻ em đảm bảo sự phát triển cho trẻ em. Đây là một quá trình tìm hiểu, thu nhận, tích luỹ kiến thức cho bản thân mình từ thầy, cô giáo, từ bạn bè, từ sách vở, từ cuộc sống để là hướng đến mục đích tiếp thu tri thức của nhân loại, để đáp ứng yêu cầu làm việc, chung sống trong xã hội. Luật Trẻ em năm 2016 quy định quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu của trẻ em.

---

[101] Xem "Tựa" Nguyễn Hiến Lê, Săn sóc sự học của các con, Nxb. Hồng Đức, 2018.

[102] Khoản 3 Điều 72 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[103] Điều 18 Công ước Quốc tế về quyền trẻ em.

Trẻ em có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân, được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục; được phát triển tài năng, năng khiếu, sáng tạo, phát minh[104]. Quyền được học tập của trẻ em được bảo đảm bằng nghĩa vụ của cha mẹ và xã hội, tạo mọi điều kiện để con được đến trường khi con đến tuổi đi học.

Thực tế cho thấy trong 10 năm (2009 - 2019), giáo dục phổ thông đã có sự cải thiện rõ rệt về việc tăng tỷ lệ đi học chung và đi học đúng tuổi. Trong đó, bậc trung học phổ thông có sự cải thiện rõ ràng nhất. Tỷ lệ đi học chung của cấp tiểu học là 101,0%, cấp trung học cơ sở (THCS) là 92,8% và trung học phổ thông (THPT) là 72,3%. Tỷ lệ đi học đúng tuổi các cấp này lần lượt là 98,0%, 89,2% và 68,3%. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học phổ thông nhưng chưa bao giờ đi học hoặc đã thôi học đều giảm mạnh 16,4% năm 2009 và đến năm 2019 còn 8,3% (7,7% đã thôi học và 0,6% chưa bao giờ đi học)[105]. Như vậy, tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường đã giảm hơn một phần hai. Đây là một trong những thành tựu rất đáng ghi nhận trong lĩnh vực giáo dục của Việt Nam trong thập kỷ qua.

Như vậy, vẫn tồn tại số lượng trẻ em không đi học phổ thông, trong đó, khu vực nông thôn cao hơn gần hai lần so với khu vực thành thị (9,5% so với 5,7%) và khác nhau ở các cấp học. Cứ 100 trẻ em trong độ tuổi đi học cấp tiểu học thì có khoảng 01 em không được đến trường, trung học cơ sở là 07 em và trung học phổ thông là 26 em[106]. Tỷ lệ trẻ em không được đến trường được phân bố khác nhau, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ trẻ em ngoài trường (14,7%), cao gấp gần 6 lần vùng Đồng bằng sông Hồng là (2,5%). Tỷ lệ trẻ thôi học độ tuổi THCS của khu vực nông thôn (7,8%) cao hơn khu vực thành thị (4,8%); của dân tộc Khmer (22,4%) và Mông (17,0%) cao hơn nhóm các "Dân tộc khác" (15,3%). Nói cách khác, khoảng 1/5 trẻ em dân tộc Khmer độ tuổi THCS đã thôi học. Tỷ lệ thôi học của trẻ em dân tộc Mông cũng khá cao, là 17,0%[107].

Qua phân tích các số liệu trong các báo cáo chúng tôi nhận thấy, tỷ lệ trẻ em không được đến trường có mối liên quan mật thiết đối với các hộ nghèo. Nhóm hộ nghèo nhất cũng là nhóm có đông trẻ em ngoài trường nhất so với các nhóm mức sống còn lại. Điều này không chỉ đúng với trẻ em 5 tuổi, mà đúng với cả hai độ tuổi tiểu học và THCS. Nhóm dân cư nghèo nhất có tỷ lệ thôi học độ tuổi THCS gấp 10 lần nhóm giàu nhất (14,9% so với 1,4%). Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ thôi học ở độ tuổi THCS cao nhất (13%), và cao gần gấp đôi tỷ lệ trung bình của cả nước (7,0%). Tỷ

---

[104] Điều 16 Luật Trẻ em năm 2016.

[105] Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019, trang 119.

[106] Báo cáo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, Tổng cục Thống kê.

[107] Unicef Việt Nam, Bộ Giáo dục và đào tạo, *Báo cáo trẻ em ngoài nhà trường*, Nghiên cứu của Việt Nam năm 2016, Unicef Việt Nam, Tháng 01/2018. tr. 128.

lệ thôi học độ tuổi THCS vùng Tây Nguyên vẫn rất cao, ở mức 10,8%[108]. Như vậy, trẻ em thuộc nhóm nghèo nhất đều bị thiệt thòi hơn các bạn ở nhóm giàu nhất trong việc tiếp cận quyền được học tập của trẻ em. Trẻ em không được đi học đồng thời phải tham gia lao động sớm chủ yếu đều có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, mục đích lao động để kiếm thêm thu nhập phụ giúp gia đình, cha mẹ. Bên cạnh đó, điều kiện học tập tại vùng miền núi khó khăn khi các điểm trường xa nơi sinh sống của gia đình cũng khiến cho việc tiếp cận giáo dục với trẻ em là khó khăn. Như vậy, khi nhóm trẻ em này rơi vào điều kiện kinh tế, địa lý hạn chế, cha mẹ các em cũng khó có thể tự mình thực hiện nghĩa vụ với con, em mình trong việc thực hiện quyền được học tập của trẻ em nếu như không có sự hỗ trợ từ bên ngoài gia đình.

Như vậy, việc cha mẹ thực hiện nghĩa vụ quan tâm chăm sóc, giáo dục con không những để chuẩn bị cho con những hành trang bước vào cuộc sống mà còn tránh cho trẻ em không bị rơi vào tình huống bị lạm dụng, bị bắt cóc, bị tai nạn, bị bỏ mặc... là điều kiện cần thiết để bảo vệ quyền được sống và quyền được phát triển của trẻ em. Khi cha mẹ không được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình sẽ dễ dàng dẫn đến trẻ em gặp nguy hiểm. Thực tế đã có nhiều trẻ em bị lạm dụng tình dục, bị bắt cóc, bị tai nạn giao thông, đuối nước, bỏng, trầm cảm, vi phạm pháp luật... do sự lơ là của cha mẹ trong việc trông nom, chăm sóc con. Hậu quả của sự thiếu quan tâm, chăm sóc đó đối với trẻ em là rất nặng nề, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển về thể chất, tinh thần, trí tuệ, nhân cách, đạo đức của trẻ em, thậm chí nhiều trường hợp mất tính mạng. Việc thực thi pháp luật HN&GĐ trong việc bảo vệ quyền được sống chung với cha mẹ và được cha mẹ trông nom, chăm sóc, giáo dục của trẻ em.

3.3.1.3. Cha mẹ có nghĩa vụ tôn trọng ý kiến của trẻ em

Trẻ em có quyền được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về các vấn đề liên quan đến trẻ em; được tự do hội họp theo quy định của pháp luật phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành và sự phát triển của trẻ em; được cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân lắng nghe, tiếp thu, phản hồi ý kiến, nguyện vọng chính đáng[109]. Luật HN&GĐ năm 2014 quy định: Cha mẹ tôn trọng ý kiến của con (khoản 1 Điều 69). Trẻ em được bày tỏ ý kiến về những vấn đề liên quan đến bản thân như học tập, vui chơi giải trí, phát triển năng khiếu, tín ngưỡng tôn giáo... phù hợp với khả năng của trẻ em. Tôn trọng ý kiến của con là việc lắng nghe con, có những giải thích, phân tích rõ ràng trên cơ sở nhất định để đồng ý hoặc không đồng ý với ý kiến với con, nhất là khi không đồng ý. Tuy nhiên, việc đồng ý không đồng nghĩa với việc chiều theo mọi ý kiến của trẻ em hay ngược lại là sự áp đặt, cấm đoán, buộc phải thực hiện điều này việc kia đối với trẻ em đều là vi phạm nghĩa vụ tôn trọng ý kiến của trẻ em. Quyền

[108] Unicef Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Báo cáo trẻ em ngoài nhà trường*, Nghiên cứu của Việt Nam năm 2016, Unicef Việt Nam, Tháng 01/2018. tr 130.

[109] Điều 34 Luật Trẻ em năm 2016.

được tôn trọng ý kiến của trẻ em là quyền cơ bản của trẻ em, tuy nhiên trên thực tế chưa thật được coi trọng. Điều này xuất phát từ nhận thức của cha mẹ với tư tưởng áp đặt và thiếu coi trọng quyền của trẻ em, coi trẻ em là sở hữu của mình và tư tưởng "trứng khôn hơn vịt"; "cá không ăn muối cá ươn, con không nghe lời cha mẹ, trăm đường con hư" "trẻ con thì biết gì"... dẫn đến trẻ em ít có cơ hội để bày tỏ ý kiến về những vẫn đề liên quan đến mình. Quan niệm này tồn tại trong nhiều gia đình, không kể cha mẹ có điều kiện kinh tế hay không; cha mẹ có trình độ hay không... bởi là thói quen, nếp nghĩ ảnh hưởng của văn hóa Á Đông của nhiều cha mẹ. Từ thực tế này, việc cha mẹ tìm hiểu, thực hiện nghĩa vụ tôn trọng ý kiến của trẻ em cần thiết phải được quan tâm, thay đổi, có như vậy, trẻ em mới có điều kiện và cơ hội thể hiện ý kiến của trẻ em, tạo nên những nét tính cách sau này của trẻ em. Cha mẹ cần tôn trọng trên cơ sở lắng nghe và phân tích nguyện vọng của con để điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lứa tuổi và lẽ thường tình, tình thương yêu trong mối quan hệ với con để đảm bảo trẻ em được khích lệ, tự tin phát triển.

Trước tác động về sự phát triển của khoa học công nghệ, cha mẹ dường như là thế hệ đứng sau, tương đối lạc hậu với sự góp mặt đa dạng văn hóa, lối sống hiện nay của trẻ em. Việc lắng nghe ý kiến của cha mẹ đối với con đòi hỏi những ứng xử phù hợp, đảm bảo sự tôn trọng với con bởi với sự tiếp cận thông tin hiện nay, trẻ em có tư duy và suy nghĩ cách biệt so với cha mẹ. Hiện nay, việc cha mẹ khó tiếp cận và cập nhật thông tin trên môi trường mạng bởi không nhanh, nhạy bằng trẻ em đang là thực tế, vì vậy Ngày Quốc tế Thiếu nhi năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 830/QĐ-TTg để bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-20125 nhằm trang bị kiến thức cơ bản cho cha, mẹ và trẻ em đồng thời định hướng cho trẻ em tương tác an toàn, lành mạnh trong môi trường mạng. Sự phát triển tất yếu này buộc mỗi bậc làm cha mẹ, đặc biệt là các thành phố lớn cần trang bị phương tiện để đồng hành cùng con, tận dụng thế mạnh của công nghệ để bảo vệ và tạo điều kiện cho con phát triển phù hợp với xu thế hiện nay.

3.3.1.4. Cha mẹ không được phân biệt đối xử đối với trẻ em

Luật HN&GĐ năm 2014 quy định cha mẹ "không được phân biệt đối xử với con trên cơ sở giới hoặc theo tình trạng hôn nhân của cha mẹ"[110]. Từ nghĩa vụ này của cha mẹ, trẻ em có quyền được thực hiện các quyền và bổn phận của mình trên cơ sở bình đẳng. Đây là một trong những quy định đã nội luật hóa nguyên tắc chung của Công ước về Quyền trẻ em, đóng vai trò cơ bản trong việc hiện thực hiện tất cả các quyền mà Công ước dành cho mọi trẻ em (Điều 2). Phân biệt đối xử là sự đối xử không công bằng, không bình đẳng và có sự thiên vị giữa người này với người khác. Trong gia đình, trẻ em có thể bị phân biệt đối xử bởi bất kỳ ai, từ ông bà, cha mẹ cho đến các thành viên khác của gia đình và thường xuất phát từ các lý do như: giới tính,

[110] Khoản 4 Điều 69 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

năng lực học tập, khuyết tật, bệnh tật, tình trạng hôn nhân của cha mẹ, con đẻ, con nuôi... Hành vi phân biệt đối xử đối với trẻ em trong gia đình có nhiều hình thức, nhưng đều nhằm loại trừ hoặc từ chối việc đảm bảo thực hiện các quyền của trẻ em này với trẻ em khác. Trẻ em khi bị phân biệt đối xử thường có cảm xúc và hành vi tiêu cực như: buồn chán, tức giận, bức xúc, tự ti... dẫn đến việc trẻ em tự cô lập bản thân, xa lánh và mất lòng tin vào các thành viên gia đình. Phân biệt đối xử với trẻ em trong gia đình có thể là việc cha, mẹ yêu quý con này hơn con khác; không tôn trọng, lắng nghe ý kiến của con; bỏ bê, không chăm sóc con hoặc chăm sóc kém hơn; thiên vị đứa trẻ học giỏi hơn... hoặc cũng có thể là cha mẹ chế giễu, miệt thị, chê bai, đổ lỗi, so sánh con này với con khác... Khi xác định trẻ em là chủ thể hưởng quyền thì mọi trẻ em cần được đối xử bình đẳng, công bằng trong gia đình và xã hội. Sự bình đẳng trong cách ứng xử, trong cách tiếp cận các quyền của trẻ em, giúp trẻ em được phát triển đầy đủ năng lực bản thân, đặc biệt là những khả năng thiên bẩm của trẻ em. Con trai, con gái, con đẻ, con nuôi đều được cha mẹ yêu thương, chăm sóc, nuôi dưỡng, được hưởng sự giáo dục và được học tập phù hợp với năng lực bản thân và điều kiện của cha mẹ. Bên cạnh đó, trên nguyên tắc bảo vệ quyền của trẻ em, pháp luật quy định con sinh ra không phụ thuộc vào tình trạng hôn nhân của cha mẹ (khoản 2 Điều 68 Luật HN&GĐ năm 2014). Cha, mẹ không được phân biệt đối xử giữa con chung, con riêng, con trong hôn nhân, con ngoài hôn nhân, cha dượng, mẹ kế có quyền và nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con riêng của bên kia cùng sống chung với mình theo quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con[111]. Quy định này hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc bảo đảm thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em được quy định tại Điều 5 Luật Trẻ em năm 2016 đó là: không phân biệt đối xử với trẻ em (khoản 2); quy định các hành vi bị nghiêm cấm tại Điều 6 Luật Trẻ em năm 2016, trong đó cấm kỳ thị, phân biệt đối xử với trẻ em vì đặc điểm cá nhân, giới tính, dân tộc, quốc tịch, tín ngưỡng, tôn giáo của trẻ em (khoản 8). Như vậy, để đảm bảo trẻ em được sống và phát triển toàn diện, Luật HN&GĐ năm 2014 quy định cha mẹ có nghĩa vụ không được phân biệt đối xử giữa các con và đảm bảo quyền bình đẳng của trẻ em. Mọi hành vi phân biệt đối xử của cha mẹ đối với trẻ em đều là vi phạm quyền cơ bản trẻ em, nhưng cha, mẹ lại chưa nhận thức sâu sắc vấn đề này.

Thực tế, ở Việt Nam hiện nay vẫn tồn tại vấn đề mất cân bằng giới tính khi sinh đang gây ra áp lực lớn cho việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế, xã hội. Tâm lý thích con trai hơn con gái tương đối phổ biến đã dẫn tới các cặp vợ chồng sử dụng dịch vụ siêu âm để biết được giới tính của thai nhi. Tại các cơ sở khám chữa bệnh, tình trạng siêu âm để biết giới tính thai nhi vẫn xảy ra, khi thai nhi khoảng 12 - 15 tuần cha mẹ siêu âm thấy giới tính thai nhi không được như mong muốn thì có thể loại bỏ. Qua phỏng vấn, hầu hết các cặp vợ chồng đều biết giới tính thai nhi trước sinh, chủ yếu là tò mò, số ít chủ động chọn giới tính để sinh con như ý muốn. Theo kết quả Tổng điều

[111] Điều 79 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

tra dân số và nhà ở năm 2019, tỷ số giới tính của dân số ở nhóm từ 0 đến 4 tuổi là 110,3 nam/100 nữ[112]. Siêu âm đã và đang là kỹ thuật phổ biến, góp phần tích cực vào việc sàng lọc trước sinh nhằm phát hiện dị tật bẩm sinh ngay từ trong bào thai, giúp các cặp vợ chồng sinh ra những đứa con khỏe mạnh. Song mặt trái của siêu âm là có thể chẩn đoán giới tính thai nhi, và điều này dễ dẫn đến việc nạo phá thai để lựa chọn giới tính của trẻ. Như vậy, có thể khẳng định việc cha, mẹ lựa chọn giới tính thai nhi, phá thai khi giới tính của thai nhi không như mong muốn đã xâm phạm quyền được ra đời và quyền được sống của trẻ em đồng thời thể hiện mất bình đẳng về giới tính của cha mẹ đối với trẻ em.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 68 và Điều 78 Luật HN&GĐ năm 2014 thì giữa con nuôi và cha nuôi, mẹ nuôi có các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con theo Luật HN&GĐ năm 2014 kể từ thời điểm quan hệ nuôi con nuôi được xác lập. Con nuôi là người dưới 16 tuổi, là trẻ em. Nuôi con nuôi là tìm gia đình thay thế cho trẻ em, đem lại cho trẻ em một gia đình mới có điều kiện thuận lợi để phát triển những tư chất cũng như phát huy những khả năng của trẻ em. Trẻ em được nhận làm con nuôi sẽ được bảo đảm các quyền của trẻ em như được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong môi trường gia đình. Đó là điều kiện tốt nhất để trẻ em được hưởng các quyền khác như quyền được chăm sóc sức khỏe, y tế,... tạo sự bình đẳng cho trẻ em. Điều này khẳng định thêm một lần nữa về cơ chế bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em đối với mọi trẻ em. Việc nuôi con nuôi nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của người được nhận làm con nuôi, bảo đảm cho con nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong môi trường gia đình. Để tạo điều kiện cho con nuôi được hoàn toàn hòa nhập vào gia đình cha nuôi, mẹ nuôi, pháp luật quy định cha nuôi, mẹ nuôi có thể yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định việc thay đổi họ, tên của con nuôi. Quy định này khẳng định quan điểm lập pháp của nhà nước ta là không có sự phân biệt con đẻ, con nuôi. Theo pháp luật và tập quán Việt Nam thì họ của con là họ của cha hoặc của mẹ. Tuy nhiên, dưới góc độ bảo vệ quyền của trẻ em thì việc đổi họ, tên của trẻ em có thể tác động đến tâm lý, tình cảm của người con nuôi. Do đó, việc thay đổi họ tên của người con nuôi đã từ đủ 9 tuổi trở lên thì phải được sự đồng ý của người đó (khoản 2 Điều 24 Luật Nuôi con nuôi năm 2010). Quy định này đảm bảo quyền được tham gia, có ý kiến trong các vấn đề liên quan trực tiếp đến trẻ em. Việc nuôi con nuôi không làm chấm dứt quan hệ pháp luật giữa cha mẹ đẻ và người con đã làm con nuôi mà chỉ chấm dứt một số quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đẻ. Quy định này là phù hợp với tính chất của quan hệ huyết thống và nhằm để đảm bảo cho đứa trẻ được nhận làm con nuôi vẫn có thể được hưởng tình cảm từ cha mẹ đẻ. Tuy nhiên, ở góc độ tâm lý, xã hội quy định này có thể gây khó khăn cho con nuôi trong việc hòa nhập với gia đình cha, mẹ nuôi cũng như khó khăn cho cha mẹ nuôi trong việc chăm sóc, giáo dục người con nuôi.

---

[112] Báo cáo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, Tổng cục Thống kê.

Để bảo vệ tốt nhất quyền của con nuôi khi chưa thành niên, pháp luật quy định khi chấm dứt việc nuôi con nuôi, nếu con nuôi chưa thành niên thì Tòa án quyết định giao cho cha, mẹ đẻ. Khi đó, quyền và nghĩa vụ giữa cha đẻ, mẹ đẻ và con đẻ được khôi phục (khoản 3 Điều 78 Luật HN&GĐ năm 2014). Như vậy, trên nguyên tắc bảo vệ trẻ em Luật HN&GĐ năm 2014 đã dự liệu trường hợp chấm dứt việc nuôi con nuôi thì con nuôi đang độ tuổi trẻ em vẫn được bảo vệ. Các quy định về quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi, giữa cha mẹ đẻ và con đẻ đã làm con nuôi người khác thể hiện rõ nguyên tắc bảo vệ quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng của trẻ em. Do nuôi con nuôi là vấn đề nhạy cảm, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của trẻ em được nhận làm con nuôi nên Luật HN&GĐ năm 2014 đã quy định mang tính nguyên tắc, các quy định cụ thể được điều chỉnh bởi Luật Nuôi con nuôi năm 2010.

Trên thực tế những quy định về nuôi con nuôi xuất hiện những vướng mắc bất cập ảnh hưởng đến tâm lý của người con nuôi. Việc thay đổi họ tên, hỏi ý kiến của trẻ em nếu trên 9 tuổi cần xem xét để quy định thống nhất với độ tuổi của trẻ em trong Luật HN&GĐ năm 2014. Việc xác định cha, mẹ của trẻ em để lấy ý kiến đồng ý với việc cho trẻ em làm con nuôi theo quy định pháp luật cũng gặp khó khăn bởi việc nhận nuôi con nuôi phải được sự đồng ý của cha, mẹ đẻ hoặc của người giám hộ của trẻ em được nhận làm con nuôi. Nhưng thực tế lại phát sinh rất nhiều trường hợp cho nhận con nuôi rất tùy tiện, như sau khi sinh con, cha mẹ đẻ cho con làm con nuôi có thể là trao tay, giấy viết tay, giấy chứng sinh... mà không để lại địa chỉ, thậm chí để lại địa chỉ nhưng lại là địa chỉ giả. Khi tiến hành thủ tục đăng ký nuôi con nuôi, UBND cấp xã không thể liên hệ được với cha, mẹ đẻ để lấy ý kiến đồng ý theo quy định của pháp luật. Chính vì vậy, nhiều ý kiến đề nghị cần phải có hướng dẫn giải quyết đăng ký nuôi con nuôi đồng thời có những biện pháp đối với cha mẹ đẻ để bảo vệ trẻ em.

3.3.1.5. Cha mẹ có nghĩa vụ nuôi dưỡng hoặc cấp dưỡng cho trẻ em

Theo Điều 71 Luật HN&GĐ năm 2014 quy định cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau nuôi dưỡng con chưa thành niên (khoản 1). Trong trường hợp vì lý do nào đó mà cha, mẹ không sống chung với con hoặc trốn tránh nghĩa vụ nuôi dưỡng con thì phải cấp dưỡng cho con.

Mọi trẻ em đều có quyền vốn có là được sống[113]. Tuy nhiên, quyền được sống của trẻ em lại được bảo đảm bởi cha mẹ, những người thân thích của trẻ em. Để bảo đảm quyền được sống, trẻ em phải được cung cấp thực phẩm, dinh dưỡng để duy trì sự sống, từ đó trẻ em mới tồn tại và phát triển. Về nguyên tắc, cha mẹ có nghĩa vụ và quyền nuôi dưỡng con từ khi con được sinh ra cho đến khi thành niên. Như vậy, ngay cả khi con hết tuổi trẻ em nhưng chưa thành niên vẫn có quyền được cha mẹ nuôi dưỡng. Quyền được sống là quyền cơ bản, cố hữu, thiêng liêng của mỗi con người, là tiền đề, cơ sở để việc bảo vệ các quyền khác của con người được thực hiện.. Cha, mẹ

[113] Điều 6 Công ước Quốc tế về quyền trẻ em.

có nghĩa vụ và quyền bảo đảm các điều kiện vật chất để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của con chưa thành niên. Cha, mẹ có nghĩa vụ tham gia lao động sản xuất tạo thu nhập để phát triển kinh tế gia đình, tích lũy tài sản để duy trì đời sống chung của gia đình, trong đó có việc nuôi dưỡng con chưa thành niên. Việc nuôi dưỡng này nhằm đảm bảo các điều kiện để sự sống của con về mặt sinh học được tồn tại và phát triển. Sự sống về mặt sinh học là những quy luật phát triển tự nhiên mà mỗi con người. Cha, mẹ chăm sóc cho con theo nhu cầu vật chất, điều kiện sống là các nhu cầu thiết yếu, cơ bản để nuôi sống con người sinh học của trẻ em. Sự sống của con còn yêu cầu cha mẹ có ý thức và nghĩa vụ trong quá trình nuôi dưỡng tránh tất cả những nguy hiểm đe dọa tính mạng của con, không để con bị rơi vào các tình huống nguy hiểm, ranh giới giữa cái sống và cái chết như bị bỏ đói, bỏ rơi... Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc làm tổn hại đến sự phát triển toàn diện của trẻ em (Điều 27 Luật Trẻ em năm 2016). Như vậy nghĩa vụ nuôi dưỡng của cha mẹ đối với con luôn song hành cùng quá trình tồn tại và phát triển của con. Bảo đảm sự sống còn cho con có tác động qua lại với các quyền cơ bản khác của trẻ em, nhóm quyền này là cơ sở cho việc thực hiện nhóm quyền khác của trẻ em. Việc thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng không chỉ phải có yếu tố vật chất như ăn, mặc ở... mà còn cần thiết phải có yếu tố không gian, môi trường sống. Đây là nghĩa vụ tài sản phát sinh giữa cha mẹ và con, mang tính chất tự nhiên, xuất phát từ sự gắn bó thiêng liêng giữa cha mẹ và con. Quy định này hướng tới bảo vệ quyền được sống của trẻ em được quy định tại Luật Trẻ em năm 2016: Trẻ em có quyền được bảo vệ tính mạng, được bảo đảm tốt nhất các điều kiện sống và phát triển (Điều 12), "Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển toàn diện" (Điều 15).

3.3.1.6. Cha mẹ có nghĩa vụ đại diện để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em

Luật HN&GĐ năm 2014 quy định cha mẹ có nghĩa vụ đại diện cho con chưa thành niên (khoản 3 Điều 69). Theo đó, cha mẹ là người đại diện theo pháp luật cho con dưới 16 tuổi. Cha mẹ thực hiện các nghĩa vụ và quyền của người đại diện cho con để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của con. Nghĩa vụ và quyền đại diện của cha mẹ cho con chưa thành niên là nhằm bảo vệ và thực hiện các quyền trẻ em trong những trường hợp cụ thể. Theo Luật HN&GĐ năm 2014, cha mẹ "bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con" (khoản 2 Điều 69). Các quyền, lợi ích hợp pháp của con là các quyền về tài sản và nhân thân trong các giao dịch dân sự liên quan đến trẻ em. Vì năng lực hành vi dân sự của trẻ em còn hạn chế, không tự thực hiện các quyền của mình nên cần thiết cha, mẹ đủ năng lực hành vi dân sự làm người đại diện theo pháp luật, giám hộ cho con để thực hiện các giao dịch này. Tùy từng loại giao dịch dân sự mà cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ làm đại diện cho con để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho con theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật dân sự 2015. Đây là một trong những nghĩa vụ đương nhiên của cha mẹ nhằm bảo vệ trẻ em khi tham gia các quan hệ xã hội.

Trong trường hợp quyền, lợi ích hợp pháp của con bị xâm phạm thì cha mẹ có nghĩa vụ yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích của trẻ em.

Thực tế, nhiều cha mẹ đã không thực hiện nghĩa vụ này đầy đủ khi phát hiện các hành vi vi phạm đến quyền bất khả xâm phạm thân thể, tình dục của trẻ em là con em mình, dẫn đến trẻ em không được bảo vệ kịp thời. Đơn cử, vụ việc hiếp dâm trẻ em do chính bố đẻ thực hiện với con gái tại Bản án số 139/2017/HSST ngày 28/12/2017 của TAND tỉnh Nghệ An[114]. Cháu Hoàng Thị M1 (sinh năm 2003) con gái của bị cáo Hoàng Văn Th (sinh năm 1978). Ngày 07/8/2017, sau khi uống rượu, bia bên ngoài, Hoàng Văn Th về nhà, đã có hành vi kéo tay M1 vào phòng ngủ có hành vi dâm ô với cháu. Sự việc được phát hiện bởi vợ của Th, mẹ của M1 nhưng chị cố ý giấu kín. Cháu M1 do sợ hãi đã đi trốn ở nhà bà ngoại. Sau đó, bà ngoại cháu M1 biết được sự việc nên đã lên trình báo với cơ quan công an. Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn Th khai nhận rằng, sau khi đi uống rượu về nhà ở của mình thì bị cáo vào buồng ngủ luôn không nhớ gì. Khi vợ về thì bị cáo tỉnh dậy thấy con gái ngủ bên cạnh. Tuy nhiên bị cáo cũng cho rằng việc làm của bị cáo là sai. TAND tỉnh Nghệ An cũng đã tuyên án 13 năm tù về tội hiếp dâm trẻ em. Hành vi của người mẹ trong vụ án này đã không thực hiện nghĩa vụ tố cáo hành vi của người chồng để bảo vệ con mình, dẫn đến những lo âu, sợ hãi của cháu bé. Nguyên nhân xấu hổ, không dám đối diện của người lớn đã gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đến tinh thần của trẻ em.

3.3.1.7. Cha, mẹ có nghĩa vụ tôn trọng quyền sở hữu tài sản của trẻ em

Theo Luật HN&GĐ năm 2014 quy định con có quyền có tài sản riêng. Tài sản riêng của con gồm: tài sản con được thừa kế riêng, được tặng cho riêng; thu nhập do lao động của con; hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của con; các thu nhập hợp pháp khác của con; tài sản được hình thành từ tài sản riêng của con (khoản 1 Điều 75). Quy định này khẳng định quyền độc lập về tài sản của con và phù hợp với quy định của Hiến pháp về quyền sở hữu tài sản của công dân[115] và tương thích với Luật Trẻ em năm 2016 về quyền sở hữu của trẻ em[116]. Quyền có tài sản riêng của con không phụ thuộc vào độ tuổi của con, do đó con đang ở độ tuổi trẻ em cũng được bảo vệ quyền được sở hữu đối với tài sản riêng. Pháp luật công nhận quyền sở hữu tài sản riêng của con, đồng thời quy định quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trong việc bảo vệ quyền tài sản của con khi còn là trẻ em. Con dưới 15 tuổi thì cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền quản lý tài sản riêng cho con hoặc có thể ủy quyền cho người khác quản lý. Con từ đủ 15 tuổi trở lên thì có thể tự mình quản lý tài sản riêng. Nếu con không tự quản lý thì có thể nhờ cha, mẹ quản lý. Trong trường hợp cha mẹ quản lý tài sản của con thì khi con đủ 15 tuổi, cha mẹ giao lại tài sản cho con, trừ trường hợp cha mẹ và con có thỏa thuận

---

[114] Tòa án nhân dân tối cao, Trang thông tin điện tử công bố bản án, quyết định của Tòa án https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta748989t1cvn/chi-tiet-ban-an, truy cập ngày 8/12/2020.

[115] Điều 32 Hiến pháp năm 2013.

[116] Điều 20 Luật Trẻ em năm 2016.

khác[117]. Trong việc định đoạt tài sản riêng của con, Luật HN&GĐ năm 2014 quy định: Trong trường hợp cha mẹ quản lý tài sản riêng của con dưới 15 tuổi thì có quyền định đoạt tài sản đó. Việc định đoạt tài sản riêng của con phải vì lợi ích của chính người con có tài sản đó. Nếu con đã từ đủ 09 tuổi trở lên thì phải xem xét đến nguyện vọng của con. Trong trường hợp con đã từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi thì có quyền tự định đoạt tài sản riêng. Tuy nhiên, nếu định đoạt tài sản tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký quyền sở hữu hoặc dùng tài sản để kinh doanh thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của cha mẹ hoặc của người giám hộ[118]. Tuy nhiên, trên thực tế trẻ em đang là đối tượng được cha, mẹ nuôi dưỡng, khi tài sản riêng, cha mẹ không được có hành vi cưỡng đoạt, bắt ép con sử dụng tài sản riêng để thực hiện nghĩa vụ của mình nếu như không có sự đồng ý của con. Ví dụ, việc sử dụng tài sản riêng là tiền mừng tuổi cũng cần chia sẻ và trao đổi cùng con để tránh vi phạm quyền có tài sản riêng của trẻ em.

3.3.2. Bảo vệ quyền trẻ em trong các quy định về xác định cha, mẹ, con

Xác định cha, mẹ cho con là việc xác định rõ một người nam là cha, một người nữ là mẹ của trẻ em khi nó được sinh ra để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với trẻ em. Trong khoa học pháp lý và trên thực tế, việc xác định cha cho con cần phải dựa trên mối quan hệ giữa người nam (là cha) và người phụ nữ đã sinh ra đứa trẻ (là mẹ). Xác định cha, mẹ cho con là một trong những cơ sở chính đáng và đầy đủ nhất để thực hiện quyền trẻ em, bởi khi đó chính là xác định người có nghĩa vụ để thực hiện các quyền trẻ em. Pháp luật đã quy định, xác định quan hệ cha mẹ con chỉ phát sinh khi có sự kiện pháp lý là sinh đẻ và khi được sự chứng nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quy định này là cơ sở pháp lý để bảo đảm quyền được xác định cha, mẹ của trẻ em được quy định tại Điều 13 Luật Trẻ em năm 2016 được thực hiện, đồng thời là tiền đề cho việc bảo đảm thực hiện các quyền cơ bản của trẻ em. Việc xác định cha, mẹ cho con dựa trên sự thụ thai, sinh con và thời kỳ hôn nhân của người mẹ, trừ trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Do có sự kiện sinh đẻ nên dễ dàng xác định được mẹ của trẻ em, đó là người phụ nữ sinh ra đứa trẻ. Việc xác định người đàn ông là cha của con dựa trên quan hệ giữa người đàn ông đó với mẹ đứa trẻ. Việc xác định cha, mẹ con được thực hiện trong các trường hợp sau:

Trường hợp người mẹ có thai hoặc sinh con trong thời kỳ hôn nhân: Việc xác định cha cho con dựa trên quy định tại Điều 88 Luật HN&GĐ năm 2014: Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng. Đây là nguyên tắc suy đoán pháp lý để xác định cha, mẹ cho con. Dựa trên nguyên tắc này, việc xác định cha cho con dễ dàng, bảo đảm quyền được biết cha, mẹ là ai của trẻ em. Trên cơ sở đó, trẻ em được hưởng các quyền do cha mẹ và các thành viên trong gia đình thực hiện. Đặc biệt, việc xác định cha, mẹ cho con còn thể

[117] Điều 76 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[118] Điều 77 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

hiện trong trường hợp con được sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận thì cũng được xác định là con chung của vợ chồng[119]. Theo quy định này, chỉ cần sự thừa nhận và thống nhất của vợ chồng đã có thể xác định cha cho đứa trẻ được mẹ sinh ra trước khi kết hôn. Để bảo vệ trẻ em sau khi ra đời được quyền có cha, mẹ và xác định ngay lập tức nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em của cha mẹ, pháp luật quy định: "Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định". Như vậy, việc từ chối nhận con không đơn giản là việc không thừa nhận mà người cha, người mẹ phải có yêu cầu Tòa án giải quyết, phải cung cấp chứng cứ trước Tòa và phải có phán quyết của Tòa án.

Trường hợp người mẹ không tồn tại hôn nhân mà có thai, sinh con hoặc tuy người mẹ có thai, sinh con trong thời kỳ hôn nhân nhưng Tòa án đã xác định người chồng không phải là cha của đứa trẻ: Luật HN&GĐ năm 2014 quy định: Cha, mẹ có quyền nhận con (khoản 1 Điều 91). Khi cha hoặc mẹ tự nguyện nhận con mà không có tranh chấp thì tiến hành tại cơ quan hộ tịch với thủ tục đơn giản. Người nhận con chỉ cần làm Tờ khai nhận con, có xác nhận của người mẹ hoặc cha của người được nhận là con thì cơ quan hộ tịch có thẩm quyền ghi vào sổ hộ tịch và bổ sung tên người nhận con vào phần khai cha hoặc mẹ trong Giấy khai sinh của con. Trường hợp người không được nhận là cha, mẹ của một người có thể yêu cầu Tòa án xác định người đó là con mình (khoản 1 Điều 89). Với quy định này, khi một người chưa được khai là cha, mẹ của con mà cho rằng đó là con mình nhưng không thể nhận con tại cơ quan hành chính thì có thể yêu cầu Tòa án xác định đứa trẻ đó là con mình. Quy định này một mặt để bảo vệ quyền của cha, mẹ trong việc nhận con, mặt khác là bảo đảm trẻ em có quyền có cha, mẹ và được cha, mẹ yêu thương, chăm sóc, nuôi dưỡng... Để quyền của trẻ em luôn được ưu tiên trong mọi trường hợp, Luật HN&GĐ năm 2014 quy định: Người đang có vợ, chồng mà nhận con thì việc nhận con không cần phải có sự đồng ý của người kia (khoản 2 Điều 91). Quy định này tạo điều kiện thuận lợi nhất để cha, mẹ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với con. Có thể nói, đây là một trong những quy định thể hiện ý chí của nhà làm luật, ưu tiên lựa chọn nguyên tắc dành những gì tốt nhất cho trẻ em khi ưu tiên tối đa quyền của trẻ em được bảo vệ ở mức độ cao nhất trong tất cả các chủ thể của mối quan hệ hôn nhân và gia đình.

Bảo vệ quyền trẻ em trong việc xác định cha, mẹ cho con còn thể hiện trong trường hợp người có yêu cầu xác định một đứa trẻ là con mình mà người có yêu cầu chết thì người thân thích của người này có quyền yêu cầu Tòa án xác định con cho người yêu cầu đã chết[120]. Quyền yêu cầu xác định cha, mẹ, con là quyền nhân thân, gắn với mỗi chủ thể mà không thể chuyển giao. Tuy nhiên, trong trường hợp này, Luật HN&GĐ năm 2014 quy định chuyển cho người thân thích của người yêu cầu để tiếp tục thực hiện các thủ tục xác định đứa trẻ là con của họ. Mặc dù khi Tòa án xác định

[119] Khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[120] Xem Điều 92 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

đứa trẻ là con thì người này đã chết nhưng đứa trẻ vẫn được hưởng các quyền nhân thân và tài sản với tư cách là con của người cha, người mẹ đã chết như: quyền mang họ, quyền thừa kế, quyền trở thành thành viên gia đình cha (mẹ), quyền được biết cha (mẹ)... Như vậy, có thể nhận thấy quy định này bảo đảm các quyền của trẻ em, để trẻ em có điều kiện phát triển đầy đủ hơn về thể chất cũng như tình cảm.

Trường hợp cặp vợ chồng vô sinh sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm: Việc xác định cha, mẹ cho con trong trường hợp sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm không hoàn toàn dựa trên nguồn gốc sinh học của đứa trẻ. Trong trường hợp vợ chồng có yêu cầu sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm thì người chồng được xác định là cha của con do vợ sinh ra (trừ trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo), bất kể sự vô sinh thuộc về vợ hoặc chồng. Mặc dù đứa trẻ đó có thể chỉ mang mã gen của chồng hoặc của vợ, thậm chí là không mang mã gen của cả vợ và chồng nhưng đứa trẻ vẫn là con chung của vợ chồng. Pháp luật quy định không tồn tại bất kì quyền và nghĩa vụ pháp lý nào giữa người cho tinh trùng, cho noãn, cho phôi với đứa trẻ. Đồng thời, nguyên tắc "vô danh" đối với người cho tinh trùng, cho noãn, cho phôi đã ổn định các mối quan hệ giữa cha, mẹ và con. Chính cặp vợ chồng vô sinh đã có nguyện vọng sinh con thể hiện bằng văn bản đồng ý thụ tinh trong ống nghiệm tại cơ sở y tế. Như vậy, muốn bảo vệ quyền trẻ em trong trường hợp sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm cần tuân thủ các điều kiện và thủ tục do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Một trong những điều kiện bắt buộc để cặp vợ chồng vô sinh được phép áp dụng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm là giữa họ phải tồn tại hôn nhân hợp pháp. Điều này là cơ sở pháp lý ràng buộc trách nhiệm của cha, mẹ và là một trong những căn cứ quan trọng xác định cha, mẹ cho con khi đứa trẻ được sinh ra, tức là phải có đơn đề nghị thực hiện hỗ trợ sinh sản và tất cả các quy định để thể hiện sự tự nguyện của những chủ thể có liên quan; đảm bảo sự tự nguyện sẽ là cơ sở để xác định trách nhiệm của từng chủ thể đối với quá trình thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản; nghĩa vụ đối với đứa con trong tương lai[121]. Trong trường hợp người phụ nữ độc thân sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm thì người phụ nữ đó là mẹ của con được sinh ra. Vì nguyên tắc bí mật, vô danh nên không xác định được cha cho con. Trong những trường hợp này, rõ ràng quyền được biết người cha sinh học, nguồn gốc của trẻ em đã bị hạn chế. Tuy nhiên, để đảm bảo tính ổn định trong các mối quan hệ xã hội khác, nguyên tắc "vô danh" vẫn tiếp tục được thực hiện. Xét về tổng thể, nguyên tắc này vẫn được ưu tiên áp dụng bởi tính liên đới đến các chủ thể khác trong xã hội.

Trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo: Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là việc một người phụ nữ tự nguyện, không vì mục đích thương mại giúp mang thai cho cặp vợ chồng mà người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, bằng việc lấy noãn của người vợ và tinh trùng của người chồng để

[121] Nguyễn Thị Lan, "Xác định cha, mẹ con theo Luật Hôn nhân & Gia đình Việt Nam - Cơ sở lí luận và thực tiễn", Luận án Tiến sĩ Luật học, 2008, trang 139.

thụ tinh trong ống nghiệm, sau đó cấy phôi thai vào tử cung của người phụ nữ tự nguyện mang thai để người này mang thai và sinh con. Như vậy, sinh con trong trường hợp mang thai hộ là một trường hợp sinh con đặc biệt. Khi đứa trẻ được sinh ra, cặp vợ chồng nhờ mang thai hộ là cha mẹ của đứa trẻ[122]. Người phụ nữ mang thai và sinh ra đứa trẻ và chồng (nếu có) chỉ là cha, mẹ trong quá trình mang thai và trước khi giao đứa trẻ cho cặp vợ chồng nhờ mang thai hộ[123]. Để bảo vệ trẻ em trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, pháp luật quy định điều kiện mang thai hộ và quy định quyền và nghĩa vụ của bên mang thai hộ và bên nhờ mang thai hộ. Các điều kiện đối với bên mang thai hộ và bên nhờ mang thai hộ cũng như điều kiện để thực hiện mang thai hộ về bản chất cũng nhằm để bảo vệ trẻ em ngay từ khi là bào thai và sau khi được sinh ra.

Việc xác định cha, mẹ cho con nhằm đảm bảo mỗi đứa trẻ sinh ra đều được cha, mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng, là cơ sở cho việc thực hiện các quyền cơ bản của trẻ em. Có thể thấy, quyền được khai sinh và có quốc tịch là một trong những quyền quan trọng của trẻ em, cha, mẹ và người thân thích tôn trọng và đảm bảo thực hiện. Quyền có quốc tịch của trẻ em tạo cơ sở pháp lý để mỗi cá nhân được Nhà nước thừa nhận, bảo vệ đối với công dân của mình và ngược lại, công dân cũng phải có quyền và nghĩa vụ đối với nhà nước mà mình mang quốc tịch. Tương tự như vậy, trong mối quan hệ gia đình, việc xác định cha, mẹ, con sẽ xác định được quyền và nghĩa vụ của trẻ em tương ứng với nghĩa vụ và quyền của cha mẹ. Điều này có ý nghĩa rất lớn đối với trẻ em, đảm bảo cho trẻ em sinh ra được quyền biết cha mẹ mình và được cha, mẹ mình chăm sóc (Điều 7 Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em).

3.3.3. Bảo vệ quyền trẻ em trong trường hợp cha, mẹ ly hôn

Ly hôn không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con tuy nhiên cách thức và các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ trẻ em đã thay đổi, nên việc thực hiện các nghĩa vụ và quyền của cha mẹ đối với con sau ly hôn được coi là trường hợp đặc biệt. Đây là lý do Luận án phân tích nội dung này riêng biệt.

3.3.3.1. Bảo vệ quyền trẻ em trong các quy định về xác định người trực tiếp nuôi con và quyền, nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con

Theo quy định Luật HN&GĐ năm 2014, sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có nghĩa vụ và quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của pháp luật đã bao hàm đối tượng trẻ em. Tuy nhiên, lúc này thường cha mẹ không chung sống cùng nhau nên trẻ em sẽ không thể sống chung cùng cả cha và mẹ. Bởi vậy, khi ly hôn, vấn đề đặt ra là ai sẽ là người trực tiếp thực hiện việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nhằm hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực việc ly hôn đối với con, Luật HN&GĐ năm 2014 đã quy

---

[122] Khoản 2 Điều 98 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[123] Khoản 1 Điều 97 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

định cụ thể về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ đối với người không trực tiếp nuôi con; thay đổi người trực tiếp nuôi con tại Điều 81, Điều 83 và Điều 84. Các quy định này đã thể hiện quyền được bảo vệ, không bị bỏ rơi, bỏ mặc của trẻ em được quy định tại Điều 27 Luật Trẻ em năm 2016.

Khi ly hôn, cha mẹ thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên đối với con. Việc thỏa thuận này tạo điều kiện để cha mẹ thống nhất quan điểm, lựa chọn điều kiện tốt nhất và phù hợp nhất cho sinh hoạt, học tập và các hoạt động khác của con được diễn ra bình thường, ổn định. Hơn ai hết, cha mẹ là người hiểu rõ nhất con của họ cần gì và như thế nào cho sự phát triển cả về thể chất và tinh thần. Sự thỏa thuận này của cha mẹ phải nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích của con, phù hợp với điều kiện của cha, mẹ. Trong trường hợp cha, mẹ "không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con"[124]. Tòa án quyết định giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: điều kiện kinh tế, chỗ ở, tính chất công việc, sức khỏe, phẩm chất đạo đức... của cha, mẹ trên cơ sở bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng quy định này và dự liệu các tình huống pháp lý chúng tôi nhận thấy: Nhiều bản án mặc nhiên công nhận sự thỏa thuận của hai vợ chồng về giao con cho cha hoặc mẹ nuôi mà chưa xem xét tính phù hợp của thỏa thuận đó. Đặt giả thuyết khi cha, mẹ thỏa thuận giao con cho ai nuôi trong hoàn cảnh bị ép buộc, bị ràng buộc với những thỏa thuận khác không vì quyền lợi của con... thì vô hình chung, quyền trẻ em đã không được bảo vệ đầy đủ trong trường hợp này. Quyền cơ bản được sống chung và được cả cha, mẹ chăm sóc đã bị ảnh hưởng, thêm việc cha, mẹ không đặt quyền lợi của con khi ly hôn khiến trẻ em bị tổn thương "kép" trong trường hợp này. Vì vậy, pháp luật cần quy định, cơ chế để bảo vệ trẻ em tốt hơn trong trường hợp này.

Trường hợp con từ đủ 07 tuổi trở lên thì khi quyết định giao con cho bên nào nuôi, Tòa án phải xem xét nguyện vọng của con. Theo các nghiên cứu khoa học, trẻ em từ 07 tuổi trở lên đã ý thức được thế giới, môi trường sống, mối quan hệ của cha, mẹ và những người thân thích. Vì vậy, trẻ em được quyền bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của mình về việc sinh sống với cha hay mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Tuy nhiên, nhiều khi sự lựa chọn của trẻ em chung sống cùng cha hay mẹ phần nhiều là dựa theo cảm tính, bởi vậy, nguyện vọng của con chỉ mang tính chất tham khảo, Tòa án chỉ "xem xét", chứ không mặc nhiên quyết định rằng con muốn ở với người nào thì Tòa án sẽ quyết định cho người đó trực tiếp nuôi con. So sánh với Luật HN&GĐ năm 2000 thì nội dung này được quy định là con từ đủ 09 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con khi Tòa án quyết định giao con cho một bên nuôi. Như vậy, Luật HN&GĐ năm 2014 đã hạ thấp độ tuổi của con trong việc xem xét nguyện vọng ở với cha hay

[124] Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

với mẹ so với Luật HN&GĐ năm 2000. Việc hạ thấp độ tuổi này được đánh giá là phù hợp với Luật Trẻ em 2016 thể hiện sự quan tâm đến tình cảm, mong muốn của trẻ em, đáp ứng quyền được tham gia, quyền có ý kiến của trẻ em khi cha mẹ ly hôn.

Trong trường hợp con dưới 36 tháng tuổi thì được giao cho mẹ trực tiếp nuôi (khoản 3 Điều 81 Luật HNGĐ năm 2014). Quy định này xuất phát từ việc bảo vệ quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em, đặc biệt là trẻ sơ sinh, bởi nguồn sữa mẹ là nguồn dinh dưỡng tự nhiên tốt nhất cho sự phát triển của trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, là phương pháp nuôi dưỡng tự nhiên và đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho bà mẹ, góp phần làm giảm tử vong ở trẻ dưới 5 tuổi, nhất là trẻ sơ sinh[125]. Cùng mục đích này, Luật HNGĐ năm 2014 đã quy định việc hạn chế quyền yêu cầu ly hôn của người chồng tại khoản 3 Điều 51 "Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi". Việc hạn chế quyền ly hôn đối với chồng đã thể hiện việc bảo vệ quyền được bảo vệ trẻ em từ khi mang thai gián tiếp thông qua bảo vệ quyền của người mẹ và trẻ em vì cần được chăm sóc đặc biệt. Quy định hạn chế ly hôn không áp dụng đối với quyền ly hôn của người vợ.

Nhằm trực tiếp bảo vệ quyền của trẻ em dưới 36 tháng, Luật HN&GĐ năm 2014 quy định giao con dưới 36 tháng tuổi cho người mẹ trực tiếp nuôi là hoàn toàn phù hợp và đảm bảo cho sự phát triển của trẻ em trong giai đoạn đầu đời, bảo đảm quyền được sống và được phát triển của trẻ em. Tuy nhiên, cũng để bảo vệ lợi ích tốt nhất của con, pháp luật quy định: Trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận phù hợp với lợi ích của con thì không giao con cho mẹ nuôi (khoản 3 Điều 81 Luật HN&GĐ năm 2014). Như vậy, chỉ trong những trường hợp người mẹ không đủ điều kiện sức khỏe, thời gian... để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác "phù hợp với lợi ích của con" thì người mẹ mới không có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con.

Để bảo vệ các quyền của trẻ em, Luật HN&GĐ năm 2014 quy định có thể thay người trực tiếp nuôi con khi cha mẹ thống nhất trên cơ sở phù hợp với lợi ích của con hoặc khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con (Điều 84 Luật). Sau khi ly hôn, cuộc sống của cha mẹ và con có rất nhiều thay đổi, nếu người trực tiếp nuôi con không còn đủ khả năng để nuôi con hoặc cha mẹ nhận thấy việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ tốt hơn cho con thì việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là hoàn toàn chính đáng. Sự thay đổi này sẽ giúp con có môi trường sống thuận lợi hơn, từ đó phát triển tốt hơn về thể chất cũng như tinh thần. Tuy nhiên, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng

[125] World Health Organization, *"Tuần lễ Thế giới nuôi con bằng sữa mẹ: Sữa mẹ - Món quà vô giá cho cuộc sống"*, ngày 31/7/ 2014, https://www.who.int/vietnam/news/detail/. Ngày truy cập 23/11/2019.

cần xem xét tới nguyện vọng của con từ đủ 7 tuổi trở lên như trong trường hợp quyết định giao con cho cha hay mẹ nuôi khi ly hôn. Trường hợp con đã quen và ổn định với việc sống cùng cha hoặc mẹ sau khi ly hôn thì việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cần phải xem xét đến tâm tư nguyện vọng của con bởi cần tránh việc thay đổi môi trường sống ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm và việc học tập của con. Trên thực tế, các vụ án về thay đổi người trực tiếp nuôi con thường gặp tại các TAND. Nguyên nhân thường thấy là người trực tiếp nuôi con theo bản án ly hôn có hiệu lực không thực hiện nghĩa vụ của người chăm sóc trực tiếp như: mẹ gửi con chung cho ông bà ngoại để đi bước nữa, cha ham mê tệ nạn, bỏ bê không chăm sóc con, lấy vợ mới... vì vậy việc người không trực tiếp nuôi con đã thực hiện quyền của mình đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con để đảm bảo các quyền của trẻ em được thực hiện tốt hơn[126]. Hiện tại Điều 84 quy định điều kiện kiện để thay đổi quyền nuôi con chỉ dừng lại ở việc tôn trọng thỏa thuận của cha, mẹ và điều kiện chăm sóc của cha, mẹ chưa phản ánh hết thực tế nếu tình huống pháp lý xảy ra trường hợp cả cha, mẹ đều đáp ứng điều kiện chăm sóc con, không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi mà vẫn mong muốn thay đổi quyền nuôi con thì các Tòa án sẽ thiếu căn cứ để xem xét giải quyết.

Ví dụ 1: Bản án số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 01/02/2021[127], Năm 2017, anh Đ ly hôn chị H, cháu Tùng A sinh năm 2011(6 tuổi) do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng vì chị có kế hoạch đi lao động nước ngoài. Đến tháng 02/2021, chị H đề nghị thay đổi quyền nuôi con bởi cháu A hiện đang ở cùng người họ hàng, vẫn được anh Đ chu cấp, nuôi dưỡng. Anh Đ không đồng ý với lý do vẫn chu cấp đầy đủ cho con, đảm bảo việc chăm sóc tinh thần cho con chỉ do tính chất công việc nên phải gửi con cho người họ hàng vì ông bà nội của cháu A đã mất. Sau khi xem xét Tòa án đã quyết định giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và không xem xét giải quyết mức cấp dưỡng của anh Đ bởi chị H không yêu cầu.

Vì lợi ích và sự phát triển ổn định của con, người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ cấp dưỡng theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp cố tình trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, người không trực tiếp nuôi con có thể bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

---

[126] TAND huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang, Bản án số 06/2021/ HNGĐ-ST về tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-942017hngdst-ngay-15092017-ve-tranh-chap-thay-doi-nguoi-truc-tiep-nuoi-con-sau-khi-ly-ho-9551; TAND huyện Hớn Quản, Bình Phước, Bản án số 50/2018/HNGĐ-ST ngày 21/8/2018 về "tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn" https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-502018hngdst-ngay-21082018-ve-tranh-chap-thay-doi-nguoi-truc-tiep-nuoi-con-sau-ly-hon-68397.

[127] Bản án số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 01/02/2021 về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-032021hngdst-ngay-01022021-ve-thay-doi-nguoi-truc-tiep-nuoi-con-sau-ly-hon-176801

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Quy định này nhằm đảm bảo quyền được bảo vệ của trẻ em dưới mọi hình thức để không bị bỏ rơi, bỏ mặc làm tổn hại đến sự phát triển toàn diện của trẻ em được quy định tại Điều 27 Luật Trẻ em năm 2016. Khi quyết định nuôi con, người trực tiếp nuôi cần được các thành viên gia đình tôn trọng bao gồm cả gia đình bên nội và bên ngoại của trẻ em. Việc tôn trọng này trên thực tế còn khó thực hiện bởi việc quy định về vấn đề tình cảm, không những của cha mẹ trẻ em mà còn liên quan đến các thành viên gia đình. Trường hợp cả hai bên gia đình cùng hòa thuận và vì lợi ích chung của trẻ em sẽ không gặp khó khăn. Trường hợp mâu thuẫn khó giải quyết, không có tiếng nói chung sẽ dẫn đến những phản ứng, ứng xử tiêu cực, ảnh hưởng đến mối quan hệ tình cảm của trẻ em với cha, mẹ không trực tiếp nuôi dưỡng, ảnh hưởng đến quyền liên hệ của trẻ em với cha, mẹ và ông, bà, cô, dì, cậu, chú, bác.

Như vậy, có thể nhận thấy các quy định về người trực tiếp nuôi con trong Luật HN&GĐ năm 2014 thể hiện việc bảo vệ quyền trẻ em trong trường hợp cha mẹ ly hôn. Việc pháp luật tôn trọng quyền của cha mẹ, đồng thời hạn chế tối đa ảnh hưởng đến quyền lợi của con, tuy nhiên trong thực tế áp dụng còn có những vướng mắc cần xem xét, hoàn thiện pháp luật để tối đa việc bảo vệ các quyền, lợi ích của trẻ em.

3.3.3.2. Bảo vệ quyền trẻ em trong các quy định về quyền, nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con

Sau khi ly hôn, cha, mẹ cần tạo điều kiện tốt nhất để bù đắp phần nào những tổn thương, những thiệt thòi mà trẻ em phải gánh chịu từ việc ly hôn của cha mẹ. Theo quy định tại Điều 82 Luật HN&GĐ năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có các quyền và nghĩa vụ sau:

Thứ nhất, nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với cha hoặc mẹ là người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con phải tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Trên thực tế, nhiều trường hợp cha, mẹ tranh giành quyền nuôi con nên người không được trực tiếp nuôi con cố tình không trao con cho người trực tiếp nuôi hoặc lợi dụng việc thăm nom con để giữ con. Việc giằng co, tranh chấp đó ảnh hưởng lớn đến cuộc sống, tâm lý, sức khỏe, học tập... của con. Thực tế này không hiếm gặp trong đời sống xã hội, bởi vậy mặc dù đã có quy định pháp luật về việc tôn trọng quyền của người trực tiếp nuôi nhưng việc thực thi hầu như không bị tác động bởi quy định này. Tại các bản án cũng ít xuất hiện nghĩa vụ này trong các quyết định của TAND. Do vậy mặc dù quy định này bảo đảm quyền được sống ổn định của trẻ em sau khi cha mẹ ly hôn nhưng trên thực tế việc ổn định hay không vẫn do hành xử của cha mẹ và quyết định của Tòa án.

Thứ hai, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nhằm đảm bảo quyền được nuôi dưỡng cho trẻ em, là một phương thức khác để thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng của cha, mẹ đối với con. Khi cha, mẹ ly hôn người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con (Điều 82 Luật HN&GĐ năm 2014) nhằm bảo đảm quyền được nuôi dưỡng của trẻ em. Pháp luật quy định nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn một mặt để bảo đảm cuộc sống ổn định của con về vật chất, mặt khác là để khẳng định việc thực hiện nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con. Cấp dưỡng cho con khi ly hôn góp phần gắn bó mối quan hệ giữa cha, mẹ với con, đề cao trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc chăm sóc nuôi dưỡng con. Mức cấp dưỡng cho con do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người trực tiếp nuôi con thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người phải cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của con. Trường hợp cha, mẹ không thỏa thuận được mức cấp dưỡng thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Mức cấp dưỡng có thể thay đổi theo sự thỏa thuận của các bên hoặc Tòa án quyết định khi có lý do chính đáng (khoản 2 Điều 116 Luật HN&GĐ năm 2014). Quy định về sự thay đổi mức cấp dưỡng là hoàn toàn phù hợp, bởi lẽ mức cấp dưỡng thường được quyết định dựa trên các điều kiện thực tế tại thời điểm ly hôn. Sau khi ly hôn, các điều kiện này có thể thay đổi và để đảm bảo một cách tốt nhất quyền lợi của đứa trẻ thì mức cấp dưỡng cũng cần thay đổi cho phù hợp với điều kiện sinh hoạt, học tập, chăm sóc sức khỏe... thực tế của con. Việc áp dụng mức cấp dưỡng hiện nay vẫn là chưa có quy định cụ thể, vì vậy mức cấp dưỡng ở mỗi vụ án ly hôn phụ thuộc vào thẩm phán phiên tòa. Để xác định mức cấp dưỡng phù hợp, đảm bảo điều kiện học tập, phát triển của con vẫn còn nhiều tranh cãi. Bởi vậy, trên thực tế số lượng vụ án đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng, hoặc đề nghị thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng vẫn tồn tại số lượng lớn ở TAND các địa phương.

Một thực tế nữa chúng tôi nhận thấy trong quá trình nghiên cứu đó chính có những bản án không đề cập đến nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con. Như vậy, phải chăng với các mức cấp dưỡng được tuyên có hay không cũng không hỗ trợ người trực tiếp nuôi con trong quá trình nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em. Các nội dung về con chung trong quyết định như: "Buộc chị T, ông V, bà P giao cháu K cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định không ai được cản trở. Trường hợp anh A vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con"[128] hay "Giao hai con chung là Phạm Thị Yến N, sinh ngày 24/9/2012 và Phạm Quang H, sinh ngày 19/10/2014 cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh

[128] Bản án số 08/2018/HNGĐ-ST ngày 02/5/2018 của TAND huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang, https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-082018hngdst-ngay-02052018-ve-ly-hon-nuoi-con-73209 truy cập ngày 23/8/2021.

hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”[129]. Những quyết định như vậy đặt ra vấn đề tại sao các bên thường thỏa thuận không phải đóng góp tiền cấp dưỡng, các thỏa thuận này có vì quyền lợi ích của con hay không?

Thứ ba, quyền và nghĩa vụ thăm nom con.

Để đảm bảo trẻ em được nhận tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc của cả cha và mẹ khi ly hôn, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con thì có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở (khoản 3 Điều 82 Luật HN&GĐ năm 2014). Đây là điểm tiến bộ của Luật HN&GĐ năm 2014 trong việc bảo vệ quyền trẻ em, bởi lẽ nếu chỉ quy định đây là “quyền” thì người không trực tiếp nuôi con có thể thực hiện hoặc không thực hiện, còn khi quy định là “nghĩa vụ” thì người không trực tiếp nuôi con buộc phải thực hiện. Ngược lại, người trực tiếp nuôi con cũng không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ và quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con (khoản 2 Điều 83). Tuy nhiên, trong trường hợp “cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”[130]. Pháp luật quy định chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền tuyên bố hạn chế quyền thăm nom con của người có hành vi lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến con. Như vậy, ngay cả khi mối quan hệ hôn nhân chấm dứt, nhưng khi các bên cha mẹ vi phạm nghĩa vụ của mình với con chung đều có thể bị xem xét và xử lý theo quy định pháp luật.

Để không làm ảnh hưởng đến việc học tập, sinh hoạt của con, cũng như làm xáo trộn cuộc sống của con thì người không trực tiếp nuôi con cần phải thỏa thuận với người trực tiếp nuôi con về thời gian, địa điểm thăm con, báo trước cho người trực tiếp nuôi con nếu muốn đưa con đi chơi, đi du lịch hoặc khi muốn thăm con không theo thời gian, địa điểm đã thỏa thuận trước. Điều này giúp việc thực hiện quyền và nghĩa vụ chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con được tốt hơn. Không những vậy, điều đó con đảm bảo cho hai bên tránh xảy ra mâu thuẫn trong quá trình chăm sóc con sau khi ly hôn, tạo cho con môi trường sống hài hòa, vui vẻ sau khi cha, mẹ ly hôn.

Như vậy, có thể khẳng định “thăm nom” vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ nhân thân của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, bởi quan hệ huyết thống theo suốt cuộc đời mỗi con người. Quy định “thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con khi cha mẹ ly hôn” trong Luật HN&GĐ năm 2014 so với Luật HN&GĐ năm 2000 đã có bước tiến lớn bởi xác định là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Với tư cách là quyền sẽ bảo vệ trẻ em được nhận mọi quyền về chăm sóc, giáo dục của người không trực tiếp nuôi con bằng các hình thức như: gặp gỡ, tiếp xúc, chăm lo... giúp

---

[129] Bản án số 19/2021/HNGĐ-ST ngày 26/3/2021 của TAND huyện Ý Yên, Nam Định. https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta783553t1cvn/chi-tiet-ban-an truy cập ngày 23/8/2021.

[130] Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

con không có cảm giác thiếu thốn tình cảm của cha hoặc mẹ. Với tư cách là nghĩa vụ, "thăm nom con" sẽ xác định trách nhiệm thực hiện của người không trực tiếp nuôi con mặc dù điều kiện chăm sóc, giáo dục khó khăn hơn vì không sống chung cùng con. Như vậy, việc ràng buộc trách nhiệm với con của người không trực tiếp nuôi con sẽ cao hơn, tránh việc viện lý do để không quan tâm, chăm sóc con, dẫn đến tổn thương tâm lý cho trẻ em. Trường hợp, người trực tiếp nuôi con gây khó khăn, cản trở người kia đến thăm con; hoặc người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến con đều là hành vi vi phạm pháp luật. Ngoài ra, hành vi gây khó khăn, cản trở quyền, nghĩa vụ trong quan hệ giữa cha, mẹ và con cũng là hành vi bạo lực gia đình theo quy định tại Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007.

Có thể khẳng định rằng, quy định về nghĩa vụ của cha mẹ đối với con khi ly hôn nhằm hướng đến bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của con chưa thành niên, con đã thành niên không tự đảm bảo cuộc sống của mình... tạo điều kiện thuận lợi nhất cho trẻ em có thể thực hiện quyền được phát triển bình thường, toàn diện trong trường hợp cha, mẹ ly hôn. Các hành vi vi phạm nghĩa vụ với trẻ em của người trực tiếp nuôi con hoặc người không trực tiếp nuôi con đều có thể là căn cứ để xem xét thay đổi quyền nuôi con của cơ quan có thẩm quyền.

3.4. Nghĩa vụ và quyền của các thành viên khác trong gia đình trong việc bảo vệ quyền trẻ em và thực tiễn thực hiện

3.4.1. Nghĩa vụ và quyền của anh, chị với em chưa thành niên

Trong quan hệ với các thành viên khác trong gia đình, trẻ em cũng được pháp luật ghi nhận quyền được bảo vệ, chăm sóc, yêu thương giúp đỡ của người thân trong gia đình. Anh, chị, em có quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau (Điều 105 Luật HN&GĐ năm 2014). Tình yêu thương, sự chăm sóc, quan tâm, giúp đỡ giữa anh, chị, em với nhau không phụ thuộc vào việc họ sống chung hay không sống chung với nhau. Đây là xử sự theo đạo lý thông thường mà pháp luật đòi hỏi các chủ thể phải thực hiện nhằm giữ gìn truyền thống của gia đình Việt Nam.

Các nghĩa vụ của anh, chị với em như nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phát sinh khi cha, mẹ của trẻ em không có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Để bảo vệ các quyền cơ bản của trẻ em được tiếp tục thực hiện, trẻ em được bảo vệ không bị rơi vào tình trạng không người chăm sóc, nuôi dưỡng, Luật HN&GĐ năm 2014 đã quy định nghĩa vụ này của anh, chị với em (Điều 105). Khi đó, người anh hoặc chị sẽ có đầy đủ các nghĩa vụ và quyền nhân thân và tài sản đối với em như trong trường hợp cha, mẹ thực hiện nghĩa vụ với con. Các trường hợp trẻ em cần người đại diện và giám hộ thì anh, chị sẽ thực hiện các quyền này đối với trẻ em. Như vậy, quy định này hoàn toàn phù hợp với truyền thống của gia đình Việt Nam. Khi cha mẹ qua đời hoặc già yếu, ốm đau mà không có khả năng nuôi dưỡng con thì anh, chị đã thành niên đùm bọc, nuôi dưỡng em chưa thành niên. Trong trường hợp anh, chị

không sống chung với em chưa thành niên thì có nghĩa vụ cấp dưỡng cho em theo Điều 112 Luật HN&GĐ năm 2014. Theo đó, anh, chị cấp dưỡng cho em chưa thành niên khi em không có tài sản để tự nuôi mình. Các quy định về nghĩa vụ và quyền của anh, chị em đã đảm bảo tốt nhất cho quyền được phát triển của trẻ em trong trường hợp này.

3.4.2. Nghĩa vụ và quyền của ông bà nội, ông bà ngoại đối với cháu chưa thành niên

Nhằm bảo đảm trẻ em nhận tối đa quyền được yêu thương bảo vệ cũng như phù hợp với đạo lý, truyền thống đạo đức của gia đình Việt Nam, Luật HN&GĐ năm 2014 quy định nghĩa vụ của ông bà nội, ông bà ngoại đối với cháu trên cơ sở mối quan hệ ruột thịt. Quan hệ giữa ông bà và cháu được xác định dựa trên cơ sở quan hệ giữa cha, mẹ và con. Ông bà nội, ông bà ngoại có nghĩa vụ và quyền yêu thương, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, sống mẫu mực và nêu gương tốt cho cháu[131]. Với trách nhiệm của ông, bà trong việc bảo vệ các quyền của trẻ em, ông, bà sẽ thực hiện việc yêu thương, trông nom cháu. Các nghĩa vụ này được thực hiện xuất phát từ tình cảm trong gia đình, được xây đắp từ mối quan hệ ruột thịt. Nghĩa vụ và quyền mang tính chất tình cảm, đạo lý giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu được thực hiện trong suốt thời gian tồn tại quan hệ này. Các nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu của ông bà với trẻ em sẽ hỗ trợ tốt hơn cho cha mẹ trong việc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

Ông bà nội, ông bà ngoại có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu chưa thành niên cùng sống chung với mình khi cháu không còn cha, mẹ, không có anh, chị em hoặc tuy còn nhưng những người này không đủ điều kiện để nuôi dưỡng (khoản 1 Điều 104 Luật HN&GĐ năm 2014). Từ khi phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng thì các quyền và nghĩa vụ khác của ông, bà như quyền đại diện, quyền giám hộ... đều có các nghĩa vụ và quyền như cha mẹ đối với con. Như vậy, riêng đối với nghĩa vụ nuôi dưỡng sẽ phát sinh khi trẻ em không có cha, mẹ, anh, chị nuôi dưỡng. Đối với các nghĩa vụ khác như trông nom, chăm sóc, giáo dục sẽ phát sinh mà không nhất thiết khi trẻ em không có cha, mẹ, anh, chị nuôi dưỡng.

Trong trường hợp ông bà nội, ông bà ngoại không sống chung với cháu chưa thành niên thì có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu theo khoản 1 Điều 113 Luật HN&GĐ năm 2014. Về nguyên tắc, ông bà nội và ông bà ngoại có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu như nhau. Do vậy, ông bà nội, ông bà ngoại thỏa thuận với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng sao cho phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của ông bà và phù hợp với nhu cầu thiết yếu của cháu. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy, để đảm bảo các quyền cơ bản của trẻ em trong trường hợp trẻ em không còn cha, mẹ, không có anh, chị em hoặc tuy còn nhưng những người này không đủ điều kiện để nuôi dưỡng thì ông bà nội, ông bà ngoại là lựa

[131] Điều 104 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

chọn thứ ba để thực hiện các nghĩa vụ đối với trẻ em để đảm bảo trẻ em không có điều kiện phát triển toàn diện.

Hiện nay, việc trẻ em được ông bà nội, ngoại chăm sóc, giáo dục được cho là phổ biến trong đời sống xã hội. Nhiều cặp vợ chồng có con nhỏ cần có sự hỗ trợ của ông, bà sau khi sinh em bé và khi hết thời gian nghỉ chế độ thai sản. Đây là những quyền nhân thân của ông bà và cháu nhằm duy trì mối quan hệ gia đình. Tuy nhiên, thực tế việc thực hiện quyền chăm sóc, giáo dục cháu của ông bà phụ thuộc nhiều vào ý chí của cha mẹ trẻ em. Trong nhiều trường hợp, nhóm quyền này có thể bị vi phạm khi giữa ông bà và cha mẹ trẻ em có những mâu thuẫn, xung đột trực tiếp hoặc cha mẹ của trẻ em ở xa, khi ly hôn... không duy trì việc thăm nom, liên hệ với ông bà. Trong khi đó, theo quy định pháp luật hiện hành không quy định cụ thể về quyền được liên hệ giữa ông bà và cháu cũng như chưa quy định cơ chế giải quyết tranh chấp khi phát sinh mâu thuẫn. Ở Việt Nam pháp luật chưa quy định quyền được liên hệ của trẻ em với ông bà một cách độc lập và ngược lại. Các quy định về quyền chăm sóc, giáo dục của ông bà với cháu còn chung chung trên cơ sở "luân lý" hay "đạo đức" chưa khẳng định được quyền độc lập của trẻ em. Với việc chung sống của các gia đình mở rộng thì đây không là vấn đề, tuy nhiên hiện nay với xu hướng gia đình hạt nhân ngày càng phát triển đặt ra những vấn đề về quyền giữ mối liên hệ của trẻ em với ông bà, các thành viên khác của gia đình là cần thiết. Bên cạnh đó, hiện nay có những vụ việc đáng lên án do ông, bà thực hiện với cháu như bạo hành, xâm hại tình dục... cần xem xét để xác định những hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc cháu với ông bà thành viên khác trong gia đình khi có những hành vi làm ảnh hưởng tiêu cực đến cháu như một biện pháp chế tài.

3.4.3. Nghĩa vụ và quyền của cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu chưa thành niên

Từ truyền thống đạo đức của dân tộc đã có quan niệm "Sảy cha còn chú, sảy mẹ bú dì" thể hiện các mối quan hệ tình thân, trách nhiệm của các bậc cha, chú đối với việc bảo vệ quyền trẻ em. Nhằm bảo vệ các quyền cơ bản của trẻ em và tạo điều kiện để các thế hệ trong gia đình quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhằm giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, Luật HN&GĐ năm 2014 quy định: cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột có quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau (Điều 106 Luật HN&GĐ năm 2014). Quy định này hoàn toàn phù hợp với tập quán và truyền thống của người Việt Nam. Không chỉ có quyền và nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ, Luật HN&GĐ năm 2014 còn quy định cô, dì, chú, bác, cậu ruột có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu. Các điều kiện phát sinh các nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu ruột trường hợp cháu không còn cha, mẹ, anh, chị, em, ông, bà hoặc những người này không có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu. Như vậy, đây là chủ thể thứ tư trong thành viên gia đình có nghĩa vụ nuôi dưỡng trẻ em. Quy định này nhằm bảo đảm trẻ em được thực hiện các quyền trẻ em như: quyền được học tập, phát triển toàn diện... Cô, dì, chú, cậu, bác ruột có nghĩa vụ bảo vệ quyền, lợi ích

hợp pháp của trẻ em; đại diện cho trẻ em trong các giao dịch dân sự theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trong trường hợp để trẻ em thực hiện giao dịch dân sự trái pháp luật... Việc xác định chỗ ở, người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ em cũng cần được xem xét ý kiến của trẻ em đảm bảo quyền được tôn trọng ý kiến với trẻ em. Trường hợp những người này không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng cháu thì có thể để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cháu. Cũng như các thành viên khác, cô, dì, chú, cậu, bác ruột được xác định là người nuôi dưỡng, chăm sóc thay thế theo Luật trẻ em năm 2016.

Thực tiễn áp dụng các quy định của Luật HN&GĐ vẫn còn nhiều hạn chế bởi lẽ, quy định pháp luật định hướng hành vi của con người với việc thực hiện quyền trẻ em. Trẻ em vẫn bị bạo lực, không người bảo vệ và có nguy cơ ảnh hưởng tới thể chất và tinh thần khi phải chung sống cùng thành viên gia đình không tôn trọng quyền trẻ em và có nhận thức lệch lạc.

Tại Bản án số 39/2021/HSST ngày 12/05/2021 của TAND huyện XM, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, B và G đã bị tuyên về tội cố ý gây thương tích và tội hành hạ con, cháu. Gvà B là hai chị em cùng mẹ khác cha. G chung sống với một người không rõ lai lịch, sinh được 02 người con là L sinh năm 2001 và H sinh năm 2004. Năm 2010, G chung sống như vợ chồng và đăng ký kết hôn với anh T và bà R tại xã XB, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống, G sinh được 05 người con là: D sinh năm 2010; T sinh năm 2012; TT sinh năm 2014; TH sinh năm 2016 và TN sinh năm 2017. Tháng 8/2018 ông T qua đời, B tới ở cùng G, bà R và các cháu. Trong thời gian chung sống B và cháu H xảy ra mâu thuẫn với bà R, nên B dẫn cháu H đi thuê phòng trọ ở khu phố 2, phường Phước Trung, TP Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tại đây, B đã nhiều lần giao cấu với cháu H. Tháng 9/2019 B đưa cháu H đến sống lang thang và đi xin ăn. Sau đó, B gọi rủ G về sống cùng. G đồng ý rồi đem theo 02 cháu là H và N từ nhà bà R về ở với B, cả nhóm đi xin nhiều nơi trên địa bàn huyện.

Suốt thời gian sống lang thang, từ tháng 5/2019 đến tháng 10/2019, khi có tiền B và G thuê 02 phòng tại nhà nghỉ để cả nhóm cùng ở. B và H ở một phòng, G cùng H, N ở một phòng. Tại đây, B tiếp tục giao cấu với cháu H nhiều lần. Tháng 10/2019, G quay về nhà bà R đón 03 con gồm D, T và T tới cùng ở một phòng. Tại đây, B và G bàn với nhau hàng ngày bắt 02 cháu D và T đi xin, nếu xin đủ 900.000đ (Chín trăm ngàn)/ngày thì được ăn cơm với nước tương, nếu không đủ sẽ bị G và B dùng tay, roi, dây điện đánh, dùng vợt mỗi chích điện vào người và bỏ đói. Trong lúc cháu D và T đi xin thì B, G đứng xa quan sát, nếu cháu nào không tích cực sẽ bị G và B đánh và chửi mắng. Khoảng 11/2019 B và G đưa con, cháu tới thuê nhà nghỉ ở khu vực khác. Cũng với phương pháp, thủ đoạn như trên B và G tiếp tục ép cháu D, cháu T đi xin tiền. Thời gian này, cháu H mang thai với B, ngày 15/12/2020 cháu H sinh con là P, tuy nhiên sau đó cháu P bị ốm và tử vong.

Khoảng cuối tháng 6/2020, khi cháu D và T đi xin tại chợ KL, huyện CĐ, nhân lúc B và G không để ý, hai cháu lên xe buýt trốn về nhà bà nội, kể lại cho bà R biết, bà R đã trình báo sự việc với cơ quan Công an. Sau thời gian theo dõi Công an huyện XM đã phát hiện và yêu cầu B, G về làm việc. Tại Cơ quan CSĐT B và G đã thừa nhận hành vi của mình như đã nêu trên. Ví dụ trên có thể thấy, trẻ em có thể được yêu thương và bảo vệ khi ở với bất cứ ai, không nhất thiết là thành viên gia đình khi những người này không thực hiện đúng nghĩa vụ làm cha, mẹ với con của mình.

3.5. Xử lý hành vi vi phạm pháp luật hôn nhân và gia đình về bảo vệ quyền trẻ em

Với mục đích ngăn chặn những hành vi của cha, mẹ hoặc các thành viên gia đình khác trực tiếp xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của con và các yếu tố có thể ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách, đạo đức của con, pháp luật HN&GĐ và pháp luật khác có liên quan đã qui định các biện pháp xử lý hành vi vi phạm quyền của trẻ em tùy theo tính chất và mức độ của hành vi vi phạm.

3.5.1. Bảo vệ quyền trẻ em trong quy định về căn cứ hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên

Theo khoản 1 Điều 85 Luật HN&GĐ năm 2014 thì cha, mẹ bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên khi có căn cứ sau:

Thứ nhất: Cha mẹ bị kết án về một trong các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con với lỗi cố ý hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm danh dự của con là hành vi nghiêm trọng nhất trong các hành vi mà cha, mẹ có thể bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên. Khi cha, mẹ có hành vi vi phạm xâm phạm tới quyền sống, quyền được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con với lỗi cố ý thì ngoài việc bị xử lý hình sự theo quy định tại Chương XIV (từ Điều 123 đến Điều 156) của BLHS năm 2015 thì còn bị xem xét hạn chế quyền đối với con chưa thành niên. Đây là hành vi đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, bị coi là tội phạm và bị xử lý về hình sự. Cha, mẹ thực hiện hành vi này đối với con bị xử lý nghiêm khắc theo pháp luật dù có lỗi cố ý hay vô ý. Theo Điều 50 của Luật Trẻ em năm 2016 thì khi trẻ em bị xâm hại sẽ áp dụng biện pháp bảo vệ ở "cấp độ can thiệp" nhằm ngăn chặn hành vi xâm hại. Đặc biệt, tại khoản 2 Điều 50 của Luật Trẻ em năm 2016 cũng quy định, cần bố trí chăm sóc thay thế tạm thời hoặc lâu dài cho trẻ em khi cha, mẹ chính là người xâm hại trẻ em.

Tuy nhiên, theo pháp luật hiện hành thì chỉ khi cha mẹ "bị kết án" mới có căn cứ hạn chế quyền của họ đối với con. Vấn đề đặt ra là nếu cha, mẹ có hành vi xâm phạm sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con nhưng chưa đến mức bị xử lý hình sự mà

chỉ bị xử phạt hành chính thì họ có bị hạn chế quyền với con chưa thành niên không? Chúng tôi cho rằng, đối với trường hợp này, sau khi cha, mẹ có hành vi xâm phạm sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con mà chỉ bị phạt hành chính thì người thân, người giám hộ hoặc các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có thể yêu cầu Tòa án ra quyết định hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Trường hợp người mẹ bị xử lý hình sự về tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ quy định tại Điều 124 BLHS năm 2015 với lỗi cố ý, nếu đứa trẻ còn sống thì việc hạn chế quyền của người mẹ này đối với đứa trẻ cũng cần xem xét đến lợi ích của đứa trẻ, bởi sự "cách ly" trẻ sơ sinh với mẹ khi mà đứa trẻ đang cần được nuôi dưỡng từ nguồn sữa mẹ. Thiết nghĩ, căn cứ vào thái độ hối cải của người mẹ và tình trạng sức khoẻ, tinh thần của con... để Toà án xem xét việc hạn chế quyền của người mẹ đối đứa trẻ. Nếu người mẹ nhận rõ sai lầm, hành vi đối với con là nhất thời, do bồng bột, phạm tội trong trường hợp tinh thần bị kích động mạnh... thì có thể không hạn chế quyền của người mẹ đối với con, đồng thời có phương án giám sát, bảo vệ đứa trẻ từ các thành viên khác trong gia đình.

Nhân phẩm được hiểu là phẩm chất, giá trị của một con người cụ thể, là tổng hợp những phẩm chất mang tính đặc trưng của mỗi cá nhân tạo nên giá trị một con người. Nhân phẩm của trẻ em chưa định hình rõ ràng, thường gắn với nhân phẩm, giá trị của cha mẹ, gia đình. Danh dự là sự coi trọng của dư luận xã hội, dựa trên giá trị tinh thần, đạo đức tốt đẹp nhằm tỏ rõ sự kính trọng của xã hội, của tập thể. Hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự của trẻ em là làm cho trẻ em bị coi thường, khinh rẻ trong gia đình, tập thể...

Khi cha, mẹ vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì tức là đã xâm phạm nghiêm trọng các quyền của con. Do đó, cha mẹ phải bị hạn chế quyền đối với con. Hành vi vi phạm nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên của cha mẹ có thể bao gồm: trốn tránh hoặc đùn đẩy trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc con hoặc thực hiện trách nhiệm một cách qua loa, không đầy đủ, không quan tâm đến giờ ăn, giấc ngủ của con làm ảnh hưởng đến đời sống vật chất hoặc tinh thần của con; không cho con đi học, ép buộc con làm công việc quá sức lao động, không phù hợp với thuần phong mỹ tục, đạo đức; đưa con vào môi trường sống không lành mạnh; bỏ mặc, bỏ bê không chăm lo cho con về vật chất, và tinh thần... Những hành vi vi phạm nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến mức nghiêm trọng thì cha mẹ có thể bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên. Tuy nhiên, việc hiểu thế nào là "vi phạm nghiêm trọng" thì còn có nhiều quan điểm khác nhau. Hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể về hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì vậy, việc áp dụng quy định này còn hạn chế, chưa thực sự có tính răn đe.

Các hành vi xâm phạm sức khỏe, nhân phẩm, danh dự với trẻ em hiện nay nổi cộm về các tội liên quan đến tình dục của trẻ em. Đây là một trong các nhóm tội phạm mà BLHS năm 2015 (từ Điều 142 đến Điều 146) xử lý hết sức nghiêm khắc, bởi hậu quả nặng nề mà nạn nhân phải gánh chịu. Vì vậy, khi trẻ em bị chính cha, mẹ, người thân trong gia đình xâm hại có nên đặt ra việc phải xử lý nghiêm khắc hơn.

Thứ hai: Cha, mẹ phá tán tài sản của con.

Theo quy định tại Điều 75, Điều 76 và Điều 77 Luật HN&GĐ năm 2014 thì con có quyền có tài sản riêng. Tài sản riêng của con dưới 15 tuổi do cha mẹ quản lý, trừ trường hợp con đang được người khác giám hộ hoặc người tặng cho tài sản, người để lại thừa kế chỉ định người khác quản lý. Trong quá trình quản lý tài sản riêng của con mà cha, mẹ có hành vi phá tán tài sản của con thì có căn cứ để Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con khi có yêu cầu. Tuy nhiên, phá tán tài sản là thuật ngữ còn mang nghĩa rộng nên có nhiều cách hiểu khác nhau, dẫn đến khó áp dụng trong thực tế. Vì vậy, cần có hướng dẫn cụ thể để thuận lợi cho việc áp dụng. Chúng tôi cho rằng, hành vi phá tán tài sản của con có thể hiểu là cha, mẹ sử dụng tài sản của con trái với nhu cầu, lợi ích, nguyện vọng của con, gây thất thoát đối với tài sản riêng của con như: Dùng tài sản riêng của con để chi tiêu cho mục đích cá nhân của cha, mẹ; để kinh doanh bất hợp pháp; có hành vi phá hoại tài sản của con; có hành vi chiếm đoạt tài sản của con... Như vậy, quy định hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con trong trường hợp này là bảo vệ quyền sở hữu tài sản riêng của con chưa thành niên, trong đó có trẻ em.

Thứ ba: Cha, mẹ có lối sống đồi trụy.

Người chưa thành niên nói chung và trẻ em nói riêng là những người chưa phát triển hoàn thiện về thể chất, tinh thần và nhân cách nên rất dễ bị ảnh hưởng bởi hành vi, lối sống của cha mẹ, rất dễ bị lôi kéo, xúi giục thậm chí ép buộc làm những điều sai trái mà bản thân họ chưa nhận thức được. Lối sống đồi trụy của cha mẹ được hiểu là lối sống buông thả, ăn chơi, tiêu khiển thiếu lành mạnh; nghiện chất kích thích, ham mê cờ bạc, tàng trữ, mua bán văn hóa phẩm bạo lực, khiêu dâm... Khi trẻ em chứng kiến, tiếp xúc lối sống hằng ngày của cha mẹ, có thể dẫn đến định hình tính cách, bắt chước hành động của cha mẹ và có khả năng có những hành vi giống như cha mẹ trong tương lai. Cha mẹ có lối sống như vậy cũng cần bị cách ly, tránh làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của con bằng biện pháp hạn chế các quyền đối với con.

Thứ tư: Cha, mẹ xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

Một trong nghĩa vụ của cha mẹ đối với con được quy định tại Điều 69 Luật HN&GĐ năm 2014 là "không được xúi giục, ép buộc con làm những điều trái pháp luật, trái đạo đức xã hội". Hành vi của cha mẹ có thể được xác định là "xúi giục, ép buộc con làm những điều trái pháp luật, trái đạo đức xã hội": dụ dỗ, lôi kéo trẻ em đi

lang thang; dụ dỗ, lừa dối, ép buộc trẻ em mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma tuý; lôi kéo trẻ em đánh bạc; dụ dỗ, lừa dối, dẫn dắt, chứa chấp, ép buộc trẻ em hoạt động mại dâm; lợi dụng, dụ dỗ, ép buộc trẻ em mua, bán, sử dụng văn hoá phẩm kích động bạo lực, đồi trụy; lợi dụng trẻ em vì mục đích trục lợi; xúi giục trẻ em thù ghét cha mẹ, người giám hộ hoặc xâm phạm tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự của người khác...

Như vậy, quy định hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên là nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thanh niên, trong đó có trẻ em. Tuy nhiên, còn có nhiều cách hiểu khác nhau về "vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con", "phá tán tài sản của con" và "có lối sống đồi trụy". Điều này dẫn đến việc áp dụng quy định hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên trên thực tế còn gặp nhiều khó khăn, do có những quan điểm khác nhau. Do vậy, cần thiết phải có hướng dẫn cụ thể, tránh trường hợp hiểu không đúng dẫn đến sự tùy tiện ra quyết định hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên, thậm chí là không đúng quy định pháp luật. Việc xem xét tính chất, mức độ hành vi của cha, mẹ là chưa nghiêm trọng hay nghiêm trọng hoặc chưa thể coi là phá tán tài sản của hay phá tán tài sản của con cần được đặt trong các yếu tố cụ thể tác động đến sự phát triển toàn diện của con để Tòa án ra quyết định hạn chế hay không hạn chế quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hoặc hạn chế quyền quản lý tài sản riêng của con.

3.5.2. Hậu quả của việc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên

Khi Tòa án ra quyết định hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên thì dẫn đến những hậu quả pháp lý sau:

Một là: Cha, mẹ không được trông nom, chăm sóc, giáo dục con, quản lý tài sản của con, đại diện cho con theo pháp luật.

Khi Tòa án ra quyết định hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên thì dẫn đến hậu quả là người cha, người mẹ đó không được trông nom, chăm sóc, giáo dục con, quản lý tài sản của con, đại diện cho con theo pháp luật trong thời hạn từ 01 năm đến 05 năm (khoản 2 Điều 85 Luật HN&GĐ năm 2014). Đây được coi là biện pháp chế tài áp dụng đối với người cha, người mẹ khi có hành vi xâm phạm nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con chưa thành niên hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên.

Tuy nhiên, quy định này dường như thiếu tính khả thi. "Khi cha, mẹ bị hạn chế một số quyền đối với con nhưng họ vẫn sống cùng với con thì rất khó hạn chế việc thực hiện quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con trong thực tế cũng như không thể ngăn chặn được ảnh hưởng xấu của lối sống đồi truy của cha, mẹ đối với con. Bởi lẽ, việc trông nom, chăm sóc và đặc biệt là việc giáo dục con được thực hiện bằng tổng hợp các hành vi. Thậm chí chỉ bằng cách ứng xử hàng ngày trong cuộc sống của cha,

mẹ cũng có thể tác động xấu đến sự phát triển nhân cách của con. Do đó, mặc dù pháp luật quy định về hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên nhưng khi toà án ra quyết định thì việc thi hành các quyết định đó cũng gặp rất nhiều khó khăn"[132].

Đồng thời, pháp luật quy định thời gian hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con là từ 01 năm đến 05 năm. Tùy từng trường hợp mà Tòa án có thể xem xét quyết định thời hạn sao cho phù hợp với tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả của hành vi vi phạm. Tòa án cũng có thể rút ngắn thời hạn này (khoản 1 Điều 85 Luật HN&GĐ năm 2014). Về thời hạn này nhận thấy, khung thời gian còn quá rộng sẽ xảy ra việc áp dụng pháp luật khác nhau khi có cùng một hành vi, tính chất. Thêm nữa, cần xem xét việc Tòa án rút ngắn thời gian hạn chế quyền của cha, mẹ có cần phải xem xét đến lợi ích của con chưa thành niên hay không cũng chưa được pháp luật quy định.

Hai là: Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con, quản lý tài sản của con, đại diện cho con theo pháp luật được bảo đảm bởi các chủ thể khác.

Khi cha hoặc mẹ bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên thì người mẹ hoặc cha còn lại thực hiện quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, quản lý tài sản riêng của con và đại diện theo pháp luật cho con. Trường hợp người còn lại không đủ điều kiện để thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với con hoặc cả cha và mẹ đều bị hạn chế quyền đối với con thì giao cho người giám hộ trông nom, chăm sóc, giáo dục con và quản lý tài sản riêng của con chưa thành niên. Cha, mẹ đã bị Tòa án hạn chế quyền đối với con chưa thành niên vẫn phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con (Điều 87 Luật HN&GĐ năm 2014).

Như vậy, trong từng trường hợp cụ thể, Tòa án có thể tự mình hoặc theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên, ra quyết định không cho cha, mẹ trông nom, chăm sóc, giáo dục con, quản lý tài sản riêng của con hoặc đại diện theo pháp luật cho con. Pháp luật dự liệu đầy đủ các tình huống để bảo đảm việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con, quản lý tài sản riêng của con hoặc đại diện theo pháp luật cho con chưa thành niên. Vì vậy, việc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên là hoàn toàn xuất phát từ quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thanh niên. Điều này hoàn toàn phù hợp với Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em: Trẻ em có quyền sống chung với cha mẹ và không bị cách ly cha mẹ trái với ý muốn của họ, trừ trường hợp việc cách ly như vậy theo quy định của pháp luật là cần thiết cho lợi ích tốt nhất của trẻ em (Điều 9).

Ngoài việc xử lý các vi phạm quy định về bảo vệ quyền trẻ em theo Luật HN&GĐ, trong lĩnh vực HN&GĐ, việc xác định các hành vi vi phạm quyền trẻ em trong đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn… được bị xử lý hành chính được quy định tại Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm

[132] Ngô Thị Hường (2020), "Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên và thực tiễn áp dụng", Tạp chí Luật học, số 6/2020, trang 31 - 41.

hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã (Nghị định số 82/2020/NĐ-CP). Các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực trẻ em như vi phạm nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, hành vi bạo lực với trẻ em và các hành vi vi phạm quyền trẻ em khác…sẽ bị xử lý theo Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em. Nghiêm khắc hơn khi các hành vi xâm phạm quyền trẻ em mà cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự. BLHS năm 2015 quy định các tội xâm phạm chế độ hôn HN&GĐ từ Điều 181 đến điều 187 và các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người từ Điều 123 đến Điều 156. Cha, mẹ, người thân thích khác của trẻ em có hành vi phạm tội đối với trẻ em thì áp dụng các quy định của BLHS năm 2015 để xử lý.

Như vậy, khi cha mẹ thực hiện các hành vi xâm phạm trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tính mạng, danh dự, nhân phẩm của trẻ em được xem xét xử lý như các chủ thể khác có hành vi tương tự với trẻ em. Tuy nhiên, qua phân tích chúng tôi nhận thấy, việc xử lý hành vi vi phạm của các chủ thể có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em còn gặp nhiều vướng mắc bởi đang gặp phải những yếu tố trở ngại để phát hiện kịp thời, thái độ thờ ơ của một số người trong đó có cả thành viên gia đình vẫn tồn tại, tâm lý "việc nội bộ gia đình" "con do cha mẹ đẻ ra thì phải dạy" khiến nhiều người e dè, không lên tiếng. Việc ngăn chặn, phát hiện báo tin, giúp đỡ nạn nhân bị bạo lực gia đình nói chung và trẻ em bị bạo lực gia đình nói riêng đã được pháp luật bảo vệ tại Điều 60, Điều 62, Nghị định số 144/2021 NĐ-CP [133]. Việc cố ý không ngăn chặn, báo tin hành vi bạo lực gia đình cũng bị xem xét xử lý sẽ nâng cao ý thức trách nhiệm, việc giám sát cộng đồng trong toàn xã hội.

Theo chúng tôi, mọi hành vi vi phạm pháp luật HN&GĐ liên quan đến trẻ em đều phải phải xử lý để đảm bảo tốt nhất cho trẻ em có điều kiện phát triển. Các hành vi xâm phạm quyền trẻ em từ chính thành viên gia đình cần phải bị lên án và xử lý nghiêm khắc, trong nhiều trường hợp cần xem xét là tình tiết tăng nặng bởi không những xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em mà còn phá vỡ môi trường an toàn của gia đình và trật tự xã hội.

[133] Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn , cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Luật HN&GĐ năm 2014 đã xây dựng các chế định để bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình đồng thời để bảo vệ các quyền của trẻ em trong gia đình. Các quyền trẻ em được bảo vệ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các chế định cụ thể đảm bảo hài hòa các quan hệ trong gia đình.

Tại Chương 3 Luận án đã phân tích, đánh giá các quy định của Luật HN&GĐ năm 2014 trong lĩnh vực kết hôn thể hiện việc bảo vệ trực tiếp quyền được phát triển của trẻ em cũng như các quyền cơ bản khác của trẻ em. Trong các quy đinh về các điều kiện kết hôn đã bảo vệ nhóm các quyền được phát triển khỏe mạnh về thể chất của trẻ em đồng thời thể hiện trách nhiệm của các chủ thể trong gia đình tạo môi trường và điều kiện để trẻ em phát triển. Việc hủy kết hôn trái pháp luật đều hướng tới đảm bảo con chưa thành niên có chỗ ở ổn định, bảo vệ quyền của trẻ em.

Các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ về nhân thân và quyền về tài sản giữa vợ và chồng để bảo vệ quyền trẻ em cũng được phân tích sâu sắc. Vợ chồng thực hiện các nghĩa vụ nhân thân với nhau đồng thời là cơ sở để thực hiện tốt quyền được chung sống cùng cha, mẹ của trẻ em. Việc thực hiện các quyền về tài sản của vợ chồng đảm bảo một cách tốt nhất quyền được phát triển của trẻ em trong gia đình.

Trong Chương này Luận án đã phân tích và đánh giá các quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con trẻ em đã xác định vai trò là người chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trực tiếp, cha mẹ, thành viên khác trong gia đình cần xác định rõ trách nhiệm của mình đối với con chưa thành niên theo quy định pháp luật cũng như truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Các quy định về nghĩa vụ và quyền của các bậc cha mẹ xác định rõ ràng hơn về trách nhiệm pháp lý của mình, tìm hiểu và áp dụng các tri thức khác để chăm sóc, nuôi dưỡng con, em của mình với tình cảm yêu thương, nhất định mỗi đứa trẻ sẽ được tôn trọng và thành công trong cuộc sống. Mỗi trẻ em trước khi là một công dân, một nhà khoa học, một nguyên thủ thì đầu tiên và là những đứa trẻ, đứa con trong một gia đình. Để đảm bảo cho mỗi đứa trẻ được trưởng thành gánh vác các trọng trách của xã hội cần nuôi dưỡng, rèn luyện và ấp ủ bởi một gia đình đủ ấm, đủ tình yêu thương và kỷ luật, đó chính là trách nhiệm của mỗi người lớn, người cha, người mẹ làm tốt nhất "nghề" của mình.

Trong chương này, chúng tôi cũng đã đề cập việc xử lý các hành vi vi phạm Luật HN&GĐ của các chủ thể có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng trẻ em. Các hành vi này đều bị xem xét và xử lý theo các ngành luật khác nhau tùy thuộc vào tính chất và mức độ và hành vi vi phạm, bảo đảm tính thực thi của pháp luật HN&GĐ nói riêng và pháp luật về bảo vệ quyền trẻ em nói chung được tuân thủ.

Chương 4

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VỀ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM

4.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật hôn nhân và gia đình trong việc bảo vệ quyền trẻ em

4.1.1. Hoàn thiện pháp luật hôn nhân và gia đình phải hướng tới mục tiêu phát triển gia đình Việt Nam bền vững, là nền tảng vững chắc cho việc bảo vệ quyền trẻ em

Với mục tiêu được xác định tại Nghị quyết số 33/NQ-TW ngày 09/6/2014 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI:

> "Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh",

trong đó thực hiện một trong những nhiệm vụ quan trọng là:

> "Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, có nền nếp, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau"[134].

Thể chế hóa quan điểm của Đảng, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 629/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 khẳng định quan điểm đề cao vai trò của gia đình. Gia đình là tế bào của xã hội, là môi trường quan trọng hình thành nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách cách bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp. chống lại các tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Mục tiêu cụ thể là là nâng cao nhận thức về vai trò vị trí trách nhiệm của gia đình và cộng đồng trong việc thực hiện tốt chủ trương đường lối chính sách pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới chống bạo lực gia đình ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập và gia đình. Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020

[134] Nghị quyết số 33/NQ-TW ngày 09/6/2014 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

tầm nhìn 2030 có nội dung phù hợp với các Công ước, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên đồng thời ở định hướng quan trọng cho việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật quản lý nhà nước về gia đình.

Hoàn thiện pháp luật HN&GĐ phải tiếp tục thực hiện nguyên tắc cơ bản của chế độ HN&GĐ là "xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc". Gia đình được coi là "cái nôi", đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành nhân cách, ý thức đạo đức, ý thức pháp luật của trẻ em. Nâng cao nhận thức của cha mẹ về quyền trẻ em là một trong những biện pháp mang tính trọng tâm, cốt lõi giải quyết những vấn về nội tại của trẻ em. Xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững để trẻ em được bảo vệ ngay chính trong gia đình mình. Để có thể thực hiện được điều đó thì vấn đề quan trọng là phải xây dựng được gia đình thực sự ấm no, bình đẳng, hạnh phúc, bền vững. Điều này phụ thuộc vào tất cả các thành viên gia đình, trong đó vai trò quan trọng nhất là cha mẹ. Cha mẹ cần thân thiện với con, khuyến khích con, khen ngợi con khi con làm việc tốt. Khi con phạm lỗi, cha mẹ nên phân tích, giảng giải để giúp con hiểu những việc làm của mình là không phù hợp. Cha mẹ không trừng phạt về thể chất và tinh thần đối với con. Có như vậy con cái mới cảm nhận được tình yêu thương của cha mẹ, là động lực để con hướng thiện. Từ đó, củng cố sự gắn kết tình cảm giữa cha mẹ và con và đẩy lùi bạo lực gia đình. Đồng thời, cha mẹ cần có cách ứng xử văn minh, tôn trọng lẫn nhau. Một nghiên cứu cho thấy, đứa trẻ 6 tháng tuổi có thể bị ảnh hưởng tiêu cực bởi những tranh cãi gay gắt của cha mẹ. Khi chứng kiến cha mẹ cãi nhau công khai, em bé dù mới 6 tháng tuổi đã có phản ứng cảm xúc mạnh như nhịp tim tăng cao hơn so với lúc chứng kiến cảnh mâu thuẫn của những người lạ. Đối với trẻ ở lứa tuổi lớn có thể bị ảnh hưởng lớn hơn, đặc biệt thường có biểu hiện bên ngoài như hung hăng, thù địch và bạo lực hơn, còn bên trong thì tự kỷ, lo lắng, buồn phiền và thậm chí có ý nghĩ tự tử[135]. Do vậy, để trẻ em được phát triển về thể chất, tâm lý, đạo đức, trí tuệ thì cha mẹ và các thanh viên gia đình cần xây dựng môi trường gia đình hạnh phúc, trong đó mọi người yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Trong mỗi gia đình, kết hợp giữa giáo dục truyền thống với hiện đại, cha mẹ, ông bà không chỉ giáo dục con trẻ đạo đức và văn hóa gia đình, giáo dục lao động, giáo dục phát triển trí tuệ, giáo dục thể lực toàn diện, giáo dục thẩm mỹ; trong đó, việc giáo dục, dạy dỗ về thái độ, cử chỉ, giao tiếp và ứng xử lễ nghĩa, kính trọng người già, chăm lo, nhường nhịn người nhỏ tuổi; uốn nắn, phê phán, ngăn chặn thái độ, cử chỉ bất nhã, bất hiếu của con trẻ mà còn rèn tính tự giác trong học tập, suy nghĩ, sinh hoạt đúng giờ, gọn gàng ngăn nắp, kỹ năng sống... giúp con trẻ

[135] Ngân Khánh, *"Những hậu quả nghiêm trọng khi cha mẹ cãi nhau trước mặt con",* Gia đình.net, ngày 29/11/2019. https://giadinh.net.vn/gia-dinh/nhung-hau-qua-nghiem-trong-khi-cha-me-cai-nhau-truoc-mat-con-20191127200755329.htm

hình thành nhân cách, sớm ý thức được trách nhiệm của mình đối với mọi người và mọi người đối với mình trong gia đình.

Trong những năm qua, cùng với sự quan tâm của các ngành, các cấp và cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong mỗi gia đình đã có chuyển biến tích cực. Đáng ghi nhận đó là sự thay đổi về nhận thức của các bậc cha mẹ đối với các quyền của trẻ em. Việc chăm sóc, bảo vệ, giáo dục và yêu thương trẻ em đã được thực hiện trên cơ sở các quyền trẻ em được hưởng và nghĩa vụ của cha, mẹ, người thân phải thực hiện. Ngày càng nhiều các quyền của trẻ em được cha, mẹ, người thân và xã hội tôn trọng, bảo đảm thực hiện ngày càng tốt hơn như: quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, quyền được giáo dục, học tập, phát triển năng khiếu, quyền bí mật đời sống riêng tư... Bên cạnh đó, những thành tựu kinh tế và phát triển con người nói chung đã phản ánh tốt nhất các chỉ số phúc lợi giành cho trẻ em tại Việt Nam[136]. Là quốc gia đầu tiên trong khu vực châu Á và quốc gia thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước Quốc tế về quyền trẻ em, Việt Nam đã đạt được những tiến bộ nhanh chóng về mặt phát triển con người và tăng trưởng kinh tế trong những năm vừa qua. Theo Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở, tính đến ngày 01/4/2019, cả nước có 24.776.733 trẻ em, chiếm 25,75% tổng dân số cả nước, trong đó có 12.915.365 trẻ em nam, chiếm 52,13%; 11.861.368 trẻ em nữ, chiếm 47,87%[137].

Trong những năm tới, tình hình kinh tế - xã hội của đất nước tiếp tục phát triển, nhưng tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường, những thách thức từ việc mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế sẽ kéo theo nhiều vấn đề xã hội có liên quan đến trẻ em và gia đình như: Dân số tăng nhanh dẫn tới hạ tầng xã hội phục vụ cho công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em chưa theo kịp, nhất là sự thiếu hụt các thiết chế văn hóa, các điểm vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao cho trẻ em; Thiếu nhà trẻ, nhà mẫu giáo tại các địa bàn đông dân cư, công nhân, đô thị hóa nhanh; Việc di dân tự do giữa các vùng, các địa phương, nhất là từ nông thôn ra thành thị ngày càng nhiều dẫn tới tình trạng cha mẹ đi làm ăn xa phải để con ở nhà, nhờ người khác trông coi; Sự phát triển nhanh của mạng internet, mạng xã hội, nhiều trò chơi, phim, ảnh trên mạng có tính chất bạo lực, khiêu dâm, sản phẩm độc hại; Sự xuống cấp nghiêm trọng về đạo đức xã hội trong một bộ phận người dân;... tác động vào nhận thức và hành vi của cả người lớn và trẻ em, Chính bởi vậy, việc xác định và hướng tới mục tiêu gia đình trở thành "pháo đài" là thiết thực và có ý nghĩa trong việc bảo vệ trẻ em và quyền trẻ em.

---

[136] Unicef, Trẻ em Việt Nam, https://www.unicef.org/vietnam/vi/tr%E1%BA%BB-em-vi%E1%BB%87t-nam truy cập ngày 20/12/2020.

[137] Tổng cục thống kê, *Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Biểu 5, Phần biểu tổng hợp.

Xác định mục tiêu nâng cao sức khoẻ cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người Việt Nam, những mục tiêu cụ thể đã được xác định như sau:

- Đến năm 2025, tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt tối thiểu 95% với 12 loại vắc xin; giảm tỉ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi còn 18,5‰, dưới 1 tuổi còn 12,5‰; tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi còn dưới 20%.

- Đến năm 2030, bảo đảm tỉ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 95% với 14 loại vắc xin; giảm tỉ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi còn 15‰; dưới 1 tuổi còn 10‰; tỉ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi dưới 15%[138].

Trong những năm qua, Chính phủ đã triển khai nhiều biện pháp để xây dựng gia đình là môi trường tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, trong đó nổi bật là Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030; Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020; Đề án Giáo dục 5 triệu bà mẹ nuôi, dạy con tốt giai đoạn 2010 - 2015. Mục tiêu của Đề án này là thông qua việc cung cấp kiến thức, kỹ năng nuôi, dạy trẻ giúp cho 5 triệu bà mẹ có con dưới 16 tuổi nắm vững kiến thức, kỹ năng nuôi, dạy con tốt nhằm giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng, bệnh tật, tử vong ở trẻ em; hạn chế tình trạng trẻ em ở độ tuổi vị thành niên vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật, mắc tệ nạn xã hội, góp phần cùng toàn xã hội thực hiện đầy đủ hơn quyền trẻ em, thực hiện xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc. Trên cơ sở đó các bộ, ban ngành có liên quan đến công tác trẻ em đều phải xây dựng các kế hoạch để tổ chức thực hiện các hoạt động vì trẻ em trong lĩnh vực quản lý của bộ, ngành mình. Ủy ban nhân dân các cấp triển khai xây dựng, thực hiện chương trình, kế hoạch công tác gia đình tại địa phương. Các tỉnh, thành phố đã thành lập Ban chỉ đạo về công tác gia đình, xây dựng kế hoạch thực hiện công tác gia đình hằng năm[139].

4.1.2. Hoàn thiện pháp luật hôn nhân và gia đình phải bảo đảm quyền con người của trẻ em phù hợp với bối cảnh của Việt Nam

Bảo vệ quyền trẻ em là một bộ phận quan trọng của bảo vệ quyền con người. Việc thừa nhận các quyền trẻ em có trong các văn bản pháp luật quốc gia là cơ sở pháp lý, là điều kiện quan trọng để giúp trẻ em được phát triển một cách toàn diện về đức, trí, thể, mỹ. Điều này được thể hiện nhất quán trong đường lối của Đảng về bảo vệ,

---

[138] Nghị quyết số 20/NQ-TW, Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII, lần thứ 6 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

[139] Báo cáo số 69/BC-ĐGS ngày 19/5/2020 của Đoàn Giám sát của Quốc hội khóa 14 về kết quả giám sát "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em".

chăm sóc và giáo dục trẻ em. Vì vậy, bảo vệ quyền trẻ em trong thời gian tới với những định hướng sau:

Pháp luật nói chung và pháp luật HN&GĐ nói riêng hiện nay đã quy định hướng tới quyền con người và bảo vệ quyền con người của trẻ em. Các quyền này được ghi nhận và bảo vệ bằng pháp luật và ngày càng mở rộng hơn về quyền con người của trẻ em. Trẻ em là công dân của nhà nước Việt Nam nên quyền trẻ em là không thể tách rời quyền con người, cần được tôn trọng, đề cao và bảo đảm được thực hiện. Điều này cho thấy, các quy định của luật HN&GĐ về bảo vệ quyền trẻ em trong hệ thống pháp luật đã có vai trò nhất định trong bảo vệ quyền của trẻ em. Với nhóm các quy định về nghĩa vụ của cha mẹ đối với con ngày càng đầy đủ đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc trong đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong mục tiêu chung là xây dựng pháp luật vì nhân dân, vì con người.

Quyền trẻ em được bảo đảm trong thực tiễn không chỉ là mục đích mà còn là động lực cho sự phát triển kinh tế xã hội và tạo đà cho sự phát triển con người một cách toàn diện. Chỉ khi nào quyền trẻ em được bảo đảm trong thực tiễn thì khi đó các em mới có khả năng phát triển toàn diện như các em phải được học tập, được vui chơi giải trí, được tham gia các hoạt động văn hóa nghệ thuật, được tiếp cận thông tin, được tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo, được tôn trọng không bì kỳ thị, phân biệt đối xử... Do đó, muốn phát triển kinh tế, xã hội thì điều quan trọng là phải phát triển nguồn lực con người, trong đó có trẻ em trên cơ sở các chính sách về kinh tế, cách thức quản lý kinh tế được đưa ra một cách khoa học và có khả thi. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011 - 2020 khẳng định muốn phát triển kinh tế - xã hội cần "phải bảo đảm quyền con người, quyền công dân và các điều kiện để mọi người được phát triển toàn diện. Nâng cao năng lực và tạo cơ chế để nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ, nhất là dân chủ trực tiếp để phát huy mạnh mẽ mọi khả năng sáng tạo và bảo đảm đồng thuận cao trong xã hội, tạo động lực phát triển đất nước. Phát huy lợi thế dân số và con người Việt Nam, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng dụng nhân tài, chăm lo lợi ích chính đáng và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của mọi người dân, thực hiện công bằng xã hội".

Đảm bảo nguyên tắc quyền con người không chỉ là xu hướng phát triển phát luật của riêng bất kỳ một quốc gia nào mà đã trở thành xu thế tất yếu trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật của hầu khắp các nước trên thế giới. Pháp luật Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Điều này thể hiện rõ trong Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam. Nghị quyết đặt ra yêu cầu cần phải không ngừng "củng cố cơ sở pháp lý về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc xây dựng, ban hành kịp thời, đồng bộ

và tổ chức thực thi các pháp luật, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên về quyền con người, quyền công dân trong các lĩnh vực dân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội. Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, việc cụ thể hóa đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về quyền con người trong các văn bản pháp luật quốc gia không ngừng được quan tâm chú ý hoàn thiện. Điều 14, Hiến pháp năm 2013 quy định "Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật". Điều này khẳng định, các quyền con người đặc biệt là quyền của trẻ em luôn được Nhà nước bảo hộ. Thực hiện nguyên tắc đó, khoản 4 Điều 2 Luật HN&GĐ năm 2014 cũng quy định: Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em, thực hiện các quyền trong lĩnh vực HN&GĐ. Do đó, bảo vệ quyền trẻ em trong các quan hệ HN&GĐ là một trong những nội dung thể hiện quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong việc tôn trọng và bảo vệ các quyền chính đáng của cá nhân, đảm bảo quyền con người của trẻ em trong gia đình, đặc biệt là các quyền được trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng.

Việc tham gia Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em đã đánh dấu bước phát triển và yêu cầu mới của việc bảo vệ quyền trẻ em bằng pháp luật. Luật HN&GĐ cũng như các ngành luật khác phải hoàn thiện trên cơ sở hiện thực hóa các nguyên tắc luật định và nội luật hóa các văn bản quốc tế về quyền con người, tạo điều kiện thuận lợi cho các bên tham gia quan hệ pháp luật đồng thời nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về vấn đề bảo vệ quyền trẻ em.

Tuy nhiên, hiện nay pháp luật HN&GĐ mới dừng lại ở việc ghi nhận tương đối đầy đủ các quyền của trẻ em trong quan hệ HN&GĐ. Để đảm bảo cho các quyền này được thực hiện hay nói cách khác để bảo vệ các quyền này được thực hiện trong thực tiễn thì cần những yêu cầu khác đặc biệt là việc yêu cầu các chủ thể có liên quan có nghĩa vụ với các chủ thể có quyền. Trong quy định pháp luật HN&GĐ hiện nay nghĩa vụ của các chủ thể phải thực hiện các quyền của trẻ em còn quy định chung chung, thiếu các chế tài thực hiện, các nghĩa vụ còn chưa gắn với các quyền của trẻ em. Bởi bảo vệ quyền con người trong các quy định pháp luật không chỉ dừng lại ở việc ghi nhận các quyền đó trong văn bản mà cần thiết hơn cả là việc xây dựng các biện pháp để bảo đảm các quyền đó được thực thi có hiệu quả trên thực tế.

Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu đó, việc xây dựng pháp luật và hoàn thiện pháp luật HN&GĐ cần phải được thực hiện trên cơ sở đảm bảo xây dựng đầy đủ các nghĩa vụ của các chủ thể liên quan đến bảo vệ quyền trẻ em. Các nghĩa vụ này phải tiếp cận với các quyền con người của trẻ em đảm bảo tính đồng bộ với Luật Trẻ em năm 2016.

Các quy định của pháp luật HN&GĐ không những cần xây dựng các nghĩa vụ của các chủ thể khác đối với việc thực hiện quyền trẻ em chung chung, mà còn cần bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và văn hóa của Việt Nam. Với điều kiện kinh tế xã hội có sự phân hóa, cách biệt lớn giữa các vùng kinh tế, đặc thù văn hóa sâu đậm hiện nay của nước ta, đòi hỏi các quy định pháp luật phải phù hợp thì việc áp dụng và thực thi pháp luật mới có tính khả thi, đảm bảo sự bình đẳng cho trẻ em. Khi tiếp cận quyền trẻ em theo Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em thì quyền trẻ em hiện nay của Việt Nam còn hạn chế, đặc biệt là về tuổi trẻ em. Xác định trình độ kinh tế, xã hội và văn hóa của Việt Nam còn cần nhiều điều kiện để phát triển bởi vậy, thời điểm xác định tuổi trẻ em của Việt Nam thấp hơn tuổi trẻ em theo Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em 02 tuổi được coi là ví dụ thực tiễn phù hợp với điều kiện của Việt Nam trong giai đoạn vừa qua. Tuy nhiên, trong những năm tới, cùng với sự tiến bộ của thể chế chính trị, sự phát triển đi lên của nền kinh tế, sự ổn định của xã hội thì độ tuổi trẻ em có thể được thay đổi cho phù hợp với Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em mà Việt Nam đã tham gia.

Như vậy, trước những thay đổi nhất định về điều kiện kinh tế, xã hội và xu hướng toàn cầu, việc tiếp tục hoàn thiện chuẩn mực pháp lý theo hướng nâng cao nhận thức của người dân, cách tiếp cận mới về tôn trọng, thực hiện, bảo vệ quyền con người, quyền công dân của trẻ em cần được quan tâm.

4.1.3. Hoàn thiện pháp luật hôn nhân và gia đình phải phù hợp với xu hướng hội nhập và giao lưu quốc tế trong việc bảo vệ quyền trẻ em

Trước những yêu cầu của hội nhập quốc tế, Việt Nam đã tham gia hội nhập một cách toàn diện, trong đó có hội nhập về lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Hiện nay quyền trẻ em không chỉ là vấn đề riêng của các quốc gia mà là vấn đề chung của toàn cầu. Vì vậy, tham gia hội nhập cần phải cụ thể hóa các qui định của pháp luật quốc tế về quyền trẻ em, đồng thời các qui định của pháp luật quốc gia phải phù hợp với các qui định pháp luật quốc tế về quyền con người và quyền trẻ em, đồng thời cần phải khắc phục những hạn chế, bất cập của pháp luật quốc gia về quyền con người và quyền trẻ em.

Việt Nam không chỉ tham gia Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em mà còn tham gia nhiều công ước khác trong các lĩnh vực nuôi con nuôi, quyền dân sự, chính trị... cũng như các điều ước song phương, đa phương khác. Vì vậy, pháp luật HN&GĐ không thể nằm ngoài xu hướng quốc tế đó. Việc bảo vệ trẻ em hiện nay cũng không gói gọn trong phạm vi trẻ em Việt Nam mà là trẻ em mang tính toàn cầu. Bởi vậy, các quy định của Luật HN&GĐ cần tiếp cận và bảo đảm được áp dụng trên thực tế trước thực tế hiện nay, các vấn đề về hôn nhân và gia đình mang yếu tố nước ngoài ngày

càng phổ biến ở nước ta, đặc biệt là các mối quan hệ cha, mẹ, con. Hội nhập quốc tế càng rộng mở thì càng nhiều cơ hội cho việc kết hôn có yếu tố nước ngoài. Bên cạnh những ưu điểm thì cũng đặt ra những thách thức khi cha, mẹ không cùng chung sống và cùng chăm sóc trẻ em cũng đặt ra, bởi điều kiện địa lý, điều kiện văn hóa... Nếu pháp luật không tiếp cận các vấn đề này sẽ dẫn đến lạc hậu và không có tính khả thi trên thực tế. Bởi vậy, hoàn thiện pháp luật HN&GĐ trong giai đoạn hiện nay cần bảo đảm xu hướng và bối cảnh quốc tế. Những vấn đề hiện nay cần xem xét đó chính là cộng đồng người đồng giới, song tính và chuyển giới (LBGT) đang ngày càng phát triển, các vấn đề về hôn nhân cùng giới cũng cần được xem xét, cân nhắc để ban hành các quy định pháp luật điều chỉnh đối với các chủ thể này hoặc việc xem xét hậu quả của kết hôn, ly hôn có yếu tố nước ngoài ảnh hưởng trực tiếp đến bảo vệ quyền trẻ em... Việc đảm bảo các quyền của nhóm người này sẽ có tác dụng nhất định đến hành vi ứng xử với trẻ em, tránh thái độ kỳ thị với trẻ em trong giai đoạn định hình giới tính và bảo vệ quyền được chung sống và được cả cha, mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Để theo kịp xu hướng quốc tế, việc nghiên cứu và áp dụng các mô hình bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của một số nước trên thế giới, đặc biệt coi trọng việc quy định nghĩa vụ và xử lý hành vi vi phạm nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên là cần thiết.

Đồng thời, hoàn thiện pháp luật HN&GĐ về bảo vệ quyền trẻ em cần tăng cường hợp tác quốc tế về bảo vệ quyền trẻ em. Việt Nam hiện nay không thể đứng ngoài xu thế hợp tác quốc tế vì vậy, để đảm bảo các quyền của trẻ em, việc hợp tác cùng giải quyết vấn đề bảo vệ quyền trẻ em trong các quan hệ gia đình có yếu tố nước ngoài là không tránh khỏi. Việt Nam gia nhập các Công ước Quốc tế về quyền con người nói chung, Công ước Quốc tế về quyền trẻ em đã là chủ trương thường xuyên và nhất quán của Việt Nam, thể hiện cam kết cũng như quyết tâm của Việt Nam trong việc bảo đảm và thực hiện các chuẩn mực pháp lý quốc tế về quyền con người của quyền trẻ em. Để tiếp tục thực hiện các cam kết đó, chúng ta cần:

Một là: Tăng cường hợp tác quốc tế nghiên cứu tiếp thu những kinh nghiệm của các quốc gia trong việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ quyền trẻ em để học hỏi kinh nghiệm áp dụng tại Việt Nam sao cho phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội và những đặc điểm riêng của Việt Nam. Các mô hình chăm sóc thay thế, mô hình trợ giúp trẻ em của đội ngũ nhân viên xã hội của các nước mang tính chuyên nghiệp và trợ giúp trẻ em, cha mẹ của trẻ đúng nghĩa.

Hai là: Tiếp tục mở rộng và đẩy mạnh hợp tác quốc tế công tác thực thi pháp luật về bảo vệ trẻ em thông qua quan hệ với các tổ chức quốc tế như: UNICEF, ILO, WHO, Save the Children, Plan International, World Vision, ChildFund,... để tranh thủ

sự hỗ trợ và trao đổi về kinh nghiệm, kỹ thuật, nhân lực và tài chính cho hoạt động bảo vệ trẻ em ở Việt Nam.

Ba là: Phối hợp với các quốc gia có tỷ lệ cô dâu Việt lớn như Hàn Quốc, Trung Quốc... để phối hợp giải quyết các vấn đề về quyền trẻ em trong quan hệ HN&GĐ có yếu tố nước ngoài (kết hôn, ly hôn) nhằm bảo đảm cho trẻ em được hưởng đầy đủ các quyền của như: quyền khai sinh, quyền có quốc tịch; quyền được cha mẹ chăm sóc nuôi dưỡng, quyền được tôn trọng ý kiến; quyền được sống chung cùng cha mẹ... theo quy định chung của Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em và pháp luật quốc gia. Thực tế trẻ em đa quốc tịch, là công dân toàn cầu đang ngày một phát triển theo xu hướng toàn cầu hóa bởi vậy chính sách, pháp luật cần bao phủ tới các đối tượng này để đảm bảo mọi trẻ em được quan tâm, đối xử bình đẳng. Vấn đề xung đột pháp luật các quốc gia sẽ được hạn chế khi cùng một mục đích chung là bảo vệ quyền trẻ em theo quy chuẩn của Công ước quốc tế về quyền trẻ em.

4.1.4. Hoàn thiện pháp luật hôn nhân và gia đình về bảo vệ quyền trẻ em phải đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam

Một trong những mục tiêu quan trọng trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng những yêu cầu của tình hình mới là phải đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong các quy định của pháp luật. Hiện nay, quyền trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em được ghi nhận trong rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật như: Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Trẻ em năm 2016; Luật HN&GĐ năm 2014; Luật Giáo dục năm 2019; Bộ luật Hình sự năm 2015, Bộ luật Lao động năm 2019... Sự đồng bộ, thống nhất các quy định pháp luật có vai trò quyết định trong việc áp dụng và thực hiện có hiệu quả các quy định của pháp luật trên thực tế. Điều này tạo ra sự gắn kết, có tính hệ thống và đảm bảo tính liền mạch trong mỗi quan hệ pháp luật. Do đó, các quy định của Luật HN&GĐ cần phải được xem xét cân nhắc trên cơ sở đảm bảo tính đồng bộ với các quy định pháp luật liên quan. Chẳng hạn, khi Luật Giáo dục quy định việc miễn học phí cho bậc tiểu học, đồng thời pháp luật HN&GĐ quy định cha mẹ có nghĩa vụ "chăm lo và tạo điều kiện cho con học tập" thì cũng phải quy định biện pháp chế tài khi cha, mẹ để con đến tuổi đi học cấp tiểu học lại không được đến trường trong khi con có đủ điều kiện tham gia học tập, cũng như Nhà nước cũng đã tạo điều kiện học tập cho trẻ em. Việc khắc phục khó khăn do điều kiện địa lý cha mẹ cũng phải có trách nhiệm hỗ trợ để trẻ em đến trường, không được cấm cản việc đi học của trẻ em... Như vậy, hiện nay, còn tồn tại một số vấn đề pháp lý phát sinh liên quan đến quyền của trẻ em trong quy định của pháp luật chưa thực sự phù hợp, có những tác động tiêu cực nhất định đến lợi ích của các chủ thể. Do vậy, quá trình hoàn thiện pháp luật cần tính đến các yếu tố liên ngành trong việc xây dựng và ban hành văn bản quy

phạm pháp luật, có như vậy mới đảm bảo sự thống nhất và hiệu quả trong việc áp dụng và thực thi pháp luật về bảo vệ quyền trẻ em trong môi trường gia đình.

4.1.5. Hoàn thiện pháp luật hôn nhân và gia đình về bảo vệ quyền trẻ em phải hướng tới việc xử lý nghiêm minh các hành vi của các thành viên gia đình xâm phạm quyền trẻ em

Trước thực trạng pháp luật hiện nay, nhiều quy định pháp luật trong Luật HN&GĐ năm 2014 chỉ ghi nhận các quyền của trẻ em và nghĩa vụ chung của các chủ thể là thành viên gia đình, thiếu chế tài xử lý khi các chủ thể vi phạm nghĩa vụ dẫn đến thực trạng là thiếu tôn trọng pháp luật. Các hành vi vi phạm nghĩa vụ của cha, mẹ ngày càng phổ biến dẫn đến việc đương nhiên vi phạm pháp luật như: hành vi cha, mẹ không trông nom, chăm sóc, giáo dục con mà gửi cho ông, bà nội, ông bà ngoại, các thành viên gia đình khác trông nom, chăm sóc, giáo dục mặc dù cha, mẹ có sức khỏe, điều kiện khác để trông nom, chăm sóc, giáo dục con. Tình trạng này dẫn đến nhiều trẻ em có cha mẹ nhưng lại phải sống cùng ông, bà, cô, dì, chú bác.... Dù các em có thể vẫn được ông, bà yêu thương, chăm sóc, giáo dục nhưng các em thiếu đi sự quan tâm, chăm sóc từ cha, mẹ duy trì sự gắn kết giữa cha mẹ và con. Đây là thiệt thòi lớn của trẻ em. Hành vi "ỷ lại" của cha mẹ hiện nay ngày càng phổ biến dẫn đến con cái rơi vào tình trạng bị bỏ mặc và nhiều nguy cơ các quyền khác của trẻ em bị xâm phạm.

Một bộ phận gia đình hiện nay cha mẹ chưa thực sự đến việc bảo đảm các quyền của trẻ em, họ thường lấy cớ vì kinh tế khó khăn mà buộc con còn ở độ tuổi trẻ em phải tham gia lao động sớm để đảm bảo cuộc sống mưu sinh hằng ngày của bản thân và gia đình, dẫn đến những rào cản nhất định trong việc thực hiện quyền được học tập, vui chơi, giải trí của trẻ em. Các em thực sự rơi vào tình trạng nghèo về giáo dục, nghèo về cơ hội phát triển. Trên thực tế, tình trạng vi phạm các quyền trẻ em có xu hướng càng ngày càng gia tăng như nhiều trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại ngay chính trong môi trường gia đình. Nhiều trẻ em bị bỏ rơi, bị xao nhãng, bị bóc lột sức lao động. Nhiều trẻ em lang thang, vi phạm pháp luật, nhiễm HIV/AIDS, bị tai nạn thương tích... là do cha mẹ. Đặc biệt có những trường hợp cha, mẹ đẩy con ra khỏi nhà lang thang kiếm sống; cha, mẹ, ông, bà có hành vi xâm hại tính mạng, xâm hại tình dục chính con, cháu của mình... Đây chính là những hành vi vi phạm pháp luật của cha, mẹ, ông, bà dẫn đến trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt đó. Việc xử lý các hành vi này của cha mẹ cũng cần xem xét để nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật của cha, mẹ. Tuy nhiên, cha, mẹ, ông, bà dường như vô can bởi các quy phạm pháp luật HN&GĐ chủ yếu mang tính điều chỉnh, hướng dẫn mà thiếu các quy phạm mang tính bảo vệ. Điều này dẫn đến nhiều hạn chế trong việc bảo đảm các quyền của trẻ em.

Bên cạnh đó, các hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của trẻ em chủ yếu bị xử lý bằng các chế tài hành chính hoặc hình sự. Đối với các hành vi vi phạm pháp luật về quyền trẻ em, đặc biệt là những hành vi gây hậu quả nghiêm trọng, hành vi bạo lực trong gia đình cần xây dựng và bổ sung các quy định pháp luật làm căn cứ pháp lý xử lý nghiêm minh, kịp thời. Vì thế, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần rà soát và nâng cao chất lượng công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời, quy định rõ và hướng dẫn những biện pháp, phương thức cụ thể, cơ chế đảm bảo thực hiện các quyền trẻ em để giúp các em có thể được tiếp cận các quyền của mình trên thực tế đề chính các em thực hiện các quyền của mình để có những đòi hỏi cha mẹ phải thực hiện các quyền chính đáng của các em.

Từ thực tiễn trên, việc hoàn thiện pháp luật HN&GĐ theo hướng quy định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của cha, mẹ, ông, bà đối với con, cháu chưa thành niên và có chế tài nhất định sẽ là cơ sở để dễ dàng xử lý khi cha, mẹ, ông, bà có hành vi vi phạm pháp luật đối với con, cháu đang ở độ tuổi trẻ em.

Khi quy định rõ trách nhiệm pháp lý của các chủ thể và biện pháp chế tài nghiêm khắc đối với các hành vi vi phạm quyền trẻ em thì mới nâng cao ý thức trách nhiệm của cha mẹ và các thành viên gia đình trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Từ đó sẽ nâng phải nâng cao hơn nữa trách nhiệm của cha mẹ trong việc bảo vệ quyền trẻ em nói chung cũng như bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Cha mẹ cần nâng cao hiểu biết của mình đặc biệt là các quyền trẻ em. Trên cơ sở đó, chính cha, mẹ là người có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc, đúng đắn các nghĩa vụ của mình đối với trẻ em, sẽ thay đổi nhận thức và trách nhiệm của cha mẹ trước tính răn đe của pháp luật. Đồng thời, cha mẹ phải không ngừng học hỏi, tìm hiểu những tri thức khoa học, xã hội, trang bị và nâng cao kiến thức, khả năng chăm sóc, dạy dỗ và giáo dục con cái, để không chỉ góp phần tăng cường, nâng cao và phát huy được vai trò giáo dục gia đình, nhất là với các bậc cha mẹ ở khu vực nông thôn, miền núi mà còn khắc phục phương pháp giáo dục chỉ dựa trên kinh nghiệm và cảm tính. Thực tế cho thấy, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ giáo dục, uốn nắn con và thường tác động đến sự phát triển và định hướng tương lai của con trẻ, song nếu giáo dục không đúng và định hướng "không chuẩn", không sát điều kiện thực tế của chính bản thân con trẻ và gia đình thì con trẻ không những không phát huy được khả năng của mình mà còn luôn cảm thấy căng thẳng, dễ dẫn đến suy sụp tinh thần và thể chất.

4.2. Giải pháp hoàn thiện Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 trong việc bảo vệ quyền trẻ em

4.2.1. Giải pháp hoàn thiện Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nhóm các quy định về nghĩa vụ và quyền của cha mẹ với con

Luật HN&GĐ năm 2014 đã tương đối đầy đủ cơ sở pháp lý để bảo vệ các quyền của trẻ em trong quan hệ HN&GĐ, là công cụ pháp lý quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ trẻ em ở nước ta. Tuy nhiên, qua thực tế thi hành, Luật HN&GĐ năm 2014 cũng bộc lộ một số hạn chế, khiếm khuyết. Thêm nữa, cùng với sự vận động của xã hội, các quan hệ HN&GĐ cũng có những biến đổi nhất định mà Luật HN&GĐ hiện hành chưa dự liệu. Điều này dẫn đến việc bảo đảm các quyền của trẻ em trên thực tế bị hạn chế hết. Vì vậy, để bảo vệ quyền của trẻ em, đòi hỏi phải có hệ thống pháp luật thống nhất. Trong khuôn khổ của phạm vi Luận án, chúng tôi tập trung ý kiến hoàn thiện Luật HN&GĐ năm 2014 trong việc bảo vệ quyền trẻ em.

4.2.1.1 Bổ sung Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để làm rõ nghĩa vụ của cha mẹ trong việc tôn trọng quyền được giáo dục không bạo lực đối với con

Nghĩa vụ giáo dục của cha mẹ đối với con gắn liền với quyền được giáo dục của trẻ em được pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia. Luật HN&GĐ năm 2014 quy định cha mẹ có quyền và nghĩa vụ giáo dục con. Tuy nhiên, quan niệm về giáo dục trẻ em cũng có nhiều luồng suy nghĩ và phương pháp tiếp cận. Chúng ta biết rằng, một trong các quyền của trẻ em là quyền được giáo dục. Đây vừa là một yếu tố có tác dụng tăng cường quyền con người cho mọi cá nhân, vừa là điều kiện không thể thiếu để thực hiện các quyền con người khác và đảm bảo phẩm giá con người. Quyền được giáo dục còn là phương tiện quan trọng nhất mà nhờ đó, những người bị gạt ra ngoài lề xã hội có thể tự mình thoát ra khỏi tình trạng nghèo đói và tham gia đầy đủ vào cộng đồng. Đối với xã hội, quyền được giáo dục là nền tảng cho sự phát triển của kinh tế - xã hội và nhân loại, đồng thời là yếu tố then chốt để đạt được hòa bình lâu dài và phát triển bền vững. Như vậy, quyền được giáo dục của trẻ em không chỉ là được giáo dục về kiến thức mà đầy đủ hơn đó là được giáo dục đầy đủ về tri thức, về phẩm giá của con người.

Mỗi con người khi sinh ra, thông thường đều có một gia đình, được sinh ra từ người cha, người mẹ... Vì thế, ánh mắt đầu tiên là cái nhìn về cha mẹ, âm thanh đầu tiên tiếp nhận là âm thanh từ cha mẹ, ông bà, anh chị... là âm thanh của gia đình. Sự chăm sóc, giáo dục của cha mẹ, người thân trong gia đình giúp các em dần lớn lên, kể cả về thể chất và tâm, sinh lý. Cùng với sự dạy dỗ của ông, bà, cha, mẹ, anh, chị... các em được tiếp xúc và thẩm thấu nếp sống, văn hóa của gia đình và nền văn hóa xã hội. Chính cha mẹ và thành viên khác trong gia đình là nhân tố đầu tiên chỉ bảo, dạy dỗ cho các em hành vi ứng xử theo chuẩn mực và các giá trị tốt đẹp của xã hội: "Học ăn, học nói, học gói, học mở; ăn trông nồi, ngồi trông hướng; trên kính dưới nhường... Chính vì vậy, hành vi đầu đời của các em có dấu ấn sâu sắc của gia đình. Trẻ em có hành vi tốt hay xấu phản ánh rất nhiều yếu tố giáo dục của gia đình, đặc biệt là lứa tuổi mầm non, tiểu học. Theo GS. Văn Như Cương cần định hướng cho trẻ một số đức tính như: Trung thực, lòng thương người và sự ham hiểu biết. Ông nói rõ thêm trung thực tức là

không biết nói dối, là không nói một đằng, làm một nẻo. Sau này các em sẽ là lứa người quản lý xã hội, đất nước, nên cần tạo ra những lớp người như vậy. Về lòng thương người, lòng yêu thương đất nước, yêu dân tộc rất quan trọng, không thể vô cảm trước sự đau khổ của nhân dân, đồng loại. Một công dân hoàn thiện cũng cần có lòng ham học, ham hiểu biết, có ý chí hướng và rèn luyện ý chí[140]. Như vậy, trước những sức ép của thời đại, cha mẹ giờ đây không chỉ phải thực hiện nghĩa vụ giáo dục con cái vâng lời cha mẹ hay những giá trị không còn phù hợp với thực tế mà cần sống và làm việc theo pháp luật. Khi luật pháp có những quy định rõ ràng về những giá trị về đạo đức mà mỗi con người cần tôn trọng và hướng tới để cho các bậc làm cha, mẹ thực hiện thì sẽ dễ dàng hơn cho việc xử lý các vi phạm của cha mẹ khi không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

Chúng tôi cho rằng, để bảo vệ trẻ em ngày một tốt hơn, đặc biệt là nghiêm cấm các hành vi bạo hành trẻ em, Luật HN&GĐ nên quy định về việc "giáo dục trong gia đình không bạo lực" để định hướng hành vi của các bậc cha mẹ theo kinh nghiệm của Cộng hòa liên bang Đức "Trẻ em có quyền được giáo dục không bạo lực. Không được phép trừng phạt thân thể, gây tổn thương tinh thần và các biện pháp hạ thấp nhân phẩm, danh dự khác" (khoản 2 Điều 1631)[141]. Để thực hiện được điều đó, các hướng dẫn cần xem xét về điều kiện thực hiện, đặc biệt là thời gian. Cha mẹ cần thời gian để bên con, hiểu về cả về tâm lý, cảm xúc của con. Quỹ thời gian của mỗi người là không đổi, chính bởi vậy, nên xem xét quy định thời gian cha, mẹ dành cho con là bắt buộc để cha, mẹ cân đối hài hòa các nhu cầu khác của mình. Vì vậy, việc hướng dẫn bằng văn bản quy phạm pháp luật với nội dung "*cha, mẹ có trách nhiệm dành thời gian trong ngày để quan tâm tới con bằng nhiều hình thức*" là cần thiết để cha, mẹ có ý thức đúng đắn hơn về trách nhiệm của mình trong việc đầu tư thời gian, công sức của

---

[140] Lê Hà, Dạy con thời hiện đại: Áp lực của phụ huynh, Báo Nhân dân điện tử, đăng ngày 06/11/2013 https://nhandan.com.vn/giaoduc/day-con-thoi-hien-dai-ap-luc-cua-phu-huynh-187944, truy cập ngày 20/11/2020.

[141] Bộ luật Dân sự Cộng hòa liên bang Đức (Bürgerliches Gesetzbuch), ban hành ngày 02/01/2002, tính đến nay đã trải qua 20 lần chỉnh sửa. Lần mới nhất là 18/8/2021. http://www.gesetze-im-internet.de/bgb/BJNR001950896.html truy cập ngày 15/6/2021.

Nguyên văn: § 1631 Inhalt und Grenzen der Personensorge

(1) Die Personensorge umfasst insbesondere die Pflicht und das Recht, das Kind zu pflegen, zu erziehen, zu beaufsichtigen und seinen Aufenthalt zu bestimmen.

(2) Kinder haben ein Recht auf gewaltfreie Erziehung. Körperliche Bestrafungen, seelische Verletzungen und andere entwürdigende Maßnahmen sind unzulässig.

(3) Das Familiengericht hat die Eltern auf Antrag bei der Ausübung der Personensorge in geeigneten Fällen zu unterstützen.….

Điều 1631: Nội dung và giới hạn chăm sóc trẻ: (1) Chăm sóc trẻ bao gồm quyền và nghĩa vụ chăm sóc đặc biệt, là quyền nuôi dạy, giám sát trẻ em và quyết định nơi cư trú của trẻ; (2) Trẻ em có quyền được giáo dục không bạo lực. Không được phép trừng phạt thân thể, gây tổn thương tinh thần và các biện pháp hạ thấp nhân phẩm, danh dự khác; (3) Tòa án gia đình, theo yêu cầu, sẽ hỗ trợ cha mẹ thực hiện quyền giám hộ trẻ trong những trường hợp thích hợp.

mình cho các hoạt động của con trong suốt quá trình phát triển, đặc biệt ở độ tuổi trẻ em. Khi đã nhận thức được nghĩa vụ về dành thời gian để đồng hành cùng con thì cha mẹ sẽ dễ dàng hơn trong việc cân đối, điều chỉnh với các nghĩa vụ khác với gia đình và xã hội. Tham khảo các quy định của pháp luật Cộng hòa liên bang Đức việc đặt ra quy định "trẻ em có quyền được hưởng giáo dục không bạo lực", đồng thời kiện toàn những biện pháp hỗ trợ của Nhà nước đối với cha mẹ trẻ em trong việc giáo dục tạo nên tính khả thi và đồng bộ trong giáo dục trẻ em.

Về nội dung bổ sung này có ý kiến cho rằng: Nên bổ sung thành nguyên tắc chung "tôn trọng giáo dục không bạo lực với trẻ em" trong các quy định pháp luật để có thể áp dụng đối với mọi chủ thể có nghĩa vụ bảo vệ quyền trẻ em. Tuy nhiên, trong phạm vi của đề tài, các nghiên cứu liên quan trực tiếp đến việc thực hiện nghĩa vụ của các thành viên gia đình với trẻ em, Luận án xây dựng hướng hoàn thiện Luật HN&GĐ năm 2014 trên cơ sở thực tiễn thực hiện nghĩa vụ của cha mẹ hiện nay đồng thời hướng hoàn thiện này phù hợp và tương thích với các quy định xử lý hành vi vi phạm hành chính hiện hành.

Vì vậy, bổ sung khoản 1 Điều 72 như sau: "Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền giáo dục con, *tôn trọng quyền được giáo dục không bạo lực của con*...". Quy định này cũng cần được khẳng định lại tại khoản 1 Điều 104 khi quy định nghĩa vụ của ông bà nội, ngoại cháu "Ông bà nội, ông bà ngoại có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, *tôn trọng quyền được giáo dục không bạo lực của cháu,...* ".

4.2.1.2. Luật Hôn nhân và gia đình cần quy định biện pháp để hạn chế việc cha, mẹ vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em

Luật HN&GĐ hiện hành chưa quy định các biện pháp mang tính nguyên tắc trong việc việc thực hiện nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con. Khi cha, mẹ vi phạm các nghĩa vụ này còn thiếu các chế tài để xử lý. Luật HN&GĐ hiện hành đã quy định nội dung về hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con được xác định như một biện pháp chế tài. Các hành vi vi phạm khác được xem xét xử lý hành chính và xử lý hình sự. Như vậy, thông thường với các hành vi xâm phạm các quyền của trẻ em nếu chưa gây hậu quả rõ ràng thì không bị xem xét xử lý vi phạm.

Trên thực tế, hành vi không trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng con của cha mẹ hầu như không bị xử lý. Tình trạng, cha mẹ đi làm ăn xa, để con cho ông bà nội, ông bà ngoại chăm sóc, trông nom rất dễ nhìn thấy tại các vùng nông thôn nước ta. Trong số những trường hợp đó, cũng có nhiều cha mẹ bỏ đi không về, bỏ mặc con cái, không quan tâm đến sự sinh tồn của đứa trẻ. Trước thực tế này, việc xem xét để tiến hành xử lý các bậc cha mẹ là rất khó khăn. Bởi vì: Nếu áp dụng quy định pháp luật HN&GĐ là "hạn chế quyền của cha mẹ với con" thì không đáp ứng được ý nghĩa

của biện pháp chế tài này vì trên thực tế cha mẹ đang không trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ em. Nếu áp dụng Nghị định số 144/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em thì với mức phạt tiền từ 10 - 15 triệu đồng trước thời điểm ngày 01/01/2022 cũng không giải quyết được bởi trên thực tế cha mẹ bị phạt thì vẫn tồn tại việc trẻ em bị vi phạm quyền được chăm sóc nuôi dưỡng [142].

Thêm nữa, trong trường hợp này khó thực thi cả về mức phạt vi phạm hành chính áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả bởi cha mẹ đã cắt đứt, bỏ mặc trẻ em, cá biệt có trường hợp còn không liên lạc được với cha mẹ trong nhiều tháng. Như vậy, rõ ràng biện pháp chế tài của Luật HN&GĐ đã thiếu tính khả thi trong trường hợp này.

Nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em là một trong những quyền cơ bản, có ý nghĩa làm cơ sở để thực hiện các nghĩa vụ khác của trẻ em. Nếu không bảo đảm quyền cơ bản này dẫn theo hệ lụy nhiều quyền cơ bản khác của trẻ em không được thực hiện. Để nâng cao hiệu quả của quy định pháp luật này cần thiết những cơ chế phối hợp, liên ngành của quy định pháp luật và chính sách khác để có thể quản lý tốt hơn tình trạng cha mẹ "ỷ lại" không thực hiện nghĩa vụ của mình với con chưa thành niên.

Bên cạnh đó, hiện tượng cha, mẹ gửi con cho ông, bà, nội ngoại chăm sóc nuôi dưỡng còn diễn ra trong trường hợp cha mẹ ly hôn. Khi ly hôn, quyền được sống chung với cha mẹ và được cả cha và mẹ bảo vệ, chăm sóc đã không được đảm bảo. Thêm nữa, khi cha hoặc mẹ là người nuôi dưỡng trực tiếp trẻ em lại tiếp tục gửi trẻ em cho ông, bà nội, ngoại chăm sóc, giáo dục sẽ dẫn tới hệ lụy nhân đôi cho những đứa trẻ rơi vào hoàn cảnh cha mẹ ly hôn. Việc ông, bà chăm sóc, giáo dục trẻ em đã trở thành "gánh nặng" cho ông, bà ở nhiều hộ gia đình đặc biệt khi cha, mẹ sau ly hôn là người chăm sóc trực tiếp cho trẻ em lại có tâm thể ỷ lại, bỏ mặc con cho cha, mẹ mình nuôi dưỡng, giáo dục.

Trước thực tế như vậy, chúng tôi kiến nghị sửa đổi Luật HN&GĐ năm 2014 cần quy định việc cha, mẹ buộc phải thực hiện việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em theo đó, bổ sung Điều 71 như sau:

"1. Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau *sắp xếp tối đa thời gian để trực tiếp* chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình".

[142] Xem Điều 22 Nghị định số 144/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ.

Từ quy định này, yêu cầu các quy định của các ngành luật khác tôn trọng để bố trí thời gian tối thiểu trong năm hoặc trong kỳ công tác để bảo đảm cha, mẹ được trực tiếp chăm sóc, giáo dục con trong lứa tuổi trẻ em của mình. Trong những lĩnh vực công tác đặc thù, thời gian dài có thể bố trí lao động, chế độ thăm thân, gia đình đi cùng với người đi công tác, đi làm nhiệm vụ theo thời gian nhất định trên cơ sở vì sự phát triển và lợi ích của con chưa thành niên.

4.2.2. Giải pháp hoàn thiện Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về nhóm các quy định về bảo vệ quyền trẻ em khi cha mẹ ly hôn

4.2.2.1. Kiến nghị sửa đổi các quy định về nghĩa vụ và quyền của cha mẹ đối với con khi cha mẹ ly hôn

Thứ nhất, từ Điều 81 đến Điều 84 Luật HN&GĐ năm 2014 quy định các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau khi ly hôn. Theo đó, khi vợ chồng ly hôn, họ không còn chung sống với nhau, không thể cùng nhau nuôi dạy con chung nên pháp luật quy định về việc nuôi con, quyền và nghĩa vụ của bên trực tiếp nuôi con và bên không trực tiếp nuôi con nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chỉ quy định giải quyết vấn đề con chung khi cha mẹ ly hôn là vẫn còn khoảng trống trong việc bảo vệ quyền trẻ em. Thực tế xã hội Việt Nam hiện nay, nhiều trường hợp cha mẹ của trẻ em không sống chung với nhau như:

(i) Cha mẹ không phải là vợ chồng mà cũng không chung sống như vợ chồng;

(ii) Cha mẹ là vợ chồng nhưng không sống chung với nhau do họ có thỏa thuận hoặc do yêu cầu nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác (theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật HN&GĐ năm 2014).

(iii) Sau khi ly hôn, con do bên cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, sau đó, người trực tiếp nuôi chết. Người cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con trước đây, nay mong muốn được nuôi con.

Giả thiết rằng, cha mẹ của trẻ em trong trường hợp (i) và (ii) không thỏa thuận được về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, quản lý tài sản của con, đại diện cho con mà yêu cầu thì Tòa án có thể áp dụng quy định từ Điều 81 đến Điều 84 Luật HN&GĐ năm 2014 để giải quyết hay không? Hoặc người không trực tiếp nuôi con trong trường hợp (iii) mà có tranh chấp nuôi con với ông bà nội hoặc ông bà ngoại của đứa trẻ nên họ yêu cầu thì Tòa án căn cứ vào quy định nào để giải quyết? Rõ ràng, đối với các trường hợp trên, nhà làm luật chưa dự liệu nên thiếu cơ sở pháp lý để giải quyết. Hiện nay, Luật HN&GĐ năm 2014 chỉ quy định hai trường hợp vấn đề con chung được "giải quyết như trường hợp cha mẹ ly hôn", đó là hủy việc kết hôn trái

pháp luật và trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn[143]. Như vậy, có một bộ phận trẻ em trong các trường hợp đã nêu tại (i), (ii), (iii) không được bảo vệ đầy đủ, toàn diện.

Từ thực tế nêu trên chúng tôi cho rằng mọi trẻ em đều được bình đẳng và được pháp luật bảo vệ. Do đó, Luật HN&GĐ năm 2014 nên thay thế cụm từ "*sau khi ly hôn*" bằng cụm từ "*khi cha mẹ không sống chung với nhau*" trong các quy định từ Điều 82 đến Điều 84 Luật HN&GĐ năm 2014. Quy định như vậy mới có cơ sở pháp lý để giải quyết các tranh chấp về nuôi con, trông nom, chăm sóc, quản lý tài sản của con, cấp dưỡng và đại diện cho con trước pháp luật đối với trẻ em khi cha mẹ không sống chung với nhau.

Có ý kiến cho rằng quy định việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, cấp dưỡng cho con chưa thành niên "*khi cha mẹ không sống chung với nhau*" là cổ súy cho việc làm mẹ đơn thân, cổ súy cho việc có con chung khi không là vợ chồng (ngoại tình, có con khi không kết hôn hoặc không chung sống...), cổ súy cho việc ly thân... và như vậy thì sẽ càng có nhiều trẻ em không được sống chung với cả cha và mẹ. Tuy nhiên, có thể nhận thấy tình trạng có con khi không kết hôn, không chung sống, khi là mẹ đơn thân... là hiện tượng xã hội, phát sinh và tồn tại như một tất yếu mà không thể ngăn chặn hay xóa bỏ. Do vậy, cần có quy định bao quát, bao phủ mọi đối tượng, chủ thể trong xã hôin để bảo đảm tốt nhất cho những đứa trẻ được sinh ra trong những hoàn cảnh nêu trên. Việc thay đổi cụm từ này sẽ giải quyết được những tranh chấp liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con, bảo vệ tốt nhất quyền của trẻ em. Bởi lẽ, trẻ em không thể lựa chọn cách mình được sinh ra, pháp luật bảo vệ quyền trẻ em trong mọi hoàn cảnh là hoàn toàn đúng đắn.

Thứ hai, thực tiễn giải quyết việc giao con cho ai nuôi khi cha mẹ ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật HN&GĐ năm 2014 còn những bất cập nhất định. Tòa án công nhận thỏa thuận của vợ, chồng về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con sau khi ly hôn. Việc công nhận này của Tòa án sẽ giúp thủ tục giải quyết vụ án ly hôn nhanh, hiệu quả. Tuy nhiên, khi tiếp cận các bản án hoặc quyết định công nhận thuận tình ly hôn cho thấy Tòa án chỉ nhận định công nhận sự thỏa thuận của các bên mà không có thể hiện việc xác minh khả năng của mỗi bên về việc bảo đảm việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Điều này khiến cho các quyết định về con chung có phần dễ dãi. Về nguyên tắc, Tòa án tôn trọng sự thỏa thuận của vợ chồng về vấn đề con chung khi ly hôn nhưng cũng cần xem xét đến lợi ích về mọi mặt của con. Do đó, khi vợ chồng thỏa thuận về việc trực tiếp nuôi dưỡng con cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên đối với con chung thì Tòa án cũng cần

[143] Khoản 2 Điều 12 và khoản 1 Điều 14 Luật HN&GĐ năm 2014.

xem xét sự thỏa thuận đó có bảo vệ được quyền của con hay không. Nếu xét thấy sự thỏa thuận đó là không bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con thì Tòa án có quyền quyết định. Xét về lý thuyết cũng như thực tiễn có thể thấy nhiều tình huống sự thỏa thuận của cha mẹ không hoàn toàn vì lợi ích của con. Chẳng hạn: Một bên lấy việc nuôi con để gây áp lực cho bên kia trong việc ly hôn; một bên lấy việc cấp dưỡng cho con để đánh đổi quyền được nuôi con... Các thỏa thuận phổ biến nhất trong các bản án, quyết định ly hôn về người trực tiếp nuôi con và các nghĩa vụ của các bên khi ly hôn được Tòa án công nhận là người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng cho con "do người trực tiếp nuôi con không yêu cầu". Thực tế này xuất phát từ quy định tại khoản 1 Điều 81 chưa rõ ràng, có thể hiểu rằng chỉ trong trường hợp vợ chồng không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên đối với con sau khi ly hôn mà Tòa án quyết định thì mới phải "căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con". Từ góc độ bảo vệ quyền trẻ em chúng tôi nhận thấy quy định này có thể tạo khoảng trống trong việc bảo vệ trẻ em khi cha mẹ ly hôn, Tòa án công nhận sự thỏa thuận của vợ, chồng liên quan đến người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của các bên với con sau ly hôn đã vô tình bỏ qua nguyên tắc bảo vệ trẻ em.

Trước thực tiễn áp dụng pháp luật nói trên, chúng tôi kiến nghị sửa khoản 2 Điều 81, Luật HN&GĐ năm 2014 như sau:

"Người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con sau khi ly hôn do vợ chồng thỏa thuận hoặc Tòa án quyết định phải *đảm bảo nguyên tắc vì lợi ích của con chưa thành niên và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con;* nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Với quy định này, Tòa án có trách nhiệm xem xét thỏa thuận của vợ, chồng có thực chất có vì lợi ích của con hay không trước khi công nhận thỏa thuận đó, đảm bảo các quyền của trẻ em đồng thời đảm bảo tính ổn định của các bản án, quyết định liên quan đến việc trực tiếp nuôi dưỡng con.

Thứ ba, theo Điều 84 Luật HN&GĐ năm 2014 hiện nay đang quy định hai điều kiện thay đổi quyền nuôi con, đó là tôn trọng thỏa thuận của cha, mẹ và điều kiện chăm sóc của cha, mẹ[144]. Trên thực tế có nhiều tình huống pháp lý xảy ra, được giải quyết tại các bản án đã phân tích tại Chương 3 của Luận án tóm gọn lại như:

---

[144] Khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

"2. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con;

b) Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con"

(i) Bên trực tiếp nuôi con một mặt yêu cầu bên không trực tiếp nuôi con tôn trọng quyền nuôi con của mình mặt khác cố tình cản trở quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bằng cách đem con bỏ đi nơi khác, không thông báo cũng như không để lại địa chỉ, phương tiện liên lạc với người không trực tiếp nuôi con.

(ii) Trường hợp cả cha và mẹ đều đáp ứng các quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con và không thỏa thuận được việc thay đổi quyền nuôi con.

Vậy, nên bổ sung điểm c khoản 2 Điều 84 như sau: "*Trường hợp người trực tiếp nuôi con có hành vi cản trở hoặc các hành vi khác khiến cho người không trực tiếp nuôi con không thực hiện được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con*" là căn cứ để thay đổi quyền nuôi con.

Bổ sung điểm d khoản 2 Điều 84 như sau: "*Trong trường hợp các bên đều đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ưu tiên giải quyết việc thay đổi quyền nuôi con trên cơ sở bảo đảm tính ổn định cho sự phát triển của con*".

4.2.2.2. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần quy định thống nhất thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng

Luật HN&GĐ năm 2014 chỉ quy định về thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng tại Điều 114 mà không quy định thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con khi vợ chồng ly hôn. Vì pháp luật không có quy định thời điểm vợ hoặc chồng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con khi ly hôn nên hầu hết các trường hợp Tòa án không ghi thời điểm vợ hoặc chồng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vào quyết định, bản án của Tòa án[145]. Chỉ một số ít bản án, quyết định ghi thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng việc xác định thời điểm có khác nhau. Điều này dẫn đến khó khăn trong việc thi hành án nếu người phải cấp dưỡng không tự nguyện thi hành. Điều này cũng đồng nghĩa với việc không bảo đảm được quyền lợi của con. Về thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con khi ly hôn hiện có ba quan điểm khác nhau:

Quan điển thứ nhất cho rằng: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chưa thành niên có nghĩa vụ cấp dưỡng và thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Quan điển này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật HNGĐ năm 2014: "Quan hệ hôn nhân

[145] Dương Tấn Thanh, Vướng mắc về cấp dưỡng nuôi con trong các vụ án ly hôn, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, ngày 11/12/2019.

chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật". Việc cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên sau khi ly hôn là hệ quả của việc chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa vợ và chồng. Tuy nhiên, quan điểm này dường như không phù hợp đối với trường hợp vợ chồng đã có thời gian "ly thân" trước khi ly hôn và trường hợp bản án có kháng cáo, kháng nghị. Đồng thời, quan điểm này không thống nhất với pháp luật thi hành án dân sự. Theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì những bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Như vậy, việc thi hành nội dung về cấp dưỡng trong bản án, quyết định của Tòa án được thi hành ngay và không phụ thuộc vào việc có hiệu lực hay không kể cả bản án được xét xử phúc thẩm. Quy định này là để bảo vệ quyền và lợi ích của người được cấp dưỡng là con chưa thành niên. Có thể thấy trong một số vụ án, xét xử sơ thẩm, phúc thẩm hay giám đốc thẩm thì thời gian sẽ kéo dài, có thể vài năm, thậm chí khi bản án có hiệu lực để bên không nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì con đã thành niên.

Quan điểm thứ hai cho rằng thời điểm bắt đầu nghĩa vụ cấp dưỡng từ ngày Tòa án tuyên án hoặc ban hành quyết định ly hôn sơ thẩm, tức là khi bản án, quyết định ly hôn chưa có hiệu lực pháp luật. Quan điểm này dựa trên tính đặc thù của quan hệ vợ chồng khi đã có yêu cầu ly hôn. Khi Tòa án quyết định ly hôn thì vợ, chồng có thể đã sống riêng nên không cùng nuôi dạy con nữa. Việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng vào thời điểm này là hợp lý, bảo vệ quyền lợi của con chưa thành niên một cách kịp thời và nhanh chóng. Quan điểm này phù hợp với khoản 2 Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Quan điểm thứ ba cho rằng nghĩa vụ cấp dưỡng được tính từ thời điểm vợ chồng ly thân và một bên không sống chung với con chưa thành niên trên thực tế. Có thể thấy quan điểm này chú trọng đến quyền và lợi ích của con chưa thành niên một cách triệt để[146], bởi qua thực tế cho thấy phần lớn các vụ ly hôn thì vợ chồng đã có thời gian "ly thân".

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về bảo vệ trẻ em, chúng tôi đồng tình với quan điểm thứ nhất và thứ ba. Do đó, khi Tòa án giải quyết ly hôn, nếu vợ chồng đã ly thân, thời điểm ly thân xác định được thì bản án, quyết định phải nêu rõ cấp dưỡng cho con từ thời điểm ly thân. Nghĩa vụ cấp dưỡng sẽ được thi hành ngay theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự. Có như vậy mới bảo đảm được quyền lợi của con. Điều này cũng phù hợp với quy định về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tại khoản 2 Điều 114 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, theo

[146] Ngô Thị Hường (2006), "Chế định cấp dưỡng trong Luật HN&GĐ năm 2000 - Vấn đề lý luận và thực tiễn", Luận án tiến sỹ Luật học, tr 174 -176.

điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bản án, quyết định về cấp dưỡng của Tòa án cấp sơ thẩm được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị. Từ quy định này có thể hiểu nghĩa vụ cấp dưỡng phải được thực hiện nay khi Tòa án ban hành bản án hoặc quyết định về cấp dưỡng. Vì vậy, khi ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn hoặc ra bản án thì Tòa án cần phải ghi rõ thời điểm cấp dưỡng cho con. Có như vậy mới bảo đảm được quyền lợi của con và không vướng mắc trong áp dụng pháp luật. Từ những phân tích trên, chúng tôi kiến nghị bổ sung khoản 2 Điều 82 Luật HN&GĐ năm 2014 như sau:

"Thời điểm cấp dưỡng được xác định như sau: *Từ khi cha hoặc mẹ không sống chung với con; từ ngày Tòa án ra bản án hoặc quyết định ly hôn; từ ngày Toà án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời*".

4.2.3. Giải pháp hoàn thiện Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về quyền và nghĩa vụ của các thành viên khác trong gia đình với việc bảo vệ quyền trẻ em và các khái niệm pháp lý

4.2.3.1. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần quy định quyền giữ mối liên hệ của người chưa thành niên với các thành viên khác trong gia đình và hạn chế quyền của các thành viên khác trong gia đình đối với người chưa thành niên

Luật HN&GĐ hiện hành quy định quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con, giữa ông bà và cháu, giữa anh chị em với nhau và giữa cô (dì, chú, bác, cậu) ruột và cháu, trong đó quy định cụ thể, chi tiết về quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ và con chưa thành niên khi cha mẹ ly hôn nhưng quyền và nghĩa vụ của các khác trong gia đình đốivới người chưa thành niên thì chưa được quy định cụ thể. Thực tế, việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của ông, bà đối với cháu chưa thành niên, của anh, chị đối với em chưa thành niên và của cô, dì, chú, bác, cậu ruột đối với cháu chưa thành niên phụ thuộc rất nhiều vào sự liên kết, kết nối của cha mẹ. Trong trường hợp cha mẹ ly hôn hoặc cha mẹ không có quan hệ vợ chồng thì mối liên hệ giữa ông bà nội hoặc ông bà ngoại, giữa cô, chú, bác hoặc dì, cậu ruột đối với cháu chưa thành niên có thể rất lỏng lẻo, xa cách, dẫn đến việc cháu chưa thành niên không nhận được sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương của những người thân thích. Vì vậy, Luật HN&GĐ cần quy định quyền giữ mối liên hệ của người chưa thành niên với ông, bà, cô, dì, cậu, chú, bác ruột để đảm bảo quyền nhân thân của trẻ em. Cách tiếp cận này sẽ đảm bảo cho trẻ em có thể được hưởng quyền thăm nom, chăm sóc, liên lạc, lưu trú... với ông bà và các thành viên khác trong gia đình của mình.

Tham khảo Bộ luật Dân sự Pháp tại Điều 371-4 quy định "*Trẻ em có quyền duy trì mối quan hệ cá nhân với thế hệ trước của mình. Việc thực hiện quyền này chỉ có thể*

bị ngăn trở nếu có sự ảnh hưởng đến quyền lợi của đứa trẻ"[147]. Quy định này được sửa đổi năm 2002 cụm từ "thế hệ trước" được thay thế cụm từ "ông bà", đã khẳng định quyền giữ quan hệ riêng của trẻ em với ông bà/cô dì chú bác một cách độc lập, không bị ngăn trở bởi ý chí chủ quan của cha mẹ. Cha mẹ không được ngăn cấm, cản trở việc trẻ em giữ quan hệ với thế hệ trước của mình trừ khi ảnh hưởng "lợi ích" của trẻ em. Như vậy, quy định này đã khẳng định sự bình đẳng về quyền của trẻ em trong mối quan hệ cá nhân với ông bà độc lập hơn, bảo vệ tốt hơn các quyền của trẻ em. Việc xác định quyền "duy trì mối quan hệ với thế hệ trước mình" sẽ xác lập các quyền thăm nom, liên lạc mà không bị cản trở bởi cha, mẹ trẻ em. Để đảm bảo quyền duy trì liên hệ thì cha, mẹ trẻ em buộc phải thực hiện các điều kiện để đảm bảo thực hiện các quyền này như cung cấp phương tiện liên lạc, tạo điều kiện để trẻ em thực hiện nghĩa vụ thăm nom ông bà nội ngoại và ngược lại. Điều này rất có ý nghĩa với trẻ em khi cha mẹ ly hôn hoặc khi cha mẹ không có quan hệ hôn nhân, bởi trên cơ sở pháp lý thì quan hệ của trẻ em đối với ông, bà, cô, dì, cậu, chú, bác ruột không phụ thuộc vào việc cha mẹ của trẻ em có tồn tại quan hệ hôn nhân hay không.

Quy định quyền giữ mối liên hệ của trẻ em với thành viên khác trong gia đình sẽ là giải pháp khắc phục tình trạng cha hoặc mẹ cản trở, ngăn cấm ông, bà, anh, chị, cô, chú, bác, dì, cậu ruột thăm nom, chăm sóc trẻ em sau khi cha mẹ ly hôn hoặc trẻ em là con ngoài hôn nhân.

Bên cạnh đó, cũng cần quy định việc hạn chế quyền thăm nom cháu, tiếp cận cháu của ông bà trên cơ sở nếu hành vi thăm nom, tiếp cận cháu của ông bà có thể làm phương hại đến sự phát triển bình thường hoặc tác động tiêu cực đến trẻ em. Đây là quy định cần thiết mang tính chế tài để đảm bảo cho lợi ích của trẻ em. Người ông, bà có hành vi bị xử lý hành chính, hình sự về các vi phạm liên quan đến trẻ em cần bị xem xét hạn chế quyền được thăm nom, chăm sóc giáo dục cháu mình. Biện pháp chế tài này cần được bổ sung đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật đồng thời ngăn ngừa những hành vi xâm phạm đến trẻ em.

Thứ nhất, cần bổ sung quy định tại Chương VI Luật HN&GĐ như sau:

"Điều 106a. Quyền giữ mối liên hệ của người chưa thành niên với các thành viên khác trong gia đình.

1. Trong mọi trường hợp, người chưa thành niên có quyền được giữ mối liên hệ với ông, bà, anh, chị, cô, dì, chú, bác, cậu ruột mà không ai có quyền ngăn cản.

2. Trong trường hợp các thành viên khác trong gia đình lợi dụng việc thăm nom người chưa thành niên để có hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển về mọi

[147] Hoàng Thảo Anh, Quyền trẻ em về giữ mối liên hệ với ông bà: Quy định của pháp luật Cộng hòa Pháp và kinh nghiệm cho Việt Nam, Tạp chí pháp luật và thực tiễn số 38/ 2019, Trường Đại học Huế tr.1 - 7.

mặt của người chưa thành niên thì cha, mẹ, người giám hộ của người chưa thành niên có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của thành viên gia đình đó".

Thứ hai, bổ sung hướng dẫn chi tiết các hành vi "vi phạm nghiêm trọng" nghĩa vụ của cha, mẹ và hành vi "phá tán tài sản" của con để làm căn cứ xác định biện pháp hạn chế quyền của cha mẹ với con. Việc xác định mức độ vi phạm có ý nghĩa quan trọng trong việc áp dụng biện pháp hạn chế quyền của cha mẹ với con bởi hậu quả pháp lý của biện pháp hạn chế quyền của cha mẹ tác động trực tiếp đến việc thực hiện quyền trẻ em trong quan hệ hon nhân và gia đình. Căn cứ vào các quy định pháp luật khác có liên quan để giải thích như sau:

Những hành vi vi phạm nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên của cha mẹ đến mức con chưa thành niên không thể phát triển bình thường về thể chất và tinh thần trong khoảng thời gian nhất định theo kết luận của cơ quan giám định sức khỏe thể chất và tinh thần.

Hành vi "phá tán tài sản" của con là việc cha mẹ sử dụng tài sản riêng của con chưa thành niên không vì lợi ích của con khiến tài sản đó mất đi, không thể lấy lại được khiến con chưa con rơi vào hoàn cảnh không có tài sản riêng để tự nuôi dưỡng mình.

Thứ ba, cần hướng dẫn cụ thể về hậu quả của việc hạn chế quyền đối với con chưa thành niên hiện nay cần qui định cụ thể thế nào là "không cho cha mẹ trông nom, chăm sóc, giáo dục con". Theo qui định này có đòi hỏi cha, mẹ bị hạn chế quyền phải ở xa con, cách ly con không?

Chúng tôi cho rằng, biện pháp hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con có thể hiểu là việc "cách ly" người bị hạn chế quyền đối với con. (i) Trong trường hợp cha hoặc mẹ bị Tòa án hạn chế quyền đối với con chưa thành niên thì người kia thực hiện quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, quản lý tài sản riêng của con và đại diện theo pháp luật cho con. Như vậy, chỉ người bị hạn chế quyền phải cách xa con về mặt địa lý đồng thời không thực hiện các nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, quản lý tài sản của con để bảo vệ lợi ích cho con chưa thành niên. (ii) Trường hợp cả cha và mẹ đều bị Tòa án hạn chế quyền đối với con chưa thành niên thì các nghĩa vụ khác do người giám họ thực hiện. Trường hợp này, cả cha và mẹ đều thực hiện cách ly, cấm tiếp xúc với con. Theo chúng tôi như vậy là phù hợp với quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, bởi biện pháp "cấm tiếp xúc" được áp dụng khi người có hành vi bạo lực gia đình và nạn nhân và phải "có nơi ở khác nhau trong thời gian cấm tiếp xúc" (Điều 20, Điều 21).

Theo chúng tôi: Trường hợp (i), việc cha hoặc mẹ bị cách ly với con thì con sẽ do người còn lại chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục vì vậy con sẽ ở cùng cha hoặc mẹ trong thời gian mẹ hoặc cha bị cấm tiếp xúc ở nơi khác, không cùng chỗ ở với trẻ em, tức sẽ đưa người bị cấm tiếp xúc đi nơi khác.

Trường hợp (ii), khi cả cha và mẹ đều bị cấm tiếp xúc, cách ly với con thì cần đưa con đến ở với người có giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự.

Việc cấm tiếp xúc, cách ly trong một thời hạn nhất định giúp nhằm hạn chế các quyền của cha, mẹ nhưng không làm cản trở đến quá trình phát triển của trẻ em, đảm bảo an toàn cho trẻ em trong thời gian tạm thời. Việc hạn chế này không làm mất đi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chưa thành niên, vì vậy vẫn phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con (Điều 87 Luật HN&GĐ năm 2014). Tuy nhiên, việc cách ly, cấm tiếp xúc trực tiếp với con hiện nay còn gặp khó khăn khi chỗ ở của con trong thời hạn, thời gian cấm tiếp xúc vì vậy khi Tòa án ra quyết định hạn chế quyền của cha mẹ với con cần cân nhắc đểđảm bảo tính khả thi của quyết định.

Thêm nữa, trước thực tế hiện nay tồn tại việc cha, mẹ bỏ rơi, thiếu trách nhiệm với con, để lại con trong cho ông, bà hoặc cơ sở nuôi dưỡng, chăm sóc, người chăm sóc mà không vì lý do khách quan hoặc cha mẹ ngược đãi nghiêm trọng, cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con…cần xem xét quy định việc "hạn chế vĩnh viễn quyền của cah mẹ với con chưa thành niên" hoặc "tước toàn bộ quyền của cha mẹ với con chưa thành niên" tùy theo mức độ nghiêm trọng của hành vi của cha mẹ và vì lợi ích tốt nhất của trẻ phù hợp với quy định của Công ước quốc tế về quyền trẻ em (Điều 9). Từ đó, việc tìm kiếm, xây dựng các biện pháp bảo trợ trẻ em sẽ thuận lợi hơn. Như vậy, biện pháp hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con mới thực sự bảo vệ được quyền của con chưa thành niên và của trẻ em.

4.2.3.2. Bổ sung các quy định hướng dẫn chi tiết về nghĩa vụ yêu thương, trông nom, chăm sóc đối với người chưa thành niên

Luật HN&GĐ hiện hành quy định về nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc của cha, mẹ với con, của ông bà đối với cháu, của anh chị đối với em, của cô (dì, chú, bác, cậu) ruột đối với cháu. Tuy nhiên, quyền và nghĩa vụ này rất chung chung, thiếu cụ thể, có thể có nhiều cách hiểu khác nhau và chưa đủ căn cứ pháp lý chắc chắn để thực hiện. Qua thực tế cho thấy nhiều người không thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền này đối với con, cháu, trong đó phần lớn là chưa hiểu đúng thế nào là "yêu thương", "chăm sóc". Để đảm bảo quyền của trẻ em được các thành viên trong gia đình yêu thương, chăm sóc thì pháp luật cần quy định cụ thể về các nghĩa vụ này.

Nghĩa vụ "thương yêu" được quy định tại khoản 1 Điều 69, Luật HN&GĐ hiện hành cần được làm rõ để đảm bảo cha, mẹ, ông bà... yêu thương con, cháu đúng cách.

Hiện nay, đang tồn tại những quan điểm trái ngược nhau về quyền và nghĩa vụ yêu thương con. (i) Với quan điểm thứ nhất cho rằng yêu thương là làm mọi việc việc cho con, đáp ứng mọi yêu cầu của con, kể cả những yêu cầu không phù hợp với điều kiện hoàn cảnh gia đình. Trước các yêu cầu của con, cha mẹ đáp ứng vô điều kiện dẫn đến trẻ em được chiều chuộng, không có động lực để học tập và phấn đấu. (ii) Với quan điểm thứ hai cho rằng con thuộc sở hữu của cha mẹ, họ muốn làm gì thì làm, mọi quyết định và hành động của cha mẹ đối với con đều là hợp lý và hợp pháp, quan niệm "yêu cho roi, cho vọt" đã và đang ăn sâu trong suy nghĩ của nhiều người nên cha mẹ, ông bà thường có hành vi bạo lực đối với con, cháu. Chúng tôi cho rằng cả hai quan điểm trên đều không phù hợp với nguyên tắc bảo vệ trẻ em cũng như sự phát triển về mọi mặt của trẻ em. Việc yêu thương, chăm sóc con là của mỗi gia đình, nhưng việc hiểu cho đúng các nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con cái là vô cùng cần thiết trong việc định hướng suy nghĩ, hành xử đối với trẻ em. Như vậy, nghĩa vụ "thương yêu" cũng cần có những quy định pháp luật quy định rõ tránh hiện tượng yêu thương không giới hạn, chiều theo mọi sở thích, yêu cầu của con dẫn đến làm hư trẻ em. Yêu thương đi kèm với giáo dục theo những chuẩn mực nhất định về đạo đức mới là đích đến của cha mẹ. Theo quan điểm cá nhân của Nghiên cứu sinh cần quy định rõ "*Thương yêu đối với người chưa thành niên là tình cảm trong các xử sự của cha mẹ, thành viên khác trong gia đình trên cơ sở những tri thức, hiểu biết về quá trình trưởng thành để chăm sóc, giáo dục con theo những chuẩn mực, giá trị nhất định phù hợp với độ tuổi văn hóa, thuần phong mỹ tục, của dân tộc*".

Pháp luật HN&GĐ là văn bản pháp lý có tác động trực tiếp đến các mối quan hệ gia đình, được xây dựng trên cơ sở tình cảm vì vậy, việc luật hóa "tình cảm" các thuật ngữ trong quy định cũng cần được xem xét giải thích thấu đáo đảm bảo việc hiểu đúng, đầy đủ trong pháp luật, gần gũi, dễ dàng thực thi trong đời sống xã hội. Từ việc quy định về tình yêu thương như vậy, cha mẹ sẽ có trách nhiệm và ý thức trong việc thực hiện nghĩa vụ tìm hiểu tri thức, kiến thức về quy luật vận động phát triển thể chất, tâm lý của con để chăm sóc, giáo dục con tốt nhất. Việc thực hiện nghĩa vụ yêu thương con trên cơ sở tìm hiểu tri thức kiến thức không phủ nhận vai trò, thiên chức thiên bẩm làm mẹ, làm cha của phụ huynh mà thực chất là việc củng cố, tiếp các kỹ năng cho cha mẹ trong quá trình nuôi, dạy con. Tình yêu thương của cha mẹ với con chưa thành niên khi được đảm bảo bằng pháp luật thì khi đó, Nhà nước và các tổ chức xã hội sẽ xây dựng những biện pháp, dịch vụ bảo đảm hỗ trợ cha, mẹ thực hiện các nghĩa vụ này. Việc thí điểm triển khai mở rộng thực hiện chương trình giáo dục bắt buộc trước khi kết hôn đối với thanh niên nam, nữ chuẩn bị kết hôn đã được đưa vào Chương trình của Chính phủ tại Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Chương trình thí điể "phải bảo đảm cung cấp cho nam, nữ thanh niên các kiến

thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản liên quan trực tiếp đến cuộc sống vợ chồng; chăm sóc, nuôi dạy con, quản lý kinh tế gia đình; củng cố giá trị mỗi gia đình nên có hai con, nuôi dạy con tốt và xây dựng gia đình bình đẳng, ấm no, tiến bộ, hạnh phúc"[148].

Bằng việc quy định cụ thể nghĩa vụ yêu thương trong các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình sẽ dần thay đổi những quan niệm lạc hậu trong nhận thức và hành vi của cha mẹ, thành viên khác trong gia đình bởi yêu thương trên cơ sở những chuẩn mực nhất định, bao hàm cả việc nghiêm khắc, lỹ lẽ trong giáo dục, dạy dỗ, tôn trọng con, không nhất thiết phải "yêu cho roi, cho vọt... ". Như vậy, nghĩa vụ thương yêu của cha mẹ với con cần đáp ứng: tình thương của cha mẹ với con trên cơ sở tình thương yêu giữa con người với con người; trách nhiệm của cha mẹ trong việc đồng hành cùng con suốt quá trình phát triển trên cơ sở tôn trọng quy luật tự nhiên và xã hội của con.

Luật HN&GĐ hiện hành quy định cha mẹ có nghĩa vụ trông nom con chưa thành niên, ông bà có nghĩa vụ trông nom cháu chưa thành niên. Tuy nhiên, nghĩa vụ này dường như còn chưa được hiểu chính xác đối với nhiều người. "trông nom" không đơn thuần là việc nhìn, xem... trẻ em làm gì, chơi gì mà cần phải để ý trẻ em chơi như thế nào, có an toàn không, gìn giữ cho trẻ không bị rơi vào sự nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của trẻ em. Trông nom trẻ em không chỉ để ý, bảo vệ trực tiếp trẻ em mà còn là để ý, theo sát những việc trẻ em đang làm, đang học tập, trưởng thành và lớn lên. Như vậy, nghĩa là trông nom không chỉ lúc trẻ em còn lứa tuổi 01 – 05 tuổi mà cần sát sao khi trẻ em ở lứa tuổi lớn hơn. Việc trông nom trẻ em cần xem xét tương đương như việc bảo vệ trẻ em mọi lúc, mọi nơi, mọi hoàn cảnh, đồng nghĩa với kiểm soát được trẻ em học tập, kết thân, quan hệ xã hội... như thế nào để kịp thời ngăn chặn, giáo dục trẻ em. Cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em cần phải biết và lường trước các mối nguy hại, ngăn chặn mọi rủi ro để đảm bảo an toàn cho trẻ em. Có như vậy, mới đúng và đầy đủ yêu cầu của việc trông nom. Có thể nhận thấy, việc trông nom trẻ em là cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em phải thực hiện mọi biện pháp nhằm tránh mọi rủi ro, mọi tình huống xấu và các nguy cơ bị xâm hại đến sức khỏe thể chất và tinh thần của trẻ em. Việc trông nom phải đảm bảo phòng ngừa mọi tác nhân gây hại đến trẻ em, những tác nhân đó nhiều khi là đến từ chính trẻ em.

Chỉ thực sự quan tâm, chăm sóc, trông nom trẻ em mới tránh được thực tế tại Việt Nam trong những năm qua phần lớn các trường hợp tai nạn thương tích xảy ra đối với trẻ em là tại gia đình và do sự bất cẩn của cha, mẹ, người thân thích hoặc người chăm sóc trẻ em. Việc cha mẹ, người chăm sóc trẻ em thiếu ý thức và kỹ năng bảo vệ

[148] Xem điểm đ mục 2 Một số giải pháp cụ thể, Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

trẻ em là một trong những nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ trẻ em bị tai nạn thương tích, thậm chí là tử vong. Cha mẹ và những người được giao trực tiếp trông nom, chăm sóc trẻ em chưa nhận thức đầy đủ về nguy cơ tai nạn, thương tích có thể xảy ra đối với trẻ em. Do lơ là, ít quan tâm hoặc đã bỏ qua một số việc đơn giản nhằm tạo ra môi trường sống an toàn cho trẻ em đã dẫn đến tai nạn thương tâm cho trẻ em. Các vụ việc trẻ em bị nghẹn, hóc do thức ăn không phù hợp mà cha mẹ và người chăm sóc trẻ em không biết cách xử lý đã dẫn đến những cái chết thương tâm. Các kỹ năng này đỏi hỏi cha, mẹ người chăm sóc trẻ phải có ý thức học hỏi, bồi đắp để biết cách xử lý phù hợp với con. Như vậy, sự lơ là, chủ quan, thiếu trách nhiệm của cha mẹ, người thân thích, dù chỉ trong chốc lát cũng có thể dẫn đến những tai nạn thương tâm cho trẻ em. Vì vậy, chúng tôi cho rằng khi tai nạn thương tích xảy ra đối với trẻ em thì cha mẹ, người thân thích khác của trẻ em đã có lỗi trong việc thực hiện nghĩa vụ trông nom, chăm sóc trẻ em.

Vì vậy, nghĩa vụ trông nom phải được quy định chi tiết, rõ ràng trên cơ sở của sự hiểu biết đầy đủ, để từ đó cha, mẹ, ông, bà có cơ sở, tăng thêm hiểu biết và trách nhiệm đối với việc thực hiện nghĩa vụ trông nom trẻ em. Pháp luật HN&GĐ nên hướng dẫn cụ thể theo hướng: "*Trông nom là hành vi có trách nhiệm của cha, mẹ, ông, bà, người chăm sóc trẻ em trong việc quan sát, quan tâm đến mọi hành vi, hoạt động, trạng thái của trẻ em, nhằm ngăn chặn, phòng ngừa, hạn chế, giảm thiểu những nguy cơ có thể gây ra những ảnh hưởng xấu, tiêu cực đến tinh thần, thể chất, tính mạng của trẻ em*".

Pháp luật HN&GĐ cần giải thích rõ ràng về nghĩa vụ "chăm sóc" trẻ em trong gia đình. Chăm sóc không đơn thuần là việc nuôi dưỡng con về dinh dưỡng, đảm bảo các nhu cầu về ăn, mặc, ở mà đầy đủ hơn là chăm sóc còn bao hàm cả việc nuôi dưỡng và chăm lo về đời sống tinh thần cho con. Việc chăm sóc cần đảm bảo toàn diện và đầy đủ, tôn trọng sự phát triển theo quy luật của mỗi đứa trẻ.

Trước sự phát triển của kinh tế, xã hội và chính sách về kế hoạch hóa gia đình, việc nuôi dưỡng con trong một số gia đình ở thành thị giờ đây hầu như không còn là gánh nặng trên vai cha, mẹ và gia đình. Các gia đình ở nông thôn cũng đã nâng dần thu nhập, kinh tế của Việt Nam đã dần phát triển ổn định, thu nhập bình quân năm 2020 khoảng 2.779 USD/năm/ (khoảng hơn 64 triệu đồng/người/năm)[149]. Như vậy, việc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em được tăng dần về điều kiện vật chất. Tuy nhiên, đời sống tinh thần của trẻ em ngày càng đa dạng và phong phú, nhiều trường hợp là phức tạp

[149] Báo Điện tư Đảng Cộng sản Việt Nam, Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 đăng ngày Thứ Ba, 23/3/2021 10:13'(GMT+7) https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/bao-cao-danh-gia-ket-qua-thuc-hien-nhiem-vu-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-5-nam-2016-2020-va-phuong-huong-3737, truy cập ngày 30/7/2021.

đối với việc chăm sóc của cha mẹ, bởi vậy yêu cầu về chăm sóc con cần nâng cao hơn. Việc nuôi dưỡng tinh thần, cảm xúc của trẻ em ngày càng được coi trọng nhưng không mấy bậc cha mẹ thấu hiểu được điều này. Bởi con người phát triển toàn diện cần đảm bảo phát tiển cả về thể chất và tinh thần. Với hoàn cảnh xã hội hiện nay, trẻ em bị rất nhiều áp lực, không đc cha mẹ quan tâm, chia sẻ, nhưng lại không có khả năng tự giải quyết những vướng mắc trong cuộc sống, nên trẻ dễ rơi vào trạng thái trầm cảm, tự kỷ, dễ có những hành vi cực đoan, mất kiểm soát và dẫn đến nguy cơ tự hủy hoại bản thân... Cha mẹ cần có thái độ tích cực, đúng mực phù hợp với quá trình phát triển của trẻ em. Bởi vậy, việc làm rõ nghĩa vụ chăm sóc của cha mẹ với con là cần thiết. Việc cha, mẹ chăm sóc con cần rất nhiều kỹ năng và kiến thức, việc chăm sóc bao hàm sự để tâm, để ý đến con hàng ngày để kịp thời phát hiện những yếu tố không phù hợp trong sự phát triển của con để kịp thời điều chỉnh, tránh những tắc trách để con rơi vào tình trạng tiêu cực như: suy dinh dưỡng; trầm cảm... Nghĩa vụ chăm sóc trẻ em cần được quy định đầy đủ, cụ thể phù hợp với tình hình thực tiễn của đất nước và xu thế phát triển hiện nay. Theo chúng tôi: "*Chăm sóc trẻ em là việc cha, mẹ và các thành viên khác trong gia đình nuôi dưỡng về thể chất vầ tinh thần cho trẻ, đảm bảo trẻ em được đáp ứng các nhu cầu về ăn, mặc, ở theo từng giai đoạn phát triển thể chất của con và tôn trọng, thấu hiểu các trạng thái cảm xúc của con trong từng thời điểm nhất định*".

Hiện nay, Nghị định số 126/2014/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật HN&GĐ năm 2014. Chúng tôi mạnh dạn đề nghị cần ban hành những hướng dẫn cụ thể như trên với mục đích ghi nhận cụ thể hơn nữa các nghĩa vụ này của thành viên gia đình. Các nghĩa vụ "thương yêu", "trông nom" "chăm sóc" trẻ em gắn của các thành viên gia gắn với việc thực hiện các quyền của trẻ em trong suốt quá trình cha mẹ, người thân thích của trẻ em thực hiện các nghĩa vụ khác đối với trẻ em.

4.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện pháp luật Hôn nhân và gia đình về bảo vệ quyền trẻ em trong gia đình

4.3.1. Giáo dục đạo đức, ý thức trách nhiệm của cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình để xây dựng môi trường gia đình an toàn, hạnh phúc

Gia đình được coi là "cái nôi", đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ, bao bọc và hình thành nhân cách, ý thức đạo đức, ý thức pháp luật của trẻ em. Xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững để trẻ em được bảo vệ ngay chính trong gia đình mình. Để có thể thực hiện được điều đó thì vấn đề quan trọng là phải xây dựng được gia đình thực sự ấm no, bình đẳng, hạnh phúc, bền vững. Điều này phụ thuộc vào tất cả các thành viên gia đình, trong đó vai trò quan trọng nhất là cha mẹ.

Cha mẹ cần nâng cao hiểu biết của mình đặc biệt là các quyền trẻ em. Trên cơ sở đó, chính cha, mẹ là người có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc, đúng đắn các nghĩa vụ của mình đối với trẻ em. Nâng cao nhận thức của cha mẹ về quyền trẻ em là một trong những biện pháp mang tính trọng tâm, cốt lõi giải quyết những vấn về nội tại của trẻ em.

Các bậc cha mẹ không ngừng học hỏi, tìm hiểu những tri thức khoa học, xã hội, trang bị và nâng cao kiến thức, khả năng chăm sóc, dạy dỗ và giáo dục con cái, để không chỉ góp phần tăng cường, nâng cao và phát huy được vai trò giáo dục gia đình, nhất là với các bậc cha mẹ ở khu vực nông thôn, miền núi mà còn khắc phục phương pháp giáo dục chỉ dựa trên kinh nghiệm và cảm tính. Thực tế cho thấy, cha mẹ có quyền và thường tác động đến sự phát triển và định hướng tương lai của con trẻ, song nếu giáo dục không đúng và định hướng "không chuẩn", không sát điều kiện thực tế của chính bản thân con trẻ và gia đình thì con trẻ không những không phát huy được khả năng của mình mà còn luôn cảm thấy căng thẳng, dễ dẫn đến suy sụp tinh thần và thể chất.

Cha mẹ, thành viên khác trong gia đình và người chăm sóc trẻ cần được trang bị các kỹ năng lắng nghe trẻ em, ghi nhận, phản hồi tích cực các ý kiến hay đề xuất của trẻ em. Cha mẹ cần thực hành kỷ luật tích cực và giáo dục không bạo lực, không sử dụng hình phạt để bảo vệ trẻ khỏi bị bạo lực và xâm hại, tiến tới xóa bỏ tất cả các hình thức trừng phạt thể chất và tinh thần đối với trẻ em. Cha mẹ cần tìm hiểu và biết được những nguy cơ đối với trẻ em để từ đó có các biện pháp để phòng ngừa cho trẻ em. Cha mẹ cần nhận thức rõ nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con ngay từ trước khi con được sinh ra. Có nghĩa là ngay từ khi còn là thai nhi, cha mẹ đã phải chăm sóc sức khỏe thể chất, tinh thần cho bà mẹ, thăm khám thai định kỳ để đảm bảo con được sinh ra khỏe mạnh. Khi con được sinh ra, cha mẹ chăm sóc con không đơn thuần là xuất phát từ tình yêu thương tự phát mà còn là trách nhiệm, nghĩa vụ do pháp luật quy định. Có như vậy mới có thể không tùy tiện, "được chăng hay chớ" trong việc chăm sóc và giáo dục con. Cha mẹ có nghĩa vụ phải thực hiện các công việc đó đến khi con trưởng thành. Cha mẹ không được thực hiện các hành vi bị cấm đối với trẻ em nói chung và con, em mình nói riêng. Trên thực tế, nhiều trẻ em bị bóc lột sức lao động, lang thang, mồ côi, vi phạm pháp luật, nhiễm HIV/AIDS, khuyết tật... là do cha mẹ, đặc biệt có những trường hợp cha mẹ đẩy con ra khỏi nhà lang thang kiếm sống, hoặc xâm hại tính mạng, tình dục chính con đẻ của mình... Đây chính là những hành vi vi phạm pháp luật của cha mẹ, dẫn đến trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt đó. Việc xử lý các hành vi này của cha mẹ cũng cần xem xét để nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật của cha, mẹ.

Cha mẹ cần thân thiện yêu thương con, khuyến khích, khen ngợi con khi con làm việc tốt. Khi con phạm lỗi, cha mẹ nên phân tích, giảng giải để giúp con hiểu những việc làm của mình là không phù hợp. Trẻ em cần được cảm thấy an toàn tại gia đình, trong nhà trường và trong cộng đồng của mình. Tuy nhiên, kỷ luật mang tính bạo lực vẫn còn phổ biến ở Việt Nam. Trong nhiều gia đình, bạo lực được sử dụng làm phương tiện để thiết lập hệ thống phân cấp vị thế của của nam giới và củng cố nam tính trong gia đình. Có các hành vi như vậy xuất phát từ ảnh hưởng của khả năng tài chính, trình độ học vấn của cha mẹ và các vấn đề khác như lạm dụng rượu hoặc ma túy, giải quyết tâm lý của cha, mẹ dồn vào trẻ em. Vì vậy, cha mẹ chấm dứt việc sử dụng trừng phạt về thể chất và tinh thần đối với con. Có như vậy con cái mới cảm nhận được tình yêu thương của cha mẹ, là động lực để con hướng thiện. Từ đó củng cố sự gắn kết tình cảm giữa cha mẹ và con và đẩy lùi bạo lực gia đình.

Để hướng tới môi trường an toàn, hạnh phúc, mọi trẻ em đều có quyền được bảo vệ khỏi bạo hành, bạo lực bất kể do tính chất, bản chất hay mức độ nghiêm trọng của hành vi bạo hành. Mọi hình thức bạo hành đều có thể gây hại cho trẻ em, giảm lòng tự trọng, sự tôn trọng nhân phẩm của trẻ em nên những cách thức bảo vệ trẻ em ở *cấp độ phòng ngừa* cần quan tâm giáo dục tuyên truyền tới cha mẹ và trẻ em, từ đó gây dựng những hiểu biết nhất định đối với những chủ thể này. Xây dựng các biện pháp giáo dục để nâng cao năng lực và khả năng chống chịu của cha mẹ và người chăm sóc trẻ em để hạn chế tối đa và chấm dứt tình trạng kỷ luật bạo lực trong gia đình. Vai trò của các cơ quan, tổ chức, cá nhân là vô cùng quan trọng để cha, mẹ không đơn độc và bế tắc trong việc giáo dục và chăm sóc trẻ em. Các khóa tập huấn để tăng cường giáo dục kỹ năng làm cha mẹ đồng thời cung cấp dịch vụ chăm sóc xã hội để hỗ trợ các gia đình giải quyết được các yếu tố dẫn đến bạo lực đối với trẻ em. Cha mẹ và người chăm sóc trẻ cũng được hỗ trợ để khuyến khích và bảo vệ con em mình khỏi bị bạo hành từ đó giúp các em chuyển tiếp một cách an toàn sang bậc học mầm non và tiểu học cản trở sự phát triển của trẻ em, đặc biệt trong giai đoạn Việt Nam và các quốc gia khác bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19. Việc cách ly xã hội và những biện pháp ngăn chặn bệnh dịch kèm với áp lực kinh tế và xã hội tăng lên đối với các gia đình đang dẫn đến bạo lực tăng lên, đặc biệt đối với phụ nữ và trẻ em gái. Tại Việt Nam, 21 triệu trẻ em không đến trường và cách ly ở nhà trong thời gian qua. Hiện thực mới này tác động trực tiếp đến sự chăm sóc, bảo vệ và an toàn của trẻ em. Đồng thời, cha mẹ cần có cách ứng xử văn minh, tôn trọng lẫn nhau. Một nghiên cứu cho thấy, đứa trẻ 6 tháng tuổi có thể bị ảnh hưởng tiêu cực bởi những tranh cãi gay gắt của cha mẹ. Khi chứng kiến cha mẹ cãi nhau công khai, em bé dù mới 6 tháng tuổi đã có phản ứng cảm xúc mạnh như nhịp tim tăng cao hơn so với lúc chứng kiến cảnh mâu thuẫn của những người lạ. Đối với trẻ ở lứa tuổi lớn có thể bị ảnh hưởng lớn hơn, đặc biệt thường có

biểu hiện bên ngoài như hung hăng, thù địch và bạo lực hơn, còn bên trong thì tự kỷ, lo lắng, buồn phiền và thậm chí có ý nghĩ tự tử. Do vậy, để trẻ em được phát triển về thể chất, tâm lý, đạo đức, trí tuệ thì cha mẹ và các thành viên gia đình cần xây dựng môi trường gia đình an toàn, hạnh phúc, trong đó mọi người yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Trong mỗi gia đình, kết hợp giữa giáo dục truyền thống với hiện đại. Cha mẹ, ông bà không chỉ giáo dục con trẻ đạo đức và văn hóa gia đình mà cần giáo dục yêu lao động, giáo dục phát triển trí tuệ, giáo dục thể lực toàn diện, giáo dục thẩm mỹ; trong đó, việc giáo dục, dạy dỗ về thái độ, cử chỉ, giao tiếp và ứng xử lễ nghĩa, kính trọng người già, chăm lo, nhường nhịn người nhỏ tuổi vô cùng cần thiết. Trẻ em được uốn nắn, phê phán, ngăn chặn thái độ, cử chỉ bất nhã, bất hiếu của con trẻ mà còn rèn tính tự giác trong học tập, suy nghĩ, sinh hoạt đúng giờ, gọn gàng ngăn nắp, kỹ năng sống... giúp con trẻ hình thành nhân cách, sớm ý thức được trách nhiệm của mình đối với mọi người và mọi người đối với mình trong gia đình.

Với điều kiện văn hóa, xã hội hiện nay ở Việt Nam còn tồn tại hiện tượng "trọng nam khinh nữ" vì vậy để tiến tới một xã hội bình đẳng cần nhìn nhận lại vai trò của phụ nữ trong tiến trình phát triển, thúc đẩy cộng đồng thực hiện các chính sách hỗ trợ nâng cao vai trò, vị thế của trẻ em gái và phụ nữ, đặc biệt là trẻ em gái ở các gia đình sinh con một bề là gái. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về thực trạng, nguyên nhân và hệ lụy của tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh. Vận động từng bước làm thay đổi nhận thức và tư tưởng lạc hậu về sinh con trai, con gái.

Việc nâng cao nhận thức của cha mẹ có thể thực hiện bằng nhiều cách khác nhau: Tổ chức các chiến dịch tuyên truyền, truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng như đài phát thanh, đài truyền hình, báo chí, băng rôn, khẩu hiệu, palô, áp phích... về Luật trẻ em, về các quyền trẻ em trách nhiệm của các chủ thể trong việc bảo đảm quyền của trẻ em... Tổ chức các hoạt động tư vấn trực tiếp tại cộng đồng về các quyền của trẻ em, tổ chức các buổi toạ đàm, hội thảo về quyền trẻ em, phát song các chương trình truyền thanh, truyền hình về các tấm gương, các bài học khi vi phạm các quyền trẻ em...

Song song với xây dựng gia đình hạnh phúc, xây dựng Nhà trường hạnh phúc cũng là mục tiêu của xã hội. Các chính sách đầu tư cho giáo dục cần ưu tiên yếu tố hạnh phúc cùng với các hoạt động giáo dục, bảo đảm an toàn trẻ em. Bằng quyền, nghĩa vụ của mình mà nhà trường sẽ phân công giáo viên đảm nhận chức vụ quản lý học sinh trong suốt quá trình giảng dạy để nắm bắt được đầy đủ tình hình học sinh của mình quản lý về mọi mặt từ học tập, hoạt động ngoại khóa, quy tắc trong giao tiếp ứng xử. Trong trường hợp đặc biệt cần liên hệ cho phụ huynh về tình hình học tập cũng như những hoạt động thiếu ý thức của trẻ em.

4.3.2. Bộ Lao động – Thương binh và xã hội chủ trì, tổ chức phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch và các Bộ khác tổ chức tuyên truyền pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em

Biện pháp tuyên truyền pháp luật cần được nâng cao về chất lượng cũng như hình thức. Việc tuân thủ pháp luật sẽ được nghiêm túc khi việc hiểu và gắn pháp luật trong đời sống xã hội. Đối tượng tuyên truyền cần tập trung vào đối tượng trẻ em bởi chỉ khi hiểu rõ các quyền, lợi ích và bổn phận của mình, trẻ em sẽ là người bảo vệ tốt nhất cho chính mình. Với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Bộ Lao động Thương binh và xã hội có trách nhiệm chủ trì trong việc thực hiện quyển trẻ em và bảo đảm thực hiện sẽ phối hợp với các Bộ liên quan để xây dựng chương trình, nội dung tuyên truyền pháp luật về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em để pháp luật đi đến với mọi người dân. Muốn vậy, việc tập hợp các nguồn lực, biện pháp để có hình thức và nội dung tuyên truyền phù hợp là cần thiết.

Nội dung tuyên truyền cần xây dựng đảm bảo văn phong mộc mạc dễ hiểu để bất cứ người dân nào với hiểu biết thông thường cũng có thể tiếp thu. Các nội dung cần thể hiện đầy đủ tính liên ngành của pháp luật Việt Nam trong bảo vệ trẻ em. Ví dụ như: Sổ tay xử lý nghi ngờ hoặc phát hiện trẻ em bị xâm hại tình dục[150] đã hướng dẫn các bước cần thực hiện khi nghi ngờ, phát hiện hành vi xâm hại tình dục với trẻ em, các bước tiến hành để thực hiện việc tố cáo người có hành vi xâm hại như: nhận dạng kẻ xâm hại, nơi tố cáo kẻ xâm hại trẻ em, nếu khi tố cáo bị đe dọa thì phải làm gì, những lưu ý với cơ quan công an không tuân thủ các quy định pháp luật... Đặc biệt lưu ý đối với cha, mẹ và thành viên gia đình quan tâm để bảo vệ và chăm sóc tinh thần, sức khỏe thể chất của trẻ em sau khi bị bạo lực. Áp dụng các biện pháp bảo vệ quyền trẻ em trong cấp độ can thiệp thật linh hoạt với mục đích cuối cùng là bảo vệ trẻ em với mọi nguy cơ, đặc biệt lưu ý với lộ bí mật thông tin của trẻ em.

Cần đặc biệt tập trung tuyên truyền, phổ biến pháp luật có trọng điểm ở những địa bàn vùng sâu vùng xa còn nhiều hủ tục lạc hậu để nhân dân có thể hiểu biết hơn về các vấn đề tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, bắt cóc trẻ em... cũng như các vấn đề khác nổi cộm hiện nay. Bên cạnh đó, cần tuyên truyền để người dân thực hiện việc đăng ký khai sinh, bảo đảm cho mọi trẻ em sinh ra đều được khai sinh, việc đăng ký nhận nuôi con nuôi phải đúng qui định của pháp luật. Việc hướng dẫn, giải thích và thường xuyên kiểm tra đối với các hoạt động trợ giúp pháp lý cho trẻ em nhất là đối với trẻ em vi phạm pháp luật, đồng thời tăng cường thực hiện chức năng quản lý nhà

[150] Luật sư Lê Ngọc Luân; Luật sư Võ Thị Anh Loan, Tiến sỹ Phạm Thị Thúy, "Sổ tay nghi ngờ hoặc phát hiện trẻ em bị xâm hại tình dục", Nhà xuất bản tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2021.

nước về công tác nuôi con nuôi, tránh tình trạng nuôi con nuôi với mục đích lạm dụng sức lao động, tình dục cần được quan tâm tuyên truyền, bởi bộ phận này sẽ hỗ trợ được nhanh và chuyên nghiệp cho đối tượng trẻ em theo từng mức độ bảo vệ.

Vai trò của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc tích hợp nội dung tuyên truyền pháp luật về bảo vệ trẻ em trong chương trình học tập của học sinh được đánh giá cao và quan trọng trong việc thay đổi nhận thức, ý thức tự bảo vệ quyền trẻ em của mình. Việc xây dựng nội dung, cách tiếp cận và tổ chức học tập, giảng dạy môn Giáo dục công dân, Đạo đức, để trẻ em nắm bắt kiến thức pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân nói chung cũng như quyền trẻ em nói riêng liên tục trong cả quá trình phát triển sẽ có ý nghĩa quan trọng, định hướng hành vi chi trẻ em khi trưởng thành. Những nội dung giáo dục đạo lý, đạo đức cho trẻ em không chỉ có giá trị với thầy/cô giáo trong nhà trường mà còn có ý nghĩa cho các bậc phụ huynh trong quá trình rèn giũa con, em mình tại gia đình và xã hội.

Tóm lại, việc bảo vệ quyền trẻ em theo Luật Hôn nhân và gia đình đã xác định chủ thể quan trọng và có ý nghĩa quyết định đển môi trường tự nhiên của trẻ em trong quá trình phát triển là cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình. Để hỗ trợ các thành viên gia đình bảo vệ tốt các quyền trẻ em còn cần những biện pháp, những điều kiện về chính sách, môi trường xã hội để giúp cho môi trường tự nhiên của trẻ em luôn an toàn cho sự phát triển toàn diện của trẻ em.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Trên cơ sở những quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước về pháp luật hôn nhân và gia đình với việc bảo vệ bảo vệ trẻ em, chúng tôi đã trình bày những yêu cầu mang tính định hướng về việc bảo vệ nền tảng gia đình và sự phát triển của trẻ em. Từ đó, chúng tôi đã xây dựng hai nhóm giải pháp cơ bản về hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật.

Nhóm giải pháp hoàn thiện Luật HN&GĐ năm 2014 đã đặt ra những nội dung cần làm rõ, hướng dẫn cụ thể đối với các nghĩa vụ của thành viên gia đình với trẻ em. Các biện pháp, nghĩa vụ sẽ định hướng đúng đắn hành vi của cha, mẹ và các thành viên khác trong gia đình đối với việc bảo vệ các quyền cơ bản của trẻ em. Việc xác định hành vi đúng đắn sẽ dẫn đến những ứng xử; hành động và thái độ phù hợp với trẻ em trong suốt quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Các kiến nghị, giải pháp Luận án đưa ra thể hiện quan điểm cá nhân của NCS đồng thời việc góp ý trực tiếp các điều, khoản của Luật HN&GĐ năm 2014 có tác dụng trong việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật này. Ngoài ra, Luận án quan tâm đặc biệt đến trẻ em sau khi cha mẹ ly hôn bởi hiện tượng sau ly hôn, cha, mẹ người không chăm sóc trực tiếp lơ là, thiếu quan tâm và không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đang tồn tại và gây khó khăn cho người mẹ, cha trực tiếp nuôi con.

Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền trẻ em trong môi trường gia đình là những kiến nghị của chúng tôi với để bảo đảm và tạo điều kiện cho việc thực thi pháp luật HN&GĐ cũng như các quy định pháp luật khác có liên quan đến trẻ em. Các kiến nghị này đều nhằm hướng tới tạo những điều kiện tốt nhất cho mọi trẻ em được sinh ra đều được phát triển toàn diện, là trụ cột cho tương lai đất nước đồng thời tăng cường việc thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ của thành viên gia đình với việc bảo vệ quyền trẻ em.

KẾT LUẬN

Tuyên ngôn về Quyền trẻ em, Công ước về Quyền trẻ em đã chỉ ra rằng trẻ em có quyền được chăm sóc và giúp đỡ đặc biệt bởi còn non nớt về thể chất và trí tuệ nên việc bảo vệ trẻ em trước cũng như sau khi ra đời. Công ước cũng đã công nhận rằng để phát triển đầy đủ và hài hòa về nhân cách trẻ em cần được lớn lên trong môi trường gia đình, bầu không khí hạnh phúc, yêu thương và cảm thông.

Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới phê chuẩn Công ước Quốc tế về quyền trẻ em và không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ trẻ em. Luật Trẻ em năm 2016, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan tới quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia bảo vệ quyền trẻ em tiếp tục được bổ sung và hoàn thiện là cơ sở pháp lý vững chắc cho việc bảo vệ quyền trẻ em ở Việt Nam.

Pháp luật HN&GĐ là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh lĩnh vực hôn nhân và gia đình. Trong các quan hệ hôn nhân và gia đình, trẻ em là một chủ thể đặc biệt, có ý nghĩa quan trọng trong mối quan hệ đó.

Trẻ em vừa là chủ thể hưởng quyền và vừa là chủ thể thực hiện các quyền trẻ em. Để thực hiện vai trò này, ngoài các điều kiện về thể chế pháp luật thì trẻ em không thể thiếu sự hỗ trợ của cha, mẹ, người thân trong gia đình. Vì vậy, mối quan hệ khăng khít giữa cha, mẹ và con, ông bà nội, ông bà ngoại, cô, dì, chú, cậu, bác với cháu, anh, chị với em luôn là đối tượng điều chỉnh quan trọng trong quan hệ hôn nhân và gia đình cũng như pháp luật HN&GĐ. Trên cơ sở các nghiên cứu, Luận án đã luận giải và trình bày được:

1. Tập hợp và nghiên cứu các công trình trong nước và nước ngoài, Luận án đã đánh giá các thành công và hạn chế của các công trình liên qua đến đề tài của Luận án. Các công trình có những cách tiếp cận khác nhau nhưng có những điểm chung nhất định về pháp luật bảo vệ quyền trẻ em. Việc nghiên cứu sâu sắc các công trình đã giúp tác giả trong việc tìm cách tiếp cận cho Luận án đồng thời tham khảo những kết quả của các đề tài.

2. Trẻ em với những đặc điểm riêng về thể chất và tinh thần, vì những đặc điểm riêng có này giải thích tại sao phải bảo vệ trẻ em và bảo vệ quyền trẻ em. Quyền trẻ em thực chất là quyền con người của trẻ em được quy định, thể chế nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhất các quyền của trẻ em. Từ các nghiên cứu trong nhiều ngành khoa học, khái niệm trẻ em, khái niệm quyền trẻ em và khái niệm bảo vệ quyền trẻ em được làm rõ hơn. Đồng thời, chỉ ra được những đặc điểm, nguyên tắc bảo vệ quyền trẻ em. Để bảo vệ quyền trẻ em không thể không đề cập tới các cấp độ bảo vệ, các chủ thể thực hiện việc bảo vệ cũng như các biện pháp bảo vệ trẻ em. Qua nghiên cứu khái lược

về lịch sử lập pháp của pháp luật HN&GĐ khẳng định: bảo vệ trẻ em, bảo vệ quyền trẻ em trong gia đình là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta, có lịch sử phát triển phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh lịch sử của đất nước. Qua phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật HN&GĐ trong việc bảo vệ quyền trẻ em là thiết thực để đánh giá tốt nhất việc thực thi pháp luật hiện nay. Các yếu tố đó là yếu tố về chính trị, kinh tế, văn hóa, phong tục tập quán được phân tích theo hướng phát triển về kinh tế, ổn định về chính trị đồng thời, phải đẩy mạnh việc xây dựng môi trường văn hoá - xã hội, gìn giữ phong tục tập quán tốt đẹp, loại bỏ hủ tục lạc hậu sẽ bảo vệ tốt nhất quyền trẻ em trong gia đình, giảm thiểu tới mức thấp nhất những vi phạm về quyền trẻ em. Nghiên cứu kinh nghiệm của nước về xây dựng pháp luật, thực thi pháp luật nhận thấy đây là vấn đề được quốc tế và các quốc gia đều quan tâm, với nhiều sự vận dụng khác nhau, tùy thuộc vào điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội và hoàn cảnh của mỗi nước. Từ những kinh nghiệm đó, Việt Nam có thể tham khảo, vận dụng sáng tạo trong điều kiện thực tế của Việt Nam.

3. Thực trạng Luật HN&GĐ năm 2014 trong việc bảo vệ quyền trẻ em đã được phân tích theo các chế định pháp luật có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp lên việc bảo vệ quyền trẻ em.

Luận án đã phân tích việc bảo vệ quyền trẻ em trong các quy định về kết hôn theo hướng đánh giá những ưu điểm và thực trạng áp dụng các quy định về điều kiện kết hôn hiện nay. Các điều kiện kết hôn đã được phân tích kỹ theo hướng nếu không thực hiện ngiêm túc các quy định đó thì hậu quả như thế nào, tác động tiêu cực đến việc thực hiện các quyền cơ bản của trẻ em, nguy hại hơn còn gây hậu quả nặng nề cho xã hội. Luận án cũng đã phân tích và làm rõ quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình với việc bảo vệ quyền trẻ em, từ đó đưa ra những hạn chế, bất cập trong việc áp dụng pháp luật như: các quy định còn chung chung, tạo ra nhiều cách hiểu về nghĩa vụ khác nhau, các quy định còn chưa thể hiện bao quát hết các tình huống pháp lý có thể xảy ra trong đời sống xã hội... Việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ sau ly hôn được chúng tôi trình bày độc lập trên cơ sở các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con không thay đổi nhưng điều kiện để thực hiện các nghĩa vụ đó đã khó khăn hơn. Thêm nữa, việc trình bày này nhằm nhấn mạnh những hậu quả, những nỗi đau mà trẻ em phải chịu mà không do lỗi của trẻ để cảnh báo hiện tượng ly hôn ngày càng tăng lên hiện nay. Để bảo vệ các quyền cơ bản của trẻ em thì các thành viên khác trong gia đình cũng phải thực hiện các nghĩa vụ đối với trẻ em. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể này sẽ phát sinh trong những điều kiện cụ thể, đặc biệt là nghãi vụ nuôi dưỡng.

4. Luận án đã phân tích thực tiễn thực hiện pháp luật với sáu nội dung là thành tựu nổi bật và tám nội dung là tồn tại, hạn chế liên quan đến việc thực hiện quyền trẻ em. Những tồn tại mang tính thách thức toàn xã hội về những hành vi xâm phạm

quyền trẻ em. Luận án đã tập trung xây dựng những luận chứng về thực trạng vi phạm các quyền trẻ em ở Việt Nam trong thời gian qua.

Trên cơ sở những quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước về pháp luật hôn nhân và gia đình với việc bảo vệ bảo vệ trẻ em, chúng tôi đã trình bày những yêu cầu mang tính định hướng về việc bảo vệ nền tảng gia đình và sự phát triển của trẻ em. Từ đó, chúng tôi đã xây dựng hai nhóm giải pháp cơ bản về hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật.

Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật HN&GĐ đã đặt ra những nội dung cần làm rõ, hướng dẫn cụ thể đối với các nghĩa vụ của thành viên gia đình với trẻ em. Yêu cầu này sẽ định hướng đúng đắn hành vi của cha, mẹ và các thành viên khác trong gia đình đối với trẻ em. Việc xác định hành vi đúng đắn sẽ dẫn đến những ứng xử; hành động và thái độ phù hợp với trẻ em trong suốt quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Ngoài ra, Luận án quan tâm đặc biệt đến trẻ em sau khi cha mẹ ly hôn bởi hiện tượng sau ly hôn, cha, mẹ người không chăm sóc trực tiếp lơ là, thiếu quan tâm và không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đang tồn tại và gây khó khăn cho người mẹ, cha trực tiếp nuôi con.

Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật HN&GĐ về bảo vệ quyền trẻ em là những kiến nghị của chúng tôi với để bảo đảm và tạo điều kiện cho việc thực thi pháp luật HN&GĐ cũng như các quy định pháp luật khác có liên quan đến trẻ em. Các kiến nghị này đều nhằm hướng tới tạo những điều kiện tốt nhất cho mọi trẻ em được sinh ra đều được phát triển toàn diện, là trụ cột cho tương lai đất nước.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Ngô Thị Hường, Nguyễn Thị Hạnh, "*Bạo lực gia đình đối với trẻ em ở Việt Nam - Thực trạng, nguyên nhân và trách nhiệm của cha mẹ*", Tạp chí Khoa học Viện Đại học Mở Hà Nội, số 30, tháng 04/2017, Tr. 44 - 51.

2. Nguyễn Thị Hạnh, "*Thực hiện quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ và con theo Luật Hôn nhân gia đình 2014*", Hội thảo khoa học cấp Trường, Trường Đại học Luật Hà Nội tháng 6/2017 (Kỷ yếu tr 83 - 90).

3. Nguyễn Thị Hạnh, "*Quyền được chung sống cùng cha mẹ của trẻ em và đảm bảo thực hiện trong thực tế*", Hội thảo khoa học cấp Khoa, khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật Hà Nội, tháng 11/2017 (Kỷ yếu tr 51 - 61).

4. Nguyễn Thị Hạnh, "*Việc áp dụng và thực hiện các quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con khi ly hôn*", Tạp chí khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội, số 44 tháng 6/2018.

5. Nguyễn Thị Hạnh, Chủ nhiệm Đề tài Nghiên cứu khoa học cấp Trường, Trường Đại học Mở Hà Nội "*Nghiên cứu về nhóm quyền bảo vệ trẻ em khi cha mẹ ly hôn*", tháng 12/2018.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Văn bản Quy phạm pháp luật

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
2. Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959.
3. Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.
4. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.
5. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
6. Luật Trẻ em năm 2016.
7. Bộ luật Dân sự năm 2015.
8. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
9. Bộ luật Hình sự năm 2015.
10. Bộ luật Dân sự Cộng hòa liên bang Đức.
11. Bộ luật Dân sự Nhật Bản.
12. Luật Nuôi con nuôi năm 2010.
13. Luật Hộ tịch năm 2014.
14. Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.
15. Luật Giáo dục năm 2005.
16. Liên Hiệp Quốc (1966), Công ước Quốc tế về những quyền Dân sự và Chính trị.
17. Liên Hiệp Quốc (1989), Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em.
18. Liên Hiệp Quốc (1979), Công ước Quốc tế về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ.
19. Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.
20. Nghị định số 98/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015 của Chính phủ về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo;
21. Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã;
22. Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về việc quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng chống bạo lực gia đình;
23. Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng chống bạo lực gia đình;

24. Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em;
25. Nghị định số 130/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em;
26. Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.
27. Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện Quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em.
28. Quyết định số 2361/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bảo vệ Quyền trẻ em giai đoạn 2016-2020;
29. Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 23/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động quốc gia về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2017 - 2024.
30. Thông tư số 34/2015/TT-BYT ngày 21/10/2015 của Bộ Y tế sửa đổi Điều 2 quy định cấp và sử dụng Giấy Chứng sinh của Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24/10/2012 của Bộ Y tế;
31. Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 30/01/2019 của Bộ Y tế quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo;
32. Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

II. Nghị quyết, Văn kiện, Báo cáo

33. Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.
34. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.
35. Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, ngày 01/02/2021https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-quyet-ve-Dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-XIII-466200.aspx

38. Đoàn Giám sát, Quốc hội khóa XIV, *Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em*, Báo cáo số 69/BC-ĐGS ngày 19/5/2020.

39. Ban chỉ đạo Tổng cục Điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2019), *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở*, NXB. Thống kê, 12/2019.

40. Bộ Tư pháp, (2014), *Kinh nghiệm quốc tế về một số vấn đề lớn được quy định trong Luật Hôn nhân và gia đình (sửa đổi),* Hồ sơ Dự án Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

41. Bộ Tư pháp, *Báo cáo tổng kết thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000,* năm 2014.

42. Ủy ban Các vấn đề xã hội, (2013), *Báo cáo số 2258/BC-UBVĐXH13 ngày 09/9/2013 về thẩm tra sơ bộ dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình,* Hồ sơ Dự án Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

43. Ủy ban các vấn đề xã hội, (2014), *Báo cáo Số: 2552 /BC-UBVĐXH13 ngày 10/01/2014 về một số vấn đề lớn tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình (sửa đổi),* Hồ sơ dự án Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

44. Ủy ban dân tộc Quốc hội, IRC và Unicef Việt Nam, Báo cáo: *Nghèo đa chiều trẻ em vùng dân tộc thiểu số, Thực trạng, biến động và những thách thức*, 2015.

45. Unicef Việt Nam, *Xây dựng môi trường bảo vệ Quyền trẻ em Việt Nam*, 2009.

46. Unicef Việt Nam, *Xây dựng môi trường bảo vệ Quyền trẻ em Việt Nam: Đánh giá pháp luật và chính sách bảo vệ Quyền trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam,* 2009.

47. Unicef Việt Nam, Báo cáo *Trẻ em và phát triển kinh tế - xã hội,* 2020.

48. Unicef Việt Nam, *Xây dựng môi trường bảo vệ Quyền trẻ em Việt Nam: Đánh giá pháp luật và chính sách bảo vệ Quyền trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam,* 2009.

49. UNICEF - Bộ Tư pháp, *Báo cáo Thực trạng Hệ thống tư pháp dành cho người chưa thành niên tại Việt Nam 2014*.

50. Unicef Việt Nam, Bộ Giáo dục và đào tạo, *Báo cáo trẻ em ngoài nhà trường*, Nghiên cứu của Việt Nam năm 2016, tháng 01/2018.

III. Sách, Kỷ yếu hội thảo, Đề tài nghiên cứu

51. Nguyễn Trọng An (2014), *Những điều cần biết về bảo vệ và chăm sóc trẻ em*, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật.

52. Nguyễn Quế Anh (2015), *Quy định về mang thai hộ - một nội dung mới trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật số 8/2015.

53. Hoàng Thảo Anh (2019), *Quyền trẻ em về giữ mối liên hệ với ông bà: Quy định của pháp luật Cộng hòa Pháp và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí Pháp luật và thực tiễn, Đại học Huế số 38 năm 2019.
54. Châu Anh (2012), "*Hạ độ tuổi kết hôn: Không nên dựa vào... cảm tính*". An ninh thủ đô ngày 26/8/2012.
55. Trần Tuyết Ánh (2019), Quan điểm của Đản, chính sách của Nhà nước về vấn đề gia đình và gia đình hạnh phúc từ Đổi mới đến nay, Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới, số 6, 2019
56. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học Mác - Lê nin*, NXB. Chính trị quốc gia.
57. Bộ Tư pháp - Viện Khoa học pháp lý (2006), *"Từ điển Luật học*", NXB. Từ điển Bách khoa - NXB. Tư pháp, Hà Nội
58. Mai Huy Bích **(**2010), "*Quyền trẻ em và yếu tố văn hóa*", Tạp chí nghiên cứu con người số 4 (49) năm 2010.
59. Hoàng Thị Thùy Dung (2014)*,"Các quyền cơ bản của trẻ em theo pháp luật Việt Nam hiện hành",* Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
60. Nguyễn Thị Mỹ Dung, Bùi Đoàn Thanh Thảo, Nguyễn Thị Kim Thanh (2008-2009), *Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt - Lý luận và thực tiễn* Nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
61. C. Mác và Ph. Ănghen, (1995), *Toàn tập*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Nguyễn Đăng Dung – Vũ Công Giao – Lã Khánh Tùng, *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nhà xuất bản Đại học quốc gia.
63. Nguyễn Đăng Dung, Phạm Hồng Thái, Vũ Xuân Giao, Lã Khánh Tùng**,** (2012), *Hỏi đáp về quyền con người, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội*
64. Nguyễn Thùy Dương (2019), *Vấn đề gia đình trong tác phẩm Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước với việc xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay*
65. Hegel, *Triết học pháp quyền/Hegel*, Phạm Chiến Khu dịch (2019), NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
66. Hoa, P. T. và P. V. Cuong (2012), *Tình trạng trẻ đuối nước ở khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long: phân tích thăm dò từ Điều tra tai nạn thương tích Việt Nam*, Tạp chí Y tế công cộng, 10. 2012, Số 1, Hà Nội.
67. Bùi Minh Hồng**,** (2014), Chuyên đề 1 "*Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc sửa đổi, bổ sung luật Hôn nhân gia đình 2000 và ban hành Luật Hôn nhân và gia đình mới*." - Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
68. Nguyễn Thị Huyền (2012), *"Pháp luật quốc tế, pháp luật nước ngoài về bảo vệ Quyền trẻ em",* Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
69. Ngô Thị Hường (2006), Luận án tiến sĩ Luật học, Chế định cấp dưỡng trong luật hôn nhân và gia đình – vấn đề lý luận và thực tiễn, Trường Đại hoc Luật Hà Nội, Hà Nội.

70. Ngô Thị Hường, (2015), *Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình,* Viện Đại học Mở Hà Nội, NXB. Tư pháp, Hà Nội;
71. Ngô Thị Hường (2012), *Pháp luật về Quyền trẻ em và thực tiễn thực hiện tại Việt Nam,* Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, Trường Đại học Luật Hà Nội
72. Ngô Thị Hường (2020), *"Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên và thực tiễn áp dụng",* Tạp chí Luật học, số 6/2020.
73. TS. Ngô Thị Hường, TS. Nguyễn Phương Lan (đồng chủ biên) (2013), *"Tập bài giảng Luật bình đẳng giới",* NXB. Hồng Đức.
74. Nguyễn Phương Lan**,** (2019), *Những yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật điều chỉnh việc mang thai hộ,* Kỷ yếu hội thảo "Mang thai hộ và những vấn đề phát sinh", Trường Đại học Luật Hà Nội.
75. Nguyễn Thị Lan, (2008), *"Xác định cha, mẹ, con trong pháp luật Việt Nam",* Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
76. Nguyễn Thị Lan (2018), *Mối liên hệ giữa Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 với Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về giải quyết các vụ việc về Hôn nhân và gia đình,* Tạp chí Tòa án nhân dân, 2018.
77. Nguyễn Thị Lan (2015). *Chế định mang thai hộ theo luật hôn nhân gia đình 2014,* Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Trường Đại học Luật Hà Nội.
78. Vũ Văn Mẫu (1959), *Việt Nam dân luật lược khảo*, Quyển 1- Gia đình, Bộ Quốc gia Giáo dục.
79. Nguyễn Hữu Minh, Đặng Bích Thủy (2007), *Nghiên cứu việc thực hiện quyền trẻ em ở Việt Nam – một số vấn đề lý luận và thực tiễn,* Tạp chí Xã hội học, số 2-2007.
80. Nguyễn Hiến Lê (2018), *Săn sóc sự học của các con*, NXB. Hồng Đức.
81. Trịnh Thị Liên – Đặng Thiêm (2005**)**, *Gia đình và chuyện học hành,* Nhà xuất bản Trẻ;
82. Nguyễn Thị Nhẫn (2013), *An sinh Nhi đồng và Gia đình*, NXB. Thanh niên.
83. Hoàng Văn Nghĩa (2011), M*ột số thành tựu về bảo đảm quyền trẻ em trong thời kỳ đổi mới ở nước ta* Tạp chí Cộng sản số 825 (7/2011).
84. Đỗ Lan Phương (2019), *Bảo vệ trẻ em bị bạo hành: So sánh các quy định pháp luật của Việt Nam và Ôxtraayllia*, Tạp chí Gia đình và Giới, Số 1 - 2019, Hà Nội.
85. Phan Thị Lan Phương, "*Quyền trẻ em trong xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam - những đảm bảo pháp lý*", Luận án tiến sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.
86. Nguyễn Thị Ánh Tuyết (Chủ biên 2008), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
87. Tổ chức cứu trợ trẻ em Thụy Điển (2000), *Tăng cường Quyền trẻ em, Tài liệu tập huấn về Công ước về Quyền trẻ em*, Sách tham khảo Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
88. Bùi Thị Mừng, (2015), *Chế định kết hôn trong Luật Hôn nhân và gia đình - vấn đề lý luận và thực tiễn,* Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

89. Hoàng Phê, (2010), Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển Tiếng Việt*, NXB. Từ điển Bách khoa.
90. Phạm Quỳnh Phương, Quỳnh Phương, Đỗ Quỳnh Anh, Hoàng Ngọc An, Phạm Thanh Trà, Mai Thanh Tú (2017), *Kết hôn trẻ em ở một số cộng đồng tộc người thiểu số ở Việt Nam, Một phân tích từ góc nhìn Nhân học*, Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường NXB. Thanh niên, 2017.
91. Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam, (2011), *Sự ưa thích con trai ở Việt Nam: Ước muốn thâm căn, công nghệ tiên tiến*,
92. Tăng Thị Thu Trang **(**2016**).** *Quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam hiện nay*, LATS Luật học, Học viện khoa học xã hội Việt Nam.
93. Trần Hữu Tráng (2019). *Quy định của pháp luật hình sự Cộng hòa Liên bang Đức về các tội làm dụng tình dụng trẻ em trong sự so sánh với pháp luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Khoa học kiểm sát, Số chuyên đề 1-2019.
94. Trường Đại học Luật Hà Nội (2008), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội.
95. Tổng cục thống kê, *Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*.
96. Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp**,** (2006), *Từ điển Luật học*, NXB. Từ điển Bách khoa, NXB. Tư pháp, Hà Nội.
97. Đài truyền hình Việt Nam, *Chương trình Cha mẹ thay đổi, VTV1*
98. Đài truyền hình Việt Nam, *Chương trình Vì tầm vóc Việt*.
99. Đài truyền hình Việt Nam**,** *Chương trình truyền hình "Vì trẻ em*"

V. Tài liệu nước ngoài, Tài liệu dịch

100. Davil Oswell (2013), *"The Agency of Children, From family to Global Human Right"*, xuất bản tại Đại học Cambridge (Cambridge University Press, New York)..
101. Edward Teyber (1996), "*Helping Children Cope with Divore*", Jossey-Bass Pulishers, San Fracisco.
102. Choi Kwanghyun (2011). (Trưởng khoa, Khoa Tham vấn gia đình, Viện Cao học Tham vấn, ĐH Hansei, Viện trưởng, viện nghiên cứu trị liệu gia đình và sang chấn), H*ai mặt của gia đình*, Minh Thùy dịch, NXB. Thanh niên, 2020
103. Susan Forward – Craig Buck, *Cha mẹ độc hại - Vượt qua di chứng tổn thương và giành lại cuộc đời bạn* (Nguyễn Thị Thanh Hằng dịch), NXB. Thế giới, 2019.
104. Wolfgang Benedek, *Tìm hiểu về quyền con người*, NXB. Tư pháp, 2008.
105. Phil Mc Graw, *Gia đình là trên hết, Kế hoạch từng bước tạo dựng một gia đình hoàn hảo*, (Đỗ Thu Hà dịch), Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, 2005.
106. Dusenko - Mantrekha (2001), *Sự thông minh và sắc sảo của phụ nữ thế giới* (Dịch giả: Hoàng Dương-Hoàng Linh (2005), NXB. Văn hóa Sài Gòn, TP. HCM.

VI. Trang thông tin điện tử

107. Lã Văn Bằng, *Pháp luật quốc tế về Quyền trẻ em và kinh nghiệm thực thi của một số nước*, Lý luận chính trị, ngày 02/02/2016, http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/1307-phap-luat-quoc-te-ve-quyen-tre-em-va-kinh-nghiem-thuc-thi-cua-mot-so-nuoc.html

108. Tòa án nhân dân tối cao, Trang thông tin điện tử công bố bản án, quyết định của tòa án https://congbobanan.toaan.gov.vn/

109. Báo cáo Điều tra quốc gia về lao động trẻ em năm 2018, https://ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_764355.pdf

110. Thùy Dung, Tiết lộ độ tuổi kết hôn của các nước trên thế giới, Thể thao và văn hóa, ngày 05/5/2017 tại http://yan.thethaovanhoa.vn/tiet-lo-do-tuoi-ket-hon-cua-cac-quoc-gia-tren-the-gioi-127804.html truy cập ngày 20/3/2020.

111. Đơn vị tâm lý - Bệnh viện Nhi đồng Thành phố HCM, "*Các giai đoạn phát triển tâm lý của trẻ từ 0 đến 16 tuổi*", ngày 20/8/2020. https://bvndtp.org.vn/cac-giai-doan-phat-trien-tam-ly-cua-tre-tu-0-den-16-tuoi/

112. Nguyễn Linh Giang, *Một số xu hướng mới về quyền con người*. http://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/120/169

113. F. Engels**,** *Nguồn gốc gia đình, chế độ tư hữu và Nhà nước, phần 1* https://www.marxists.org/vietnamese/marxengels/1880s/nguon_goc_cua_gia_dinh/phan_1.htm

114. Lê Hà, Dạy con thời hiện đại: Áp lực của phụ huynh, Báo Nhân dân điện tử, đăng ngày 06/11/2013 https://nhandan.com.vn/giaoduc/day-con-thoi-hien-dai-ap-luc-cua-phu-huynh-187944, truy cập ngày 20/11/2020.

115. Phúc Hưng, Phương Thảo, *Bé 2 tuổi bị bà ngoại đánh vì chai dầu gió*, VNExpress ngày 09/12/2014, cập nhật ngày 16/3/2021 https://vnexpress.net/be-2-tuoi-bi-ba-ngoai-danh-vi-chai-dau-gio-3117957.html

116. May May, "*Vai trò của cha có thua kém vai trò của mẹ trong nuôi dạy con cái?",* NTD Việt Nam, ngày 22/4/2020 https://www.ntdvn.com/giao-duc/vai-tro-cua-cha-trong-viec-nuoi-day-con-cai-32135.html Truy cập ngày 20/8/2020

117. Nguyễn Như Phương, *"Vai trò của người cha với sự phát triển của trẻ",* Sức khỏe và Đời sống, ngày 26/01/2019 https://suckhoedoisong.vn/vai-tro-cua-nguoi-cha-voi-su-phat-trien-cua-tre-n125370.html

118. Ngân Khánh, *"Những hậu quả nghiêm trọng khi cha mẹ cãi nhau trước mặt con",* Gia đình.net, ngày 29/11/2019. https://giadinh.net.vn/gia-dinh/nhung-hau-qua-nghiem-trong-khi-cha-me-cai-nhau-truoc-mat-con-20191127200755329.htm

119. Phương Liên, *Nỗ lực chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống*, Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam, https://dangcongsan.vn/xa-hoi/no-luc-chong-tao-hon-hon-nhan-can-huyet-thong-566440.html cập nhật 15h48' ngày 26/10/2020, truy cập ngày 28/12/2020.

120. Thái Sơn, *Hà Nội xét xử mẹ kế và bố đẻ về tội hành hạ con,* https://thanhnien.vn/thoi-su/de-nghi-tuyen-phat-bo-de-va-me-ke-hanh-ha-con-tu-112-138-thang-tu-998598.html, truy cập 20/4/2020.

121. Tuổi trẻ online, *Tuyên tử hình cha dượng đánh chết bé gái 3 tuổi*, https://tuoitre.vn/tuyen-tu-hinh-cha-duong-danh-chet-be-gai-3-tuoi-20201119161657216.htm truy cập ngày 21/11/2020.

122. Lê Tuyết/VOV1 (2019), *Báo động số người nghiện ma túy gia tăng và có xu hướng trẻ hóa*, https://vov.vn/vu-an/bao-dong-so-nguoi-nghien-ma-tuy-gia-tang-va-co-xu-huong-tre-hoa-1062677.vov

123. Thư viện pháp luật, Thư viện bản án https://thuvienphapluat.vn/banan/

124. Tổng hội y học Việt Nam - Viện Y học ứng dụng Việt Nam, *"Phát triển thể chất cuả trẻ em",* http://vienyhocungdung.vn/phat-trien-the-chat-cua-tre-em-20160331141007081.htm, 01/4/2016, truy cập ngày 23/8/2020

125. World Health Organization*, "Tuần lễ Thế giới nuôi con bằng sữa mẹ: Sữa mẹ - Món quà vô giá cho cuộc sống"*, ngày 31/7/2014, https://www.who.int/vietnam/news/detail/, truy cập ngày 23/8/2020.

126. Vinmec, *Đặc điểm tâm lý của trẻ em ở tuổi nhi đồng và vị thành niên",* ngày 9/7/2019, truy cập ngày 22/9/2019. https://www.vinmec.com/vi/tin-tuc/thong-tin-suc-khoe/dac-diem-tam-ly-cua-tre-em-do-tuoi-nhi-dong-va-vi-thanh-nien/

127. Unicef Việt Nam, Báo cáo phân tích tình hình trẻ em năm 2016, https://www.unicef.org/vietnam/media/3631/file/B%C3%A1o%20c%C3%A1o%20ph%C3%A2n%20t%C3%ADch%20t%C3%ACnh%20h%C3%ACnh%20tr%E1%BA%BB%20em%202016.pdf

128. Unicef Việt Nam, Hiểu rõ thực trạng kết hôn trẻ em ở Việt Nam, Chấm dứt kết hôn trẻ em, trao quyền cho trẻ em gái. https://www.unicef.org/vietnam/media/2411/file/T%C3%B3m%20t%E1%BA%AFt%20th%E1%BB%B1c%20tr%E1%BA%A1ng%20k%E1%BA%BFt%20h%C3%B4n%20tr%E1%BA%BB%20em.pdf.

129. Unicef Việt Nam, Sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội của trẻ em và thanh niên tại một số tỉnh và thành phố ở Việt Nam.

https://www.unicef.org/vietnam/media/1011/file/B%C3%A1o%20c%C3%A1o%20nghi%C3%AAn%20c%E1%BB%A9u%20.pdf

130. http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/TT_TINLAPPHAP/View_Detail.aspx?ItemID=1453

131. https://luatvietnam.vn/tin-phap-luat/theo-luat-bao-nhieu-tuoi-duoc-quan-he-tinh-duc-230-17588-article.html

132. https://www.formyoursoul.com/thien-su-thich-nhat-hanh-va-bai-hoc-ve-cach-de-yeu-muon-yeu-can-thau-hieu.

133. https://quangnam.gov.vn/CMSPages/BaiViet/Default.aspx?IDBaiViet=20634, theo báo Gia Lai cập nhật ngày 28/12/2018.

134. https://en.m.wikipedia.org/wiki/Thomas_Spence, truy cập ngày 14/3/2020;

135. https://en.m.wikipedia.org/wiki/Children's_rights, truy cập ngày 14/3/2020;